



# TẠI SAO LÀ HỒ CHÍ MINH?

SONG PHIL - KYUNG

Người dịch: Bùi Đình Thắng

Người hiệu đính: Đoàn Thị Minh Phương



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN  
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	TS. HOÀNG MẠNH THẮNG PHẠM NGỌC KHANG ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	PHẠM NGUYỆT NGA
Đọc sách mẫu:	VŨ HỒNG THỊNH VIỆT HÀ

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 427-2021/CXBIPH/15-365/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 18-QĐ/NXBCTQG, ngày 18/02/2021.

Nộp lưu chiếu: tháng 4 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-6503-6.

TẠI SAO LÀ  
**HỒ CHÍ MINH?**



SONG PHIL - KYUNG

# TẠI SAO LÀ **HỒ CHÍ MINH?**

Người dịch: Bùi Đình Thắng

Người hiệu đính: Đoàn Thị Minh Phương

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020



# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	9
<i>Dành cho quý vị độc giả</i>	13
<i>Lịch sử phải gặp đạo lý</i>	15

## *Chương I*

<b>NHỮNG MẢNH GHÉP VIỆT NAM</b>	37
1. Áo giáp sắt	37
2. Cái tên “Hồ Chí Minh”	40
3. Chủ nghĩa McCarthy và cách nghĩ suy diễn	42
4. Người bạn tên Việt	55
5. Nước mắt Việt Nam	60

## *Chương II*

<b>LỊCH SỬ TỔ TIÊN ĐỂ LẠI THÀNH DI SẢN - LÒNG YÊU NƯỚC</b>	65
1. Huyền thoại lập quốc	66
2. Sự thống trị của phong kiến phương Bắc và các cuộc kháng chiến	68
3. Độc lập - Trận chiến đấu trên sông Bạch Đằng	75

4. Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên	78
5. Kháng chiến chống Minh và danh nhân Nguyễn Trãi	86
6. Yếu hèn	91
7. Đế quốc phương Tây tiến vào	96
8. Năm 1858	100
9. Phong trào Cần Vương của nông dân và trí thức	101
10. Phủ Toàn quyền Đông Dương	103

### *Chương III*

#### **QUÊ HƯƠNG HỒ CHÍ MINH** 107

1. Kim Liên, Nghệ An	107
2. Người chị đáng kính	118
3. Hướng đến một thế giới rộng lớn	127
4. Bí mật của linh hồn	133

### *Chương IV*

#### **BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH** 138

1. Lời tiên đoán của Hồ Chí Minh	138
2. Trung tâm nhà Bảo tàng	144
3. Đất nước Rồng Tiên, chúng ta là anh em một nhà	145
4. Con đường cứu dân tộc	148
5. Con đường chống Pháp	150
6. Con đường cách mạng - Nguyễn Ái Quốc xuất hiện	163
7. Luật sư Loseby	172
8. Nhật ký trong tù	181
9. Chiếc bàn nghiêng	189



## *Chương V*

### **PÁC BÓ, CAO BẰNG** 193

1. Cao Bằng 193
2. Núi Các Mác, suối Lênin 196
3. Hang Cốc Pó 205
4. Lán Khuổi Nặm 207
5. Phong cảnh Pác Bó 213

## *Chương VI*

### **QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH - HÀ NỘI** 217

1. Cách mạng Tháng Tám và Tuyên ngôn độc lập 217
2. Lăng Hồ Chí Minh 226
3. Phủ Chủ tịch 228

## *Chương VII*

### **BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM** 233

1. Bảo tàng của những ký ức 233
2. Thống nhất đất nước 235
3. Kháng chiến 238
4. Võ Nguyên Giáp 240
5. Chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất 250
6. Một mùa đông dài đợi mùa xuân sang 296

## *Chương VIII*

### **ĐIỆN BIÊN PHỦ** 304

1. Chiến tranh nhân dân 304
2. Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ 308

3. Cao điểm A1	317
4. Tượng đài kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ	320
5. Phất cờ thắng lợi	324
6. Nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ	330
7. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	333
8. Bộ Tư lệnh mặt trận Điện Biên Phủ	337
9. Chiến thắng đầy ý nghĩa	342
10. Một phong trào phản chiến làm thức tỉnh sự man rợ	347
<i>Vĩ thanh</i>	359

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phong trào “Thành thật xin lỗi Việt Nam” được hình thành tại Hàn Quốc vào những năm 1999 - 2000, sau loạt phóng sự của nữ nhà báo trẻ Ku Su-jeong đăng trên tờ nhật báo *Hankyoreh* 21, về những vụ thảm sát hàng nghìn người dân vô tội của quân đội Hàn Quốc tại Việt Nam cách đây hơn 50 năm. Phong trào gây nên tiếng vang lớn và thu hút sự quan tâm của nhiều tổ chức, đoàn thể xã hội Hàn Quốc, trong đó có Hội Y tế Hàn Quốc vì hòa bình Việt Nam mà Song Phil-kyung là một bác sĩ - nha sĩ làm Chủ tịch, người dành nhiều tình cảm cho Việt Nam.

Ông có người anh trai vốn trước kia là lính Đại Hàn từng tham chiến tại Việt Nam. Những ký ức không thể quên ở chiến trường Việt Nam của người anh trai và những người bạn của anh cùng hình ảnh về dòng chữ “Hãy chiến đấu bằng niềm tin” được một vị giáo sư khá kính viết thật to và đậm trên bảng đen giảng đường vào đúng thời khắc chiến tranh Việt Nam kết thúc, thống nhất hai miền Nam - Bắc, ngày 30/4/1975, đã gây ấn tượng vô cùng mạnh mẽ đối với chàng sinh viên y khoa năm nhất Song Phil-kyung.

Hưởng ứng nhiệt tình phong trào “Thành thật xin lỗi Việt Nam”, ngay từ đầu những năm 2000, Song Phil-kyung đã đến Việt Nam để tham gia công tác y tế thiện nguyện. Từ đó đến nay, đã gần 30 lần đến Việt Nam, nhưng có vẻ “món nợ” với xứ sở này chưa hề voi trong ông. Với ông, chính ở nơi đây, mới thấu cảm sự tàn nhẫn, ghê rợn, đau đớn, tội lỗi, vị tha... để rồi điều động lại cuối cùng là sự an yên ấm áp. Song Phil-kyung bảo ông sẽ còn tiếp tục đến đây để tạ lỗi. Cho đến khi nào Chính phủ Hàn Quốc chính thức xin lỗi đất nước và người dân Việt Nam...

Sau một thời gian dài tham gia công tác y tế thiện nguyện tại Việt Nam, Song Phil-kyung đã có cơ hội nghiên cứu lịch sử của Việt Nam, hiểu rõ hơn, thêm yêu hơn đất nước Việt Nam, con người Việt Nam, và đặc biệt vô cùng kính trọng, ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ tối cao, là linh hồn của sự nghiệp kháng chiến thần thánh kéo dài ba thập kỷ, thấm đậm tư tưởng nhân văn và đầy chất anh hùng ca, là ngọn cờ tắt thẳng của cách mạng Việt Nam. Từ đó, Song Phil-kyung đã viết một số sách về Việt Nam, và nổi bật trong số đó là cuốn *Tại sao là Hồ Chí Minh?*, được ông đầu tư thời gian viết trong nhiều năm.

Theo Song Phil-kyung, Việt Nam và Hàn Quốc được gọi là những “nước đồng văn”, nghĩa là có nhiều nét tương đồng về văn hóa và lịch sử, đều nằm ở phía đông châu Á, cùng chịu ảnh hưởng Nho học Trung Quốc, cùng chịu sự thống trị của thế lực ngoại xâm. Năm 1945, Việt Nam và

Hàn Quốc thoát khỏi sự cai trị của chế độ thuộc địa, giành lại độc lập, thế nhưng, đất nước lại bị phân chia và rơi vào vòng xoáy chiến tranh của thời kỳ Chiến tranh lạnh. Năm 1950, Hàn Quốc đã lâm vào bi kịch của cuộc nội chiến, đất nước chia đôi.

Thế nhưng tình hình sau đó thì lại hoàn toàn khác. Hàn Quốc hiện vẫn đang trong tình trạng bị chia cắt. Sau khi giành lại độc lập vào năm 1945, Việt Nam phải trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, sau đó lại tiếp tục kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trong suốt hơn 20 năm, đến năm 1975, Việt Nam được hoàn toàn độc lập, đất nước thống nhất.

Nhìn vào tấm gương Việt Nam, Song Phil-kyung ao ước Hàn Quốc có một nhà lãnh đạo vĩ đại, một nhân cách lớn được toàn thể nhân dân kính trọng, có thể đem lại hoà bình và thống nhất cho hai miền Triều Tiên như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thay vì đem lại những kiến thức mang tính lịch sử về Việt Nam, ông mong chờ ở đây sự phản tỉnh, tự kiểm tra tư tưởng và hành động trong quá khứ để nhận ra lỗi lầm troy đau đớn của những người đã tham gia vào cuộc chiến tranh phi nghĩa do Mỹ gây ra, và muốn đem đến cái cảm nhận về công cuộc thống nhất đất nước vĩ đại mà Việt Nam đã làm nên trong cuộc đối đầu với đế quốc siêu cường.

Cuốn sách *Tại sao là Hồ Chí Minh?* trình bày đại lược về lịch sử Việt Nam, những địa danh gắn liền với những sự kiện lịch sử đặc biệt của Việt Nam; về quê hương, gia thế,

sự nghiệp cách mạng, tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh - “một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...”.

Cuốn sách không phải là một công trình nghiên cứu khoa học, mà là những ghi chép xuất phát từ tình cảm hết sức chân thật của tác giả qua thời gian làm việc và trải nghiệm trên đất nước Việt Nam. Do cách tiếp cận và nguồn tư liệu hạn chế nên một số nội dung về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuốn sách không trùng khớp với những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020), nhằm góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc đang phát triển rất tốt đẹp lên một tầm cao mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức lược dịch và xuất bản cuốn sách *Tại sao là Hồ Chí Minh?* của tác giả Song Phil-kyung.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 8 năm 2020*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## **DÀNH CHO QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ**

Có ba loại ý thức nội tâm của con người là lý tính thuần túy, lý tính thực hành và năng lực phán đoán đã được triết gia Kant phân tích tỉ mỉ trong chủ đề “Con người là gì?”.

Giáo sư kiêm triết gia Hàn Quốc Kim Yong-ok đã giải thích đó là các lĩnh vực thuộc về hiểu biết (Knowledge), ham muốn (Desire) và cảm xúc (Feeling).

Từ những dòng này thay vì đem lại những kiến thức mang tính lịch sử về Việt Nam, tôi mong chờ ở đây sự phản tỉnh (tự kiểm tra tư tưởng và hành động của mình trong quá khứ, đặc biệt để thấy ra lỗi lầm) tuy đau đớn của chúng ta - những người đã tham gia vào cuộc chiến tranh phi đạo đức do Mỹ gây ra - và, muốn đem đến cái cảm nhận về công cuộc thống nhất đất nước vĩ đại mà Việt Nam đã làm nên trong cuộc đối đầu với vũ khí tối tân của Mỹ.

Xã hội chúng ta cho đến nay vẫn đánh giá thấp những người mà ta vẫn quen gọi là “Việt Cộng” tức “bọn Đỏ” hèn hạ khi chúng ta tham chiến từ năm 1964 đến năm 1973. Thực tế họ là những người dân chủ cao cả đã chiến đấu vì độc lập và tự do của dân tộc.

Nhân dân Việt Nam trải qua hơn 100 năm đấu tranh kiên cường, bất khuất chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ, cuối cùng đã giành được nền độc lập, tự do cho đất nước. Mong muốn thực lòng của tôi là chúng ta - đất nước duy nhất còn bị chia cắt trên trái đất này - phải coi lịch sử thống nhất Việt Nam là một hình mẫu đáng xem trọng.

Càng nhìn vào những tư liệu lịch sử Việt Nam đương đại, tôi càng cảm nhận được là: đức hy sinh của Hồ Chí Minh và của nhân dân Việt Nam vì độc lập và tự do của dân tộc phải được coi là đức hy sinh cao cả nhất trong lịch sử nhân loại.

Nhà thiên văn học nổi tiếng người Ba Lan Copernicus không có lựa chọn nào khác ngoài việc công bố giả thuyết về nguyên lý (chuyển động quay) của các thiên thể do chính ông phát hiện ra. Còn học giả Lee Young-hee - giáo sư kiêm triết gia chí thành của thời đại chúng ta, nói rằng ông rất hài lòng vì giả thuyết “sự thật về chiến tranh Việt Nam” của mình trong thời điểm mà sự thật về cuộc chiến tranh ấy cần được làm sáng tỏ.

Tôi biết trong xã hội chúng ta vẫn tồn tại lối suy nghĩ một cách tự hào về việc tham gia chiến tranh Việt Nam, đó là lòng yêu nước mù quáng. Nếu (ai đó) kết án sự hiểu biết của tôi là thành kiến bất kính thì tôi cũng đành chịu. Thế nên những ai đọc những dòng này mà không quá rạch ròi đúng, sai với những kiến thức còn thiếu sót của tôi thì tôi rất lấy làm biết ơn.



## LỊCH SỬ PHẢI GẶP ĐẠO LÝ

Hầu hết mọi người Việt Nam đều gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Bác Hồ” với tình cảm gần gũi. Đó là lời của anh phiên dịch (tên Việt) khi hướng dẫn chúng tôi tìm hiểu lịch sử Việt Nam.

Có một giai thoại rằng có một vị tướng là chỉ huy có năng lực nhưng tính nóng nảy, hay mắng mỏ cấp dưới. Bác Hồ gọi vị ấy đến văn phòng, qua mấy ngày, ngày nào cũng như ngày nào, vị tướng ấy thấy cách xử lý những công việc phức tạp của đất nước qua sự chỉ đạo của Bác rất nhẹ nhàng và bình thản. Thế rồi, bỗng một hôm, Bác bất ngờ to tiếng với vị tướng, ông ta bối rối không hiểu vì sao. Bác hỏi “Bác to tiếng như vậy, tâm trạng chú thế nào?” rồi căn dặn nhẹ nhàng: “Trở về đơn vị đừng nặng lời mà hãy thương yêu cấp dưới”.

Văn Lê - một nhà văn đa tài ở nhiều lĩnh vực thơ ca, tiểu thuyết, nhà đạo diễn phim, 17 tuổi vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện nhập ngũ. Buổi sáng ngày nhập ngũ, người mẹ vò như không biết, dọn một mâm cơm thịnh soạn khác ngày thường. Nhìn con trai chậm chạp ăn không nói, người mẹ lặng lẽ dặn con:

“Con trai! Khi con cầm súng ra chiến trường, người bên kia hòng súng gọi là kẻ địch. Nhưng khi thu súng về thì không còn địch, ta nữa. Chỉ còn là con người”.

Còn đây là câu chuyện của tiến sĩ sử học Việt Nam Ku Su-jeong<sup>1</sup>, khi thăm Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ.

Có những danh hiệu anh hùng chỉ Việt Nam mới có. Đó là danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng. Trong chiến tranh Việt Nam có biết bao nhiêu bà mẹ có con là liệt sĩ. Nhà nước Việt Nam không chỉ đơn thuần phong tặng danh hiệu này cho các bà, các mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, mà còn thực hiện các chế độ đãi ngộ, phụng dưỡng đối với các bà, các mẹ đến hết cuộc đời.

Tôi sẽ kể về một bà mẹ anh hùng mà tôi đã từng gặp khi đến tỉnh Phú Yên gặp một nữ “Việt Cộng” để lấy tư liệu về “Việt Cộng”. Vị trưởng thôn nói với tôi: “Đây là bà mẹ anh hùng, người đã mất 13<sup>2</sup> người con”.

---

1. Ku Su-jeong (sinh năm 1966) là một nữ ký giả người Hàn Quốc. Bà là tiến sĩ ngành Lịch sử Việt Nam, Phó Chủ tịch thường trực của Quỹ hòa bình Hàn - Việt. Ku Su-jeong là người đã khởi xướng phong trào “Thành thật xin lỗi Việt Nam” của người Hàn Quốc vào năm 1999 tại Hàn Quốc sau khi bà cho công bố những bài viết của mình trên tạp chí *Hankyoreh* 21, một tờ tạp chí có uy tín ở Hàn Quốc, về các tội ác của quân đội Hàn Quốc khi tham chiến tại Việt Nam (B.T).

2. Ở đây tác giả có sự nhầm lẫn. Bà mẹ Việt Nam anh hùng có nhiều con hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nhất ở Việt Nam là mẹ Nguyễn Thị Thù, quê ở huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Mẹ có 9 con trai, 1 con rể, 2 cháu ngoại hy sinh (B.T).

Từ thung lũng đi tìm nhà của bà rất khó khăn, nhưng đến nơi bà lại không có nhà nên phải đợi một lúc. Mặt trời lặn bà mới về. Hỏi bà đi đâu thì bà nói đang trên đường tìm hài cốt lính Mỹ về. Đó là một bà cụ tuổi đã ngoài 90 tuổi, lưng còng, bước đi vất vả.

Thông thường, trục thẳng Mỹ bị bắn rơi nằm ở rất sâu trong rừng. Và chỉ có “Việt Cộng” mới biết rõ máy bay rơi ở đâu, vị trí nào. Bà mẹ này đã cả ngày nay vào rừng giúp tìm hài cốt lính Mỹ. Hỏi bà: “Mẹ đã mất 13 người con là do đánh nhau với quân Pháp hay quân Mỹ?” thì bà bảo rằng, tất cả đều chết do đánh nhau với quân Mỹ.

- Đánh nhau với Mỹ rồi chết mà bà không ghét quân Mỹ hay sao? Bà đâu còn trẻ, làm sao đã ngoài 90 mà còn đi tìm hài cốt lính Mỹ?

- Trong số 13 đứa con thì 7 đứa không tìm thấy thi thể. Dù vậy, các con tôi vẫn nằm lại trên mảnh đất của chúng tôi. Nhưng lòng bà mẹ Mỹ thì có nghĩ thế không? Bà sẽ như thế nào khi không biết Việt Nam ở đâu, con được nằm ở nơi xa xôi nào. Cứ nghĩ vậy thì liệu tôi có thể không đi tìm được chăng?”

Phải chăng qua sự việc này cho thấy tấm lòng bà mẹ là tấm lòng của hòa bình? Nhất định tôi phải cho nhiều người biết câu chuyện đầy tính nhân văn bất kỳ ở đâu về Hồ Chí Minh - nhà lãnh đạo ghét bạo lực, và người Việt Nam tha thiết mong muốn tình yêu và hòa bình.

Tôi đặc biệt quan tâm đến chiến tranh Việt Nam, nhưng tôi chỉ là một bác sĩ nha khoa chứ không phải nhà sử học hay học giả nhân văn. Tôi lại càng không phải là nhà lý luận hay chiến sĩ của phong trào dân chủ. Chỉ là vì trong những năm 1970, nhờ có trải nghiệm trong một nền độc tài đen tối nên tôi có phần quan tâm đến lịch sử. Đặc biệt, khi hiểu chân sự thật về chiến tranh Việt Nam, ý thức xã hội của tôi có sự chuyển biến mang tính Copernicus (phát hiện).

Tôi có người anh thứ ba là lính tham gia chiến tranh Việt Nam từ năm 1971 đến năm 1972. Năm 1974, sau phục viên, anh trở lại học Đại học Công nghiệp. Còn tôi, sau khi ôn thi, đến năm tiếp theo, vào học Nha khoa cùng trường với anh. Trong hai năm, tôi và anh sống tự túc ở một ngôi làng mới gần Seoul. Khi đó ở trường bên, những người bạn của anh từng tham chiến tại Việt Nam thường đến phòng tôi chơi, nhâm nhi và nói chuyện về chiến tranh. Chuyện quân ngũ của đàn ông phải chăng là thứ “đồ nhảm” còn thú vị hơn cả canh kim chi ăn kèm thịt ba chỉ? Nhưng anh ấy vẫn hay kể lại kinh nghiệm thực chiến luôn giáp mặt với cái chết ở chiến trường Việt Nam.

Tôi nghe và học được nhiều điều. Trong số ấy tôi xin dẫn ra hai điều có ý nghĩa với tôi. Điều thứ nhất, người ta nói rằng, dân tộc Việt Nam là dân tộc có lòng tự trọng rất cao, căm ghét sự xâm lược của những thế lực ngoại bang,

thế nên cho dù Mỹ có sử dụng những vũ khí tối tân<sup>1</sup> đến nhường nào cũng không thể khuất phục được họ. Một đất nước (cộng sản) diện tích nhỏ bé, lam lũ mà sức kháng cự bền bỉ vô song đến kinh ngạc, không lùi một bước trước kẻ thù. Điều thứ hai là, nhiều lính Hàn Quốc<sup>2</sup> cảm thấy hoảng sợ trước năng lực chiến đấu xuất quỷ nhập thần của “Việt Cộng”, những con người luôn được sự chở che của quần chúng nhân dân để tổ chức chiến đấu. Nếu ban đêm nơi nào bị Việt Cộng tập kích thì nhất định sáng sớm hôm sau dân làng gần đó cũng sẽ bị thẳng tay

---

1. Người ta nói rằng, chỉ ba chiếc máy bay ném bom chiến lược B52 ném bom Seoul trong vòng một tuần thì sẽ san phẳng tất cả các tòa nhà. Cứ khi nào kể đến chuyện những chiếc máy bay lên thẳng được vũ trang hạng nặng hay còn được gọi là “Gunship” được sử dụng trong chiến tranh Việt Nam - có thể giết người hàng loạt bằng bom thông minh gắn cảm biến hồng ngoại bắn phá ban đêm, thì các anh lại rom róm nước mắt.

2. Lính Hàn Quốc đại bộ phận là lính công binh và lính tham gia hoạt động công tác dân sự như lính nghĩa vụ, chỉ một số là lính chiến mới tham gia chiến đấu. Vì vậy, có nhiều lính trong số lính phải sang Việt Nam chưa một lần trông thấy Việt Cộng nên chưa bao giờ phải dùng đến súng. Bởi vậy có nhiều cựu chiến binh tham chiến tại Việt Nam đã không hiểu họ phải xin lỗi Việt Nam vì điều gì. Tôi không có ý viết những dòng này hạ thấp các anh mà ý muốn hỏi có phải nhân dân Việt Nam chiến đấu với quân đội Mỹ và lính Hàn Quốc là “bọn Đỏ” không? Nếu câu trả lời là “không” thì cần phải minh chứng họ là những người dân tộc chủ nghĩa cao cả.

đàn áp. Kể những câu chuyện đó các anh thường không giấu được những giọt nước mắt.

Những câu chuyện này, giờ đây, trở nên quá đổi thương tâm, nhưng trong thời kỳ Duy Tân<sup>1</sup> thì không một ai dám nhắc đến ngay cả trong tâm thức. Dưới chế độ ấy nói lời trái tai đã phải chịu cực hình, nghe những sự thật “không tiện nói” thôi cũng đủ khiếp sợ.

Park Chung-hee nói rằng, lính Hàn Quốc tham chiến ở Việt Nam là để đẩy lùi sự xâm lăng của “Việt Minh đỏ” (quân đội Bắc Việt) và “bảo vệ chế độ dân chủ Việt Nam tự do (Nam Việt Nam)”. Vì “cuộc thánh chiến chống cộng” rất “đáng giá” đó mà những chàng trai trẻ của chúng ta đã phải đổ những giọt máu đào cao quý! Và họ tuyên truyền: Cũng như Nhật Bản, kinh tế mạnh lên là nhờ cơ hội chiến tranh, Hàn Quốc tham gia chiến tranh Việt Nam là để tạo động lực cho kinh tế phát triển nhảy vọt. Cho đến khi là sinh viên cao đẳng, nghe chuyện của anh mình, tôi chỉ biết chắc hẳn chuyện là như vậy. Ở vào thời điểm lịch sử đó, trong nhận thức của mình, anh em đồng bào tôi - những con người chất phác - không nảy sinh bất kỳ mâu thuẫn xung đột nào giữa điều được học

---

1. Tháng 10/1972, Park Chung-hee khởi xướng một cuộc tự đảo chính để giải thể quốc hội và đình chỉ hiến pháp, dọn đường để thông qua bản Hiến pháp Duy Tân vào tháng 11 qua cuộc trưng cầu dân ý bị đánh giá là gian lận nặng nề, theo đó chấm dứt bầu cử trực tiếp và chính thức suy tôn Park Chung-hee làm “Tổng thống trọn đời”.

rằng chúng tôi là dân tộc yêu hòa bình, chưa bao giờ xâm lược nước khác với việc tham gia chiến tranh ở nước ngoài vì sự phát triển kinh tế - nói cách khác là đi (sang Việt Nam) để có thêm thu nhập.

Lý Trác Ngô<sup>1</sup>, nhà tư tưởng phản kháng cuối triều Minh của Trung Quốc đã nói thế này: “Tôi từ nhỏ đã đọc sách chứa những lời dạy của người lớn, nhưng không hề biết lời dạy ấy là những gì. Tôi tôn trọng Khổng Tử nhưng cũng không biết Khổng Tử có cái gì đáng tôn trọng. Giống như tục ngữ nói rằng thẳng lùn chui qua háng thẳng cao xem pháp sư đuổi tà, cho đến trước tuổi ngũ tuần, quả thật, tôi giống một con chó. Con chó phía trước nhìn cái bóng mà sủa, tôi cũng chỉ “sủa” theo, chứ hỏi lý do vì sao mà sủa thì tôi cũng chỉ như thẳng cằm cười mà không nói được gì”.

Khi ấy, nếu Park Chung-hee có đưa cò thái cực (cò của Hàn Quốc) cho học sinh và bảo hãy vẫy chào tiễn biệt các dũng sĩ đi sang Việt Nam, thì chắc tôi cũng xếp hàng ven đường mà vẫy cò theo người ta sai khiến. Thế nhưng chỉ

---

1. Lý Chí (1527-1602) - danh nhân Trung Quốc, tự Trác Ngô, người Tấn Giang (Hạ Môn, Phúc Kiến). Thường xưng mình là “Nho gia phản đồ” (hay chất vấn, vạch ra chỗ tình chấp sai trái của các nhà Nho, phê phán Khổng Tử,...). Năm 1580, ông từ quan, xuống tóc và trở thành cư sĩ tại gia. Tuyệt giao với thế tục, chỉ chuyên chú trữ tác. Vì cách ăn nói quá khích nên bị buộc tội là đề xướng tà thuyết, năm 76 tuổi bị hạ ngục, tự sát (B.T).

đến khi được nghe kể những câu chuyện khác hẳn với những gì trước đó của những ông anh đã đi lính về thì tôi mới hiểu cái tư tưởng chống cộng<sup>1</sup> mà Park Chung-hee đưa ra chỉ là thủ đoạn để hợp pháp hóa sự tham chiến ở Việt Nam mà thôi.

Ngày 30/4/1975, khi tôi đang học năm thứ nhất đại học thì ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn - một chính quyền thối nát, chuyên nhận viện trợ của Mỹ, chính thức sụp đổ. Việt Nam hoàn toàn thống nhất. Việc thống nhất đất nước do một dân tộc nhược tiểu làm nên bằng sức lực của mình là thành quả của sự hy sinh gian khổ, trường kỳ kháng chiến: 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Thế nhưng Park Chung-hee lại quy chụp thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mà nhân dân Việt Nam giành được là sự “bại vong Việt Nam”. Park Chung-hee khi đó đang thực thi chế độ độc tài như chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam, lo lắng trước sự thất bại của đồng minh, cuối cùng, đã sử dụng bạo lực để thực hiện cái gọi là “liệu pháp sốc” để rồi lao đầu vào con đường tự diệt vong.

---

1. Chống lại chủ nghĩa cộng sản có thể là những người ủng hộ chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phát xít, chế độ phong kiến, các tổ chức tôn giáo... Nhưng chống cộng sản để che đậy và ủng hộ nền độc tài thối nát hoặc coi đó là lý do để xâm lược thì lại là kết quả bi kịch trong lịch sử nhân loại thế kỷ XX.



Giữa lúc nền thống trị Duy Tân tỏ ra cứng rắn thì tác phẩm *Lôgíc của thời kỳ chuyển đổi* của học giả Lee Young-hee ra đời. Tác phẩm bất hủ này luận chứng một cách rõ ràng rằng, cuộc chiến tranh Việt Nam dưới chiêu bài “Thánh chiến thập tự quân chống cộng” là cuộc chiến tranh xấu xa, bẩn thỉu mà người ta cố ý gây nên<sup>1</sup>. Những chân sự thật mà học giả Lee làm sáng tỏ một cách khéo léo đã vén lên bức màn ý thức hệ chống cộng. Ánh sáng chân lý này là ngọn đuốc soi đường từ con đường hầm Duy Tân đen tối dẫn đến sự thật. Ánh sáng đó trừng mắt giận dữ hướng vào những lương tâm trai trẻ và đối mặt với sự dối trá, ngụy tạo của Duy Tân.

Nhà tư tưởng vĩ đại thời kỳ Khai sáng Voltaire đã nói và Émile Zola<sup>2</sup> từng hô vang: Nếu sự thật đang lên đường thì không một ai có thể ngăn được con đường ấy.

---

1. Trong cuốn hồi ký của mình, Robert McNamara, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ (1961 - 1968), đồng thời là “kiến trúc sư trưởng” cuộc chiến xâm lược Việt Nam, đã phải thú nhận: “Chúng tôi đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp. Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy”. (Robert McNamara: *Nhìn lại quá khứ - Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 7) (B.T).

2. Émile Édouard Charles Antoine Zola (1840 - 1902), thường được biết đến với tên Émile Zola, là một nhà văn nổi tiếng của văn học Pháp trong thế kỷ XIX, người được coi là nhà văn tiên phong của chủ nghĩa tự nhiên (naturalism). Bên cạnh những tiểu thuyết nổi tiếng, Zola còn được biết tới như là một trong những nhân vật quan trọng dẫn tới việc xét xử lại vụ Dreyfus (B.T).

Lee Young-hee và những người có lương tâm bắt đầu thực hiện cuộc hành trình đi tìm sự thật, đấu tranh chống lại sự dối trá và cường quyền của Duy Tân. Được sự giúp đỡ chí thành của Lee, nhuệ khí của thế hệ những năm 1980 dâng cao ngút ngàn, dám đối đầu với chính quyền bạo lực của Jeon Du-hwan, kẻ nối gót Park Chung-hee. Tôi đã gìn giữ sâu tận đáy lòng dũng khí của lương tâm và chân sự thật mà Émile Zola đã chứng minh qua sự kiện Dreyfus<sup>1</sup>. Và Lee Young-hee đã chứng thực điều đó trong tác phẩm của mình. Thực tế về cuộc tham chiến ở Việt Nam nghe được từ những người anh cũng đọng lại một phần trong lòng tôi.

Năm 1999, Ku Su-jeong khi theo học chuyên ngành Lịch sử Việt Nam hiện đại đã dày công thu thập tư liệu nhằm phơi bày tội ác man rợ của lính Hàn Quốc đối với dân thường trong chiến tranh Việt Nam thông qua loạt phóng sự đăng trên tuần báo *Hankyoreh* 21. Ở thời đại nào cũng vậy, bạo lực phản động thường sẽ “rượt đuổi” theo

---

1. Vụ Dreyfus là một cuộc xung đột chính trị - xã hội nghiêm trọng trong nền Đệ tam cộng hòa Pháp vào cuối thế kỷ XIX, xoay quanh cáo buộc tội phản quốc đối với Đại úy Alfred Dreyfus, một người Pháp gốc Alsace theo Do Thái giáo, người mà cuối cùng được tuyên bố vô tội. Nó đã khuấy đảo xã hội một cách sâu sắc trong suốt 12 năm (1895 - 1906), trong đó hầu như toàn thể các giới trong xã hội Pháp chia thành hai phe ủng hộ Dreyfus (dreyfusard) và chống Dreyfusard (anti - dreyfusard) và dẫn đến nhiều hệ lụy với nước Pháp về sau (B.T).

những ai dũng cảm đối mặt với thành kiến và bóc trần bề bối của mình. Một số cá nhân (cựu chiến binh), tổ chức tham chiến ở Việt Nam hay tự phụ rằng: hay dở thế nào dù sao họ cũng đã đóng góp một phần to lớn vào sự phát triển kinh tế của chúng ta. Nhiều người còn kéo đến các cơ quan báo chí đập phá, gây gổ, thể hiện sự thù hằn.

Nhưng mặt khác cũng có những động thái mang tính lương tâm, coi việc đồng tình với chiến tranh xâm lược của Mỹ là những trang lịch sử đáng xấu hổ và nhận ra lỗi lầm rằng lần đầu tiên kể từ thời vua Đàn (Đàn Quân<sup>1</sup>) đã tự phát tham gia vào cuộc chiến do kẻ khác phát động.

Mùa Xuân năm 2000, nhờ sự trợ giúp của Ku Su-jeong, một “Đoàn chăm sóc sức khỏe nha khoa vì hòa bình, hòa giải” đã được tổ chức với phương châm “Một xã hội kiên nha vì một cộng đồng khỏe mạnh”, lấy việc điều trị nha khoa làm trung gian hòa giải, hàn gắn nỗi đau quá khứ. Ngày 17/3/2001, với tư cách thành viên của đoàn, lần đầu tiên tôi đặt chân lên mảnh đất Việt Nam. Trong chiến tranh Việt Nam, lính Đại Hàn chủ yếu đồn trú tại địa phương các tỉnh miền Trung, nơi đó có nhiều dân thường bị tàn sát. Đoàn công tác đã đến các vùng đó, tổ chức thăm viếng, tưởng niệm những người đã khuất, khám chữa, điều trị cho người dân địa phương và nghe chuyện những

---

1. Đàn Quân là vị vua sáng lập ra nước Vương Kiệm Triều Tiên (vì thế nước này còn được gọi là Đàn Quân Triều Tiên), một quốc gia cổ đại được kể đến trong các huyền thoại của dân tộc Triều Tiên (B.T).

chúng nhân lịch sử. Gần nơi đoàn khám chữa là Nhà chứng tích Sơn Mỹ, nơi ghi lại tội ác chiến tranh, hay được ví như một lát cắt chiến tranh Việt Nam. Sau khi thăm nơi ấy, tối hôm đó rất nhiều người trong đoàn đã không ngủ được vì bị ám ảnh, ghê rợn bởi những cảnh tượng kinh hoàng mà người dân Việt Nam phải trải qua, nhưng cũng hết sức phẫn nộ trước những hành động man rợ của lính Mỹ.

Sơn Mỹ là một làng quê yên bình ở tỉnh Quảng Ngãi, miền Trung Việt Nam cũng như bao làng quê ở tỉnh Julla của Hàn Quốc - lính Mỹ gọi tên làng này trong tác chiến là Mỹ Lai.

Sáng 16/3/1968, tiết trời ẩm áp, không mây. Mặt trời vừa lên thì hàng trăm lính Mỹ đã đổ bộ bằng trực thăng xuống bên ngoài làng Sơn Mỹ. Khi ấy, trong làng không hề thấy bóng dáng của quân du kích, chỉ toàn người già, phụ nữ và trẻ nhỏ. Lính Mỹ càn quét khắp làng, bắt bất cứ thứ gì chuyển động. Một số phụ nữ trẻ và thậm chí bé gái bị cưỡng bức. Chúng lừa dân làng ra ven đường thành những nhóm nhỏ và bắt đầu xả súng; phóng lửa đốt sạch cửa nhà. Ngay cả những tiếng kêu rên từ trong đồng thi thể ven đường làng cũng bị chúng “giải quyết”. Người già chậm chạp cũng bị chúng túm gáy lôi ra khỏi nhà đẩy xuống giếng. Trong chưa đầy bốn giờ đồng hồ, lính Mỹ đã tàn sát 504 người, trong đó có 17 phụ nữ có thai và 173 em nhỏ. Theo thống kê, có 24 gia đình bị sát hại cả nhà. Ronald Haeberle, phóng viên nhiếp ảnh cho quân đội Mỹ, là người

đã ghi lại toàn bộ vụ thảm sát đẫm máu tại Mỹ Lai vào ngày 16/3/1968. Nhà báo Seymour Hersh của Tạp chí *The New Yorker*, người phơi bày cuộc thảm sát Mỹ Lai và sự che đậy về nó trong chiến tranh Việt Nam, đã được trao giải thưởng Pulitzer về tường thuật quốc tế năm 1970. Tường thuật của ông được minh họa bằng những bức hình Mỹ Lai 1968 của phóng viên ảnh Ronald Haeberle.

Trong tường thuật về sự kiện Mỹ Lai của Seymour Hersh thì điều gây sốc nhất chính là sự mô tả hành vi tàn sát dân lành đầy thú tính của lính Mỹ<sup>1</sup>.

Sự kiện Mỹ Lai chỉ là phần nổi của tảng băng chìm trong vô số vụ tàn sát dân thường một cách có hệ thống trên mảnh đất Việt Nam. Viên Đại tá Oran K. Handerson là sĩ quan duy nhất phải ra tòa án binh về tội che giấu thông tin, đã thổ lộ với báo chí: “Mọi đơn vị quy mô cấp lữ đoàn đều muốn giấu nhem vụ Mỹ Lai”.

Phía quân đội Mỹ cho đến lúc đó vẫn ra sức ngụy biện rằng những vụ bắn giết không có chứng cứ rõ ràng như vụ Mỹ Lai là vì những dân thường đã trợ giúp cho du kích.

Nước Mỹ vẫn tự coi mình là tín đồ Thanh giáo, đi tiên phong về đạo lý và tự do dân chủ, vậy mà quân đội ấy lại

---

1. Ở Mỹ có cả kho sách, báo và luận án về đề tài thảm sát Mỹ Lai. Cuốn sách *Bốn giờ ở Mỹ Lai* mà tôi có được xem là một trong những công trình nghiên cứu lớn (430 trang). Nên học cái cách người Mỹ lưu giữ những chứng cứ và tư liệu có tính chất phê phán, cho dù đó là những trang sử đen tối, bi đát.

gây ra cuộc thảm sát nhân tâm, thảm khốc còn hơn cả bọn Nazi ở trại tập trung Auschwitz (lò giết người hàng loạt ở Ba Lan). Dưới đây là lời kể của một nhân chứng người Việt trong sự kiện Mỹ Lai: “Cứ mỗi lần chạm trán với quân du kích - những chiến sĩ quyết tử của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (Việt Cộng), binh lính Mỹ thường rơi vào trạng thái hoảng loạn cực độ. Khoảng giữa tháng 3/1968, lấy một trong những cái cớ về thương vong của binh sĩ Mỹ vì dính bẫy chông (trên địa bàn Quảng Ngãi), lục quân Mỹ lập tức quyết định mở một cuộc càn quét vào vùng an toàn<sup>1</sup>. Và kết quả của nó chính là tấn thảm kịch Mỹ Lai”.

Những người lính chuyên nghiệp trực tiếp chiến đấu trên chiến trường chẳng mấy khi đặt ra câu hỏi “Ai dẫn dắt chiến tranh”, “Ai đúng”, “Mục đích và tính chất của chiến tranh là gì”. Một trong những thuộc tính của chiến tranh là nhằm thực hiện các hoạt động chức năng và duy trì sự tồn tại. Tuy nhiên, dù trong bất cứ tình huống nào, việc tước đoạt sinh mạng con người luôn bị coi là hành vi bạo ngược nhưng không dễ dàng quy kết. Nhà chứng tích Sơn Mỹ cho thấy, chiến tranh đã kích động lòng căm thù mù quáng đối với con người và hành động sát nhân

---

1. Vùng an toàn ở đây là “Ấp chiến lược”. Ấp chiến lược là một phát kiến nhằm cưỡng chế nhân dân nông thôn vào những khu đất rào quanh, cách ly họ khỏi lực lượng du kích.

thảm khốc, dẫn tới những hành động tội lỗi nhất trong số những hành vi của con người, hủy hoại nhân tính của chính kẻ gây ra<sup>1</sup>.

Từ khi biết được sự thật quân đội Hàn Quốc tham chiến ở Việt Nam dù với bất cứ động cơ nào, tâm trí tôi luôn cảm thấy nặng nề; câu chuyện kinh nghiệm thực chiến và gương mặt đầm nước mắt của người anh luôn đau đáu, trăn trở trong tôi.

Ngày 21/3/2001, một ngày sau khi thăm Nhà chứng tích Sơn Mỹ, kết thúc đợt khám chữa bệnh, chúng tôi được nghe nhà thơ Thanh Thảo diễn thuyết - một người được công chúng mến mộ. Nhà thơ chân tập tễnh, đi lại khó khăn, cũng là hàng xóm chỗ tôi trọ, với nụ cười ấm áp cùng khóe mắt đa cảm. Nhà thơ là con một nên lẽ ra không phải ra tuyến đầu - nơi cái chết luôn chực chờ. Nhưng ông đã lên đi bộ đội, vượt Trường Sơn, nơi đường mòn Hồ Chí Minh ngày đêm mưa bom bão đạn, thực hiện sứ mệnh lịch sử...

Vượt đường mòn Hồ Chí Minh đến địa đạo Củ Chi, ông lại trở về quê hương Quảng Ngãi. Vừa chiến đấu vừa làm báo và sáng tác văn học.

---

1. Người ta đã chứng minh cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh xấu xa, bẩn thỉu, phi nghĩa, khiến hàng trăm nghìn thanh niên Mỹ trốn lính và sa vào trào lưu Hippie, nghiện ngập ma túy...

Năm 1979, ông được nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam với tập thơ *Dấu chân qua trăng cỏ*; năm 1995, nhận Giải thưởng (của Ban văn học Quốc phòng An ninh, Hội Nhà văn Việt Nam) với tập trường ca *Những ngọn sóng mặt trời*, trong đó bài thơ *Trẻ con ở Sơn Mỹ* được đông đảo bạn đọc yêu thích.

Nhà thơ nói chuyện rất thiện ý với chúng tôi và mở lời cho buổi diễn thuyết: “Vết thương chiến tranh vẫn còn đó. Vẫn còn những đứa trẻ phải cực chịu di chứng của chất độc da cam. Vết thương chiến tranh tuy hằn sâu nhưng xã hội Hàn Quốc đã nhận được sự chia sẻ, cảm thông bởi chính họ luôn đau xót, day dứt về lỗi lầm. Những người trẻ Việt Nam nên ghi nhận những hành động hối lỗi của những người trí thức mới Hàn Quốc về sai lầm của thể chế cha anh”. Liên袢, ông khẽ nhắm mắt lại và nói như thì thầm: “Những đồng đội đã ngã xuống đa phần là những người chưa một lần được hôn”.

Năm 23 tuổi, sau khi tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông vào chiến trường miền Nam. Phần lớn các chàng trai độ tuổi 17, 18, vừa học hết trung học là lên đường nhập ngũ. Khi chiến tranh ỏ vào giai đoạn khốc liệt, tỷ lệ thương vong khá cao. Tuổi thanh xuân nằm xuống mà chưa từng ỏa cảm, ỏắm say...

Ngừng một thoáng, nhà thơ nói với giọng quả quyết: “Bởi vậy, chiến tranh là kẻ thù của tình yêu! Chiến tranh tước ỏạt mọi thứ của con người”.



Trong lịch sử nhân loại, chưa có một ai kể cả những đại văn hào như Homer, Shakespeare hay Tolstoy,... có thể diễn tả được nỗi buồn chiến tranh da diết hơn cái đoản ngữ ba từ: “Chiến tranh - Tình yêu - Kẻ thù”.

Nhà thơ còn đưa ra những lời sâu sắc về đất nước Hàn Quốc: “Tôi nghĩ rằng có hai điều để con người xứng đáng là con người. Thứ nhất là nhớ. Thứ hai là nhìn lại để sám hối”.

Để tránh không nhắc lại lỗi lầm (của Hàn Quốc), nhà thơ đã coi tiêu chí để phân biệt con người với con vật là sự nhớ lại những sai lầm và có hay không cái lương tâm biết xấu hổ. Ông nhấn mạnh: Dù không thể quên được quá khứ nhưng cũng không thể giam nhốt mình mãi vào quá khứ. “Chiến tranh có hai hình thái: chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược. Không được phép xâm lược nước khác nhưng nhất thiết phải chống lại và chiến thắng chiến tranh xâm lược. Chúng tôi đã có kinh nghiệm để khuất phục xâm lược Mỹ”. Nhưng liền đó nhà thơ lại nói ngay: “Ồ Việt Nam không có cái gọi là tư tưởng chống nước Mỹ. Lòng căm thù Mỹ chỉ thể hiện trong chiến tranh, chiến tranh kết thúc - ông gắng nói to - là khép lại”.

Nói rằng trong suốt 20 năm mình phải chịu sự đau khổ, cùng cực mà (nay) không có cảm nhận chống Mỹ thì theo hiểu biết thông thường của tôi là hoàn toàn không thể nào

tin được. Nhưng nhà thơ cho rằng, nét đặc sắc của dân tộc Việt Nam chính là ở tấm lòng vị tha, nhân ái. Nếu tha thiết mong muốn không để xảy ra chiến tranh thì hãy nói chuyện một cách cởi mở và chân thành. Bài diễn thuyết dài của ông được kết thúc bằng lời kết như thế này: “Để tạo bầu không khí không còn dấu hận thù và chỉ còn lại tình thân ái Việt Nam và Hàn Quốc, bây giờ chẳng phải thuộc phận việc của bạn và tôi hay sao?”.

Thanh âm của tâm hồn<sup>1</sup> nhà thơ thì thâm thật tình cảm. “Đừng hận thù và hãy yêu nhau đi” như tiếng sét gào hướng thẳng trái tim tôi. Trong thoáng chốc, toàn thân tôi như run lên. Giọng nhà thơ trầm thấp nhưng thanh âm của tâm hồn đa cảm ấy vang vọng, oai hùng. Thật như lời dạy của Đức Phật: “Hãy từ bi”, thật như lời Chúa Jesus thét lên giữa cánh đồng hoang: “Hãy yêu kẻ thù”. Nhà thơ đã lay động tâm hồn tôi. Từ cái thanh âm của tâm hồn ấy tôi thốt nhiên nhận ra sai lầm của lịch sử và con đường hòa giải.

Lịch sử phải là đạo lý. Trong lịch sử, muốn cụ thể một vấn đề đạo lý trước hết phải tự bộc lộ lịch sử đen tối của mình, phải cho thấy cái đúng khi dám thừa nhận. Không có sự thừa nhận thực tâm không thể có hòa giải chân thành. Sự chân thành chỉ có được khi ta khiêm tốn thừa nhận sự dối trá

---

1. Khi lần đầu gặp Goethe, Napoleon đã nói “đây là hình tượng của một con người chân chính”, nhưng tôi thì muốn dâng tặng những lời này cho nhà thơ Thanh Thảo.

của ta, sự sai trái của ta, sự giấu giếm của ta, sự nhầm lẫn của ta... Lỗi suy nghĩ “ta không biết ta có tàn bạo không, mà cứ cho kẻ khác là tàn bạo” là thái độ ngây thơ nhất của con người mà Chúa Jesus chẳng đã nghiêm trách khi ví với câu chuyện “Cái rác và cái xà”<sup>1</sup> đó sao?...

Khi nhìn lại những sai lầm của lịch sử, chúng ta muốn những người trẻ tuổi - tương lai của đất nước - tro tráo, vô si trước tội lỗi hay biết cúi mình sám hối? Sự thực là nếu chúng ta không nhận ra lỗi lầm đã tham gia chiến tranh Việt Nam thì chúng ta có tư cách gì để phê phán quan điểm lịch sử làm phai nhạt ký ức, hợp thức hóa tội ác... là nông cạn, là thiển cận? Liệu chúng ta có thể luận bàn về chính nghĩa và đạo lý trên vũ đài thế giới được không? Chúng ta cố nhắm mắt làm ngơ với quá khứ thì liệu chúng ta có thể nhìn thấy một tương lai xán lạn? Đạo lý lịch sử của thế hệ trẻ đang đứng trên lằn ranh giữa phát huy và suy đồi sẽ như thế nào còn tùy thuộc vào thái độ nhận thức quá khứ lịch sử (của chúng ta).

Tại Nhà chúng tích Sơn Mỹ, tôi đã thấy nỗi buồn sâu sắc và nỗi đau khôn tả mà người Việt Nam đã trải qua. Trong bài diễn thuyết của nhà thơ Thanh Thảo, tôi đã thấy con đường đầy chông gai, gian nan phải trải qua để làm nên mốc son lịch sử - thống nhất đất nước - là như thế nào.

---

1. Xem thêm Kinh Thánh Tân ước: *Lời Chúa cho mọi người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, tr.56 (B.T).

Mốc son đỏ (thành tựu đỏ) là sức mạnh của lòng vị tha và khoan dung xuất phát từ dũng khí<sup>1</sup> chân chính. Đó không phải là sự mạnh bạo xuất phát từ khí chất quá khích hay rung cảm mù quáng mà là cái dũng khí không bao giờ thay đổi vì đại nghĩa cho dù có bị kẻ khác làm hại cũng không báo thù. Xem ra thì có vẻ nhu nhược, nhưng lại không khuất phục trước bất kỳ áp bức bên ngoài nào. Sức mạnh khoan dung của người Việt Nam khởi nguồn từ quá trình đấu tranh và tự vệ để giải phóng khỏi áp bức của thực dân, đế quốc; khởi nguồn từ niềm tin tất thắng thông qua sự đoàn kết và tự hoàn thiện mình một cách thực chất...

Trên thế giới, Việt Nam là đất nước có bối cảnh lịch sử, văn hóa tương đồng với chúng ta nhiều nhất: đều là nước láng giềng của Trung Quốc; trong quá khứ luôn bị các thế lực phong kiến Trung Hoa cai trị và xâm lược; tiếp nhận nền văn minh Trung Hoa là nền văn minh tiên tiến duy nhất; tôn sùng đạo Khổng (Nho học); từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX đã trải qua sự thống trị tàn bạo của thực dân, đế quốc; sau Chiến tranh thế giới thứ hai

---

1. Nói chuyện với Từ Lộ, Đức Khổng Tử đã từng khen ngợi tính cách mạnh mẽ của người phương Nam. Ngài nói: “Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam phương chi cường giả. Quân tử cử chi”. Nghĩa là: Lấy khoan dung mềm dẻo để dạy dỗ, không báo thù kẻ vô đạo, đó là sức mạnh của người phương Nam. Người quân tử sống với sức mạnh ấy.

(đối với Hàn Quốc) và trong thời kỳ Chiến tranh lạnh (đối với Việt Nam), đất nước bị chia cắt hai miền; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (Việt Nam); chiến tranh Triều Tiên (đồng tộc tương tàn),...

Tuy nhiên, quá trình từ chia cắt đến thống nhất đất nước lại không có được kết quả tương đồng. Không như Việt Nam, non sông thu về một mối, chúng ta (Hàn Quốc) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tuy cùng dòng máu nhưng vẫn đang chĩa súng vào nhau, vẫn chưa khi nào nguôi lòng thù hận. Nỗi xấu hổ và thất vọng này hẳn là có lý do rõ ràng của nó. Muốn khắc phục điều này, hơn lúc nào hết, cần phải tôn trọng lịch sử Việt Nam với bao biến cố, thăng trầm như chúng ta, giành được thống nhất và coi đó là thái độ tích cực đáng trân trọng. Tôi cảm nhận cuộc đấu tranh thống nhất dân tộc của Việt Nam là “Alpha và Oméga”<sup>1</sup>, là điều mà chúng ta phải học mỗi lần tôi đến thăm Việt Nam.

Tôi tin là không thể có hòa giải chân thành nếu không biết rõ sự thật. Và nếu không biết được sự thật lịch sử xác tín thì không thể đạt đến cảnh giới của nhận thức. Bởi vậy

---

1. Hai chữ cái này đứng ở đầu và cuối bảng tự mẫu Hy Lạp. Chúng được xem như chiếc chìa khóa của hoàn vũ, toàn bộ vũ trụ như được cất giữ giữa hai cực ấy. “Alpha” và “Oméga” vì thế tượng trưng cho tổng thể nhận thức, tổng thể sinh tồn, tổng thể không gian và thời gian. Hiểu một cách ngắn gọn: Là cái Đầu tiên và cái Cuối cùng, Khởi nguyên và Khánh chung (*B.T*).

mà tôi theo đuổi vấn đề đạo lý của việc chúng ta tham chiến ở Việt Nam đã hơn 10 năm qua.

Việt Nam và những buồn, vui, sướng, khổ<sup>1</sup> mà chúng ta đã nếm trải giờ đây nhất định phải trở thành một kiến thức.

---

1. “Buồn, vui, sướng, khổ” mà tôi nói đến chỉ mang ý nghĩa hạn hẹp trong việc thống nhất đất nước của Việt Nam và Hàn Quốc. Sự nghiệp thống nhất đất nước của Việt Nam là bài học cho chúng ta và sự chia cắt kéo dài đến nay nhất định phải được giải quyết. Theo ý của tôi, “buồn, vui, sướng, khổ” không có nghĩa là sự ưu liệt [Ưu: ưu điểm, điểm mạnh (tốt). Liệt: Điểm yếu, điểm liệt (xấu)] về tư chất dân tộc nói chung giữa hai nước. Người phương Tây từng chế giễu nền dân chủ mà xã hội ta tạo nên. Trong số tất cả các nước châu Á, tôi nghĩ chưa nước nào có chế độ dân chủ phát triển như chúng ta. Có được sự tiến bộ ấy là nhờ vào cuộc đấu tranh bền bỉ của quần chúng nhân dân qua hai lần đảo chính.

## *Chương I*

# **NHỮNG MẢNH GHÉP VIỆT NAM**

### **1. Áo giáp sắt**

Tên trung sĩ Hartman hung tợn, đang hành hạ đám tân binh sẽ được gửi sang chiến trường Việt Nam trong trại huấn luyện thủy quân lục chiến Mỹ, vừa chạy bộ cùng đám binh sĩ vừa liên tục chửi thề. Khi tập điều lệnh hăn gào to: “Cỏ mọc tốt nhờ cái gì? Máu. Máu. Máu! Chúng ta làm gì để sống?... Giết. Giết. Giết”.

Đó là cảnh mở đầu bộ phim “Áo giáp sắt” (*Full Metal Jacket*, 1987)<sup>1</sup>. Phần đầu bộ phim với các cảnh quay cho thấy quy trình huấn luyện 8 tuần rất tỉ mỉ, khắc nghiệt và bạo lực cốt để “tẩy não” những chàng trai mẫn tơn thiện lương trở thành vũ khí giết người ghê rợn.

Trong phim có cảnh nhân vật chính di chuyển đến phân đội chiến đấu bằng trực thăng. Khi chiếc trực thăng bay là là trên cánh đồng, tên xạ thủ súng máy trực thăng

---

1. Âm chỉ một loại đạn (của súng tiểu liên M16) có sức sát thương lớn của lính thủy đánh bộ Mỹ.

bắt đầu xả đạn vào những người nông dân đang miệt mài lao động và gào to đầy kích động:

- Ngon không?

- Mày chết này!

- Đoàng! Mày chết! Đoàng! Đoàng!

Tên xạ thủ hướng sang nhân vật chính đang hồ nghi cái khung cảnh đó, huênh hoang:

- Bất kỳ tên nào chạy đều là Việt Cộng! Tên nào đứng yên mới là Việt Cộng có kỷ luật tốt<sup>1</sup>. Tôi đã giết được 157 tên Việt Cộng. Với cả 50 con trâu nước nữa. Tất cả đều được xác nhận!

Nhân vật chính hỏi:

- Có phụ nữ hay trẻ em không?

Cười tươi và trả lời: Đôi khi.

- Sao anh có thể giết cả phụ nữ và trẻ em chứ?

- Dễ mà! Chỉ cần không để họ sống lâu quá... Ha Ha Ha!

Chiến tranh thật là khốn khiếp phải không?

Hollywood đã làm rất nhiều phim về đề tài chiến tranh Việt Nam. Cũng có những bộ phim ảo tưởng, thiếu thực tế, kiểu Don Quijote, ca ngợi nước Mỹ bách chiến, bách thắng, như phim “Rambo” (1982) (Sylvester Stallone thủ vai chính), phim “Mũ nồi xanh” (*The Green Berets*, 1968) (John Wayne vai chính)... Nhưng tất thảy những tác phẩm điện ảnh gây được tiếng vang đó đều nói đến di chứng của chiến tranh

---

1. “Anyone who runs, is a VC. Anyone who stands still, is a well-disciplined VC!”.



Việt Nam hết sức bi thương, đã hồi thúc sự phản tỉnh quá đổi cay đắng. Nói cách khác, những bộ phim mà nội dung bao phủ không khí chiến tranh điên loạn, tả chân sự hủy diệt con người thảm khốc đã truyền đi một thông điệp phản chiến mạnh mẽ. Cũng phải nhắc tới những tác phẩm điện ảnh tiêu biểu xoay quanh chủ đề chiến tranh Việt Nam, như: “Thợ săn hươu” (*The Deer Hunter*, 1978), “Sách Khải huyền” (*Apocalypse Now*, 1979), “Trung đội” (*Platoon*, 1986), “Giấc mơ có thật” (*Jacob’s Ladder*, 1990),...

Bộ phim “Áo giáp sắt” công chiếu năm 1987 cũng nằm trong số những tác phẩm điện ảnh nổi tiếng<sup>1</sup>. Các nhà phê bình đã nhận xét bộ phim “Áo giáp sắt” là một kiệt tác điện ảnh thực thụ, đã tố cáo cái tổ chức quân đội quái thai, lấy lý do chiến tranh Việt Nam, để tạo ra “những cỗ máy giết người” bởi chính chúng ta.

Cái tên Hồ Chí Minh ở Việt Nam là biểu trưng của tinh thần thời đại mà nhân dân muốn cụ thể hóa. Nhân dân Việt Nam tôn kính Người, nhưng dưới con mắt các chính quyền Mỹ, Hồ Chí Minh là đối tượng của sự phê phán vì đơn giản Người là cộng sản. Lính Mỹ không do

---

1. Năm 2001, Viện Phim ảnh Mỹ - America Film Institute (AFI) đã xếp hạng phim “Áo giáp sắt” đứng vị trí 95 trong danh sách 100 phim xuất sắc nhất trong 100 năm vừa qua (AFI’s 100 Years... 100 Thrills). Năm 2008, tạp chí *Empire* xếp hạng phim “Áo giáp sắt” đứng vị trí 457 trong số 500 phim hay nhất mọi thời đại. Kênh truyền hình Channel 4 của Anh xếp hạng phim đứng thứ 4 trong số những bộ phim hay nhất về đề tài chiến tranh (B.T).

dự xử những ai theo Hồ Chí Minh. Bởi vậy chúng mới tạo ra cái khẩu hiệu hoang đường, vô căn cứ “Bất kỳ tên nào chạy đều là Việt Cộng! Tên nào đứng yên mới là Việt Cộng có kỷ luật tốt”. Phương thức chiến tranh của quân Mỹ ở Việt Nam là giết người tùy tiện, ở bất cứ đâu, bất cứ khi nào.

Giám đốc sản xuất phim Stankey Kubrick được giới phê bình điện ảnh gọi là tài năng xuất chúng, qua bộ phim của ông đã lột tả những hình ảnh điên rồ của cuộc chiến tàn bạo mà quân đội Mỹ đã tiến hành ở Việt Nam.

## **2. Cái tên “Hồ Chí Minh”**

Sài Gòn 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975.

Những chiếc xe tăng của Quân Giải phóng đã húc đổ cổng sắt của Dinh Độc lập. Với sự kiện này, Việt Nam đã kết thúc “trận cuối cùng” của cuộc trường chinh gian khổ, 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và hơn 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975), giành chiến thắng huy hoàng, thống nhất đất nước. Chính vào thời khắc Nam Bắc sum họp một nhà, tất cả các nhà lãnh đạo của Hà Nội (Bắc Việt) không phân biệt ai với ai, không ngăn được những giọt nước mắt, ngậm ngùi nhớ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã mãi mãi đi xa từ sáu năm trước, năm 1969.

Phạm Tuyên là một nhạc sĩ tài hoa. Cha ông là Phạm Quỳnh, một trí thức lớn. Tuy cha tham gia chính quyền Bảo Đại, là một quan đại thần triều Nguyễn, nhưng

Phạm Tuyên vẫn cùng chiến đấu và ủng hộ cách mạng. Ngay trước thềm ngày chiến thắng 30/4/1975, Phạm Tuyên, với cảm hứng dâng trào, sáng tác nên ca khúc ngợi ca Hồ Chí Minh:

“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng,  
Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng.  
Ba mươi năm đấu tranh giành toàn vẹn non sông,  
Ba mươi năm dân chủ cộng hòa kháng chiến đã  
thành công.

Việt Nam Hồ Chí Minh!

Việt Nam Hồ Chí Minh!

Việt Nam Hồ Chí Minh!

Việt Nam Hồ Chí Minh!”.

Nguyễn Văn Trỗi (01/02/1940 - 15/10/1964) là người đã thực hiện cuộc đánh bom trên cầu Công Lý bất thành nhằm vào phái đoàn quân sự cao cấp do Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Robert McNamara dẫn đầu. Mười tám ngày sau khi kết hôn, đêm 09/5/1964, anh Trỗi bí mật nhận nhiệm vụ ám sát McNamara. Sự kiện này của Nguyễn Văn Trỗi được ví như sự kiện nhà cách mạng người Triều Tiên nổi tiếng An Jung-geun ám sát Itō Hirobumi - Thủ tướng đầu tiên của Nhật Bản.

Suốt 6 tháng ở trong tù, chịu bao nhiêu cực hình tra tấn và dụ dỗ của địch, nhưng anh vẫn nhất quyết bảo vệ bí mật của đồng chí mình. Tòa án quân sự đã tuyên án tử hình công khai đối với anh. Sáng 15/10/1964, trước sự chứng kiến của

nhiều phóng viên nước ngoài tại trường bắn, chàng trai trẻ Nguyễn Văn Trỗi đã đồng dục:

- Quý vị là những nhà báo, đương nhiên quý vị hiểu. Kẻ xâm lược nước tôi, tàn sát nhân dân tôi là Mỹ. Kẻ lên mọi ý đồ để khuất phục Tổ quốc tôi chính là McNamara. Tôi muốn trừng phạt hắn vì đã phạm tội không thể kể xiết trên mảnh đất này.

Hai cánh tay bị bẻ quặt cánh gà, trói chặt vào cột, khăn bịt mắt, anh bình thản đón nhận cái chết. “Mong muốn cuối cùng của tôi là được nhìn mảnh đất này, Tổ quốc thân yêu của tôi. Hãy bỏ bịt mắt”.

Khăn bịt mắt vừa được cởi bỏ, anh đã hô vang: “Hãy nhớ lấy lời tôi! Đả đảo đế quốc Mỹ! Việt Nam muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!”.

Hồ Chí Minh đối với những người Việt Nam yêu nước đồng nghĩa với Tổ quốc Việt Nam tự hào.

### **3. Chủ nghĩa McCarthy và cách nghĩ suy diễn**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ nổi lên với vai trò là siêu cường số một thế giới, duy nhất, Liên Xô được xem là đối thủ tương xứng để đối đầu với Mỹ. Người ta gọi chính quyền Mỹ, nhân tố có thể thao túng nền chính trị, kinh tế thế giới, theo thuật ngữ báo chí là “Washington”. Hạt nhân quyền lực thực tế của “Washington” không phải là các chính trị gia ở Thủ đô nước Mỹ mà là các doanh nghiệp Mỹ. Vì nền tự do và sự bảo đảm cho các doanh nghiệp, “Washington”

vừa hỗ trợ thúc đẩy dân chủ, vừa tài trợ cho chính phủ độc tài nhiều quốc gia trên thế giới.

Những doanh nghiệp này, về bản chất, hết sức lo ngại các phong trào xã hội, đặc biệt là phong trào công nhân. Trong khi đó, sức ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản<sup>1</sup> Liên Xô ngày càng lớn mạnh, được xem là điều không thể chấp nhận, ngay cả trong tưởng tượng cũng là “con ác mộng”. Mỹ và Liên Xô trở thành đối trọng của nhau. Những năm 1950, cuồng phong chống cộng trong xã hội Mỹ nổi lên một cách cực đoan, nhưng cũng không thể chỉ đổ thừa cho cái tinh thần “anh hùng” phi lý của cá nhân một thượng nghị sĩ Joseph McCarthy<sup>2</sup>. Chủ nghĩa McCarthy là chủ nghĩa chống

---

1. Chủ nghĩa cộng sản không phải là của riêng C. Mác. Theo Mạnh Tử, bản năng của con người là “thực” và “sắc”. Kết quả của nỗ lực giải quyết cái “thực” (vấn đề kinh tế) mà Mạnh Tử nói đến là lý luận về chủ nghĩa tư bản của C. Mác. Sigmund Freud là người đã cố gắng làm sáng tỏ một cách chính thức bản chất của “sắc” (dục vọng). Gốc rễ của chủ nghĩa cộng sản đã có từ lâu. Khổng Tử đã giải thích về sự sở hữu công đối với tài sản. Khổng Tử nói: “Không sợ thiếu. Chỉ sợ không công bằng. Đã công bằng thì không nghèo”. Trong tác phẩm *Chính trị luận*, Aristotle cũng đã viết: “Đằng sau sự phản kháng ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào đều có mong ước về sự công bằng”.

2. Joseph McCarthy (1908-1957) là một chính trị gia người Mỹ, thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa bang Wisconsin từ năm 1947 cho đến khi qua đời năm 1957. Là người giữ chức vụ cao trong Chính phủ Mỹ, nhưng McCarthy đã có những hành động khởi tố, bắt giam vô căn cứ và vô trách nhiệm những người bị xem là cộng sản có âm mưu lật đổ chế độ, nhằm khủng bố một cách bừa bãi những người không hài lòng với chế độ.

cộng sản. “Washington” đã quan niệm rất ấu trĩ rằng nhân dân theo Hồ Chí Minh đánh đổ chính quyền Quốc gia Việt Nam bù nhìn của mình là tay sai của Moskva. Dù Hồ Chí Minh là ai, chừng nào còn là cộng sản, là điều mà “các doanh nghiệp” thù ghét, và với “Washington” vẫn là đối tượng cần phải loại bỏ.

Hàn Quốc là quốc gia duy nhất trên trái đất này dù đã đi qua chiến tranh tương tàn, thâm trầm (1950-1953), song vẫn còn nguyên sự căng thẳng và đối đầu của thời kỳ Chiến tranh lạnh. Lời mở đầu cuốn *Lịch sử Hàn Quốc hiện đại* của Bruce Cumings bắt đầu như thế này:

“Mọi sự kiện, mọi sự thật, mọi ngôn từ trong lịch sử hiện đại Hàn Quốc đều được nhìn qua hai lăng kính nên đã bị “tật khúc xạ”. Hơn bất cứ quốc gia nào trên thế giới, Hàn Quốc sẽ phải chịu cú sốc về sự chia cắt, về ý thức hệ lâu hơn và khốc liệt hơn”.

Sự lẫn lộn của chủ nghĩa chống cộng cực đoan (chủ nghĩa McCarthy) đã làm tê liệt nhận thức và lý tính thông thường là “không hô hào chống cộng tức là bọn Đỏ”. Ngày nay, trong xã hội chúng ta, điều này vẫn còn tồn dư dai dẳng khắp nơi. Phái cực hữu McCarthy như con chó<sup>1</sup> của Pavlov, cứ nghe tiếng chuông là tiết dịch vị, cứ nói đến Hồ Chí Minh là liên tưởng ngay đến “bọn Đỏ”.

---

1. Thí nghiệm nổi tiếng của Ivan Petrovich Pavlov - nhà sinh lý học, tâm lý học và thầy thuốc người Nga, về phản xạ có điều kiện (B.T).

Phái cực hữu đầu có quan tâm đến sự tiến bộ, ngay cả việc Việt Nam đánh đuổi xâm lược Mỹ và thống nhất đất nước, chúng hết sức thờ ơ. Có chăng thì cũng chỉ nghĩ được Hồ Chí Minh đơn giản là người tốt, chứ không nghĩ lịch sử thống nhất Việt Nam và Hồ Chí Minh, người lãnh đạo của quá trình đó phải được xem là mẫu mực.

Chúng ta và Việt Nam có nhiều tương đồng. Vừa thoát khỏi ách thống trị thực dân thì liền ngay sau đó phải nếm trải bi kịch Bắc, Nam chia cắt và huynh đệ tương tàn (đối với Hàn Quốc) - cái “ách” của Chiến tranh lạnh.

Chiến tranh Triều Tiên nổ ra năm 1950 là cuộc chiến tranh hủy diệt quy mô khó thống kê. Cuộc chiến kết thúc năm 1953 với quá nhiều tổn thất mà không giải quyết được bất cứ việc gì. Đến nay, đã qua hơn 60 năm, vấn đề muốn giải quyết vẫn còn đó trên bán đảo Triều Tiên.

Chín năm kháng chiến chống Pháp (được Mỹ viện trợ), hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ và chính quyền tay sai, năm 1975, bằng sức lực của mình, Việt Nam đã giành được độc lập và thống nhất trọn vẹn.

Vụ khủng bố ngày 11/9/2001 đã phá hủy Trung tâm thương mại New York, Bush tạo cớ, phát động chiến tranh xâm lược Irắc, ngiênhi rằng vì dầu mỏ.

Không một quốc gia Bắc Âu nào thường vẫn hay hô hào (ra vẻ) lương tâm, dám hé răng về Bush rằng “Ông là kẻ xâm lược”.

Tổng thống Roh Moo-hyun (1946-2009) từng nói nếu trúng cử sẽ không đi Mỹ, vậy mà cũng chẳng chần chừ thể hiện sự đồng tình với cuộc chiến tranh Irắc (gửi quân tới Irắc).

Việt Nam tuy vẫn là nước nghèo, nguồn vốn một phần dựa nhiều vào đầu tư của Mỹ, nhưng là nước duy nhất mạnh mẽ phản đối sự can thiệp của Mỹ đối với Irắc.

Cái dũng khí dám nói “Hoàng đế đang cởi truồng”<sup>1</sup> chính là cội nguồn của sức mạnh làm nên lịch sử thắng Mỹ của Việt Nam mà chúng ta nên quý trọng mà học.

Về lý, việc học sinh trung học và cao đẳng ở ta tập trung đốt nến biểu tình phản đối việc nhập thịt bò điên của Mỹ<sup>2</sup> do một số phe nhóm phong trào phát động, được xem là chân chính, nhưng tôi thì ước chừng mức độ của phe tiến bộ ở ta vẫn chỉ loanh quanh ngoài rìa của sự chống Mỹ, liệu có đúng chăng?

Tại sao phe tiến bộ ở ta không xem việc Việt Nam “đánh cho Mỹ cút”, thống nhất đất nước là một hình mẫu? Sợ dĩ tôi đặt ra câu hỏi này là vì sau năm 1974, khi ra mắt cuốn sách kinh điển của thời đại chúng ta *Lôgic của thời kỳ chuyển đổi* (*The Logic of Transition Period*) của Lee Young-hee thì hầu như không có cuốn sách nào tích cực minh chứng chân sự thật về chiến tranh Việt Nam. Chỉ có một số báo, tạp chí, ít cuốn sách, trong đó gồm cả những xuất bản phẩm của

---

1. Chuyện cổ tích Andersen “Bộ quần áo mới của hoàng đế” (B.T).

2. Xem “Biểu tình chống nhập khẩu thịt bò Mỹ ở Hàn Quốc”, <http://www.nhandan.com.vn/thegioi/tin-tuc/item/10267902-.html> (B.T).



nhà văn Bang Hyeon-seok<sup>1</sup>, trường Đại học Chung-Ang, là giúp chúng ta hiểu đúng về Việt Nam. Người ta nói, ở Mỹ sách và luận án đề cập chuyên sâu về chiến tranh Việt Nam và Hồ Chí Minh lên tới cả vạn cuốn. Ở ta, “sự nghèo nàn” về sách như thế nào thì chúng tỏ sự quan tâm, chú trọng của chúng ta cũng nghèo nàn như vậy.

Tôi đã kể những chuyện tôi biết về Việt Nam và Hồ Chí Minh cho nhiều nhân sĩ tiến bộ, nhưng đa số họ tỏ thái độ xấc xược. Họ lý lẽ rằng chúng ta cũng có một Bắc Triều Tiên và Chủ tịch Kim Nhật Thành vĩ đại đáng tự hào không thua kém gì Việt Nam và Hồ Chí Minh.

Lịch sử Triều Tiên cổ đại, Bách Tế (Hanguk) chiến tranh với Tân La (Silla) hay lịch sử của Bắc Hàn hoặc ngay như lịch sử của chúng ta là những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ. Việc Bắc Hàn triệt để thanh toán phái “thân Nhật” rõ ràng là lịch sử đáng tự hào, hoặc đường lối tự chủ, nhất quán cũng là điều đáng tôn trọng trong nền ngoại giao. Tuy nhiên, trong kiến giải của một số nhân sĩ tiến bộ cho rằng Bắc Hàn làm tốt hơn Việt Nam thì tôi cảm thấy ở đây có cái gì cố chấp, hẹp hòi của chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

---

1. Bang Hyeon-seok (sinh năm 1961) thuộc thế hệ những nhà văn trẻ của Hàn Quốc, hiện là giáo sư trường Đại học Chung-Ang. Ngay từ khi còn là sinh viên, anh đã tham gia phong trào đấu tranh đòi dân chủ. Bang đặc biệt yêu mến Việt Nam, là Hội trưởng Hội các tác giả trẻ muốn tìm hiểu Việt Nam (B.T).

Cái cách suy nghĩ (phương thức tư duy) duy nhất mà tôi nói đến đó là khuynh hướng “chụp mũ” (thiên hạ) bằng “tiền đề suy diễn” (được hiểu là quan niệm như đóng đinh của chủ nghĩa kinh nghiệm).

Học giả Kim Young-ok đã đưa ra nhận xét về cái “tiền đề suy diễn” đặc biệt chỉ chúng ta (Hàn Quốc) mới có như này:

““Triết học phương Đông ở nước ta vong vì *Kinh dịch*. Hàn y của ta vong vì *Nội kinh*”<sup>1</sup>.

Lời nhận xét này, về hình thức, có vẻ kém tinh tế, nhưng thực chất là chê trách khuynh hướng mang tính ý niệm (bảo thủ, kinh nghiệm) của người Hàn, nói cách khác là nhìn nhận sự vật dưới tiền đề mang tính suy diễn.

Người nước ta trước khi bình tâm quan sát<sup>2</sup> những kinh nghiệm thường nhật xung quanh - những sự thật có tính quy nạp (kết luận) - hay lại vội vàng xác tín một nguyên lý hay một tiền đề có tính ý niệm (quan niệm)

---

1. *Kinh Dịch* là một trong năm quyển kinh điển trong văn học Trung Hoa (*Ngũ Kinh*) dùng làm nền tảng trong Nho giáo, nói về các tư tưởng triết học của người Trung Hoa cổ đại dựa trên các khái niệm âm dương, bát quái,... *Nội Kinh* là tác phẩm kinh điển lý luận hàng đầu của nền y học Đông phương. Từ xưa, các danh y nổi tiếng như: Hoa Đà, Biển Thước, Y Doãn, Hải Thượng Lãn Ông, Tuệ Tĩnh đều coi đây là cuốn sách gối đầu giường hỗ trợ đắc lực trong việc nghiên cứu chẩn trị, bổ tả, liệu được bệnh nhân và truyền dạy cho môn sinh, đệ tử (B.T).

2. Người ta nói rằng, du học sinh Hàn Quốc sang Mỹ không biết hỏi “Why” (tại sao) và “How” (như thế nào, bằng cách nào).

xuyên suốt cả vũ trụ. Tôi không thể hiểu về mặt lịch sử “cái ham muốn” này được hình thành như thế nào, chỉ biết rằng khuynh hướng “đại khái” này (chỉ chú ý những cái chung, thiếu đi sâu vào những cái cụ thể) chắc chắn đóng vai trò chi phối<sup>1</sup>.

Tóm lại, tùy theo cái “tiền đề suy diễn” mà người ta không ngần ngại quyết định mọi phương thức hành động.

Trước khi bình tâm đọc tác phẩm *Tư bản* của C. Mác, trước khi ủng hộ cuộc vận động “ý thức hóa” nhằm hiểu được toàn bộ cấu trúc mang tính suy diễn của tư tưởng cộng sản chủ nghĩa<sup>2</sup> và làm rõ bản chất của tư tưởng ấy, để cái cấu trúc mang tính suy diễn của tư tưởng cộng sản chủ nghĩa ẩn sâu vào trong suy nghĩ, thì con người ta phải không sợ hy sinh tính mạng.

Khuynh hướng tin một cách mù quáng của đại bộ phận (cuồng tín) là căn bệnh sinh ra từ “ham muốn” tin chắc chắn, không chút nghi ngờ vào một số tiền đề mang

---

1. Việc “cha truyền con nối” (chế độ “thế tập”) quyền lực chính trị của Bắc Hàn liệu có thể khác so với “cha truyền con nối” quyền lực kinh tế, quyền lực giáo hội, quyền lực ngôn luận, quyền lực nghị viện của Nam Hàn hay không?

2. Liệu từ thời nguyên thủy đã có chủ nghĩa hay chưa? Chẳng phải chính sự bất mãn của con người đã tạo ra chủ nghĩa. Nếu đứng từ góc nhìn của chủ nghĩa quân chủ thì chủ nghĩa dân chủ ngày nay của chúng ta quả là chế độ bất kính. Dưới con mắt của chủ nghĩa tư bản, thì chủ nghĩa cộng sản cũng tương tự như vậy. Ai có thể khẳng định chủ nghĩa tư bản sẽ không diệt vong.

tính suy diễn. Cái đó là khuynh hướng mù quáng, cảm tính thay vì gọi là lôgic”<sup>1</sup>.

Cái tiền đề suy diễn này nói một cách nôm na, dễ hiểu như thế “nhìn cái biết ngay”. Nếu nhìn lướt từ đầu chí cuối rồi kết luận là đã biết hết rồi là một sai lầm về năng lực thấu thị. Ấy là do sự cả tin mơ hồ, tình trạng lúng túng bởi giả thức. Cái tiền đề ấy một khi “ăn” vào xương vào tủy thì lập tức (người ta) rơi vào tình trạng “chỉ có ta là duy nhất đúng” (duy ngã độc tôn) rất vô lý...

Có những kẻ cuồng tín đeo trên lưng và ngực những dòng chữ như “Có Chúa là thiên đường, không có Chúa là địa ngục” rồi đi lại phía trước ga Seoul, hay những nhà nho của thời kỳ Joseon phải hứng chịu sự chỉ trích nếu như trót nhắc tới một vài câu nói của Lão Tử mà không phải là lời của Khổng Tử, Mạnh Tử<sup>2</sup>, hay hiện thực: Không biết bản chất của chủ nghĩa cộng sản là gì nhưng cứ lao đầu vào hai thứ cực đoan: Nếu không tung hô “lãnh tụ muôn năm” thì cũng “phản đối cộng sản xấu xa”. Tuy thời thế đã khác nhưng vẫn có thể dễ dàng nhận ra cái tiền đề suy diễn giống nhau đến ngạc nhiên ở những người này.

---

1. Trích trong Lời tựa của cuốn *Hiếu về triết học White Head* của Môn Chang-ok, Nxb. Tongnamu, 1999.

2. Những người bóp méo Nho giáo bằng những hành động đi ngược lại những giáo lý Nho giáo.

Ta nói rằng lời của Chúa Jesus, của Khổng Tử hay của C. Mác là chân lý cũng đúng thôi. Nhưng nếu cứ khẳng định “chỉ lời nói của họ là duy nhất đúng” thì lại là sự áp đặt quá đáng. Dù cùng một hiện tượng nhưng rõ ràng vẫn có một hệ thống luận giải theo cách khác. Danh họa Picasso từng nói: “Nếu chỉ có một chân lý duy nhất, làm sao có thể vẽ hàng trăm bức tranh trên cùng một đề tài được”<sup>1</sup>.

Nếu cứ khẳng định cho rằng chủ nghĩa là đúng đắn và đe dọa chính trị nếu như chỉ cần sử dụng từ “cộng” của “cộng sản chủ nghĩa” thì cũng chẳng khác nào những kẻ cuồng tín tôn giáo cứ chạy vòng vòng khắp ga Seoul. Thái độ của cộng sản chủ nghĩa với tư bản chủ nghĩa cũng tương tự như vậy.

Việc không nỗ lực để xem xét chi tiết những ưu nhược điểm của một tư tưởng cho dù nó có sức thu hút đến đâu cũng giống như phái cấp tiến. Chủ nghĩa cộng sản không chỉ

---

1. Chúa Jesus răn dạy: “Hãy yêu kẻ thù”, nhưng trong cuộc đời thực, điều này là chưa thể thực hiện. Giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin là về sự bình đẳng cũng chưa thể phát huy sức mạnh biến cải được hiện thực. Tôi coi việc Liên Xô (cộng sản) hay Mỹ (của Thanh giáo) can thiệp vào Afganistan đều là sự xâm lược xuất phát từ lợi ích của chủ nghĩa đế quốc. Nếu phái hữu có sự khoa trương và cuồng tín thì phái tả cũng vậy. Tính bảo thủ của chúng ta tồn tại dai dẳng ngay cả trong việc làm chứa đựng sự bình đẳng như việc cấp phát đồ ăn miễn phí, chúng ta cũng đem những tư tưởng phân biệt màu da vào đó. Ngay cả một bộ phận của phái cấp tiến cũng có thói xấu là cứ hễ ai phê phán chế độ Bắc Hàn, dù chỉ một chút thôi, cũng quy chụp họ là tay sai của chủ nghĩa đế quốc.

gây nổi loạn và đòi quyền tự do cho con người mà còn là hiện thực đàn áp bằng chế độ chuyên chính<sup>1</sup>. Kim Hwa-young<sup>2</sup> - người viết *Bức thư thép* đã đưa ra “Tư tưởng chủ thể” và những kẻ gọi là “phái tư tưởng chủ thể” bị “tẩy não” vào những năm 1980 vẫn chưa thể nhận ra sự thật là bản thân mình chỉ là “ếch ngồi đáy giếng” - người ta thấy những hành động của mình là đứng dưới con mắt của chính mình. Để nhận ra bản thân mình là “ếch ngồi đáy giếng” thì chỉ có cách là thoát khỏi cái giếng. Dù sao đi nữa, cũng không còn gì buồn hơn việc phái cấp tiến cứ chìm trong cuộc tranh luận về việc phê phán khuynh hướng đánh giá tích cực đối với Đảng Lao động Triều Tiên của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên để rồi chia rẽ.

Hồ Chí Minh nói: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác. Cách đây 2.000 năm, Đức Chúa Giêsu

---

1. Trích trong *Chủ nghĩa cộng sản, xã hội không tưởng bị trì hoãn* của Philippe Buton. Ông là một nhà văn người Pháp đã đề cập đến nhiều sự kiện và nhân vật của chủ nghĩa cộng sản vào thế kỷ XX nhưng không đề cập đến Hồ Chí Minh và chiến tranh Việt Nam. Không biết là vì cuộc chiến giữa Pháp và Việt Nam, hay là vì ông không thích chủ nghĩa cộng sản kiểu Hồ Chí Minh, nhưng dù sao thì Hồ Chí Minh cũng không được ưa thích bởi những người cộng sản theo kiểu Stalin.

2. Kim Hwan-young rơi vào trạng thái tự mãn và đấu tranh theo kiểu cưỡng chế tàn ác. Tự xưng mình là hậu bối của Jeon Tea-il, tham gia cuộc vận động lao động rồi trở thành nhà chính trị ham mê quyền lực.

đã nói là ta phải yêu mến các kẻ thù của ta. Điều đó đến bây giờ vẫn chưa thực hiện được. Còn khi nào thì chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ”.

Hồ Chí Minh đã chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm ý thức hệ (ý niệm) phù hợp để đương đầu với sự bóc lột thuộc địa hà khắc của đế quốc. Nhưng Người ý thức được rằng, dù tư tưởng hay tôn giáo vĩ đại đến đâu cũng có những giới hạn và cái khả năng con người có thể thực hiện lý tưởng trong thực tế là vô hạn. Hồ Chí Minh thấu hiểu cái hậu quả tai hại của việc “tự cho là đúng” do quá khuôn vào ý thức hệ và nặng về khái quát hóa.

Nhân dân Việt Nam bị áp bức mong muốn độc lập và tự do. Nhận ra chân lý, Hồ Chí Minh nguyện hiến dâng cả cuộc đời vì độc lập và tự do của dân tộc. Đó chính là điều khiến nhân dân cảm động và kính phục Người. Cuộc đời Hồ Chí Minh là một cuộc đời thanh tao, không gọn chút riêng tư, luôn tôn trọng nguyên tắc, có niềm tin vào sự thật và chính nghĩa.

Hồ Chí Minh hầu như không viết về cuộc đời mình, ngay cả khi Người trở thành nhân vật tầm cỡ thế giới. Người cũng không tạo ra hay tô vẽ bối cảnh trưởng thành của mình mà luôn trung thực đối diện thực tế khách quan. Hồ Chí Minh không muốn quần chúng thần thánh hóa

hay thần tượng hóa mình bởi đó là lòng tin mù quáng; Người là tấm gương chống sùng bái cá nhân, kiên quyết từ chối những danh xưng kiểu như “Vàng thái dương của dân tộc”, “Lãnh tụ kính yêu”<sup>1</sup>. Khác với bất kỳ nhà lãnh đạo nào, Hồ Chí Minh còn có một đức tính nổi bật đó là khiêm tốn, khiêm nhường, điều mà ngay cả đối phương cũng hết sức ấn tượng.

Năng lực lãnh đạo của Hồ Chí Minh không phải là thần bí; sức hấp dẫn và thuyết phục của Hồ Chí Minh không phải bởi uy quyền. Nhân dân Việt Nam gọi Người là “Bác Hồ” - cách gọi trìu mến, có tính chất gia đình, biểu thị lòng yêu quý và lòng kính trọng. Đối với mỗi chiến sĩ, Bác Hồ như luôn đồng hành cùng với họ, đồng viên, thôi thúc họ...

Hồ Chí Minh luôn dựa trên thực tiễn sinh động của cuộc sống, không áp dụng một cách máy móc, giáo điều. Phải chăng Hồ Chí Minh tiếp thu, chắt lọc lý luận cách mạng Mác - Lênin bằng tấm lòng nhân từ của Khổng Tử? Triết gia người Mỹ Ralph Waldo Emerson từng nói: “Người lãnh đạo vĩ đại chính là ở chỗ mở ra chân trời mới cho mọi nhân tính”. Điều đó cứ như thể là một dự báo về sự xuất hiện của Hồ Chí Minh. Liệu có nhà lãnh đạo chính trị nào trên thế giới vĩ đại hơn như thế?

---

1. Việc “thần thánh hóa” Kim Nhật Thành so với sự thật lịch sử, trong *Lịch sử cuộc vận động độc lập ở Hàn Quốc dưới cái nhìn của Douk* (EBS, 2005).



Khi được hỏi “Vì sao không xây dựng một tư tưởng hay lý luận mới”, Người chỉ trả lời: “Việc đó Mao Trạch Đông đã làm rồi”. Lý luận cách mạng của Hồ Chí Minh nếu không phải là “độc lập tự do của dân tộc” thì không còn ý nghĩa nào khác nữa.

Tôi cho rằng mình phải có nghĩa vụ chứng minh bản tính mộc mạc, khiêm nhường và chân thật của Hồ Chí Minh còn vĩ đại hơn bất cứ những tư tưởng lớn nào<sup>1</sup>. Làm được như vậy thì những lời tôi phê phán cái quan điểm suy đồi của phe tiến bộ (của Hàn Quốc) mới có sức thuyết phục.

#### **4. Người bạn tên Việt**

Tư Mã Thiên, người được suy tôn là Sử Thánh, cho rằng vấn đề lớn nhất gặp phải khi đọc sách là sự thiếu hiểu biết về phong tục và hoàn cảnh địa lý ở sự kiện lịch sử phát sinh (bằng chứng lịch sử). Bởi vậy, để viết nên tác phẩm *Khổng Tử thế gia* ông đã quyết thực hiện chuyến du hành hàng ngàn dặm từ Tráng An (tỉnh Thiểm Tây) đến Khúc Phụ (tỉnh Sơn Đông).

Có một lúc nào đó tôi đã thề rằng mình sẽ thực hiện như Tư Mã Thiên. Chẳng biết ý thức hệ nào, tôi chỉ mơ ước đi theo dấu chân Hồ Chí Minh, người đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam trường kỳ đấu đầu với các cường quốc

---

1. Tư tưởng có thể giải thích hoặc phân tích những hành vi trong xã hội, cũng như tạo ra lịch sử, vì thế không thể phủ nhận tầm quan trọng của tư tưởng.

đế quốc mạnh nhất: Pháp, Nhật, Trung Hoa dân quốc, tạo nên huyền thoại bất tử.

Khi học năm thứ ba khóa chính quy Đại học Nha khoa, tôi chơi với rất nhiều bạn năm dưới.

Park Jung-geun, sinh viên mới nhập trường, là người tôi có cảm tình nhất trong những lần gặp mặt. Năm 1981, vì tham gia phong trào phản đối chính quyền Jeon Du-hwan, cậu bị bắt bỏ tù. Park Jung-geun đã dẫn bước mạnh mẽ trên con đường đầy chông gai của phong trào công nhân. Đầu năm 2008, người ta nói rằng Park Jung-geun đang dành thời gian một năm để cải biến nhận thức của mình về phong trào công nhân. Đột nhiên, tôi nổi lên ý nghĩ sẽ phải cùng cậu ấy đi nghiên cứu Việt Nam.

Tôi nghĩ thay vì đi hai người thì đi vài người sẽ hay hơn. Người đầu tiên tôi nghĩ tới là cậu em Kim Chan-su. Và nữa, Lee Jae-gap, tác giả tấm ảnh vạch trần sự thật trong sự kiện tàn sát ở mỏ Coban Kyung San xảy ra hồi chiến tranh Triều Tiên, cũng là bạn đồng hành tốt. Bởi vậy bốn người chúng tôi từ ngày 11/9/2008 đến ngày 27/9/2008 đã đi Việt Nam. Trong chuyến du khảo đó, trước tiên chúng tôi đề ra hành trình, cùng nhau lựa chọn điểm đến là các bảo tàng ở Thủ đô Hà Nội, quê hương Nghệ An của Hồ Chí Minh, căn cứ cách mạng Cao Bằng, Điện Biên Phủ, nơi chiến thắng lừng lẫy, cố đô Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp theo là phải chọn hướng dẫn viên. Điện thoại hỏi Tiến sĩ Ku Su-jeong, chuyên gia về lịch sử Việt Nam ở

Thành phố Hồ Chí Minh, thì bà mách nước, hãy liên hệ với Giáo sư Bang Hyeon-seok là Hội trưởng Hội các tác giả trẻ muốn tìm hiểu Việt Nam để tìm người bạn Việt Nam tên Việt ở Hà Nội.

Để viết được cuốn sách này khi đi khắp Việt Nam, anh bạn Việt là người đã hướng dẫn, đồng hành cùng tôi đi các địa phương miền Bắc.

Liên lạc với anh Việt, tôi phân bua mình đi khảo cứu chứ không phải là đi du lịch, Việt lên ngay kế hoạch lịch trình cho hợp với ý định của tôi.

Trước khi xuất phát, tôi mở cuốn *Sao mọc lên ở Hà Nội* của Giáo sư Bang Hyeon-seok, xem kỹ lại phần nói về anh bạn tên Việt: “Việt là lưu học sinh Việt Nam du học năm 1965. Ngay trong thời gian diễn ra cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có kế hoạch lựa chọn những người trẻ có năng lực gửi đi du học các nước trên thế giới. Việt là một trong số đó, lưu học sinh Việt Nam ở Triều Tiên. Khi đi, họ được phát một bộ quần áo, một đôi giày, một chiếc vali, và đó là toàn bộ. Không! Không chỉ có vậy, trong hành trang còn là những lời dặn dò thống thiết, đại ý: Chính phủ còn khó khăn, trong khi các em được gửi đi học, nhân dân cả nước vẫn đang ngày đêm phải đối mặt với bom đạn, gian khổ, hy sinh, mất mát. Nhất định các em phải gắng học tập thật tốt, xứng đáng với sự hy sinh của mọi người. Chiến tranh còn kéo dài, nhưng nhất định chúng ta sẽ giành thắng lợi. Khi đó, nhiệm vụ của các

em là kiến thiết lại nước nhà giàu mạnh. Học tập cũng là chiến đấu.

Việc ăn, ở thì “Chính phủ Triều Tiên” đã đài thọ. Cái đáng lo ngại chính là mùa đông khắc nghiệt, trong khi ở ký túc xá lại không có lò sưởi. Sau chiến tranh, “Chính phủ Triều Tiên” gặp rất nhiều khó khăn do công cuộc tái thiết nên không thể dành sự quan tâm đặc biệt đối với những du học sinh đến từ xứ sở nhiệt đới. Từ khi sang đây, Việt đã sụt mất 4 kg do không hợp đồ ăn nước bạn. Nhưng phải cố gắng và cố gắng, không thể phụ lòng trông mong của mọi người.

- Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, anh vẫn còn ở Bắc Hàn sao?

- Học xong 4 năm nhưng vẫn chưa được về nước, là do có chỉ thị vậy. Trong nước vẫn còn chiến tranh nên bây giờ về cũng chưa có việc gì để làm. Nên tiếp tục ở lại học thêm và thực hành thêm. Học xong không phải là để đưa ra mặt trận.

- Làm thế nào biết tin Chủ tịch Hồ Chí Minh mất?

- Sáng hôm đó, chúng tôi đang chuẩn bị đi học thì một bạn cùng học vừa khóc vừa chạy sang phòng tôi, không nói một lời chỉ khóc. Ban đầu nghĩ là anh của bạn ấy hy sinh ngoài mặt trận nên muốn an ủi, vì khi đó thỉnh thoảng vẫn nhận được tin người thân mất, hy sinh. Lần này cũng chính là tin đó. Nhưng đó là tin Chủ tịch Hồ Chí Minh mất. Chúng tôi chẳng ai đến trường, không học, không ăn,

suốt mấy ngày chỉ khóc. Giáo viên người Triều Tiên đến ký túc xá với thái độ nghiêm nghị: “Chủ tịch Hồ Chí Minh mà trông thấy bộ dạng các em thế này Người sẽ nghĩ gì?”.

Vậy thế là chúng tôi lại trở lại trường học.

Trong chuyến du khảo 10 ngày 9 đêm, trừ lịch trình ở Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đều đi cùng Việt. Trong quá trình đi khảo cứu, tôi có một bản khoản nên hỏi:

- Khi đi du học, anh có được trực tiếp nghe “lời của Hồ Chí Minh” không?

- Không!

- Vậy ra anh đã không thể trực tiếp gặp Bác Hồ?

“Tháng 8/1965, chúng tôi bắt đầu khởi hành, đi tàu chạy bằng dầu diesel nhưng cũng chẳng hơn tàu hỏa chạy than. 5 ngày 4 đêm qua lục địa Trung Quốc mới tới Triều Tiên. Quần áo chỉ có một bộ lại bị lấm lem cả. Vừa đến ký túc xá vội vàng giặt ngay, trên người chỉ bộ đồ lót, lạnh run cầm cập. Vậy mà phải xuống hội trường để dự lễ đón tiếp. Không thể lấy lý do không có quần áo mặc nên đành viện cớ đau bụng xin phép không đến dự được”.

Giấu nước mắt tủi thân, Việt khẽ nhắm mắt lại.

Ngày 05/6/2008, tôi đã được gặp Đại sứ Việt Nam Phạm Tiến Vân tại Hàn Quốc trong bữa tối, khi ông có buổi nói chuyện ở trường Đại học Young Nam. Thật ra thì tôi không được mời tham dự mà thông qua sự giới thiệu tích cực của Giáo sư Kim Tae-il của Khoa Chính trị trường Young Nam là đơn vị tổ chức. Ở đó, tôi xin được phỏng vấn

Đại sứ Phạm, ông đã vui vẻ hẹn trả lời phỏng vấn vào ngày 16/6 tại Đại sứ quán Việt Nam ở quận Samcheong-dong, Seoul. Tôi cùng mấy người em là Park Jang-geun, Tiến sĩ Chae Nam - jeon ở Hội hữu nghị Việt Nam tỉnh Daegu đã tới Đại sứ quán Việt Nam. Mặc dù lịch làm việc dày đặc, Đại sứ vẫn dành thời gian đón tiếp chúng tôi, kể nhiều chuyện và mời cơm tối thân mật tại một nhà hàng Việt Nam trên đường Daehakro.

Đại sứ Phạm Tiến Vân cũng như anh Việt là những lưu học sinh du học Bắc Hàn. Ông sinh năm 1948, kém Việt 2 tuổi và sang Bắc Hàn năm 1967. Việt học Khoa Điện hóa, Đại học Hàm Hưng, còn Đại sứ Phạm Tiến Vân học Khoa Ngữ văn chuyên ngành Văn học cổ điển Triều Tiên, Đại học Kim Nhật Thành. Có phải vì thế mà ngài Đại sứ rất am hiểu tiếng Hàn, sử dụng từ ngữ uyển chuyển, tinh tế, hơn nhiều người Hàn Quốc.

“Quê tôi là một làng quê cách Hà Nội hàng chục km. Hồi tôi học tiểu học, Bác Hồ đã có lần về thăm quê tôi. Khi đó tôi được thay mặt các bạn nhi đồng tặng hoa Người”.

Là nhi đồng được thay mặt cho thiếu nhi cả vùng tặng hoa cho Người thì hẳn là đứa trẻ học hành giỏi giang, lanh lợi.

## **5. Nước mắt Việt Nam**

Khi kể những câu chuyện về Hồ Chí Minh, anh Việt hay nói “Bác của chúng tôi”, còn trong công việc thường gọi “Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Khi đi cùng đoàn chúng tôi, những lúc kể chuyện về mình thường thấy anh rất xúc động. Trong cuốn *Sao mọc lên ở Hà Nội* đã viết rằng cứ rời khỏi Lăng Bác trên Quảng trường Ba Đình lại thấy khóe mắt đỏ hoe của Việt. Mà công việc hướng dẫn viên đi viếng lăng đâu chỉ một, hai lần.

Khi lên thăm nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dịch lại lời thuyết minh của hướng dẫn viên về bức điện chia buồn của Người khi người anh cả của Người mất, cũng thấy anh rưng rưng. Câu chuyện đó anh đã từng được nghe rất nhiều lần.

Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, độ tuổi tham gia tòng quân từ 15 đến 45, trừ những ai được chọn đi du học mới tránh được vòng xoáy chiến tranh. Trong số các anh lính trẻ ra mặt trận, nhiều anh đã nằm lại nơi chiến trường.

“Trước khi đi du học, chúng tôi học chính trị một tháng. Khi ấy nhiều bạn khóc rằng sẽ không đi du học. Bởi vì bạn bè ra chiến trường có thể chết, chỉ có chúng ta... làm thế nào?”.

Việt không nói được hết câu, lại ngậm ngùi xúc động.

Đại sứ Phạm Tiến Vân khá thận trọng và tỉ mỉ khi kể về mình.

Năm 1964, khi Mỹ bắt đầu trực tiếp đưa quân tham chiến tại Việt Nam, ông là học sinh lớp 8 một trường phổ thông ở Hải Phòng. Chiến tranh nổ ra, trường ông học bị

bom Mỹ tàn phá nên phải đi sơ tán khỏi Hải Phòng 40 km, học trường làng.

Cha ông là viên chức nên bố mẹ vẫn ở lại Hải Phòng công tác. Sơ tán xa nên rất nhớ bố mẹ. Học sinh từ thành phố về quê sơ tán và học sinh ở quê rất hòa thuận với nhau. Khi chuẩn bị tốt nghiệp cơ sở, một số ít học sinh sẽ được bố trí học lên đại học, còn lại đa số vào bộ đội. Tuy nhiên, họ không hề có ý phân biệt đối xử với nhau.

Nói tới đây, vốn là người lý trí, vị đại sứ không khỏi ngâm ngùi. Lấy khăn mùi xoa, ông nghẹn ngào tiếp lời.

“Phần lớn bạn bè thân đều đã hy sinh”.

Primo Levi là một trong những tù nhân còn sống sót ở trại tập trung Auschwitz của phát xít Đức. Trong cuốn tự truyện *Có được là người*, ông mô tả những tháng ngày đau thương sống trong trại tập trung Đức quốc xã:

“Giống như việc cái đói của chúng tôi không phải cái cảm giác bị nhịn một bữa ăn, cái lạnh của chúng tôi lẽ ra cũng phải có một cái tên khác. Chúng tôi nói “đói”, chúng tôi nói “mệt”, “sợ”, “đau”, chúng tôi nói “mùa đông” và những điều khác. Đó là những từ tự do, được những con người tự do tạo ra và sử dụng khi họ sống sung sướng hay đau khổ ở nhà mình. Nếu Lager (trại) tồn tại lâu hơn nữa thì chắc sẽ có một thứ ngôn ngữ chua xót hơn ra đời vì sẽ cần một thứ tiếng diễn đạt rõ hơn thế nào là vất vả cả ngày trong gió lạnh, nhiệt độ dưới không độ, trên người chỉ phong phanh áo, quần đùi, quần và áo khoác, trong người



chỉ có sự ốm yếu, đói khát và sự cảm nhận cái chết đang dần đến”<sup>1</sup>.

Dải đất hình chữ S, nơi chất độc da cam rải và bom napan luôn chực chờ trút xuống đầu, đã bị hủy hoại không khác gì trại Auschwitz với những tiếng rên la đau đớn. Trong suốt thời gian tiến hành chiến tranh, Việt Nam đã phải “oằn mình” hứng chịu hàng triệu tấn bom do quân đội Mỹ thả xuống, mỗi người dân miền Bắc phải chịu đựng 45,5 kg bom.

Những giọt nước mắt của những người còn ở lại như anh Việt hay Đại sứ Phạm Tiến Vân cũng cần có một cái tên đặc biệt. “Nước mắt” ở đây khác với “nước mắt” trong tác phẩm của Shakespeare, là bi kịch của bi kịch. Thậm chí ngay nước mắt của Shakespear đã quá nhiều lần được người ta nhắc đến nên mất đi sức sống văn học. Với nước mắt của một nước nhược tiểu đối đầu với một cường quốc thì không thể so sánh, việc tự giành lấy “độc lập và tự do cho dân tộc” cần một ngôn từ mang ý nghĩa khác. Đó không phải là ngôn từ văn học mà là ngôn từ hiện sinh.

---

1. Primo Levi (1919-1987) là người Italia gốc Do Thái. Ông là nhà hóa học, hoạt động trong phong trào chống phát xít “Công lý và Tự do”. Cuốn tự truyện *Có được là người* được đánh giá là một trong những tác phẩm văn học xuất sắc nhất của thế kỷ XX. (Xem Primo Levi: *Có được là người*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016, tr. 204 (B.T)).

Chừng nào còn chưa tìm ra được một ngôn từ thích hợp để biểu hiện được sắc thái của những giọt nước mắt - nước mắt của tinh thần mạnh hơn vũ khí, nước mắt của sự hy sinh vì hạnh phúc đời sau, nước mắt của nghĩa vụ đối với lịch sử - thì tôi còn muốn đi và đi nữa sang Việt Nam, nơi tôi đã từng đi.

## ***Chương II***

# **LỊCH SỬ TỔ TIÊN ĐỂ LẠI THÀNH DI SẢN - LÒNG YÊU NƯỚC**

Trong phần này tôi muốn ghi lại những hoạt động của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam chống lại sự man rợ của chủ nghĩa đế quốc được khắc ghi vào lịch sử thế kỷ XX. Chúng ta không thể lý giải được lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hy sinh của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ... nếu không xem xét lịch sử lâu đời của Việt Nam. Những dòng phương ngôn và niềm tin không thể diễn tả hết bằng lời luôn hòa cùng dòng chảy hùng tráng của lịch sử Việt Nam. Tổ tiên người Việt Nam với các cuộc kháng chiến oanh liệt đã “nhuộm đỏ” giang sơn bằng máu đào và con cháu của thế kỷ XX không thể quên lịch sử hào hùng đó.

Nếu có cái “gen” di truyền thể hiện đặc tính và phẩm chất của một dân tộc thì cái “gen” đặc trưng nhất của dân tộc Việt Nam là tinh thần yêu nước chống xâm lăng. Nó rất huyền bí và độc đáo. Một khi Tổ quốc bị xâm lăng,

người Việt Nam đoàn kết thành một khối bền chặt. Kháng chiến là hiện tượng rất tự nhiên trong lịch sử Việt Nam. Cái tinh thần “bất diệt” ấy càng trong những lúc đất nước gặp nguy biến nghiêm trọng càng phát huy uy lực, xứng đáng được gọi là kỳ tích.

Để hiểu được Hồ Chí Minh, trước hết ta phải đi ngược dòng tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam; phải hiểu bối cảnh lịch sử đất nước này mới có thể hiểu được nguyên do mà con cháu của họ trong thế kỷ XX đã dũng cảm vô song đến nhường nào chống lại sự xâm lăng của Pháp, Nhật và Mỹ. “Độc lập và tự do của dân tộc” như là một quán tính lịch sử đặc hữu của Việt Nam chưa bao giờ dừng lại.

## **1. Huyền thoại lập quốc**

Theo kết quả phân tích các tư liệu khảo cổ học trên đất nước Việt Nam, con người đã sinh sống và canh tác lúa nước... từ hàng nghìn năm trước.

Mọi dân tộc đều có huyền thoại hay truyền thuyết lập quốc chứa đựng lòng tự hào về nguồn gốc của mình. Thông qua việc lưu truyền của truyền thuyết lịch sử thì, một cách tự nhiên, sẽ thể hiện việc xác lập tính đồng nhất và tính chính thống của một dân tộc. Ý nghĩa của truyền thuyết là nhấn mạnh quan hệ (huyết thống) anh em cùng chung dòng máu và góp phần hình thành tính nhất thể và tính chủ thể của cộng đồng. Sự cần thiết của truyền thuyết càng thể hiện nổi bật khi có nỗi lo bên ngoài (“ngoại hoạn”)

hơn là mối lo bên trong (“nội ưu”). Cuốn *Đại Việt sử ký*<sup>1</sup> biên soạn cuối thế kỷ XIII đã cổ xúy cho ý thức dân tộc, đánh lui quân xâm lược Mông - Nguyên - đế quốc thế giới lúc bấy giờ - lần đầu tiên đã ghi lại truyền thuyết lập nước bằng ghi chép lịch sử thay cho truyền miệng. Cùng sự kiện lịch sử Mông - Nguyên xâm lược nước Đại Việt thế kỷ XIII (Việt Nam ngày nay), xem xét ý đồ và thời gian biên soạn *Lịch sử tam quốc* chứa đựng truyền thuyết Dan Goon (Đàn Quân) của Hàn Quốc thì thấy chúng tương đồng đến kinh ngạc.

Người Việt Nam coi thủy tổ của dân tộc là thần núi Âu Cơ và thần biển Lạc Long Quân. Họ kết hôn và đẻ ra một bọc 100 trứng, sau nở thành 100 người con. 100 người con tượng trưng cho 54 dân tộc rất đa dạng ở Việt Nam. Trưởng nam trị vì đất nước gọi là Hùng Vương, tên nước là Văn Lang. Lịch sử Việt Nam đã được bắt đầu như thế.

Trong huyền thoại lập quốc, Lạc Long Quân tượng trưng cho thế lực biển cả, chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, Âu Cơ là thế lực ở đất liền, chịu ảnh hưởng của Trung Quốc và như vậy, văn hóa Việt Nam là nền văn hóa kết hợp Phật giáo và Nho giáo mà khai hoa.

Sau này, do phát hiện di tích trống đồng Đông Sơn thì huyền thoại lập quốc truyền miệng trải qua thời kỳ đồ đồng - giai đoạn phát triển rực rỡ của thế kỷ XVII trước

---

1. Sách *Lĩnh Nam chí quái* biên soạn cuối thế kỷ XIV và sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ở cuối thế kỷ XV cũng có những ghi chép tương tự.

Công nguyên<sup>1</sup> - đã được làm rõ, thần thoại mà không phải là thần thoại.

## **2. Sự thống trị của phong kiến phương Bắc và các cuộc kháng chiến**

Sự xâm lăng Việt Nam của phong kiến phương Bắc bắt đầu từ năm 218 trước Công lịch bởi Tần Thủy Hoàng. Sau khi diệt vương triều Joseon Vệ Mãn (Wiman Joseon) và lập nên Hán tứ quận<sup>2</sup> ở Triều Tiên, năm 111 trước Công lịch, nhà Hán đã thôn tính nước Âu Lạc (Việt Nam ngày nay) và từ đó suốt 1.000 năm Việt Nam bị nhiều đế chế phong kiến Trung Hoa thống trị.

Quốc gia mà sử dụng sức mạnh nhằm thôn tính các nước nhỏ hơn, người ta gọi là đế quốc<sup>3</sup>. Chủ nghĩa đế quốc có thuộc tính là thống trị các quốc gia yếu bằng

---

1. Tác giả có sự nhầm lẫn về thời gian. Nền văn hóa Đông Sơn kéo dài từ khoảng thế kỷ VIII - VII đến thế kỷ III trước Công nguyên (B.T).

2. Cụm từ chỉ các vùng đất của vương triều Vệ Mãn Joseon mà nhà Hán chinh phục được (B.T).

3. Người ta nói rằng, sự xuất hiện đầu tiên của đế quốc trong lịch sử thế giới có thể kể đến là nhà Tần của Tần Thủy Hoàng; ở Trung Đông là Persia; ở phương Tây là đế quốc La Mã. Quyền lực của chủ nghĩa đế quốc ở phương Đông nối tiếp với các vương triều Trung Quốc là Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đến Nhật Bản;... Ngày nay, Mỹ độc chiếm địa vị đế quốc siêu cường duy nhất.

sức mạnh quân sự và khống chế bằng văn hóa. Chủ nghĩa đế quốc là hệ thống tư tưởng (ideology) thực tế đã chi phối hay thống trị lịch sử thế giới.

Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc biểu hiện rất đa dạng, có thể thống trị hữu hình về mặt chính trị, cũng có thể thống trị vô hình về văn hóa nên không dễ nắm bắt được. Bởi vậy, phải có sự kết nối tổng thể, liên mạch chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa mới làm lộ rõ hình hài thật của nó và không phải như ta thường nghĩ chỉ là hành vi xâm đoạt tư bản bằng súng và lưỡi lê. Chủ nghĩa đế quốc bằng kỹ thuật (công nghệ) và văn hóa “ưu tú hóa” che đậy trên bộ mặt khiến người ta khó mà nhận ra tâm địa của nó. Ấy là vì nó lại gần ta bằng bộ mặt hân hoan hay cảm giác đồng cảm và tình bạn thân thiết<sup>1</sup>.

Dưới thời nhà Hán, nhân dân Việt Nam phải cống nạp các sản vật quý và nhiều thứ thuế cho hoàng đế Trung Hoa

---

1. Hấp lực mà “đế quốc tư bản chủ nghĩa hoan hỷ” Mỹ truyền bá ra không phải là ít. Trình độ tri thức, khoa học công nghệ vượt trội của Mỹ, chúng ta không thể không học theo. Nhưng nếu đã một lần “thường thức” sản phẩm của văn hóa Mỹ thì khó mà thoát ra. Những diễn viên màn bạc kiều diễm, các siêu mẫu mảnh mai, những bài hát nhạc pop (pop - song), đồ ăn McDonald, Coca Cola, cà phê Starbucks ngọt ngào,... các sản phẩm hấp dẫn và công nghệ máy tính tiện lợi đã chiếm một vị trí rất sâu trong cuộc sống chúng ta từ lúc nào. Cứ mỗi lần kỷ niệm ngày Quang phục (Quốc khánh - B.T) đất nước 15/8, tôi lại cảm thấy cái vĩ đại của nước Mỹ từ những gương mặt của người dân chân chất ra trước tòa thị chính tay vẫy cờ sao và vạch mà nước mắt chứa chan.

và rèn xiết bởi các loại phu phen tạp dịch. Bằng chính sách đồng hóa văn hóa, nhà Hán giải thể xã hội truyền thống của Việt Nam lúc bấy giờ, phổ cập Hán tự và Nho giáo. Phản ứng của Việt Nam đối với sự thống trị này, thể hiện bằng hai dòng chảy:

Một là, dòng chảy hòa theo văn minh và trật tự (nền nếp) Trung Hoa hoa lệ. Giống như bọn thanh niên trẻ nước ta (Hàn Quốc) hết thấy thối đấm không khí New York bước chân lên hành trình (Course) của giới tinh hoa (Elite). Cứ nhìn con cháu của giới thống trị Silla<sup>1</sup> nghênh ngang trên đường phố Lạc Dương - kinh đô nhà Đường cũ, thì thấy ngay cách hấp thụ văn minh ngày trước hay bây giờ cũng rất giống nhau. Việt Nam cũng tương tự như thế.

Hai là, dòng chảy phụ lưu cho rằng, tiếp nhận văn minh và trật tự Trung Hoa và sự lệ thuộc về chính trị<sup>2</sup> là hai việc khác nhau.

Sự lệ thuộc là gì? Là mất đi tính chủ thể, mất đi các trật tự tôn nghiêm của con người. Dòng chảy (thứ hai) thoát ra khỏi sự lệ thuộc, giữ lấy chủ thể thực tế đã dẫn lối lịch sử Việt Nam.

Sự bóc lột, cai trị hà khắc của các triều đại phong kiến phương Bắc càng làm chứa chất nổi thống khổ và bất bình

---

1. Ý tác giả nhắc tới vương triều Silla, tồn tại từ năm 57 trước Công nguyên đến khoảng năm 935, một trong ba vương triều Triều Tiên cổ đại (B.T).

2. Sự lệ thuộc chính trị là nói đến thái độ, ví dụ như lính Mỹ thái ra sông Hàn các loại chất độc cực hại nhưng ta thì chẳng dám hé miệng.



của dân chúng. Năm 40 sau Công nguyên, Trưng Trắc cùng em gái Trưng Nhị nổi dậy, các lực lượng hào trưởng bản địa theo gương dũng cảm của chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị tập hợp lại, trong một thoáng chốc đã chiếm được 65 thành trì. Trưng Trắc lên ngôi vương.

Để trấn áp khởi nghĩa<sup>1</sup>, nhà Hán phái tướng Mã Viện sang chinh phạt. Nhiều trận chiến đấu diễn ra nhưng cuối năm 43 chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị bị Mã Viện đánh bại. Theo tục truyền, hai bà đã nhảy xuống sông Hát (Hát Môn, Hà Tây cũ) tự vẫn để bảo toàn khí tiết.

Bắt đầu bằng cuộc kháng chiến của chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị, trong suốt cả ngàn năm, việc chống lại ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc (từ năm 111 trước Công nguyên đến năm 938 sau Công nguyên) chưa lúc nào ngừng nghỉ. Tuy thời gian cai trị ngắn ngủi chỉ trong ba năm, nhưng cuộc khởi nghĩa của chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị được coi là một trong những sự kiện

---

1. Trong sách lịch sử Việt Nam phát hành ở nước ta thuật lại là để “trấn áp phản loạn”, ở đây cần phải phân biệt rõ ràng “phản loạn” và “kháng chiến chống lại”. Phong trào độc lập của ta (Hàn Quốc) có phải là kẻ cướp? George Orwell đã nói: “Nếu tư duy làm suy đồi ngôn ngữ, thì ngôn ngữ cũng có thể làm suy đồi tư duy” (George Orwell, 1903-1950, tiểu thuyết gia, nhà phê bình, bình luận văn hóa người Anh - B.T). Có rất nhiều người vô tâm hoặc cố ý gọi sai “cuộc kháng chiến Gwangju”, “cuộc đấu tranh dân chủ Gwangju” là “sự kiện Gwangju” (cuộc đấu tranh dân chủ Gwangju là tên gọi cuộc nổi dậy của dân chúng thành phố Gwangju, Hàn Quốc chống lại sự độc tài của chính quyền, diễn ra năm 1980 - B.T).

quan trọng nhất trong lịch sử Việt Nam. Đây là lần đầu tiên các hào trưởng bản địa đã liên kết với nhau để chống lại ách thống trị của một triều đại phong kiến phương Bắc. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng cho đến nay vẫn xem là cội nguồn tinh thần phản kháng của dân tộc. Ở Việt Nam ngày 06/02 Âm lịch - ngày chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị mất - là ngày lễ kỷ niệm của dân tộc, và hầu hết ở mọi tỉnh, thành Việt Nam đều có đường, phố mang tên Hai Bà<sup>1</sup>.

Các triều đại phong kiến Trung Quốc đàn áp mọi sự phản kháng, diệt trừ tận gốc thể chế truyền thống của Việt Nam, di thực văn hóa và chế độ thống trị của nhà Hán, củng cố vững chãi chế độ thống trị áp đặt dù nhiều vương triều Trung Quốc đã đổi thay.

Trên đường Võ Thị Sáu<sup>2</sup>, Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ. Đó là bảo tàng ca ngợi chiến công của những người phụ nữ yêu nước từ quá khứ xa xôi đến các cuộc chiến tranh thời hiện đại ở Việt Nam thế kỷ XX.

---

1. Hai Bà Trưng (chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị): Hầu như tất cả các đường phố Việt Nam đều đặt tên các anh hùng dân tộc hoặc địa danh lịch sử. Ở nước ta, chỉ có Trùng Vũ Lộ (đường Trùng Vũ), Thoái Kế Lộ, Thế Tông Lộ,... (tên các nhân vật lịch sử Hàn Quốc).

2. Võ Thị Sáu (1934 - 1957) sinh ở Sài Gòn (tác giả có sự nhầm lẫn, Võ Thị Sáu sinh năm 1933, mất năm 1952, quê ở huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - B.T), năm 16 tuổi hoạt động chống Mỹ và bị bắt, dù đang ở tuổi vị thành niên vẫn bị tuyên bố tử hình, chịu hành hình ở Nhà tù Côn Đảo khét tiếng. Ở Việt Nam, có nhiều đường phố và trường học mang tên Võ Thị Sáu.

Tôn trọng phụ nữ là sự hữu biệt của Việt Nam<sup>1</sup>. Tuy Nho giáo đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa, nhưng Việt Nam lại coi tôn trọng phụ nữ là một tiêu chuẩn đạo đức, phụ nữ và người mẹ là tượng trưng cho Đất và Lúa, và họ tin rằng đó là cội nguồn của cuộc sống. Hơn bất cứ phụ nữ nước nào khác, phụ nữ Việt Nam dù bị ách áp bức ngoại xâm vẫn luôn kiên cường, bất khuất. Vẻ đẹp của phụ nữ là vẻ đẹp của đạo đức. Tục ngữ Việt Nam có câu “Cái nết đánh chết cái đẹp”, nghĩa là phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người phụ nữ được đánh giá cao hơn vẻ đẹp bề ngoài của họ. Cội nguồn của tư tưởng này chính là phát xuất từ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Theo một số nguồn dã sử, cuộc khởi nghĩa Trưng Vương có đến hơn 70 tướng lĩnh, trong số này có nhiều nữ tướng lĩnh. Ở Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ, người ta đang giới thiệu các nữ tướng này.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc ở thế kỷ XX, phụ nữ Việt Nam không phân biệt già trẻ cùng tham gia

---

1. Karen Armstrong (là tác giả nổi tiếng với các cuốn sách về tôn giáo so sánh) trong tác phẩm *The Great Transform* của Karl Polanyi (nhà kinh tế chính trị người Mỹ gốc Hungary) từng nói: “Có một thiếu sót lớn là thậm chí phần lớn những người hiền tài của nhân loại đều không quan tâm đến phụ nữ. Trong nhiều trường hợp sự tồn tại của phụ nữ không được họ để mắt đến. Khi họ nói về “những người vĩ đại” hoặc “những người hiểu biết” thì đó không phải là những từ chỉ chung cho cả nam và nữ. Hầu như chưa bao giờ người ta nghĩ sâu sắc về phụ nữ”.

vào cuộc đấu tranh vũ trang không thua kém nam giới là vì trong họ cũng mang một dòng máu quật cường của tổ tiên.

Năm 248, Giao Châu (Việt Nam ngày nay) bị quân Đông Ngô xâm lược. Ở quận Cửu Chân, có một người con gái tên là Triệu Kiêu (Triệu Thị Trinh) đã chiêu mộ nghĩa binh chống giặc, nổi tiếng với câu nói: “Tôi chỉ muốn cười con gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá tròng kình ở Biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, coi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người”. Bà cười voi, chỉ huy nghĩa quân đánh giặc. Sau nhiều tháng chiến đấu kịch liệt, cuộc khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh thất bại, và bà đã tự vẫn. Lúc đó, bà mới 23 tuổi. Tên tuổi của bà sống mãi trong lòng nhân dân và được đặt tên cho một con phố của Hà Nội - phố Bà Triệu.

Năm 542 đời nhà Lương ở Trung Quốc, Lý Bôn - một hào trưởng ở Giao Châu đã khởi nghĩa với quy mô lớn sau các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, chống lại ách áp bức của quan lại phương Bắc. Các lực lượng địa phương hưởng ứng đông đảo và cuộc kháng chiến lan ra mạnh mẽ. Khởi nghĩa thành công, năm 544 Lý Bôn lên ngôi hoàng đế, xưng là Lý Nam Đế. Nhân dân Việt Nam đến nay vẫn thờ ông.

Năm 545, nhà Lương phái quân đội sang xâm lược. Lý Bôn thua trận rút về vùng Tây Bắc<sup>1</sup>, dùng cách đánh du kích,

---

1. Tác giả có sự nhầm lẫn, Lý Bôn rút về vùng trung du Bắc Bộ (B.T).

ngày thì ẩn nấp, chỉ ban đêm mới xuất quân quấy rối quân nhà Lương. Năm 548, Lý Bôn bị bệnh mất. Các tướng sĩ dưới quyền noi gương ý chí kiên cường của ông, tiếp tục kháng chiến chống quân phương Bắc xâm lược trong nhiều năm. Giấc mơ độc lập của Lý Bôn không thành nhưng tinh thần ấy đã thức tỉnh ý thức bản ngã của người Việt Nam, trở thành nguồn gốc của ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc.

Ngoài ra còn có hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ tiếp diễn chưa lúc nào ngưng trong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam.

### **3. Độc lập - Trận chiến đấu trên sông Bạch Đằng**

Cuối đời nhà Đường từ loạn An Sử đến loạn Hoàng Sào<sup>1</sup>, nhiều cuộc biến loạn liên tục xảy ra, Trung Quốc rơi vào hỗn loạn, chịu cảnh “5 đời 10 nước”, các nước lớn nhỏ sinh ra như “năm sau mưa”. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đã suy yếu và Việt Nam lúc này đã không bỏ lỡ cơ hội.

Mùa thu năm 938, nhà Nam Hán xâm lược Việt Nam. Ngô Quyền với tài thao lược và lòng dũng cảm (trí lực và đảm lược), đã tập hợp lực lượng chống quân Nam Hán. Ông lập kế cho đem cọc lớn vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm ở cửa sông Bạch Đằng. Khi thủy triều lên, ông sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ quân

---

1. Loạn An Sử (755 - 763), loạn Hoàng Sào (875 - 884) (B.T).

Nam Hán đuổi theo. Quả nhiên giặc trúng kế, tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cắm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền cho quân ra đánh, binh sĩ đều liều chết chiến đấu. Quân Nam Hán không kịp quay thuyền trong khi nước triều rút xuống rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ, quân lính chết quá nửa.

Với sự kiện năm 938, Ngô Quyền chiến thắng quân xâm lược phương Bắc, đã chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc hơn nghìn năm, từ đây, Việt Nam bước vào thời kỳ độc lập tự chủ. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, xây dựng nhà nước tự chủ.

Năm 944, Ngô Quyền mất, đất nước chuyển sang thời kỳ “quần hùng cát cứ” - mỗi anh hùng chiếm cứ một phương.

Nhân vật đưa Việt Nam trở lại con đường thống nhất là Đinh Bộ Lĩnh. Ông là người có công đánh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn và trở thành hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc. Đại Cồ Việt<sup>1</sup> là nhà nước mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ, xây dựng chế độ quân chủ tập quyền ở Việt Nam.

Sau khi Đinh Bộ Lĩnh qua đời, chớp thời cơ nước Nam nội bộ rối ren, năm 980, Tống Thái Tông phát binh xâm lược Đại Cồ Việt. Tuy nhiên, quân Tống đã phải chuốc lấy kết cục thảm bại trước Lê Hoàn, người vừa lên ngôi hoàng đế.

Năm 1067, ở Trung Quốc, Tống Thần Tông lên ngôi vua, cử Vương An Thạch làm tể tướng. Theo lời khuyên

---

1. Tên gọi của Việt Nam lúc bấy giờ (B.T).

của Vương An Thạch, Tống Thần Tông ráo riết chuẩn bị xâm lược nước Đại Việt, hiện thực hóa ý đồ mở rộng lãnh thổ xuống phương Nam.

Năm 1076, nhà Tống cử tướng đem đại binh sang xâm lược Đại Việt. Quân đội nhà Lý dưới sự chỉ huy của danh tướng vĩ đại Lý Thường Kiệt đã đánh bại được đội quân nhà Tống tại trận tuyến trên sông Như Nguyệt.

Trước khi bất ngờ tấn công quân Tống, để khích lệ tinh thần tướng sĩ chiến đấu, Lý Thường Kiệt đã cho người đọc to bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.

Điểm cần chú ý trong bài thơ này là từ “Nam đế” (vua nước Nam), nhà Tống là “Bắc quốc”, nước Nam là “Nam quốc” để tỏ rõ ý thức bình đẳng với nhà Tống. Thời kỳ này, những nước chư hầu của nhà Tống thường thực hiện việc triều cống và được hoàng đế Trung Quốc phong tước hiệu “vương”. Triều Tiên trong việc sắc phong này cũng không là ngoại lệ. Danh xưng “Đế” chỉ dùng cho hoàng đế Trung Hoa. Nhưng trong bài thơ này, vua nước Nam đã xưng là “Nam đế”, sánh vai với hoàng đế Trung Hoa.

Bài thơ như một bản “tuyên ngôn độc lập” hùng tráng đầu tiên trong lịch sử dân tộc để cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân Đại Việt chống lại quân Tống lần thứ hai.

#### 4. Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên

Đầu thế kỷ XIII, Thành Cát Tư Hãn đã tập hợp thành công các bộ lạc Mông Cổ, từ đó đế quốc Mông Cổ liên tục thực hiện nhiều cuộc chiến nhằm mở rộng đế quốc của mình.

Năm 1257, quân Mông Cổ theo lưu vực Hoàng Hà tiến xuống phía nam, tràn vào lãnh thổ Đại Việt. Dự tính trước điều này, nhà Trần đã chủ động sơ tán người dân và của cải ra khỏi kinh đô từ trước. Quân Mông Cổ dù chiếm được Thăng Long, nhưng nhà Trần đã thực hiện “vườn không nhà trống”, đem đi hết lương thực trong thành khiến quân Mông Cổ gặp phải khó khăn về lương thực. Sau khi chúng rút khỏi Thăng Long, đích thân vua Trần lại dẫn quân phản công. Quân Mông Cổ bị thiệt hại nặng.

Tình thế quân Mông Cổ lúc này cũng giống như năm 1812 khi Napoleon tấn công Nga, nhưng khi vào được Moskva thì toàn thể dân chúng thành Moskva đã di tản khỏi đây, quân đội Napoleon phải đối mặt với nạn đói, thời tiết giá lạnh và lực lượng quân đội của Nga đã chặn đường rút lui. Lev Tolstoy trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Chiến tranh và hòa bình* đã viết: “Từ khi Smolensk bị đốt cháy đã bắt đầu một cuộc chiến tranh không hề phù hợp với bất cứ truyền thống nào trước đây. Việc thiêu hủy các thành phố và làng mạc, việc rút quân sau các trận đánh, cuộc chạm trán ở Borodino và cuộc rút lui sau trận này, việc đốt cháy Moskva, việc bắt



cóc bọn lính đi hôi của, việc chặn đánh những đoàn xe, cuộc chiến tranh du kích - tất cả những việc đó đều là những việc vi phạm các quy tắc của nghệ thuật.

Napoleon cảm thấy điều đó, và ngay từ khi ông ta dừng lại ở Moskva với một tư thế đứng kiêu của người đầu kiếm, và đang chờ đợi mũi gươm của đối thủ thì lại thấy một chiếc gậy tây hoa lên đầu mình, ông ta luôn luôn than phiền với Kutuzov và hoàng đế Alekxander rằng cuộc chiến tranh này tiến hành trái quy tắc (làm như có những quy tắc ấn định cách giết người). Bất chấp những lời than phiền của quân Pháp về việc các quy tắc không được tôn trọng, bất chấp những người Nga có địa vị luôn thấy xấu hổ khi phải dùng gậy tây mà đánh nhau, luôn muốn theo đúng quy tắc đúng vào thế bốn hay thế ba, rồi chuyển sang tấn công ở thế một, v.v, chiếc gậy tây của chiến tranh nhân dân vẫn giơ cao lên với sức mạnh dữ dội và hùng vĩ của nó, và không cần biết đến thị hiếu của ai, không cần biết đến quy tắc nào cả, với một sự đơn giản ngô nghê, nhưng hợp lý chẳng cần suy tư gì hết, nó giơ cao lên và giáng xuống quân Pháp cho đến khi toàn bộ cuộc xâm lăng tan vỡ hoàn toàn<sup>1</sup>.

Đổi chỗ nước Nga thành Việt Nam, Pháp hay Mỹ thành Mông Cổ thì lẽ nào những sự giống nhau của lịch sử lại kỳ diệu đến thế.

---

1. Xem Lev Tolstoy: *Chiến tranh và hòa bình*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2017, Chương XIV (B.T).

Vậy mà đế quốc Mông Cổ vẫn không từ bỏ dã tâm khuếch trương thế lực ở Đông Nam Á, vẫn tiếp tục tràn xuống phía nam. Năm 1283 tấn công xâm lược vương quốc Chăm-pa và năm 1287 đánh vương quốc Hanthawaddy (thuộc Mianma ngày nay) và năm 1293 chiếm Java, một hòn đảo của Indonesia hiện đại.

Năm 1285, hoàng đế nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt ra lệnh xâm lăng nước Đại Việt. Quân Nguyên chiếm ưu thế trong giai đoạn đầu. Mọi nỗ lực phản kích của quân nhà Trần đều bị quân Nguyên đánh bại. Tuy nhiên, cũng giống như lần trước, quân Nguyên lại gặp khó khăn nghiêm trọng hơn về cung ứng lương thực. Nhà Trần thực hiện tiêu thổ kháng chiến khiến quân Nguyên không thể lấy được lương thực từ dân bản địa. Sau một thời gian ngắn phải rút lui bảo toàn lực lượng, chờ đợi đối phương mệt mỏi, suy giảm nhuệ khí, Đại Việt tổng phản công và lần lượt giành thắng lợi vang dội tại nhiều mặt trận, giải phóng Thăng Long.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 không thể không nhắc đến danh tướng nhà Trần là Trần Bình Trọng. Trong một trận chiến, do sự chênh lệch quá lớn về quân số, Trần Bình Trọng bị bắt. Sau khi bắt được ông, tướng nhà Nguyên tìm mọi cách để khai thác thông tin, dọa nạt, dụ dỗ ông. Tuy nhiên, Trần Bình Trọng kiên quyết không khuất phục. Khi được hỏi có muốn làm vương đất Bắc không, Trần Bình Trọng khẳng khái

trả lời: “Ta thà làm quý nước Nam, chứ không thềm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lời thôi”.

Một tích sử của Việt Nam vào đời nhà Trần, cũng nên nhắc lại để thấy gương vị lãnh đạo dũng liệt của người xưa, xứng đáng gọi là tướng, vua Trần Nhân Tông nghe tin Hưng Đạo Vương bị thua trận, rút về Vạn Kiếp, liền ngự thuyền đến Hải Đông và vời Hưng Đạo Vương đến bàn việc. Vua bảo:

“Thế giặc to như thế mà chống với nó thì dân sự tàn hại, hay là trăm chịu hàng để cứu muôn dân”. Hưng Đạo Vương tâu: “Bệ hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân đức, nhưng mà tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng thì chém đầu thần đi đã, rồi sau sẽ hàng”. Vua nghe lời trung liệt, trong lòng mới yên. Vua quan đồng lòng đuổi giặc nên đã thắng lớn, đuổi giặc Mông Nguyên ra khỏi bờ cõi.

Ngay sau khi bại trận về nước năm 1285, quân Nguyên chinh đốn quân ngũ, bổ sung lực lượng để phục thù, hủy bỏ kế hoạch chinh phạt Nhật Bản. Rút kinh nghiệm từ thất bại trước, quân Nguyên cho đóng nhiều tàu chở lương thực theo đường biển để trở lại đánh Đại Việt lần thứ ba<sup>1</sup>.

---

1. Trong sử liệu cổ trung đại Việt Nam, sự kiện này diễn ra những năm 1287-1288 (B.T).

Tương tự như hai lần trước, quân Nguyên áp đảo quân Đại Việt trong một số trận đánh ở trên bộ lẫn trên biển, nhưng bị các đơn vị của Trần Khánh Dư tiêu diệt ở Vân Đồn. Quân Nguyên vẫn chiếm được Thăng Long, nhưng lại trúng kế giống như hai lần trước.

Khác với hai lần trước, lần này quân đội nhà Trần không dồn lực lượng lớn chặn đánh quân Nguyên từ đầu, mà chỉ đánh có tính kìm chân. Hưng Đạo Vương chỉ huy phần lớn lực lượng Đại Việt rút về vùng Đồ Sơn, Hải Phòng, từ đó tổ chức các cuộc tấn công vào căn cứ Vạn Kiếp và đánh thủy quân Nguyên.

Vì thiếu lương thực và có nguy cơ bị đối phương chia cắt, quân Nguyên bỏ Thăng Long rút về Vạn Kiếp, rồi chủ động rút lui dù quân Đại Việt chưa phản công lớn. Cánh quân rút theo đường thủy bị tiêu diệt hoàn toàn tại sông Bạch Đằng. Dùng chiến pháp đánh lui quân Nam Hán trước đó hơn ba thế kỷ, Trần Hưng Đạo cho người đóng cọc nhọn bịt sắt trên sông Bạch Đằng, dụ cho quân địch vào sâu trong bãi cọc, khi nước rút thì tổ chức phản công. Các cánh bộ binh quân Nguyên khi đi qua Bắc Giang và Lạng Sơn cũng bị quân Đại Việt phục kích, tấn công dữ dội.

Giả sử hồi đó nếu Đại Việt bị Mông - Nguyên khuất phục thì lịch sử sẽ tiếp diễn thế nào? Quân Mông Cổ của Hốt Tất Liệt sẽ lôi kéo quân Cao Ly tấn công xâm lược Nhật Bản quy mô lớn. Chúng ta (Hàn Quốc) và Nhật Bản sẽ bị cuốn vào cuộc loạn chiến. Nếu vậy thì chúng ta và

Nhật Bản phải cảm ơn Việt Nam vì đã đánh đuổi quân Mông - Nguyên mới là phải đạo.

Qua ba lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên, kinh nghiệm đánh đuổi quân xâm lược và chiến công hiển hách này đã nâng lòng tự hào dân tộc của nhân dân Việt Nam lên một tầm vóc mới.

Năm 1300, Trần Hưng Đạo ốm nặng. Vua Trần Anh Tông ngự tới nhà thăm, hỏi quốc sách giữ nước: “Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?”. Ông trả lời: “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Khoan thư sức dân để làm kế sâu rĩ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

Lời di huấn của Trần Hưng Đạo được phát huy đến thế kỷ XX trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, là cội nguồn không bao giờ cạn của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Đường Hồ Chí Minh<sup>1</sup> trên đây

---

1. Đường Hồ Chí Minh - “Hồ Chí Minh Route” do Đài BBC của Anh lần đầu tiên gọi tên. Người Việt Nam gọi là “Đường mòn Hồ Chí Minh”. Từ vựng này không có trong tiếng Hàn, nó được giải thích là giữa rừng hay núi không có con đường, ba, bốn người đi lại thì thành lối mòn, nhiều người đi lại thì thành đường mòn. Mỹ đã pháo kích để tìm ra “Hồ Chí Minh Route”. Theo Tiến sĩ Ku Su-jeong, chỉ có 30% số người tiếp tế xuất phát từ miền Bắc tới được miền Nam. 70% chết, hy sinh trên đường Hồ Chí Minh, thứ nhất vì đói, thứ hai vì Mỹ ném bom, thứ ba vì bệnh nhiệt đới (sốt rét).

Trường Sơn<sup>1</sup> vừa là kỳ quan của thế kỷ XX vừa là biểu tượng của các cuộc kháng chiến của Việt Nam, cũng như địa đạo Củ Chi<sup>2</sup> đan dày hơn cả mạng nhện, là những di tích lịch sử của Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, Trần Hưng Đạo đã áp dụng chiến thuật du kích chiến, tên tiếng Anh là Guerilla. Đặc trưng của chiến thuật này là tận dụng tối đa tất cả các yếu tố tự nhiên như địa hình, địa thế, khí hậu và khai thác chúng một cách hiệu quả.

Quân Đại Việt không cách nào khác là phải triển khai chiến tranh du kích do quân đội ít thiện chiến và yếu hơn so với đối phương, trong khi quân Mông - Nguyên là đội quân hùng mạnh nhất, “tốc chiến, tốc thắng”, nên thay vì đánh vỗ mặt thì phải ẩn nấp, mai phục rồi bất ngờ phản kích.

---

1. Dãy Trường Sơn: là dãy núi tạo nên biên giới với nước Lào và Campuchia ở phía tây Việt Nam, dãy núi tạo nên “xương sống” của lãnh thổ Việt Nam tựa như Bạch Đầu Sơn của Hàn Quốc.

2. Địa đạo Củ Chi là địa đạo ở sâu dưới lòng đất tại huyện Củ Chi cách Thành phố Hồ Chí Minh 70 km về phía tây bắc, xây dựng từ kháng chiến chống Pháp, khi chiến tranh chống Mỹ nổ ra, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tu sửa và mở rộng để chống lại hỏa lực mạnh của Mỹ. Là đường hầm làm trong khoảng 30 năm, sâu dưới đất hàng chục mét, cấu tạo 3 tầng, tổng chiều dài 250 km. Hiện nay, địa đạo Củ Chi là địa danh du lịch thu hút đông đảo khách tham quan.

Hơn bất cứ yếu tố nào, chiến thắng quân Mông - Nguyên, nếu không có ý chí sắt đá, tinh thần đoàn kết từ vua đến dân thành một khối, nói cách khác là mọi tầng lớp nhân dân, thì liệu có thể có được thành công vang dội hay không? Quyết tâm kháng chiến, không kể “giàu nghèo, quý tiện” cả nước đoàn kết thành một khối, làm phân tán sức mạnh của kẻ thù, người dân thực hiện “vườn không, nhà trống”, tướng lĩnh chỉ huy binh sĩ chiến đấu dũng cảm, đó là cội nguồn của thắng lợi.

Việc Việt Nam không phải một mà ba lần đánh đuổi thành công quân Mông - Nguyên hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ là sự kiện có một không hai. Lòng tự hào dân tộc của Việt Nam dâng lên cao ngút. Nó trở thành sức mạnh quật cường để gìn giữ và bảo tồn độc lập và tự do của Việt Nam. Sau này, kết cục thất bại lại dành cho đế quốc Mỹ, là thất bại duy nhất trong lịch sử chiến tranh của nước này. Pháp và Mỹ của thế kỷ XX dường như không phải đối đầu giao chiến với quân đội Việt Nam mà là đối đầu với cả dân tộc Việt.

Đứng trước nguy cơ của đất nước, bất cứ ai cũng là binh sĩ chống lại quân Mông - Nguyên và ý thức dân tộc mạnh mẽ đã để lại cho muôn đời con cháu chiến công có thể gọi là “sự kết tinh<sup>1</sup> của văn hóa dân tộc”. Ở Việt Nam,

---

1. Nguyên văn tiếng Hàn là sự “sáng đạt” (N.D).

hơn cả Hán văn, thi ca bằng chữ Nôm<sup>1</sup> rất phát triển, trở thành ngôn ngữ văn học với công lao đóng góp vào việc cổ xúy ý thức dân tộc. Cũng như Hàn Quốc (xưa gọi là Cao Ly, Korea), chúng ta chống lại quân xâm lược Mông Cổ bằng ý thức dân tộc đã cô đúc thành *Cao Ly đại tạng kinh* (*Bát vạn đại tạng kinh*<sup>2</sup>) - một trong những tác phẩm vô giá, đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới.

## 5. Kháng chiến chống Minh và danh nhân Nguyễn Trãi

Năm 1406, nhà Minh xâm chiếm Đại Ngu<sup>3</sup> - khi đó đang rối ren vì nội bộ chia rẽ - và triệt để thực hiện chính sách đồng hóa. Chúng thống trị bằng hệ thống “trên bảo dưới phải nghe” đúng như trại lính, ai chống lại đều bị đàn áp

---

1. Chữ Nôm: Văn tự riêng của Việt Nam biến cải từ chữ Hán, tương tự như chữ Nhị đầu của ta (Hàn Quốc). Sự ra đời và phát triển của chữ Nôm biểu hiện rõ nét nhất là tạo ra một dòng văn thơ ca ngợi lòng yêu nước, khí phách dân tộc chống lại sự xâm lược và đồng hóa của các triều đại phong kiến Trung Quốc, đồng thời giữ gìn ý thức dân tộc của Việt Nam.

2. *Bát vạn đại tạng kinh* là một bộ tập hợp các bản khắc kinh Phật trên 81.000 khối gỗ được thực hiện dưới thời vua Cao Ly Cao Tông, khắc trên 81.340 tấm gỗ in vào thế kỷ XIII. *Bát vạn đại tạng kinh* được khắc lần đầu vào năm 1087, khi Cao Ly bị người Khiết Đan xâm lược trong cuộc chiến tranh Cao Ly - Khiết Đan lần thứ ba. Việc khắc chạm kinh này được xem là mang lại may mắn, cầu nguyện Đức Phật cứu giúp.

3. Tên nước ta thời nhà Hồ (B.T).



triệt để. Nhà Minh thực hiện đánh thuế nặng, cưỡng ép đàn ông vào quân dịch, phu dịch, tịch thu tài sản tư hữu, thợ lành nghề và trí thức bị chúng bắt đem về nước (Minh), cấm tất cả truyền thống và phong tục riêng, ép theo phong tục và tập quán nhà Minh, bắt xây Văn Miếu thờ Khổng Tử<sup>1</sup>, trong các trường học phổ cập *Tứ thư, Ngũ kinh*, dạy Nho học và Nhân bản học (Human nature), phái các nhà sư sang để truyền đạo Phật và đạo Lão, y phục và trang điểm cũng ép theo phong tục Trung Quốc.

Dưới sự cai trị tàn bạo, khắc nghiệt của nhà Minh, người Việt rất oán hận, luôn ấp ủ chờ thời cơ nổi dậy.

Năm 1418, Lê Lợi dấy binh, bắt đầu khởi nghĩa ở Lam Sơn. Thời gian đầu, nghĩa quân Lam Sơn gặp nhiều khó khăn phải rút chạy, ẩn náu trong rừng núi Thanh Hóa để bảo toàn lực lượng. Từ năm 1424, Lê Lợi quyết định đưa quân tiến vào Nghệ An, giải phóng toàn bộ vùng đất phía nam. Sau đó Lê Lợi tiến ra bắc, giải phóng thành Đông Quan. Tiếp nối thắng lợi, cuối năm 1427, quân Lam Sơn đánh tan tác lực lượng viện quân Minh, buộc tướng chỉ huy quân Minh trên đất Việt cũ là Vương Thông phải xin giảng hòa và được phép rút quân về nước.

Một số tướng sĩ chủ trương giết hết số quân Minh còn lại, nhưng Lê Lợi không đồng tình, ông phán: “Phục thù

---

1. Tác giả có sự nhầm lẫn, Văn Miếu thờ Khổng Tử ở kinh thành Thăng Long được xây dựng từ thời Lý (năm 1070) (B.T).

báo oán là cái thường tình của mọi người, nhưng cái bản - tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ. Và người ta đã hàng mà lại còn giết thì không hay”. Ông còn cho sửa sang cầu đường để quân Minh rút về nước an toàn.

Nguyễn Trãi là người đã tham gia tích cực khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại sự xâm lược của nhà Minh. Khi cuộc khởi nghĩa thành công vào năm 1428, Nguyễn Trãi trở thành khai quốc công thần của triều đại nhà Hậu Lê...

Nếu như Hàn Quốc chúng ta tự hào về Yi Sun-sin, vị anh hùng dân tộc, nhà chính trị, quân sự kiệt xuất, đã để lại áng thư tịch có giá trị to lớn về mặt lịch sử cũng như học thuật *Nanjung Ilgi* (*Loạn Trung nhật ký* hay *Nhật ký chiến tranh của Đô đốc Yi Sun-sin*), thì Việt Nam cũng rất tự hào có người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự lỗi lạc. Năm 1428, Nguyễn Trãi sáng tác *Bình Ngô đại cáo*<sup>1</sup> tựa như trường ca *Odyssey* phiên bản tiếng Việt.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được xem là nội dung cốt lõi trong toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị của ông: coi trọng thu phục “nhân tâm” hơn là chinh phục “thành trì”.

Năm 1980, UNESCO vinh danh Nguyễn Trãi là Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa lớn thế giới.

---

1. *Bình Ngô đại cáo* có nghĩa là tuyên cáo rộng rãi về việc dẹp yên giặc Ngô (“Ngô” là đất tổ của nhà Minh), là một văn bản được viết theo thể văn biền ngẫu, ca ngợi 20 năm chiến đấu chống quân Minh, khẳng định sự độc lập của nước Đại Việt.

Hồ Chí Minh cũng là tác giả của rất nhiều bài thơ, trong đó có *Nhật ký trong tù*, được UNESCO vinh danh là Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

Mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng thế kỷ XX mà Hồ Chí Minh dành cả cuộc đời để thực hiện, kế thừa tinh thần Nguyễn Trãi sống ở thế kỷ XV, là “độc lập và tự do cho dân tộc”...

Tôi đã đến Việt Nam nhiều lần nhưng vẫn hết sức ngạc nhiên khi thấy nhân dân Việt Nam từng phải chịu nỗi thống khổ vì sự tàn bạo của Mỹ mà không thể hiện sự thù địch nặng nề với nước Mỹ. Chiến tranh kết thúc là khép lại quá khứ. Tư tưởng nhân nghĩa, không ôm lòng hận thù đối với kẻ thua cuộc của Nguyễn Trãi, với chúng ta, đất nước chưa khắc chế được chiến tranh lạnh, vẫn chịu ảnh hưởng của cuộc chiến tương tàn (1950 - 1953), ngay cả trong tương tượng cũng khó.

Những người mẹ Việt Nam khi cho con ngủ thì thường đưa võng và hát ru con. Đây là câu chuyện tiến sĩ Ku Su-jeong kể cho tôi nghe:

“Cũng như ở Hàn Quốc, cha mẹ khi cho con ngủ thì thường đọc sách cho con nghe, ở Việt Nam dù nông thôn hay thành thị, khi cho con ngủ các bà mẹ thường hát ru con. Hát ru con là cái hồn Việt Nam. Đa số những bài hát ru là những truyền thuyết như Âu Cơ, Lạc Long Quân hay câu chuyện về các vị anh hùng như: Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân Mông Cổ,... Cũng có những bài hát ru con là những câu chuyện đời mình của người mẹ. Các bài hát ru con được truyền khẩu từ thế hệ trước sang thế hệ sau”.

Đến hiện trường nơi lính Hàn Quốc tàn sát dân thường, tôi rất ngạc nhiên. Xã Bình Hòa của tỉnh Quảng Ngãi là vùng giáp với làng Mỹ Lai. Người ta nói rằng tại làng này, lính Hàn Quốc đã giết 430 người. Ở lối vào làng có dựng một tấm bia ghi tạc lòng căm thù lính Hàn Quốc: “Hãy nhớ muôn đời tội ác tày trời”. Năm 2000, khi tôi cùng đoàn bác sĩ tình nguyện “Một xã hội kiện nha (răng chắc khỏe) và một cộng đồng khỏe mạnh” vào làng này, thì gặp khoảng 40 người đang chờ nước ăn ở nơi khác về. Trước kia làng có một cái giếng, sau khi lính Hàn Quốc tàn sát dân, chúng đã ném tất cả thi thể xuống giếng và đốt. Vì vậy, cái giếng không còn dùng được. Đoàn chúng tôi có ý muốn đào giúp dân làng một cái giếng mới nhưng họ không đồng ý.

Bởi vậy, tôi hay đến Bình Hòa hơn các nơi khác. Một hôm, vào làng tôi thấy một bà cụ đặt đứa cháu nằm vồng và hát ru: “Cháu ơi hãy nhớ lời bà. Cháu lớn lên hãy nhớ lời này: Lính Đại Hàn bỏ chúng ta xuống hố rồi bắn chết hết. Cháu ơi! Nhớ lấy lời bà!”.

Bà đang hát ru đây sao? Bài ru này thật ai oán. Lúc đó tôi đã được mục kích một bài ru con truyền khẩu kể lại lịch sử hay việc mà bà và làng quê của bà đã từng trải qua.

Các gia đình chúng ta thay vì kể cho con trẻ nghe những câu chuyện mang tính giáo huấn của lịch sử, lại chẳng hề nghĩ gì khi gửi con đến trường.

Tôi muốn nói là chúng ta thường chỉ kể những câu chuyện để dọa trẻ, như về con chuột chí<sup>1</sup>, về ma quỷ hay về nàng tiên cá... mới thấy nó vô bổ nhường nào.

---

1. Nguyên văn là “con chuột ăn đồ, ăn đậu” (N.D).

Vô vàn tai ương từ nạn xâm lăng của đế quốc Nhật đối với đất nước, những chiến công hiển hách của đô đốc Yi Sun-sin, nhưng nhà vua Triều Tiên, tại cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên lần thứ hai của Mãn Châu (năm 1950), đã để lại nỗi nhục quỳ gối trước tướng nhà Thanh..., sự thật là chúng ta đã bỏ qua rất nhiều bài học của lịch sử. Đế quốc Nhật đã bắt dân tộc ta chịu vô vàn nỗi nhục và nỗi thống khổ, đã chia cắt dân tộc ta trên bán đảo Triều Tiên.

Ngoảnh mặt với quá khứ này, rồi nói rằng nhờ ơn Nhật mà ta tạo ra hiện đại hóa, thì ta mới biết cái lời lẽ của bọn New Line<sup>1</sup> rằng “hãy coi sự chiếm đóng của Nhật là sự may mắn” nó tệ hại nhường nào.

## 6. Yếu hèn

Ở Việt Nam, không phải chỉ có lịch sử của vinh quang. Xoay quanh vương quyền còn có sự thối nát của tầng lớp thống trị xã hội mà ở triều đại nào cũng tồn tại. Sự thật là trong nội bộ các triều đại phong kiến Việt Nam cũng có sự phân liệt (rạn nứt). Bọn quan lại thống trị thối nát, bóc lột thậm tệ, làng thôn tiêu điều, đời sống của nhân dân bần cùng, cơ cực.

---

1. Bởi vậy, tác giả Jang Jung-il đã nói, viết là “New Line” - (những dòng ghi chép mới), nhưng phải đọc là “New Lie” (lời nói dối mới).

Việt Nam trong mối quan hệ lâu đời, không thể tách khỏi văn minh Trung Hoa, đã coi Nho giáo là thứ trật tự xã hội tiên tiến có giá trị tôn sùng. Thay vì sùng bái thuyết duy linh nguyên sơ, người ta đã truyền bá Phật giáo rộng rãi hơn và những khuôn khổ trật tự còn thiếu của một xã hội truyền thống đã được thay bằng Nho giáo. Với việc sử dụng Hán tự đã hình thành nên mối quan hệ kết dính chặt chẽ với Trung Quốc. Người Việt Nam tiếp nhận nền giáo dục chữ Hán là đã tiếp nhận văn hóa Trung Hoa phong phú, cũng như những người sáng lập vương triều Joseon của Hàn Quốc tự hào rằng mình đã xây dựng nên một hệ thống trung thành với Nho giáo hơn cả bản quốc (Trung Quốc). Người Việt Nam cũng gần như thế.

Cho đến thế kỷ XIX, đã hình thành một cấu trúc ba tầng chặt chẽ trong trật tự xã hội Việt Nam. Thứ nhất là giai cấp thống trị lấy vua (tức hoàng đế) - người nhận mệnh trời theo tư tưởng Nho giáo - làm trung tâm. Thứ hai là gia đình và làng xã<sup>1</sup>. Làng xã là chủ thể bảo tồn văn hóa canh tác nông nghiệp, là chỗ dựa để kế thừa tính định hình, tính chính thể (chính thống) và cái hồn cốt truyền thống để

---

1. Thời kỳ xâm chiếm Việt Nam, Mỹ phá hủy làng xã truyền thống được bao bọc bởi các lũy tre, cường bức, lừa dân vào các “ấp chiến lược” dựng bằng hàng rào kẽm gai không khác gì trại tập trung, là cái cách “tươi xăng” lên ý chí (quyết tâm) chống Mỹ của người Việt Nam. Bối tập quán và tình cảm của dân tộc Việt Nam, không có cách nào khác, Mỹ đã phải cam chịu thất bại.

gìn giữ sự toàn vẹn quốc thổ. Và, làng xã cùng với gia đình cũng là nơi bắt nguồn của lòng yêu nước mà các nhà sáng lập các vương triều không ngừng cổ xúy. Thứ ba là bộ phận trí thức thông qua chế độ khoa cử thường có thể trở thành quan lại trung ương, nên có thể gọi là tập đoàn quan liêu dự bị. Về căn bản, bộ phận trí thức đồng tâm với nông dân. Khi đất nước lâm nguy, họ đoàn kết với nông dân, hỗ trợ lẫn nhau để gìn giữ đất nước.

Trong Nho giáo, trật tự chính trị có ý nghĩa sâu sắc, nhất là áp dụng chế độ khoa cử để chọn ra quan lại ưu tú. Thông qua thi cử, lựa chọn ra quan lại có học vấn và nhân cách. Ưu điểm của việc này là “sản sinh” ra các nhân tài có học vấn và phẩm giá hơn là có năng lực kinh tế và chính trị. Nhưng chế độ ấy cũng có điều tệ hại là “sản sinh” ra hàng loạt thế lực bảo thủ không chịu thay đổi hiện trạng. Các tập đoàn bảo thủ nghi ngờ sự thay đổi xã hội, chính trị, kinh tế sẽ đe dọa quyền hành của mình. Sự bảo thủ thái quá thường làm mất đi sức phòng ngự trước sự can thiệp của các thế lực bên ngoài (ngoại bang).

Khi ấy, trước cơ hội có thể giao lưu với nước ngoài qua đường bờ biển dài đến 2.000km<sup>1</sup> mà Việt Nam vẫn không tận dụng được trào lưu thay đổi của thế giới. Cũng như các nho sinh tinh hoa (elite) Triều Tiên, các nho sinh

---

1. Tác giả viết chưa chính xác. Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3.200km (B.T).

Việt Nam khi cố thực hiện một cách bài bản cái trật tự tổng thể của Chu Tử học<sup>1</sup> cũng thành công như ý.

Áp dụng quan điểm của Chu Tử (1130-1200), thể chế thống trị (Paradise) Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam đã phát huy sức mạnh trong bảy thế kỷ. Cũng như Triều Tiên, Việt Nam cũng buộc mình vào kiểu tư duy phổ cập triệt để văn minh Trung Hoa, nên chỉ tập trung “nghe ngấm” học vấn và các nghi lễ của Trung Quốc, thậm chí còn dẫn đến suy nghĩ “Hãy vượt qua Trung Quốc”. Cho đến thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn bị giam hãm bởi học thuyết Chu Tử nên không muốn thoát ra mà chỉ bám lấy những mỹ đức (đức tính tốt) của Nho giáo.

Bánh xe lịch sử quay theo những bước thăng trầm. Những nguyên nhân của hưng, thịnh cũng có khi trở thành hậu quả của suy vong. Trật tự Nho giáo của Việt Nam đứng trước văn minh phương Tây đã trở thành bảo thủ, là nguyên nhân chính làm đình trệ và suy thoái đất nước.

Ở phía bên kia Trái đất, nền dân chủ mới ra đời, phía đối diện là chế độ quân chủ chuyên chế đường như không bị thách thức. Ở Tây bán cầu, cuộc cách mạng tư sản của

---

1. Chu Tử học: Học thuyết của Chu Tử, tên thật là Chu Hy (1130-1200), người Trung Quốc, khuyên mọi người phải tự an với phận mình, không nên mưu cầu thay đổi số phận. Học thuyết của ông có ảnh hưởng lớn về sau ở Trung Quốc, trở thành tông phái chính của Nho học thời Minh - Thanh và đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nước khác ở Á Đông (B.T).



nước Anh lập ra chế độ quân chủ lập hiến (1688), độc lập của nước Mỹ (1776) và cách mạng Pháp (1789), chiều hướng khai sáng đã nhen nhóm, phong trào tôn trọng lý tính, tôn trọng tính tự giác của con người nảy sinh. Dưới mệnh đề “con người sinh ra, hơn ai hết, là bình đẳng” đã phủ nhận quyền uy tuyệt đối của nhà vua. Rousseau<sup>1</sup> chủ trương phải chém đầu vua Louis XVI và lực lượng cách mạng Pháp đã đưa nhà vua lên đoạn đầu đài.

Việt Nam cũng như Trung Quốc, Triều Tiên, an bình trong thể chế quyền lực tuyệt đối tập trung trong tay vua có lũ thái giám vây quanh vùng vẫy trong cái “ao tù” phản động thối rữa, chỉ một mình nhà vua mà giam hãm vào cung cấm hàng trăm phụ nữ với hàng trăm hoạn quan. Ngay cả Dasan Jeong Yak-yong, nhà tư tưởng vĩ đại của Triều Tiên cũng không dám nói nửa lời về thể chế ấy của nhà vua<sup>2</sup>. Cái chế độ quân chủ khép kín ấy vẫn vững như bàn thạch.

---

1. Jean-Jacques Rousseau (1712-1778), một nhà triết học người Pháp thuộc trào lưu Khai sáng, có ảnh hưởng lớn tới Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 (N.D.).

2. Đó là vì những chế ước của Nho giáo trong thời đại mà Dasan Jeong Yak-yong sống, nó tác động đến tư tưởng của những con người sống trong thời đại đó, vì vậy ta không nên cho đó là những hạn chế tư tưởng của ông. Nếu so với hoàn cảnh (Scale) mà Kant sống ở thời kỳ tương tự Dasan Jeong Yak-yong thì tư tưởng của Dasan Jeong Yak-yong không thể vươn tới cái cách thể chế được.

Văn minh của chủ nghĩa đế quốc châu Âu như những đợt sóng thần xô tới, khi phải lựa chọn hoặc là hiện đại hóa hoặc là bị lệ thuộc thì tầng lớp thống trị Việt Nam, trừ một vài người lo xa bị xa lánh, ghét bỏ, còn lại đều sa vào cái “ao tù” bảo thủ. Trước đây, mối quan hệ bền chặt giữa nho sinh và nông dân đã nâng đỡ sự phát triển đất nước thì nay, với sự xâm nhập của phương Tây, ngược lại, điều đó thúc đẩy sự bại vong.

Với một trật tự xã hội tin vào chân lý vạn cổ bất biến, nay mất hết sức sống, một khi bất lực và thối nát di căn thì tất yếu đất nước bị xô đẩy đến con đường bại vong. Vận mệnh của Việt Nam đã cùng với Trung Quốc và Triều Tiên “vào chung một rọ”. Bại trận trước nhà Tây Sơn (Việt Nam), bị đè bẹp trong cuộc chiến tranh nha phiến (1840-1842), tiếp đến vấp phải sự nổi dậy của phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc (1850-1864), khiến cho triều đình Mãn Thanh điêu đứng.

## **7. Đế quốc phương Tây tiến vào**

Việt Nam, một dân tộc luôn giành thắng lợi trước xâm lược phương Bắc hùng mạnh, bước vào một kỷ nguyên tăm tối, đầy nước mắt. Đó là khi Pháp, một đất nước của phong trào Khai sáng và cách mạng, tiến hành xâm lược.

Việt Nam cũng như Triều Tiên, trong lịch sử là những chư hầu bị phụ thuộc và phải phục tùng các triều đại phong kiến Trung Quốc theo chế độ tiểu quốc - đại quốc, tuy bất

binh đẳng nhưng vẫn duy trì được độc lập. Nhưng với chủ nghĩa đế quốc phương Tây mà Việt Nam phải đối mặt là thế chế bình đẳng giả tạo và lệ thuộc nhục nhã. Một Việt Nam, “cố thủ” trong trật tự Nho giáo, đã bị chôn vùi bởi sức mạnh quân sự của đế quốc phương Tây nhờ cách mạng khoa học - kỹ thuật. Các mệnh đề “tam cương, ngũ thường” mà Nho giáo bám lấy bị khuất phục trước mệnh đề toán học lạnh lùng “tổng các góc trong của một tam giác bằng 180 độ”. Khí thế tinh thần chiến đấu với những cung và kiếm trước các công cụ xâm lược, được tạo ra theo nguyên lý toán học chính xác, là súng và đại bác, đã bị vô hiệu. Cái giá phải trả cho sự trì trệ và quay lưng với trào lưu là vô cùng khủng khiếp.

Thương nhân và nhà truyền giáo người châu Âu là những người đầu tiên tìm đến Việt Nam, như đã làm ở châu Á và châu Phi kể từ khi phát kiến địa lý. Vào thế kỷ XVI, các thương nhân từ Hà Lan, Anh và Pháp, bao gồm cả Bồ Đào Nha, đã đến Việt Nam.

Theo sau thương nhân là các nhà truyền giáo châu Âu. Năm 1615, lần đầu tiên ở Hội An đã xây nhà thờ. Trong số các giáo sĩ này có một nhân vật quan trọng trong lịch sử Việt Nam là Alexander De Rhodes. Năm 1624, De Rhodes đến miền Trung Việt Nam. Với năng lực sử dụng ngôn ngữ xuất sắc, chỉ trong nửa năm ông đã truyền đạo bằng tiếng Việt và thu hút được rất nhiều tín đồ.

De Rhodes bị trục xuất khỏi Việt Nam (Đàng Trong và Đàng Ngoài) vài ba lần. Năm 1645, ông bị trục xuất vĩnh viễn.

Trong những năm ở Việt Nam, De Rhodes đã để lại rất nhiều công trình về ngôn ngữ, phong tục, lịch sử, tài nguyên, đặc biệt là cuốn *Từ điển An Nam - Bồ Đào Nha - Latinh* (còn gọi là *Từ điển Việt - Bồ - La*), là cuốn từ điển tổng hợp ký hiệu tiếng Việt trung đại dịch ra tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Latinh. Tiếng Việt trung đại là “mẹ” của chữ quốc ngữ đang dùng ở Việt Nam hiện nay. Và De Rhodes được xem là người phát triển “phần mềm” đầu tiên để chinh phục Việt Nam.

Vào những năm 1780, giám mục Pierre Pigneau De Behaine đã tình nguyện mang “con ngựa thành Troy” đến Việt Nam vì đất nước và tôn giáo của mình. Đức giám mục đã thuyết phục một số quân đồn trú của Pháp tại Pondicherry, mặc dù nhà nước không chính thức hỗ trợ. Quân đồn trú đã di chuyển gần 5.000 km qua Ấn Độ Dương đến bán đảo Mã Lai, giúp xây dựng lại quân đội của triều Nguyễn. Vì việc này, Pháp và Công giáo đã giành được lợi thế trong cuộc cạnh tranh với các đế chế châu Âu khác, ngầm dẫn đến sự hủy hoại Việt Nam. Nếu như Pigneau De Behaine là người đã mang vào “phần cứng” (hardware) thì De Rhodes cùng với “phần mềm” (software) khởi động chinh phục Việt Nam. Chế độ phản động sẽ phải đối mặt với chế độ cai trị hà khắc mới.

Năm 1771, ba anh em họ Nguyễn ở làng Tây Sơn thuộc Nam Trung Bộ Việt Nam nổi dậy khởi nghĩa. Phong trào nông dân quy mô lớn nhất đã thành công. Thắng lợi

của “phong trào nông dân Tây Sơn” là do người lãnh đạo phong trào nắm rõ vấn đề nổi cộm của xã hội lúc bấy giờ, chủ trương giải quyết nổi thống khổ của nông dân nên được dân chúng ủng hộ.

Năm 1777, ba anh em nhà Nguyễn đã đánh đổ thế lực chúa Nguyễn ở miền Nam. Nguyễn Phúc Ánh (còn gọi là Nguyễn Ánh) là cháu nội của chúa Nguyễn Phúc Khoát, vị chúa Nguyễn áp chót ở Đàng Trong, đã phải trốn chạy. Sau đó, Nguyễn Ánh phải nhận làm chư hầu để cầu viện quân Xiêm La đánh vào Nam Bộ, rồi lại hứa cắt lãnh thổ đất nước cho Pháp để nước này xuất quân sang đánh Tây Sơn.

Sự hạ mình cầu viện ngoại bang của Nguyễn Ánh bị người Việt Nam gọi là “cồng rắn cắn gà nhà”.

Năm 1785, vua Xiêm đem hàng vạn quân thủy, bộ tìm cơ hội tiêu diệt quân Tây Sơn, nhưng đã bị đánh bại hoàn toàn.

Năm 1786, Nguyễn Huệ quyết định đem quân tiến ra Bắc để diệt họ Trịnh.

Năm 1788, vua Lê Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh xin cứu viện.

Tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), Quang Trung kéo quân ra Bắc Hà, chỉ một trận quét sạch 29 vạn quân Thanh.

Về sau, nhân lúc Tây Sơn suy yếu sau cái chết đột ngột của vua Quang Trung, đến năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Nguyễn, kết thúc nhiều thế kỷ nội chiến ở Việt Nam. Triều đại của Gia Long

đã chính thức sử dụng quốc hiệu Việt Nam. Ông cũng quyết định đóng kinh đô tại Phú Xuân (Huế).

## **8. Năm 1858**

Ngày 01/9/1858, quân hạm Pháp bắt đầu tấn công Đà Nẵng. Việc xâm lược Đông Dương của Pháp đã bắt đầu cùng với chiến tranh Nha phiến lần thứ hai (1856 - 1860), khi liên quân Pháp - Anh xung đột với nhà Thanh.

Pháp tấn công xâm lược Việt Nam bằng thủ đoạn mà các cường quốc Âu châu thường dùng. Đầu tiên là đưa các giáo sĩ vào truyền bá đạo Cơ đốc, khi xảy ra xung đột về văn hóa, các giáo sĩ bị ngược đãi thì chúng lấy cớ để tiến hành xâm lược.

Trước sức mạnh quân sự áp đảo của quân Pháp, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã từng bước đầu hàng, nhân dân Việt Nam rên xiết trong sự thống khổ dưới gót giày của đế quốc Pháp suốt gần một thế kỷ, mãi đến khi đánh bại chúng tại Điện Biên Phủ năm 1954.

Năm 1885, Pháp và triều đình Mãn Thanh ký kết Hiệp ước Thiên Tân, theo đó, Trung Quốc cam kết rút hết quân khỏi Bắc Việt Nam, thừa nhận mọi hiệp ước mà Việt Nam đã và sẽ ký với Pháp. Như vậy, các cuộc chiến đấu ở nhiều thành phố thật sự đã kết thúc, Pháp chiếm toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Nhưng quân viễn chinh Pháp phải chiến đấu vất vả ở các vùng làng quê. Làng Việt được bao bọc bằng những lũy tre dày đặc là những cộng đồng tự cấp

tự túc liên kết với nhau rất rộng. Sức chống cự có bị chùn lại nhưng một phong trào kháng chiến mới của nhân dân Việt Nam mang trong mình lịch sử tự hào chống ngoại xâm không bao giờ ngừng nghỉ. Năm 1911, một viên tướng Pháp đã phải thừa nhận rằng, người Pháp thắng nhưng không thể chinh phục nổi linh hồn người Việt. Quân Pháp vẫn đồn trú trên đất này nhưng kẻ chinh phục và kẻ bị chinh phục luôn luôn cùng tồn tại.

### **9. Phong trào Cần Vương của nông dân và trí thức**

Chế độ theo ý thức hệ Nho giáo trước sự xâm lược của cường quốc đế quốc phương Tây bị sụp đổ. Tình hình vô cùng tồi tệ khi mà thể chế cũ và kẻ thống trị bất tài phải trả giá đã nhận tiền. Như thể sắt thép đã bị rỉ mục, chế độ cũ bị đổ sập trước sự xâm nhập của đế quốc siêu cường. Những trật tự Nho giáo không thể nào thích ứng được với hoàn cảnh mới tất yếu bị thất bại. Nhưng nhân dân Việt Nam không cam chịu nô lệ. Vô số các nhà yêu nước, từ Sài Gòn đến Hà Nội, đã đứng lên chống lại quân xâm lược Pháp.

Năm 1885, những người yêu nước khắp nơi dẫn đầu là Huế bắt đầu một phong trào kháng cự mới, đó là phong trào Cần Vương (“giúp vua”) cứu nước. Sự kháng cự “bắt rễ” từ cộng đồng thôn xã. Tầng lớp trí thức bền bỉ triển khai những khẩu hiệu “Hãy bảo vệ vương triều và trật tự Nho giáo chống lại sự xâm lược dã man của đế quốc

phương Tây". Đó là toàn bộ lý tưởng mà họ theo đuổi. Nhưng trước sức mạnh của đế quốc phương Tây, không có niềm tin chắc chắn phải theo đuổi một mục đích phù hợp, ngay cả tinh thần nhất định sẽ vượt qua nguy cơ cũng không có, nên cuộc chiến này thất bại là điều đương nhiên. Cảm nhận về nỗi nhục mất nước là rất lớn, nhưng ở Việt Nam lúc này, ý thức hệ quốc gia cận đại vẫn chưa xuất hiện.

Lúc bấy giờ, những người lãnh đạo phong trào chống Pháp chủ yếu là tầng lớp trí thức Nho học. Trong tâm trí của họ, chỉ có nhà vua mới đủ thẩm quyền cai trị đất nước, và trung thành với nhà vua là lý do tồn tại của họ. Việc lãnh đạo đấu tranh vũ trang do những nhà Nho có danh tiếng đứng lên vì lòng trung với nhà vua rõ ràng có những hạn chế. So với các trí thức Nho học, những nhà lãnh đạo xuất thân từ nông dân cũng chẳng khác bao nhiêu.

Nguyên nhân thất bại lớn nhất của phong trào kháng chiến là phương thức đàn áp khốc liệt của Pháp. Bước vào thế kỷ XIX, cuộc đấu tranh chống Pháp với chiến tranh du kích đã bắt đầu mang một dạng thức khác. Quân Pháp hủy diệt hoàn toàn mọi làng mạc ở những vùng xuất hiện du kích, nên người dân không thể tích cực ủng hộ lực lượng kháng chiến được. Đến cuối thế kỷ XIX, tất cả những cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp ở Việt Nam đều kết thúc bằng thất bại. Với những người trí thức kháng chiến, sự xâm lược của Pháp cũng có nghĩa là



“suy thoái văn hóa”. Tầng lớp lãnh đạo Việt Nam không hiểu rằng, không chỉ đơn thuần là “pháo hạm”, ngay năng lực của con người, như việc sử dụng tài nguyên hay thương mại thì sức mạnh của phương Tây vẫn áp đảo. Gánh nặng mà những người kháng chiến phải mang là quá sức.

### **10. Phủ Toàn quyền Đông Dương**

Năm 1887, Pháp dựng nên Liên bang Đông Dương (Indochina), gồm Việt Nam và Campuchia, năm 1899 sáp nhập thêm Lào. Việt Nam bị chia thành ba miền, gồm hai vùng bảo hộ và một vùng thuộc địa: Annam (Trung Kỳ) và Tonkin (Bắc Kỳ) là đất bảo hộ, Cochinchina (Nam Kỳ) là thuộc địa. Bộ máy quan lại cũ đổi thành bộ máy thống trị thực dân của Pháp. Để cấm rễ ách thống trị thực dân, Pháp bãi bỏ Hán tự thay bằng chữ quốc ngữ, xóa phương thức giáo dục truyền thống và chế độ khoa cử trước đây, thi hành chế độ giáo dục Pháp. Người Pháp luôn miệng tuyên truyền về “giáo dục hiện đại”, nhưng không hề quan tâm đến việc nâng cao dân trí Việt Nam. Lập ra các trường đại học, nhưng nội dung giảng dạy là những kiến thức về Pháp hơn là lịch sử, văn hóa Việt Nam.

Người có quyền hành cao nhất trong thể chế chính trị Pháp tại Liên bang Đông Dương là Toàn quyền Đông Dương người Pháp. Phủ Toàn quyền Đông Dương là cơ quan giúp việc cho Toàn quyền Đông Dương trong việc điều hành và cai trị trên toàn cõi Đông Dương thuộc Pháp.

Pháp lập ra bộ máy khai thác thực dân, dồn tâm huyết cho bóc lột kinh tế chưa hề có tiền lệ và rất hà khắc. Toàn quyền Doumer đã vắt kiệt mồ hôi và máu của người Việt Nam, phá hoại ngôn ngữ truyền thống, văn hóa, lối sống của Việt Nam.

Cơ sở hạ tầng cốt yếu để khai thác tài nguyên thuộc địa và lưu thông là đường sá. Đường sá giúp thực thi bóc lột kinh tế và đàn áp quân sự và là phương tiện kết nối toàn thể thuộc địa một cách hiệu quả. Bởi vậy, Pháp lên kế hoạch xây dựng đường sá, kênh đào, cảng. Nhưng các công trình công cộng to lớn dù ở đâu cũng là để bóc lột chứ quyết không phải là quan tâm đến nâng cao đời sống nhân dân bản xứ.

Poul Doumer ra sức tăng thuế, và hơn hết, cưỡng chế nhân dân dùng nha phiến và độc quyền bán thu lợi lớn. Các doanh nghiệp Pháp cũng độc quyền luôn cả việc nấu rượu và phân bổ cho mỗi làng lượng rượu tiêu thụ, bắt ép người dân phải uống. Chúng cấm việc nấu rượu ở nhà, nếu ai trái lệnh thì bỏ tù và tịch thu tài sản. Vì thế, người Việt Nam không thể không uống rượu ty của Pháp với giá cắt cổ. Pháp không công nhận quyền sở hữu ruộng đất của người Việt Nam. Chúng cưỡng đoạt ruộng đất thuộc sở hữu nhà vua và đất chung của các làng. Đặc biệt đối với những văn thân tham gia phong trào Cần Vương và nông dân chạy trốn sự truy đuổi của nhà đương cục Pháp, thì ruộng đất của họ sẽ bị cướp chia cho các doanh nghiệp

tư nhân Pháp và các quan lại Việt Nam. Đặc biệt nhà thờ cũng cường nhiệt trong việc cướp đoạt tài sản chung của thôn xã. Chủ đồn điền Pháp và số ít đại địa chủ Việt Nam chiếm rất nhiều rộng đất. Việc đất đai quá tập trung vào số ít đã đẩy tầng lớp nông dân - chiếm 90% dân số - vào cảnh bần cùng. Nông dân bị cướp đất, từ nông dân tự canh biến thành tá điền hoặc cố nông. Chúng khai thác các mỏ than, vàng, bạc, kẽm, thiếc và các nông trại cao su, mía... để phát triển công nghiệp của Pháp. Và, bằng luật thuế không bình đẳng, chúng hoàn toàn nắm quyền thương mại Việt Nam.

Bị tước đoạt thậm tệ cả về vật chất và tinh thần, nông dân Việt Nam trở thành tay trắng, mất hết quyền con người, hết sức thống khổ. Không thể tưởng tượng sự thảm thương nào hơn. Họ như hòn đất bị ném ra làm phu mỏ hoặc trôi dạt lang thang đến các nông trường cao su. Trong hoàn cảnh nghèo khổ thiếu thốn lại chịu cảnh lao động nhiều giờ, điều kiện lao động như nô lệ, chống lại hay chạy trốn bị bắt lại thì phải chịu hình phạt rất hà khắc, nhưng những người lao động vẫn đấu tranh không ngừng nghỉ đòi cải thiện cuộc sống và chính họ sau này đã đóng góp phần lớn vào việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Nhà phân tâm học người Pháp Octave Mannoni trong tác phẩm *Prospero và Caliban: Tâm lý học thuộc địa* (xuất bản năm 1950) đã mô tả sự trở trêu của các nhà cai trị thực dân

và những người văn minh: “Bạn dạy tôi ngôn ngữ, và tất cả những gì tôi có thể làm với nó là lời nguyền”. Nhân dân Việt Nam bắt đầu căm thù thực dân Pháp bằng những kiến thức về nước Pháp đã được chính quyền thực dân giáo dục.

Mọi thứ đều không có gì chắc chắn và an toàn. Tầng lớp trí thức bị tịch thu tài sản, xã hội bị tước bỏ văn hóa. Trật tự xã hội bị đột ngột đảo lộn... Trong sự hỗn loạn này, Nguyễn Sinh Cung - Hồ Chí Minh - đã ra đời.

## ***Chương III***

# **QUÊ HƯƠNG HỒ CHÍ MINH**

### **1. Kim Liên, Nghệ An**

Ngày 15/9, chúng tôi đi Nghệ An, quê hương của Hồ Chí Minh, cách Hà Nội khoảng 300 km. Đường sá vẫn còn nhiều bất tiện nên tính cả thời gian ăn trưa là phải mất tới 8 giờ đồng hồ.

Nghệ An có những cánh đồng xanh làm nên dải đồng bằng kéo dài từ bờ Biển Đông chói nắng đến phía Tây là dãy núi An Nam (tức Trường Sơn) dọc theo biên giới với Lào. Rất hợp với hình dáng chiếc cán chèo hẹp và dài là những ngọn núi hơi thấp với những thửa ruộng, sông và những bụi cây lúp xúp.

Phong cảnh thiên nhiên Nghệ An như một bức tranh sơn thủy nhưng điều kiện thiên nhiên lại vô cùng khắc nghiệt. Mùa hè gió nóng từ bên Lào thổi sang làm đất đai khô nẻ, cây cối cằn cỗi. Mùa mưa thì ngập lụt. Đồng ruộng bạc màu.

Người dân Nghệ An sống dựa vào canh tác nông nghiệp. Nhân dân vùng này từ lâu vốn nổi tiếng kiên cường,

bất khuất. Suốt hàng nghìn năm lịch sử chống ngoại xâm, Nghệ An đã sinh ra vô số anh hùng còn sáng mãi trong lịch sử. Nghệ An cũng là nơi đã diễn ra nhiều cuộc nổi dậy chống ngoại xâm, tích cực tham gia khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống nhà Hán, khởi nghĩa Mai Thúc Loan chống nhà Đường, khởi nghĩa Lam Sơn chống nhà Minh... Trong 20 năm cuối thế kỷ XIX, Nghệ An là trung tâm của phong trào chống Pháp. Dưới ngọn cờ Cần Vương của nhà lãnh đạo Phan Đình Phùng, nhiều người Nghệ An đã chiến đấu và hy sinh. Nhà yêu nước Phan Bội Châu, Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương Lê Hồng Phong đều xuất thân ở Nghệ An. Nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương được biết đến như bà chúa văn học chữ Nôm nửa cuối thế kỷ XVIII cũng xuất thân Nghệ An. Tác phẩm của bà phê phán, mỉa mai những thói hư tật xấu, lên án truyền thống Nho giáo lỗi thời và bà được đánh giá là người có tính sáng tạo nhất trong văn học Việt Nam thời trung đại. Nhưng hơn hết, Nghệ An là nơi đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh - danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc.

Nếu bỏ qua những rặng dừa sum suê lá thì dáng dấp của vùng đất này thật giống với phong cảnh nông thôn ở Jeolla Hàn Quốc. Dưới chân những ngọn núi hơi thấp là những cánh đồng xanh thăm thẳm, những con sông nhỏ vắt ngang và những làng mạc nằm rải rác. Nếu như miền Bắc Việt Nam phong cảnh giống bức tranh sơn thủy, những ngọn núi nhọn xấp lớp trùng trùng điệp điệp như

trong bức tranh phương Đông thì hình ảnh của vùng nông thôn miền Trung chúng tôi đang đi qua thật hài hòa với hình ảnh đồng bằng của miền Nam và thế núi của miền Bắc Việt Nam. Chúng tôi có một ngày rong ruổi cảm nhận phong cảnh hai bên cửa kính xe.

Ngày 16/9, chúng tôi đi thăm ngôi nhà của Hồ Chí Minh ở xã Kim Liên rồi lại phải quay về Hà Nội ngay nên chúng tôi nhanh chóng xuất phát từ sáng sớm. Khi dùng bữa sáng ở khách sạn, chúng tôi gặp một người Hàn Quốc. Chúng tôi chào hỏi nhau, cùng ăn cơm, uống trà và chuyện trò một lát. Anh ta là nhân viên kinh doanh và hỏi vì sao chúng tôi đến đây. Tôi nói là tôi đến để thăm ngôi nhà của Hồ Chí Minh thì anh ta lộ nét mặt rất ngạc nhiên. Anh ta bảo đã ở Vinh mấy năm mà chẳng thấy có khách tham quan Hàn Quốc. Tôi chỉ cười mỉm. Khoảng 7 giờ chúng tôi ra tới Quảng trường Hồ Chí Minh ở trung tâm thành phố. Quảng trường này không rộng bằng quảng trường Ba Đình ở Hà Nội, tượng đài Hồ Chí Minh được dựng ở chính giữa.

So với những tượng đài Hồ Chí Minh ở những nơi khác, tượng đài Hồ Chí Minh ở đây khá lớn. Hình ảnh Hồ Chí Minh được tái hiện không chút quyền uy mà vẫn với bộ quần áo kaki, chòm râu bạc, đôi dép cao su, dáng đi khoan thai, ung dung, toát lên sự giản dị và gần gũi.

Từ trung tâm thành phố Vinh đến xã Kim Liên về hướng tây chừng 15 km. Trước ngôi nhà là bãi đỗ xe rộng

và dĩa quầy bán đồ lưu niệm. Anh Việt chạy đi đâu đó một lúc, khi về mang theo một bó hoa. Lối vào ngôi nhà là hai hàng cây. Bước vào đến cổng thấy một thửa vườn được chăm sóc cẩn thận và ngôi nhà ba gian nhỏ bé, mái lợp tranh. Nền nhà bằng đất cao hơn nền sân một chút. Trong nhà là những vật dụng đơn sơ: bộ ván giường, chạn bát tre, chum sành đựng nước,...

Cô hướng dẫn viên mặc áo dài trắng, bên ngoài khoác chiếc áo màu phấn hồng dẫn chúng tôi về phía ngôi nhà xây gạch và bắt đầu thuyết minh. Anh Việt dịch sang tiếng Hàn cho chúng tôi nghe.

“Đây là nhà thờ tổ của tộc Hoàng Xuân, được ông ngoại Bác Hồ lập năm 1881. Vào những năm 1930, bà con trong dòng họ người góp công, người góp của nên nhà thờ được xây bằng tường gạch mái ngói như vậy... Thuở nhỏ, Bác vẫn thường cùng cha đến đây để thắp hương... Lần đầu tiên trở về quê hương sau cách mạng, Bác đã về thăm nơi này. Đến nay, ngôi nhà trông vẫn còn chắc chắn. Ở đây còn có một gốc mít đã trăm tuổi”.

Sau khi dâng bó hoa tưởng niệm lên ban thờ tại nhà thờ tổ, chúng tôi sang ngôi nhà tranh bên cạnh.

“Đây là ngôi nhà năm gian khá to của ông bà ngoại của Bác. Cụ Hoàng Xuân Đường, ông ngoại Bác Hồ, là một nhà nho, giàu lòng thương người, làm nghề dạy học. Bà ngoại Bác, cụ Nguyễn Thị Kép, là người phụ nữ nhân hậu, ngoài công việc đồng ruộng, bà còn tranh thủ dệt vải



tại gia đình. Cụ Hoàng Đường mở lớp dạy học ngay tại nhà. Thầy thì ngồi trên phản, còn các trò thì mang ghế đến ngồi xung quanh để viết bài. Đây là nghiên và mực. Gian thứ hai cụ dùng để chấm bài và tiếp khách. Cụ Nguyễn Thị Kép thì nghỉ ở trong buồng, nơi cụ đã sinh hai con gái. Người con gái đầu lòng là Hoàng Thị Loan, mẹ của Bác Hồ. Em gái Hoàng Thị An là dì Bác Hồ. Ông bà cụ Hoàng Đường cùng hai con đã sống cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc, hòa thuận. Năm 1878, gia đình cụ có nhận nuôi một người học trò nữa. Cậu học trò được đón về nuôi dạy chính là cậu Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ. Câu chuyện kể lại rằng, năm đó Tết Mậu Dần, cụ Hoàng Đường đi chúc Tết, qua một cánh đồng thấy một học trò ngồi lưng trâu, Tết mà vẫn cầm sách mài mê đọc. Tìm hiểu cụ mới biết Nguyễn Sinh Sắc mồ côi cha mẹ. Cậu không được đến trường mà phải chăn trâu, cắt cỏ nên mượn sách của bạn đọc thêm. Thương học trò mồ côi hiếu học, cụ Hoàng Đường bàn với vợ đón học trò từ làng Sen về nhà mình nuôi và trực tiếp dạy học chữ. Trò về đây ngoan ngoãn, lễ phép, ai cũng quý mến, yêu thương. Cậu lớn trở thành thanh niên có tài, có đức. Con gái cụ cũng tuổi trăng tròn, đẹp người đẹp nết rất yêu quý cậu học trò. Thấy các con thương nhau, vượt qua lễ giáo phong kiến, cụ Đường cụ Kép chọn học trò làm con rể. Khi cha mẹ Bác cưới nhau, ông bà Hoàng Đường lo lắng các con về làng Sen vất vả đã cho con gái con rể nhà đất để ở riêng. Chính là

một căn nhà nhỏ ba gian ở góc vườn này. Gian thứ nhất dành riêng cho ông Sắc học và nghỉ. Tại đây, ông học miệt mài nhiều năm trời. Lần đầu dự kỳ thi Hương ở trường thi Nghệ An, ông không đỗ. Lần thi thứ hai năm 1894 ông thi đỗ cử nhân. Ông nói: kỳ thi để báo hiếu với người thầy chứ không tổ chức ăn mừng. Kinh tế trong nhà mẹ Bác lo liệu chính. Gian thứ hai là nơi nghỉ ngơi của mẹ Bác. Tại đây bà đã sinh ba người con yêu nước. Người con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Thanh, chị của Bác, sinh năm 1884; anh Bác là Nguyễn Sinh Khiêm, sinh năm 1888. Vào một sáng mùa hè ngày 19/5/1890, trong hương sen ngào ngạt, cậu bé Nguyễn Sinh Cung mà sau này là Hồ Chí Minh cất tiếng khóc chào đời...".

Năm 1893, cụ Hoàng Đường qua đời. Ông Nguyễn Sinh Sắc phải đi dạy thêm để giúp đỡ gia đình. Năm 1894, ông Nguyễn Sinh Sắc đậu cử nhân kỳ thi Hương tại trường thi Nghệ An. Hồi đó, thông thường những người đỗ cử nhân, tú tài thường tìm các vị trí trong bộ máy chính quyền để "vinh thân phì gia", nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc lại quyết định sống thanh bạch bằng nghề dạy học tại quê nhà. Bà Hoàng Thị Loan theo chồng về quê, tiếp tục công việc đồng áng.

Năm 1895, Nguyễn Sinh Sắc vào Huế thi Hội, nhưng năm đó ông không đỗ. Quyết chí học hành cho đến nơi đến chốn, ông xin vào học trường Quốc Tử Giám. Cuối năm 1895, ông Sắc quay về Nghệ An đón vợ và hai con trai

vào Huế, con gái gửi ở nhà với bà ngoại. Vào thời đó, đường từ Nghệ An đi Huế vô cùng vất vả và nguy hiểm, gia đình ông Sắc phải đi mất một tháng. Khi mệt quá, cậu bé Cung được cha mẹ cõng và kể cho nghe những câu chuyện về những vị anh hùng cứu nước.

Ở Huế, gia đình ông Sắc phải ở nhờ nhà người quen trong thành nội. Ông Sắc ít khi đến trường mà thích tự học ở nhà và dạy con cũng như con cái của lớp quan lại láng giềng.

Năm 1898, ông Sắc dự thi Hội lần thứ hai nhưng vẫn không đỗ. Cuộc sống gia đình càng thêm chật vật, khó khăn. Ông được người quen giới thiệu về dạy học ở một thôn phía đông Kinh thành Huế. Bà Loan kiếm thêm công việc may vá.

Năm 1900, ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi coi thi ở trường thi Thanh Hóa. Ông đưa Nguyễn Sinh Khiêm đi cùng, còn Nguyễn Sinh Cung ở lại với mẹ trong nội thành Huế.

Cuối năm 1900, bà Hoàng Thị Loan sinh thêm người con thứ tư, thường gọi là bé Xin. Nhưng bé Xin quá yếu cũng sớm qua đời. Tháng 2/1901, bà Hoàng Thị Loan ngã bệnh và đột ngột qua đời, lúc bà mới 33 tuổi. Nguyễn Sinh Cung mới 11 tuổi đã phải chịu nỗi đau thương, mất mát quá lớn.

Hơn 5 năm sống ở Kinh thành Huế, Nguyễn Sinh Cung thấy được nhiều điều mới lạ, nhiều lớp người, những ông Tây da trắng ngênh ngang, hách dịch và tàn ác, những ông

quan phong kiến mũ áo chỉnh tề nhưng khúm núm, rụt rè, còn phần đông người lao động đều chịu chung số phận đau khổ và tủi nhục. Những hình ảnh đó đã hằn sâu vào ký ức của Nguyễn Sinh Cung.

Đoàn chúng tôi rời ngôi nhà ở làng Hoàng Trù để đến thăm ngôi nhà ở làng Kim Liên (làng Sen). Đi xe chỉ mất vài ba phút. Nơi này được chăm chút hơn so với ngôi nhà ở làng Hoàng Trù. Vẫn là hàng rào cây dâm bụt hai bên lối vào. Trước ngôi nhà năm gian là một khoảng sân rộng. Lần này thì một thiếu nữ trong áo dài trắng, khoác áo màu xanh thuyết minh cho chúng tôi:

“Nơi đây gọi là làng Sen, quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nơi đây Bác Hồ gắn bó 5 năm thời niên thiếu, từ lúc Bác 11 tuổi đến năm 16 tuổi. Ngôi nhà này được dựng từ năm 1901, là năm ông Nguyễn Sinh Sắc đi thi và đỗ phó bảng. Nhân dân làng Sen vui mừng vì lần đầu tiên làng có một người đỗ đại khoa nên mua một ngôi nhà lớn năm gian rồi dựng trên mảnh đất học điền, tức là đất dành cho người học giỏi... Khi về đây, ông Nguyễn Sinh Sắc đã dành trọn gian nhà thứ hai là gian trang trọng nhất để lập bàn thờ vợ. Vốn tính giản dị, ông làm bàn thờ đơn sơ bằng tranh, tre, nứa. Bên cạnh bàn thờ là một tấm biển được vua Thành Thái ban tặng cho ông Sắc khi ông đỗ phó bảng. Tấm biển khắc bốn chữ “Ân Tự Linh Gia”, nghĩa là ơn của nhà vua ban cho một gia đình tốt. Ông Sắc đặt món quà của nhà vua ban ngay bên cạnh bàn thờ vợ để nhớ ơn người vợ hiền nơi chín suối...

Sau này, khi ông Nguyễn Sinh Sắc mất tại Cao Lãnh, Đồng Tháp năm 1929, bà Nguyễn Thị Thanh là người duy nhất vào tận Đồng Tháp rước cha về thờ cùng mẹ. Bà Thanh, ông Khiêm suốt cuộc đời hoạt động yêu nước mà không ai lập gia đình riêng, ngày qua đời anh chị của Bác được rước về hương khói cùng với cha mẹ chính tại bàn thờ này. Đây có thể coi là bàn thờ của cả gia đình Bác Hồ...”.

Được tin vợ qua đời, ông Nguyễn Sinh Sắc vội vã trở lại Huế, đưa các con về quê ngoại Hoàng Trù. Sau khi thu xếp tạm ổn cuộc sống cho các con, ông lại vào Huế dự kỳ thi Hội năm 1901. Tại khoa thi năm đó, ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng. Việc ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng đem lại niềm vui lớn cho gia đình và dòng họ vì đã lâu lắm rồi vùng này mới có người đỗ đạt cao như vậy. Cũng như lần đỗ cử nhân, ông từ chối những nghi lễ long trọng vì ông không muốn làm phiền bà con. Tuy nhiên, ông chấp nhận nhận ngôi nhà như là quà tặng của làng Kim Liên.

Phó bảng là một học vị danh giá và thường mang lại quyền lực cũng như tiền bạc. Tuy nhiên, ông Nguyễn Sinh Sắc không có mong muốn tham gia vào quan trường trong cảnh mất nước. Lấy có là đang để tang vợ, ông quyết định đưa ba người con về sống ở Kim Liên, quê nội, và dạy học ở đó. Theo tục lệ thời đó, Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung được đặt tên mới khi vào làng là Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành.

Ở làng Sen, ông Nguyễn Sinh Sắc quyết định gửi Nguyễn Tất Thành đến học lớp của nhà nho Vương Thúc Quý, con của cụ Vương Thúc Mậu, người đã tuần tiết khi bị giặc Pháp bao vây. Cũng như ông Nguyễn Sinh Sắc, sau khi đỗ đạt, Vương Thúc Quý từ chối làm quan, ở làng dạy học. Ông Sắc muốn Nguyễn Tất Thành được học chữ của thầy, nhưng quan trọng hơn, đó là lòng yêu nước thương dân của thầy Quý. Đáng tiếc là chẳng bao lâu sau lớp học bị đóng cửa vì thầy Quý bỏ làng theo nghĩa quân khởi nghĩa. Nguyễn Tất Thành quay về học với cha mình. Cũng như thầy Quý, ông Sắc không bao giờ khuyến khích học trò học chỉ để đỗ đạt làm quan, mà hãy học để cứu giúp đồng loại.

Thời gian này, ông Nguyễn Sinh Sắc đưa cậu con trai đi nhiều nơi đây đó, tìm những người cùng chí hướng để bàn luận thời cuộc. Qua những chuyến đi này, Nguyễn Tất Thành mở rộng thêm tầm nhìn và tầm suy nghĩ. Cậu thấy đâu đâu người dân cũng lam lũ trong kiếp trâu ngựa tồi tệ, ở đâu cũng âm ỉ những đốm lửa muốn đốt cháy quân thù. Trước cảnh thống khổ của nhân dân, người thiếu niên này đã sớm có chí đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào và cũng không khỏi băn khoăn khi thấy nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân bất thành. Cậu hỏi “làm thế nào để cứu nước, cứu dân tộc” sớm được đặt ra trong trí óc người thiếu niên yêu nước.

Khi theo học thầy Quý, Nguyễn Tất Thành nhận ra nhà thầy là nơi lui tới của các sĩ phu yêu nước trong vùng.

Nhờ đó, cậu thiếu niên Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất nhà tan. Vấn đề thời cuộc gắn liền với sự sống còn của dân tộc đã ngày một thấm sâu vào trái tim và khối óc cậu thiếu niên Nguyễn Tất Thành.

Một trong những người bạn gần gũi với Nguyễn Sinh Sắc là nhà yêu nước nổi tiếng Phan Bội Châu, quê cách Kim Liên chỉ vài cây số. Như nhiều nhà nho yêu nước lúc bấy giờ, Phan Bội Châu cũng trăn trở trước hiện tình đất nước và số phận của dân tộc, nhất là sau sự thất bại của chí sĩ Phan Đình Phùng. Nhờ được đọc một số tác phẩm của Phan Bội Châu, Nguyễn Tất Thành rất ấn tượng, kính trọng lòng yêu nước và chia sẻ sự khinh bỉ của ông với vương triều thối nát ở Huế.

Phan Bội Châu rất ngưỡng mộ mô hình Nhật Bản. Cuối năm 1904, ông đi Nhật và bắt tay xây dựng một trường đại học tại đây để đào tạo những thanh niên Việt Nam yêu nước. Đó là khởi đầu của phong trào Đông Du. Tuy nhiên, sau điều ước Pháp - Nhật, Chính phủ Nhật đã ra lệnh trục xuất số Việt Nam thanh niên Đông Du, trong đó có cả Phan Bội Châu. Năm 1909, phong trào Đông Du tan rã. Nguyễn Tất Thành hiểu thêm là không thể dựa vào Nhật để đuổi Pháp, làm như vậy không khác nào “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”.

Sau đó ít lâu, Nguyễn Tất Thành đề nghị cha cho mình đi học tiếng Pháp. Ông Sắc hơi băn khoăn vì tại

thời điểm đó chỉ có những người chịu làm tay sai cho Pháp mới học tiếng Pháp. Nhưng cuối cùng ông cũng đồng ý cho cậu đi học, bởi chính ông cũng thường hay nhắc đến lời dạy của tiên nhân về việc phải hiểu được kẻ địch mới có thể đánh bại chúng.

Hè năm 1905, Nguyễn Tất Thành bắt đầu học tiếng Pháp với một người bạn của cha tại Kim Liên. Tháng 9, ông Sắc đã xin cho anh em Nguyễn Tất Thành vào trường dự bị Pháp - Việt tại Vinh. Một người bạn của ông Sắc khuyến khích việc ông cho cậu Thành đi học tiếng Pháp bởi “muốn đánh kẻ thù phải học tiếng kẻ thù để hiểu được kẻ thù”.

Tại Trường tiểu học Vinh, Nguyễn Tất Thành chú ý đến ba từ được viết và gắn trên phía bảng đen “Liberté, Égalité, Fraternité” (Tự do - Bình đẳng - Bác ái). Anh tìm hiểu và biết đó là khẩu hiệu nổi tiếng của đại Cách mạng Pháp năm 1789. Đối với anh, đó hoàn toàn là những điều mới mẻ, khác với những gì mà anh được học trong sách vở thánh hiền. Vì lẽ đó, anh rất muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau những chữ ấy. Nhưng chưa hết năm học, khoảng tháng 5/1906, Nguyễn Tất Thành phải nghỉ học để chuẩn bị cùng cha lên đường vào Huế.

## **2. Người chị đáng kính**

“Người chị của Hồ Chí Minh là một phụ nữ đẹp và có phẩm hạnh cao cả. Bà đã sống cuộc đời cách mạng và



cũng trải qua những năm tháng bị tù đày. Năm 1954, người chị mất nhưng Hồ Chí Minh không thể về được. Người rất đau lòng. Vì chị là người thân cuối cùng còn lại trong gia đình.

Ông Nguyễn Sinh Sắc đọc sách ở đây và dạy học cho cậu Cung. Tuy làm quan nhưng ông nói rằng mình sẽ không lợi dụng chức quan này. Đây là đĩa, chạn bát, mâm com mà dân làng làm cho. Năm 1950, người anh của Hồ Chí Minh mất. Vì bận việc nước Hồ Chí Minh không thể về”.

Anh Việt dịch lời thuyết minh của cô hướng dẫn viên, đến đoạn “xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước” thì mắt cũng hoe đỏ. Năm 1945, khi Việt Nam giành được độc lập, Hồ Chí Minh mới gặp được người anh trai Nguyễn Sinh Khiêm tại Hà Nội sau 40 năm. Hồ Chí Minh gặp anh ở nhà một người thân gần đó chứ không gặp ở Phủ Chủ tịch. Hai người nói chuyện với nhau trong khoảng 1 giờ đồng hồ. Ông Nguyễn Sinh Khiêm không biết rằng người em của mình lại chính là nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc mà mình tôn kính. Người anh của Hồ Chí Minh mất năm 1950, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở thời kỳ ác liệt. Từ chiến khu của rừng núi Việt Bắc, Hồ Chí Minh gửi điện về:

“Nghe tin anh Cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu tôi

không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu. Than ôi! Tôi chịu tội bất đê trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước”.

Người anh mất, người chị là người thân ruột thịt duy nhất trên đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các anh chị em của Hồ Chí Minh vì phong trào độc lập, tất cả đều không kết hôn nên cũng không có con cháu. Khi người chị mất, thậm chí Hồ Chí Minh cũng không thể gửi điện chia buồn.

Phần nói về người chị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau này tôi được anh Việt kể cho nghe. Nhưng để hiểu nguyên vẹn sự cảm động của phần này tôi không thể không dẫn lại những dòng của nhà nghiên cứu Bang Hyeon-seok<sup>1</sup>:

“Năm 1945, chẳng bao lâu sau khi Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập nhờ cuộc Cách mạng Tháng Tám, có một thanh niên tìm đến làng Kim Liên, tỉnh Nghệ An. Ngồi nhà mà thanh niên đó tìm đến là nhà của O Thanh.

Tên đầy đủ của O Thanh là Nguyễn Thị Thanh. Bà sinh năm 1884. Thời trẻ bà là nhà hoạt động của phong trào kháng Pháp. Bà đã đi khắp miền Bắc, miền Trung để hoạt động kháng chiến. Dáng người bà cao ráo, xinh đẹp nhưng bà không lấy chồng. Bị quân Pháp bắt và tra tấn dã man,

---

1. Trích từ bài “Những người thân trong gia đình Hồ Chí Minh”, báo *Seoul*, tháng 5/2005.

tuổi thanh xuân của bà đã trôi qua trong tù. Khi bị bắt năm 1916, bà bị buộc phải ngồi trên một chiếc mâm đồng nung đỏ. Da thịt bị cháy nhưng bà quyết không bán rẻ những người đồng chí của mình. Năm 1918, bà bị tuyên cáo 9 năm tù khổ sai. Khi ra tù ở Quảng Ngãi bà đã ngoài 40 tuổi. Sau khi ra tù, bà vẫn phải chịu sự quản thúc.

Tổ quốc được độc lập nhưng tuổi thanh xuân đã qua thì không trở lại được. Thân thể bị tra tấn cũng vậy. Bà bị những con đau thường xuyên hành hạ một ngày tới mấy lần.

Người thanh niên bất ngờ đưa cho bà một tấm ảnh. Người trong ảnh không ai khác chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Khuôn mặt này là Nguyễn Tất Thành không sai”.

O Thanh biết rằng, người thanh niên ấy không phải vô cớ mà tìm đến. Người thanh niên này là Vương Thúc Oánh - nhà cách mạng chống Pháp cũng từng bị tù đầy, ra tù sau Cách mạng Tháng Tám. Người này là con của người thầy mà em trai bà Thanh đã từng học.

“Năm 1940, tôi đã gặp anh ấy ở Quảng Châu, Trung Quốc. Khi đó tôi học ở trường của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội mà anh ấy lập ra”.

“Tôi cũng nghĩ là em tôi. Dù thời gian đã qua, nhưng đôi mắt này chắc chắn là em tôi. Và đây xem cái tai này,...”.

O Thanh chỉ vào tai của nhân vật trong ảnh.

“Tai của em tôi một bên to khác thường. Bao nhiêu năm trôi qua, em tôi sau khi ra nước ngoài đến nay đã hơn 30 năm không gặp lại nên...”.

Vương Thúc Oánh nói rằng, em của O Thanh không quên quê hương và kể lại chuyện gặp Nguyễn Tất Thành ở Trung Quốc. Nghe được chuyện này, O Thanh quyết định sẽ ra Hà Nội.

O Thanh mặc quần áo vẫn mặc thường ngày, bỏ vào giỏ 2 con vịt mình nuôi và rời làng. Người làng bảo ăn mặc sao thế kia và khuyên bà thay áo khác nhưng bà không để tâm.

“Tôi là chị, chỉ đi gặp em với tấm lòng giống như người mẹ chứ có phải là đi gặp vua đâu”.

Năm Hồ Chí Minh lên 10 tuổi thì mẹ mất. Sau đấy, người chị cũng giống như người mẹ.

Rồi người ta bảo trong khi đi đường vịt sẽ chết mất và khuyên bà hãy để lại nhưng bà vẫn nhất định đem theo.

“Phải có lý do đáng để mang đi thì tôi mới mang đi chứ”.

Các nhà nghiên cứu của Mỹ hay Pháp nói rằng O Thanh mang theo 2 con gà và 20 quả trứng. Họ nhấn mạnh cái đặc điểm ấy khắc họa rõ nét hình ảnh của người chị ở vùng quê nghèo. Nhưng sự thật thì khác. O Thanh mang vịt đi là có lý do khác.

Phải mất mấy ngày O Thanh mới đến Hà Nội. Bà đến thẳng Bắc Bộ phủ, nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi nói rõ tên mình, bà nhờ chuyển lời đến Chủ tịch là có chị đến để thăm em.

Anh cảnh vệ nhìn O Thanh với ánh mắt lạ lùng. Bà có thể nhận ra anh cảnh vệ đang nhìn cái bộ dạng tồi tàn của mình. Bà giận trách anh cảnh vệ:

“Em tôi từ bé thật thà và thông minh, nhưng nhà tôi nghèo. Tôi cũng có quần áo đẹp nhưng mặc thế này để xem em có vui mừng khi gặp người chị nghèo này không. Chú cứ liên hệ giúp tôi. Nếu em tôi bảo không gặp thì tôi sẽ về quê ngay”.

Anh cảnh vệ liên lạc với phòng thư ký. Người thư ký ra nói với O Thanh một địa chỉ nhà và bảo O đến chỗ ấy đợi. O Thanh giận quá, cầm giỏ vịt đứng dậy. Tuy đã già nhưng cái tính khí nóng nảy khi đối mặt với đòn roi tra tấn quân Pháp vẫn hiện rõ.

“Tôi sẽ về! Phải hàng chục năm chị mới đến được mà lại bảo mai gặp”.

Người thư ký lúng túng giữ tay O Thanh lại:

“Thật ra vừa rồi khi được báo là có chị tên là Nguyễn Thị Thanh đến thăm thì Chủ tịch đã rom róm lẹ. Nhưng bây giờ Chủ tịch đang bận xử lý việc cấp 10 nghìn tấn gạo cho quân Tưởng Giới Thạch”.

Khi đó, viện lý do giải giáp quân đội Nhật, quân Anh ở miền Nam, và quân Tưởng ở miền Bắc đang tiến vào Việt Nam. Hành động quá khích của chúng không những không thể nói hết mà còn là hòn đá tảng ngăn cản nền độc lập toàn vẹn của Việt Nam. Để mau chóng đuổi quân Tưởng đi, Hồ Chí Minh cố gắng chiêu lòng và xoa dịu chúng.

O Thanh lúc đó mới dịu giọng.

“Nếu là thái độ của quan lại với bách tính thì tôi sẽ không đợi. Nhưng nếu vì việc nước thì tôi sẽ đợi”.

O Thanh về nhà của Giáo sư Đặng Thai Mai. Giáo sư Đặng Thai Mai là đồng hương với Hồ Chí Minh, đã từng cùng dạy học với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông cũng là Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên của Chính phủ Hồ Chí Minh.

O Thanh về đến nhà Giáo sư Đặng Thai Mai rồi đặt giỏ vịt xuống:

“Nhờ chú luộc hộ tôi hai con vịt này. Chú đừng chặt 4 chân và xẻ thịt, phải để nguyên cả con”.

Sáng hôm sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé nhà Giáo sư Đặng Thai Mai. Nhưng không hiểu có việc gì O Thanh cứ nhìn chăm chăm vào tường mà không quay ra. Hồ Chí Minh đặt tay lên vai O Thanh hỏi bằng giọng buồn rầu:

“Chị ơi! Sao chị lại giận em vào giờ phút này?”.

Phải đến lúc đó, O Thanh mới đứng quay lại, ôm chặt lấy Hồ Chí Minh, nức nở. O Thanh xoa má, rồi cầm em một lúc rồi buồn bã.

“Sao em đã già thế này? Hồi còn bé em tôi đẹp thế mà sao bây giờ lại gầy thế này. Nhưng ánh mắt thì vẫn sáng thế”.

Sau cuộc gặp cảm động, bàn ăn sáng được dọn ra. Dĩ nhiên giữa bàn đặt 2 con vịt.

“Có hai người chúng tôi mà hôm nay chuẩn bị thịnh soạn quá. Nhưng tại sao lại mang nhiều vịt lên thế này?”.

Giáo sư Đặng Thai Mai không thể không trả lời.

Nghe thấy thế, Hồ Chí Minh đứng ngay dậy khỏi chỗ ngồi, cầm một chiếc chân vịt lên:

“Chị ơi! Em không nghĩ là hôm nay mình lại thấy rõ lỗi sai của mình thế này”.

Các thành viên gia đình Giáo sư Đặng Thai Mai đều nhìn sang O Thanh bằng ánh mắt nghi ngờ. Ngồi im một lát, O Thanh mới chậm rãi nói:

“Hôm nay tôi rất vui. Em tôi 30 năm đi các nước trở về mà vẫn không quên lời dạy trong gia đình. Thật vui biết bao”.

Hồ Chí Minh hồi nhỏ vì cái chân vịt mà bị bà ngoại cho ăn roi. Một hôm có giỗ ở nhà bà ngoại, bà đặt vịt lên bàn thờ còn chân vịt thì cho hai người em trai của O Thanh là anh Khiêm và Hồ Chí Minh mỗi người một chiếc. Anh Khiêm cầm chân vịt của mình đùa em:

“Chân vịt của anh to hơn”.

Hồ Chí Minh bỏ chân vịt của mình xuống, chạy tới muốn giành lấy chân vịt của anh. O Thanh mắng các em.

“Khiêm! Là anh phải nhường em chứ!”.

Nghe lời, Khiêm đang giằng buông ra, cậu Cung cứ thế ngồi phệt xuống làm cái bát sứ trên mâm bị vỡ. Bà ngoại thường ngày hiền từ là thế mà hôm nay bà cầm lấy cái chổi.

“Các cháu! Nghe đây! Dù các cháu thông minh, được đến trường học chữ mà vẫn có lòng tham của người khác thì lớn lên chỉ có thể trở thành tham quan ô lại. Nếu không uốn nắn từ bé thì không được. Hãy vén quần lên”.

Sau hôm đó, những lúc rảnh rỗi, Hồ Chí Minh lại ghé nhà Giáo sư Đặng Thai Mai ăn cơm cùng chị. O Thanh ở

khoảng 10 ngày rồi bảo với thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh là bà sẽ về quê.

“Tôi đã ở đây 10 ngày và đã xem được em mình ăn uống và sinh hoạt. Là Chủ tịch nước, nếu ở nước khác là tổng thống, là vua nhưng xem ăn uống chẳng khác chút nào với các thư ký, thì bây giờ tôi về cũng được rồi. Không đánh mất cái căn bản của lòng mình thì em tôi quyết không trở thành tham quan ô lại”.

Giáo sư Đặng Thai Mai ngăn O Thanh lại:

“Thế sao O không ở lại trông nom em mà lại về quê?”.

O Thanh đáp lời:

“Em tôi đã là người lớn. Tôi ở đây đã không chăm sóc được cho em mà lại thành ra dựa vào cái bóng của em. Khi Tổ quốc là thuộc địa của Pháp, các gia đình ly tán, thậm chí vua cũng bị đày sang châu Phi. Bây giờ ta tìm lại được tất cả, tôi không còn ân hận gì nữa. Và lại tôi cũng không phải là người khéo cư xử khi ở gần quyền lực. Em tôi phải là người phải chăm lo cho đất nước, còn tôi phải trở về trông nom cái nhà của tôi”.

Tuy thế, Giáo sư Đặng thêm một lần nữa giữ O Thanh lại:

- Nhưng ở quê có còn ai mà trông nom?
- Phải rồi! Tôi không có con cái. Nhưng trẻ con trong làng tất cả là con tôi.

Thế là người chị của Hồ Chí Minh trở về làng Kim Liên. Từ đó đến khi bà mất, bà không lên Hà Nội lần nào nữa.

Nhiều nhà viết sử đưa ra những sự suy đoán vô căn cứ về việc Hồ Chí Minh không thu xếp thăm cũng như



không về dự lễ tang anh Khiêm, chị Thanh và việc chị Thanh mất mà không gửi điện chia buồn. Đặc biệt là những người muốn miêu tả Hồ Chí Minh như một kẻ cuồng chiến nhẫn tâm đều nhấn mạnh vào điểm này. Nhưng sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhà văn Sơn Tùng, người thường đến chơi nhà anh Khiêm và O Thanh thì kể một câu chuyện hoàn toàn khác:

“Đó là lời của những người không hiểu gì. Khi O Thanh mất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang thăm bí mật Trung Quốc. Sau khi thắng ở Điện Biên Phủ và ký Hiệp định Giơnevơ, Người đã gặp Chu Ân Lai”.

Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về, nghe tin chị mất, Người đánh rơi cả bút, nắm lấy cái chân bàn. Mãi một lúc sau, Người mới bình tĩnh để hỏi thư ký đã gửi điện chia buồn hay chưa.

“Chúng cháu muốn đợi Bác về mới thưa xin ý kiến”.

Hồ Chí Minh không nói lời nào, thần thờ nhìn về phương Nam nơi có làng Kim Liên...<sup>1</sup>.

### **3. Hướng đến một thế giới rộng lớn**

Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm quê, bước vào gian nhà trong, nhìn thấy tấm phán, Người bảo hình như nó ngắn hơn thì phải. Lúc Bác rời khỏi nhà, anh trai

---

1. Câu chuyện tác giả trích dẫn ở đây có nhiều điểm khác với các công trình nghiên cứu đã xuất bản ở Việt Nam (B.T).

Nguyễn Sinh Khiêm đã đem nhà cho một người bạn nghèo mượn. Mùa đông, người bạn đốt lửa sưởi chẳng may lửa bén vào phản nên mới cửa bỏ gần này.

Cái nhà kia là của làng làm cho khi ông Nguyễn Sinh Sắc thi đỗ làm quan. Ông đem nhà này cho người anh cùng cha khác mẹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nấu cơm ở cái bếp này và ăn ở cái mâm này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống 5 năm ở đây rồi cùng cha vào Huế. Người trở lại đây khi đã 67 tuổi. Khi ấy, dân làng đã làm cho nhà này một cái cổng.

Người vẫn còn nhớ đằng trước, đằng sau có những cây gì. Người dân trong làng khuyên nên trồng hoa ở sân cho đẹp nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng khi đó chúng tôi nghèo nên hoa khoai lang thích hợp hơn. Như thế lại có cả cái ăn. Năm 1961, Bác Hồ về thăm quê lần thứ hai.

“Các vị khách Hàn Quốc đến thăm quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh thế này, chúng tôi thật cảm động. Xin cảm ơn và chúc quý vị sức khỏe”.

Thời gian chúng tôi thăm hai ngôi nhà và nghe thuyết minh, lại còn được nhận cả lời cảm ơn, tất cả không đến 30 phút. Nay cái sân đã được sửa sang, sắp xếp ngăn nắp nhưng nếu lược đi những sự trang hoàng này thì khung cảnh nghèo nàn của 100 năm trước lại hiện ra thật sống động. Không gian này chỉ có những vật dụng thiết yếu cho cuộc sống chứ không có gì gọi là trang trí.

Ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng nhưng viện nhiều lý do gia đình để từ chối làm quan, mãi đến năm 1906 ông mới quyết định nhận chức phong của triều đình. Ông để người con gái ở lại làng Kim Liên, rồi đưa cả hai người con trai vào Huế. Ở đây, ông được trao một chức quan nhỏ so với học vị phó bảng. Ông bắt đầu cảm thấy không dễ chịu khi phục vụ trong bộ máy quan chủ bù nhìn cho Pháp và nỗi tuyệt vọng đối với chế độ Nho giáo cổ hủ và thối nát. Theo ông, tầng quan lại hiện tại chỉ biết hà hiếp nhân dân. Bất đắc dĩ phải nhận chức quan đúng là một nỗi đau. Hồ Chí Minh sau này nhớ lại việc cha đã đưa ra một câu hỏi không lời đáp rằng Việt Nam phải dựa vào nước nào trong số các nước Anh, Nhật, Mỹ. Với lòng yêu nước và sự tự tôn mạnh mẽ cùng với việc bộc lộ tinh thần chống Pháp nên cuối cùng ông cũng bị cho thôi chức quan.

Sau khi quay lại Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc gửi hai người con trai vào Trường tiểu học Đông Ba - một trường học kiểu Pháp. Trên cổng trường có gắn khẩu hiệu nổi tiếng của cách mạng Pháp “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”<sup>1</sup>. Đối với cậu, đó hoàn toàn là những điều mới mẻ, khác với những gì mà cậu được học trong sách vở

---

1. “Liberté” là “Tự do”, “Égalité” là “Bình đẳng”, nhưng dịch từ “Fraternité” là “Bác ái” thì theo Giáo sư Kim Kyu-Jong, khoa Văn học Nga, Đại học Kyung Book, là chưa thật chuẩn. Đúng hơn phải dịch là “Tình anh em”, “Tình hữu ái”. Dịch sang tiếng Anh cũng là “Brotherly”.

thánh hiền. Vì lẽ đó anh rất muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau những chữ ấy.

Năm 1908, cậu thi đậu vào trường Quốc học ở Huế. Trong số các học sinh, Nguyễn Tất Thành nổi tiếng với nhiều câu hỏi và rất giỏi ngoại ngữ nên được nhiều thầy cô quý. Các bạn cùng lớp nói rằng những câu hỏi của Nguyễn Tất Thành đôi khi có tính khiêu khích. Bởi cậu muốn làm sáng tỏ ý nghĩa của những tác phẩm kinh điển của những triết gia Pháp. Có thầy giáo nói “cậu thiếu niên này là học sinh xuất sắc và lanh lợi hiếm thấy”. Người cổ vũ cho lòng yêu nước của cậu thiếu niên này - thầy Hoàng Thông - là nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tinh thần chống Pháp ở trường. Thầy Thông thường nói với học sinh rằng nổi đau mất nước còn lớn hơn nổi đau mất nhà. Thầy nhấn mạnh mất nước là mất tất cả. Cậu thiếu niên chăm đến nhà thầy đọc sách. Thầy Hoàng Thông hoạt động chính trị bí mật, nên người ta cho rằng qua thầy cậu thiếu niên đã tiếp xúc với một số nhóm khởi nghĩa trong vùng.

Nguyễn Tất Thành trở nên ngày càng gay gắt hơn trong việc phê phán chính quyền hiện tại, có quan điểm “chống đối chính quyền rõ ràng”, thường xuyên kêu gọi giảm sưu thuế cho nông dân. Vì thế, cậu đã bị Ban Giám hiệu kỷ luật nghiêm khắc nhiều lần.

Khoảng thời gian đó, Nguyễn Quyền, một trong những sáng lập viên của phong trào Đông Kinh nghĩa thực, đã viết

một bài thơ kêu gọi đồng bào cắt bỏ mái tóc dài búi tóc, như một cử chỉ đoạn tuyệt với chế độ phong kiến. Cậu thiếu niên Nguyễn Tất Thành đã tham gia vào phong trào cắt tóc ấy. Cậu và các bạn thường đi cắt tóc rong, vừa đi vừa hát:

*Tay trái cầm lược,*

*Tay phải cầm kéo,*

*Cúp hề, cúp hề!*

*Bỏ cái ngu này,*

*Bỏ cái dại này,*

*Cúp hề, cúp hề!*

Đến đầu năm 1908, sự bất bình bắt đầu lan rộng đến tận các vùng nông thôn. Đám đông nông dân đòi miễn các loại sưu cao thuế nặng, và được sự ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp trí thức. Phong trào bắt đầu lan rộng ra các tỉnh duyên hải miền Trung và có dấu hiệu bạo lực. Triều đình đem quân đàn áp bắt bớ, sau khi nông dân biểu tình chiếm một số công sở, giam giữ một số quan lại.

Sau khi tham gia các cuộc biểu tình chống thuế, Nguyễn Tất Thành bắt đầu bị bọn cảnh sát Pháp theo dõi và nhà trường đã để ý đến cậu. Ông Nguyễn Sinh Sắc, cha cậu, bị bọn quan cai trị thực dân khiển trách về việc con trai ông có những phát ngôn bài Pháp.

Tháng 5/1909, Nguyễn Sinh Sắc được bổ nhiệm làm phúc khảo cho kỳ thi Hương ở Bình Định, sau đó ông được bổ nhiệm chức Đồng tri phủ lãnh chức Tri huyện Bình Khê (quan đứng đầu một huyện lớn, đông dân).

Cuối năm học đó, Nguyễn Tất Thành rời trường Quốc học, theo cha vào Bình Định.

Đến Bình Khê, cậu được gửi học tiếp chương trình lớp nhất với một thầy giáo đang dạy ở trường Tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn.

Tháng 01/1910, một biến cố mới lại ập đến với gia đình cậu: cha cậu, ông Nguyễn Sinh Sắc bị “triệt hồi” chức tri huyện Bình Khê. Nguyễn Tất Thành đã không theo cha trở về Huế mà quyết định đi tiếp xuống phía Nam.

Tháng 8/1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Rang. Nhờ một người bạn của cha hồi còn ở Huế, cậu được nhận vào làm trợ giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành được tuyển làm trợ giáo môn thể dục, đồng thời phụ trách các hoạt động ngoại khóa của nhà trường. Đối với Nguyễn Tất Thành, việc dạy học chỉ là tạm thời, song anh vẫn đem hết lòng nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh của đất nước.

Ngoài giờ lên lớp, thầy giáo Nguyễn Tất Thành rất say mê đọc sách. Chính tại ngôi trường này, lần đầu tiên thầy Thành đã có dịp tiếp cận với tư tưởng J.J. Rousseau, Ch.de. Montesquieu, Fr. Voltaire,... là những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái,...

Đầu tháng 02/1911, thầy giáo Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn.

Lần đầu tiên vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành thấy thêm nhiều điều mới lạ, nhất là cảnh ăn chơi xa hoa dành riêng cho người Pháp, còn người dân Việt Nam thì đa số vẫn lầm than, khổ cực. Ở đất thuộc địa này, Nguyễn Tất Thành càng thấy rõ hơn sự đối lập giữa hai cảnh sống của bọn thực dân và những người lao động mất nước.

Ngày 03/6/1911, một thủy thủ dẫn Nguyễn Tất Thành, với tên mới là Văn Ba, lên tàu gặp thuyền trưởng và được nhận vào làm phụ bếp trên tàu.

Ngày 05/6/1911, con tàu Amiral Latouche Treville hú còi rời bến cảng Sài Gòn đi Marseille, mang theo một người thanh niên Việt Nam đầy lòng yêu nước, thương dân, ôm ấp một hoài bão lớn lao: tìm hiểu nền văn minh của thế giới, ra sức học hỏi để trở về giúp đồng bào, giúp đất nước.

#### **4. Bí mật của linh hồn**

Kế bên ngôi nhà Hồ Chí Minh sống thời niên thiếu là khu nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh được xây theo kiểu dáng kiến trúc đặc trưng của đền thờ Việt Nam.

Ngôi nhà to phía sau là nơi đặt ban thờ Hồ Chí Minh. Phía trên ban thờ đặt bức tượng bán thân Hồ Chí Minh treo lá cờ đỏ sao vàng và cờ đỏ búa liềm. Trước ban thờ là một lư hương lớn dành cho khách viếng thắp hương. Ở ngôi nhà lớn phía trước treo những bức ảnh lịch sử liên quan đến Hồ Chí Minh và lời của Người viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh lồng trong khung kính.

Tham quan cả ba nơi ở Kim Liên mất hai tiếng đồng hồ. Sau đó, chúng tôi đi thăm Hà Nội, Pác Bó. Nếu bảo chúng tôi đã tìm hiểu gần đủ những di tích liên quan đến Hồ Chí Minh ở Việt Nam cũng không phải quá lời. Nhưng cũng không thể nói là đã hiểu được hoàn toàn về Hồ Chí Minh được.

Hồ Chí Minh đã tự nhận mình có hai khuyết điểm lớn là hút thuốc lá nhiều và không lấy vợ. Người khuyên thanh niên hãy bỏ thuốc lá và nhất định phải kết hôn.

Sách viết về Hồ Chí Minh rất nhiều, nhưng sách càng ra nhiều thì càng khó nắm bắt được hình ảnh của Người.

Nhiều nhân vật lịch sử để lại tự sự làm “chứng cứ cuộc đời”. Những con người vĩ đại của thế kỷ XX như Gandhi hay Mao Trạch Đông cũng không phải là ngoại lệ. Nhưng Hồ Chí Minh hầu như không để lại “chứng cứ cuộc đời”. Với Hồ Chí Minh, viết lách và rơi vào “say mê bản thân mình” là không hợp với thiên tính. Những người nổi tiếng thường không muốn ai đó “thần thánh hóa” quá khứ của mình như thể tự mình nắm tóc mình nhấc lên cao. Hầu như Hồ Chí Minh không viết gì về cuộc đời mình ngay cả khi bắt đầu có tên tuổi, cũng không tạo tác ra bối cảnh trưởng thành và làm đẹp nó, mà chỉ trung thực với vấn đề phải đối mặt. Hồ Chí Minh có những dòng tự truyện ngắn ngủi viết ở ngôi thứ ba về thời trẻ nhưng cũng không phải là truyện trên mức cần thiết và dù có như vậy cũng không hề nói quá. Với Hồ Chí Minh không có câu chuyện hoang đường nào kiểu như “sức lôi cuốn của một nhân vật anh hùng



đầy cá tính”, “tham vọng cháy bỏng”, “năng lực xuất thần”. Hồ Chí Minh là người không giống nhà lãnh đạo nào có yêu cầu muốn sáng tạo ra huyền thoại về mình. Vì phong cách của Người đã thoát khỏi sự giả hình của “sức mạnh vĩ đại”. Thay vào đó, điều bí mật đơn giản mà Người không nói mãi mãi là sự cao quý của tâm hồn.

Aristoteles đã từng nói: “Sự ưu việt không phải là tình cờ. Nó luôn là kết quả của ý định vững vàng, nỗ lực thực sự, và hành động thông minh; nó cho thấy sự lựa chọn sáng suốt giữa nhiều lựa chọn - chính lựa chọn, không phải là sự tình cờ, quyết định vận mệnh của bạn”<sup>1</sup>.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là một “động từ quy tắc” nhất trong số tất cả các động từ quy tắc, làm mọi việc sau khi đã thận trọng suy xét. Chăm lo hạnh phúc cho người khác, hướng tới sự hoàn hảo cho mình. Đó phải chăng không phải là điều kỳ diệu?

\*

\*   \*

Trên đường về Hà Nội, anh Việt nói đoàn nên ghé qua bãi biển. Rồi thành phố Vinh đi chưa được bao lâu là tới

---

1. Nữ hoàng trượt băng nghệ thuật Hàn Quốc Kim Yu-na từng chia sẻ: “Để hoàn thành một động tác, tôi phải tập luyện hàng chục nghìn lần”. Năng lực lãnh đạo tài tình của Hồ Chí Minh khi đối đầu với đế quốc như Mỹ không thể ví như việc rèn luyện một môn thể thao. Hồ Chí Minh với khả năng lãnh đạo ấy ắt hẳn đã phải rèn luyện tri thức của bản thân mình trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt.

một bãi tắm đầy cát vàng. Nhưng biển ở đây không có sóng xanh dâng trào mà mang một màu hoàng thổ sẫm. Sông Hoàng Hà của Trung Quốc, đúng như tên gọi của nó, cũng có màu hoàng thổ nhưng cũng không sẫm như màu nước biển ở đây. Tỉnh Nghệ An phía đông giáp biển, phía tây là dãy núi Bắc Trường Sơn giáp với Lào, nơi hẹp nhất theo chiều tây - đông của Việt Nam chưa tới 50km. Theo chiều tây - đông, Nghệ An rộng khoảng 70 - 80 km. Chúng tôi hỏi lý do tại sao biển ở đây có màu vàng sậm thì được giải thích rằng tháng Tám vừa qua, ở đây vừa trải qua trận lụt. Nước từ thượng nguồn dãy Trường Sơn đổ về xối vào đất rồi đổ ra cửa biển tạo nên vùng nước biển có màu vàng sẫm. Nghệ An là địa phương chịu sự chi phối mạnh của điều kiện tự nhiên vốn luôn khắc nghiệt này. Đã qua mùa tắm biển nên bãi biển vắng người...

Về đến Hà Nội, chúng tôi ghé thăm cầu Long Biên chắn ngang sông Hồng. Cây cầu này giống như cầu sông Hàn số 1 ở Hàn Quốc, kết cấu nhịp thép của cầu khá độc đáo. Cây cầu được hoàn thành vào năm 1902. Tất cả vật liệu thép được chở từ Pháp sang. Thời điểm đó, cây cầu được đặt tên là cầu Doumer, theo tên của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer.

Anh Việt nói: “Đây là cây cầu dài nhất thế giới”. Chúng tôi tỏ ý nghi ngờ. Việt nói rằng đó là câu nói đùa và giải thích: khi Mỹ leo thang chiến tranh đánh phá ra miền Bắc Việt Nam, lúc đó đây là cây cầu duy nhất bắc

qua sông Hồng. Vì vậy, cây cầu này là mục tiêu ném bom của máy bay Mỹ bất kể ngày đêm. Cầu bị ném bom hỏng chỗ nào là phải sửa chữa ngay chỗ đó. Cây cầu dài hơn 2km này mà gãy thì việc qua sông phải mất đến nửa ngày là chuyện thường. Nói nó dài nhất thế giới ý muốn nói là mất nhiều thời gian để qua cầu.

Một số nhịp cầu bị hỏng không được tu sửa như nguyên bản trông hơi mất thẩm mỹ nhưng đó chính là chứng tích chiến tranh rõ nhất về những gì xâm lược Mỹ đã gây ra.

Chúng tôi qua cây cầu nhiều cảm xúc vào Hà Nội.

## ***Chương IV***

# **BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH**

### **1. Lời tiên đoán của Hồ Chí Minh**

Công trình Bảo tàng Hồ Chí Minh được hoàn thành vào năm 1990, là năm kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chúng tôi mua vé vào cửa, khi vào bên trong Bảo tàng, anh Việt nói gì đó với nhân viên Bảo tàng rồi dẫn chúng tôi tới một quầy sách. Sau khi cho chúng tôi xem những cuốn sách về Hồ Chí Minh, người ta nói với chúng tôi như thế này:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh khi còn sống đã đưa ra những tiên đoán.

- Những tiên đoán đó có ứng nghiệm không? - Chúng tôi nghi ngờ hỏi.

- Vâng! Tất cả đều đúng.

1. Năm 1941, ở Cao Bằng, Hồ Chí Minh đã viết hai tác phẩm *Địa dư nước ta* và *Lịch sử nước ta*, năm 1942, Việt Minh tuyên truyền Bộ đã xuất bản hai cuốn sách này.

Ở phần phụ lục tác phẩm *Lịch sử nước ta*, mục “Những năm tháng quan trọng” đã ghi rõ “Năm 1945 - Việt Nam độc lập”. Và ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trước toàn dân Việt Nam.

2. Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I): Hẹp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 tại xã Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Hội nghị đã phân tích tính chất, triển vọng của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai và khẳng định: “cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”.

3. Đầu năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự họp Hội đồng Chính phủ. Gần bế mạc, Người nhắc Luật sư Phan Anh đọc thơ. Luật sư xin phép đọc:

*“Con cò lặn lội bờ sông  
Thóc thuê gánh gồng, tiếng hát véo von.  
Mấy lời Bác dạy sắt son  
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua  
Diệt thù, giải phóng quê ta  
Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu”.*

Hội nghị vỗ tay, Người ra hiệu ngừng và đọc tiếp:

*“Đành lòng chờ đợi ít lâu  
Chầy ra là một năm sau vội gì!”.*

Câu thơ đó của Người như một “câu sấm” vì đúng một năm sau (1954 - năm Giáp Ngọ) thì có chiến thắng Điện Biên Phủ, đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng miền Bắc.

4. Cuối năm 1967, khi làm việc với Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không Không quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo rằng: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua”. Từ kinh nghiệm ở Triều Tiên, trước khi thua, Mỹ đã ném bom hủy diệt Bình Nhưỡng, Người đã dự báo: “Ở Việt Nam, Mỹ nhất định thua, nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”.

Lịch sử đã diễn ra đúng như vậy, cuối năm 1972, Mỹ mở cuộc không kích bằng B52 nhằm biến Hà Nội và một số thành phố miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá. Quân và dân Việt Nam đã làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”. Sau thất bại này Mỹ mới chịu ký kết Hiệp định Paris, thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và rút hết quân về nước.

5. Năm 1960, trong Diễn văn lễ mừng Quốc khánh 02/9, có đoạn viết: “Chúng ta gửi đến đồng bào miền Nam mỗi tình ruột thịt và hứa với đồng bào rằng: Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh, thì chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”. Người gạch chân trong bản thảo các chữ “chậm lắm là 15 năm nữa”. Đúng 15 năm sau, mùa Xuân 1975, với thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh

lịch sử, đất nước Việt Nam đi đến thống nhất như dự báo thiên tài của Người.

Chừng đó có thể gọi Hồ Chí Minh là “nhà tiên tri” đáng kinh ngạc, hay các hậu bối của Hồ Chí Minh nói quá lên chăng? Cả hai đều không phải. Nếu tìm hiểu cận kề những nét tinh hoa của cuộc đời Hồ Chí Minh thì mới hiểu rằng lời tiên tri này là hết sức khoa học.

Hồ Chí Minh không phải là nhà cách mạng trẻ tuổi thành công vào lúc 20, 30 tuổi như Fidel Castro, Che Guevara, Kim Nhật Thành..., cũng không phải là nhà cách mạng chưa ra nước ngoài bao giờ như Mao Trạch Đông. Hồ Chí Minh nói về tương lai không phải là dự ngôn của nhà tiên tri. Đó là lời nói chính xác (xác ngôn) bằng nỗ lực, ý chí tích cực, kiên định. Sau 30 năm bôn ba nước ngoài, tích lũy được các kinh nghiệm thực tế phong phú, ở tuổi trên 50, Hồ Chí Minh mới chính thức bắt đầu cuộc cách mạng của dân tộc. Hồ Chí Minh là nhà cách mạng có sự chuẩn bị vô cùng kỹ càng.

Người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Việt Nam khi mới 21 tuổi, qua nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, cho đến khi đặt chân lại lên mảnh đất Tổ quốc đã ở tuổi 51. Người thanh niên ấy sớm nhận ra một điều rằng muốn thắng thực dân, đế quốc phải hiểu thực dân, đế quốc; lĩnh hội những tri thức thế giới với sự thông tuệ trời phú. Về cơ bản, Người tận tòng triết lý cách mạng của những nhà tư tưởng thời kỳ Khai sáng như Rousseau, Voltaire.

Hồ Chí Minh hiểu Shakespeare và Dickens bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung, Émile Zola và Victor Hugo bằng tiếng Pháp và đặc biệt chịu ảnh hưởng rất nhiều về văn phong của Anatole France và Tolstoy<sup>1</sup>.

Những tác phẩm mà Hồ Chí Minh để lại tuy nhiều nhưng phần lớn là những bài báo, bài luận, những lời kêu gọi quốc dân,... nhằm giải quyết những vấn đề đương thời đặt ra, còn nhật ký hay thư từ, những ghi chép cá nhân hầu như không có. Những nhà nghiên cứu Hồ Chí Minh tự hỏi, một con người minh triết và uyên sâu như Người sao có thể viết súc tích, ngắn gọn được như vậy?

Hồ Chí Minh khác với những nhà lãnh đạo mácxít khác ở chỗ, Người nhận thấy đối tượng muốn truyền đạt của mình không phải là những trí thức mà là những người công nhân, nông dân, binh lính, thợ thuyền, viên chức bình thường. Hồ Chí Minh không có ý định gây ấn tượng với người đọc bằng trình độ hiểu biết cao của mình. Người cố gắng thuyết phục người đọc bằng những biểu hiện đơn giản nhưng rõ ràng và chia sẻ phương thức thực hiện lý tưởng và thế giới quan của mình. Để truyền đạt tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh dẫn ra nhiều sự kiện và những số liệu thống kê nên đọc giả

---

1. Tolstoy lập luận rằng, nghệ thuật nên đóng góp vào đời sống con người với lòng thành kính một cách tôn giáo, chứ không nên chạy theo cái hào nhoáng và hoan lạc. Nghệ thuật không vì một quốc gia hay một giai cấp nào mà phải vì giáo hóa quần chúng.



thấy những tác phẩm của Người giống như một cuốn từ điển thống kê sống động. Bằng những dòng súc tích, Người lên án sự áp bức, bóc lột đối với người dân châu Á, châu Phi, phơi bày những hành động ngược đãi tàn bạo, man rợ của chủ người Mỹ da trắng đối với người da đen như nô lệ...

Cũng như Tolstoy, Hồ Chí Minh viết ngắn gọn, súc tích, rõ ràng, đồng thời có sự phân tích, đào sâu vấn đề với cách nhìn và cảm nhận một cách tỉ mỉ. Bởi vậy, tác phẩm của Hồ Chí Minh thường khúc chiết, gãy gọn.

Khoảng thời gian 30 năm bôn ba khắp thế giới đã giúp Hồ Chí Minh có thể sử dụng thành thục nhiều ngoại ngữ. Với tư chất của một người học thức, đọc nhiều hiểu rộng, với cảm nhận về sự tàn nhẫn của xã hội phương Tây, sự đối lập và phản kháng chính trị, sự thối nát, suy đồi trong “vỏ bọc” văn minh, Người trở thành cuốn “bách khoa toàn thư” sống động. Với kiến thức sâu rộng của mình, Hồ Chí Minh nhìn ra mưu mô xảo quyệt của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Người chăm chú theo dõi những thay đổi chóng vánh của tình hình thế giới và cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại đã vạch ra một đường ranh giới lớn trong lịch sử nhân loại. Người vô cùng hứng khởi với cuộc sống mới và những nhiệm vụ cách mạng cụ thể. Cái tên Nguyễn Ái Quốc đã xuất hiện trên vũ đài lịch sử. Cảnh sát Paris, đọc giả những bài báo, phong trào cộng sản quốc tế và đồng bào

Việt Nam bắt đầu chú ý đến cái tên mới này. Một cái tên trở nên nổi tiếng về sau.

Chàng trai trẻ đã tạo ra một thứ vũ khí từ đôi bàn tay khéo léo, gom tuyết thành quả cầu tuyết nhỏ và đẩy nó xuống từ đỉnh Thái Sơn lịch sử của thế kỷ XX với gia tốc hàng chục năm. Đến chân núi, nó trở thành quả núi tuyết khổng lồ, không chỉ giáng một cú thoi son uy lực vào cường quyền thực dân Pháp, mà còn nhằm thẳng trừng phạt thói đạo đức giả và sự bạo tàn của đế quốc siêu cường Mỹ.

Đó là kết quả của những nỗ lực không ngừng, năng lực hiểu biết đáng kinh ngạc và sự bền chí thực hành.

## **2. Trung tâm nhà Bảo tàng**

Đang trò chuyện với Việt thì có một người phụ nữ đáng vẻ hiền lành tìm đến chúng tôi. Đó là một cô thuyết minh viên có kinh nghiệm mà anh đã nhờ tìm. Cô thuyết minh viên nói rất chi tiết và thân thiện, còn Việt thì dịch lại cho chúng tôi:

“Lời đầu tiên, xin cảm ơn tấm lòng của quý vị đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam. Tôi xin được thuyết minh về Bảo tàng Hồ Chí Minh. Nơi này là trung tâm của nhà bảo tàng. Công trình bảo tàng được khởi công từ năm 1985 và hoàn thành năm 1990. Tòa nhà bảo tàng do kiến trúc sư nổi tiếng người Nga thiết kế, là khối hình vuông vát góc, 3 tầng cao gần 20m, mỗi chiều dài 70m, mang biểu tượng một bông sen trắng bình dị, thanh tao. Nơi chúng ta đang

đứng là ở giữa bông sen. Tại gian mở đầu của Bảo tàng có đặt bức tượng đồng toàn thân đứng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tượng cao 3m5, trên bệ 0,6m, nặng 3 tấn. Tượng Bác Hồ đặt trên nền cây đa, mặt trời, biểu tượng của ánh sáng và sự trường tồn của dân tộc...”.

Hình dáng bên ngoài của Bảo tàng đúng là rất giống bông sen trắng. Từ cửa vào theo cầu thang lên tầng trên, có một khoảng rộng, và nếu lấy khoảng rộng giữa tòa nhà làm tâm thì không gian xung quanh là những khu trưng bày. Người ta nói rằng, công trình này đã nhận được sự giúp đỡ chân thành của Liên Xô từ khâu thiết kế đến khâu thi công công trình.

Con người hay hiện vật tùy theo quan niệm mà được gán ý nghĩa và biểu tượng bằng nghệ thuật tượng trưng, đem đến cho người xem những bài học và sự cảm nhận. Bảo tàng được xây dựng theo nguyện vọng của nhân dân Việt Nam nhằm tỏ lòng biết ơn và đòi hỏi ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phần trưng bày của Bảo tàng rộng gần 4.000 mét vuông, giới thiệu hơn 2.000 tài liệu, hiện vật, hình ảnh phản ánh cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn liền với các sự kiện lịch sử quan trọng của Việt Nam và thế giới từ cuối thế kỷ thứ XIX đến nay.

### **3. Đất nước Rồng Tiên, chúng ta là anh em một nhà**

Bảo tàng Hồ Chí Minh tựa như một viện bảo tàng mỹ thuật, cửa ra vào được trang trí tạo hình rồng.

“Rồng là linh vật trong truyền thuyết dựng nước của dân tộc Việt Nam. Truyền thuyết kể rằng: Dòng giống của người Việt Nam xưa có mẹ là giống tiên, cha là loài rồng. Mẹ tiên sinh ra một cái bọc có trăm quả trứng, từ một trăm quả trứng nở ra một trăm người con trai. Từ đó mà hình thành nên mỗi dân tộc. Qua truyền thuyết này ta thấy được sự đoàn kết chung sức chính là truyền thống của dân tộc Việt Nam. Việt Nam có nhiều dân tộc nhưng đều là “đồng bào”, sinh ra từ một cái bọc (“bào”). Năm mươi người con theo cha xuống biển, năm mươi người con theo mẹ về miền núi...”.

Truyền thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt Nam ở mỗi sách lịch sử có khác nhau đôi chút. Tuy vậy, truyền thuyết này gợi lên ý thức cộng đồng “chúng ta là anh em một nhà”, phát huy sức mạnh chiến thắng mọi nguy nan.

Ở Việt Nam có 54 dân tộc. Cũng tương tự như các nước Đông Nam Á, sự cấu thành của mỗi dân tộc rất phức tạp và đa dạng. Dân tộc Việt hay gọi là “dân tộc Kinh” chiếm 85% dân số.

Việt Nam không có sự phân biệt đối với dân tộc thiểu số. Từ xa xưa, khi Việt Nam bị các triều đại Trung Quốc thôn tính, xâm lược, sự ủng hộ và chung sức của các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú rải rác ở các địa phương hẻo lánh là vô cùng thiết thực. Những lúc đất nước gặp nguy nan như thế, các dân tộc thiểu số đều góp sức chung tay. Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, “đường mòn

Hồ Chí Minh” được hình thành cũng là nhờ sự giúp sức vô bờ của bà con đồng bào các dân tộc thiểu số. Chính phủ Việt Nam luôn nhấn mạnh: Việt Nam không phải là quốc gia chỉ có một dân tộc đơn nhất mà là quốc gia đa dân tộc. Bởi vậy, chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay các quốc gia đa dân tộc như vậy. Việt Nam là quốc gia điển hình về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tập quán của các dân tộc thiểu số.

Bài học vĩ đại mà Việt Nam cho thấy là con đường để các dân tộc nhược tiểu cùng tồn tại (đồng sinh) chỉ có thể là “đoàn kết”.

Có một thời, câu nói “Chúng ta là một” trở nên phổ biến ở Hàn Quốc. Ý là: cử tri vùng Gyeongnam, đại bản doanh của Kim Young-sam<sup>1</sup>, cùng nhau hợp sức với cử tri của vùng Gyeongbuk để cô lập vùng Hồ Nam của Kim Dae-jung<sup>2</sup>. Câu nói rất mang tính kích động tư tưởng cục bộ địa phương.

---

1. Kim Young-sam (1927-2015) là chính khách, nhà hoạt động dân chủ Hàn Quốc, và là Tổng thống thứ bảy của Hàn Quốc từ năm 1993 đến năm 1998.

2. Kim Dae-jung (1925-2009) là Tổng thống thứ tám của Hàn Quốc từ năm 1998 đến năm 2003, chủ nhân của giải Nobel Hòa bình năm 2000. Ông được gọi với biệt danh là “Nelson Mandela của châu Á” bởi đã dành phần lớn cuộc đời để hoạt động chính trị nhằm đấu tranh chống lại chế độ độc tài cũng như chính sách Ánh dương của ông áp dụng đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Đất nước bị chia cắt Bắc Nam đã là điều quá đau xót, vậy mà các phần tử địa phương chủ nghĩa lại còn có ý đồ chia cắt một nửa đất nước thành hai phần Đông Tây.

Câu nói “Chúng ta là anh em một nhà” của Việt Nam - một quốc gia đa dân tộc - mới thực là cảm động!

#### **4. Con đường cứu dân tộc**

Khách tham quan sẽ lần lượt thăm các gian trưng bày của nhà bảo tàng từ trái sang phải.

“Đây là trưng bày về 79 năm cuộc đời của Hồ Chí Minh. Phòng trưng bày được chia thành ba phần. Lối đi chính giữa được gọi là đường Hồ Chí Minh. Phía bên phải của đường Hồ Chí Minh là bối cảnh Việt Nam; phía bên trái tái hiện tình hình thế giới thời điểm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bôn ba khắp nơi trên thế giới trong 30 năm để rồi trở về Tổ quốc thực hiện cuộc cách mạng.

Đây là tổ hợp hình tượng quê hương - gia đình, mô phỏng lại ngôi nhà, nơi sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Gian chuyên đề: Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX được thiết kế như một mê lộ, trên những khung vách phủ acrylic là chân dung của những nhân vật quan trọng của thế kỷ XIX - XX và những hình ảnh về lịch sử của Việt Nam. Phía tay trái treo ảnh C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, bên tay phải là ảnh các nhà khoa học như Einstein,

bà Marie Curie, các nghệ sĩ như Chaplin, hình ảnh các phát minh như xe hơi, máy bay.

Phía này cho thấy quá trình phát triển của chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Phía kia phản ánh sự tiến bộ của khoa học công nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp đã làm cho cuộc sống của con người được cải thiện lên rất nhiều, nhưng nó cũng đã biến các nước nhược tiểu trở thành thuộc địa. Các nước nhược tiểu vùng lên đấu tranh, nhưng tất cả đều chìm trong thất bại. Việt Nam cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Vì vậy, phải tìm ra một con đường mới. Trong một mê cung, người thanh niên Nguyễn Tất Thành phải tìm ra con đường cứu nước. Và đất nước mà Anh muốn hướng đến là Pháp, nơi cuộc cách mạng công nghiệp và xã hội phương Tây rất phát triển. Hình ảnh tiêu biểu là tháp Eiffel. Kiến trúc của Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của kiến trúc Pháp...

Sau cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ thực hiện nền dân chủ cận đại và cuộc cách mạng tư sản Pháp đưa vị vua của chế độ phong kiến lên đoạn đầu đài<sup>1</sup>, xã hội phương Tây thế kỷ XIX đã áp đảo xã hội phương Đông cả về tinh thần và vật chất. *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ nói “Mọi người sinh ra đều bình đẳng” và cuộc Cách mạng Pháp tán thành “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” là một tòa tháp vàng tỏa sáng rực rỡ trong lịch sử nhân loại. Có vẻ như để tất cả nhân loại có thể hưởng một cuộc sống xứng đáng mà chiến binh

---

1. Vua Louis XVI (B.T).

nô lệ Spartacus đã chống lại ách áp bức của giới quý tộc La Mã. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp mạnh mẽ của phương Tây thế kỷ XIX đã tạo ra hàng loạt súng đạn và đại bác, hạm thuyền, vậy mong gì thực hiện cái gọi là “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, thậm chí nó còn đem đến bạo lực tàn ác hơn bất cứ đế chế nào trước đây.

Không như một chàng trai trẻ hùng hồn, cảm phần mù quáng trước sự tàn bạo của phương Tây, Hồ Chí Minh cố gắng tìm ra những điểm yếu, hạn chế của phương Đông và sức mạnh của phương Tây.

Người cũng hoàn toàn khác những kẻ cường quyền đầy oán hận hay những kẻ chỉ biết miệt mài viết lách trong phòng kín. Theo Hồ Chí Minh, “hành động quân sự mà không có sự hậu thuẫn của chính sách giống như cái cây không có rễ”.

Hồ Chí Minh tin rằng, chính tư tưởng cận đại và khoa học hiện đại là sức mạnh chân chính và đã sang phương Tây tìm con đường học hỏi.

## **5. Con đường chống Pháp**

Ngày 27/12/1831, nhà khoa học trẻ Charles Darwin, 22 tuổi, đã đi vòng quanh thế giới trong bốn năm và mười tháng trên con tàu khảo sát Beagle Muff của Hải quân Anh. Đây là cuộc thám hiểm khoa học vĩ đại nhất trong lịch sử, để tìm ra khởi đầu của sự tiến hóa. Công trình *Nguồn gốc các loài*, mô tả các phát hiện tại thời điểm đó,



cùng với bộ *Tư bản* của C. Mác và tác phẩm *Giải mã giấc mơ* của Freud được coi là những thành tựu có ảnh hưởng lớn nhất đến lịch sử nhân loại thế kỷ XX.

Ngày 05/6/1911, Hồ Chí Minh mới 21 tuổi từ Sài Gòn đã lên con tàu Amiral Latouche Tréville của Pháp đi vòng quanh thế giới. Không thể vì căm phẫn Pháp mà không dành lòng ngưỡng mộ đối với Victor Hugo. Phải hiểu nước Pháp. Hồ Chí Minh ghi khắc trong lòng: con đường sang Pháp là con đường để chống Pháp. Hướng ra những vùng biển dữ và kỳ lạ, trải nghiệm các nền văn hóa ở nhiều nơi trên thế giới, Hồ Chí Minh lấy đó làm nền tảng để mang lại tự do và độc lập cho dân tộc.

Nếu gọi khát vọng giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của thực dân Pháp của Hồ Chí Minh, cùng với Cách mạng Tháng Mười Nga của V.I. Lênin và việc thống nhất Trung Quốc của Mao Trạch Đông là những sự kiện lịch sử chính trị vĩ đại nhất của thế kỷ XX, và còn hơn thế nữa, cũng không có gì là quá lời.

Người thanh niên Nguyễn Ái Quốc ra nước ngoài để học hỏi đã phải lao động rất chăm chỉ để tự kiếm tiền. Lao động trên tàu rất mệt nhọc, không khác gì lao động khổ sai. Nhưng Hồ Chí Minh đã đi qua khắp châu Á, châu Âu, châu Phi, tới nước Mỹ và Nam Mỹ. Lênh đênh trên biển dữ, không hổ thẹn, không tuyệt vọng. Chuyển đi là cách tốt nhất để Hồ Chí Minh học và tự học.

Có người đàn ông tên Mai, nhân viên cũ trên một chiếc tàu Pháp của hãng “Vận tải hợp nhất”, đã kể lại:

“Vào khoảng cuối năm 1911 hay 1912 - tôi không nhớ đúng nữa - tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cặp bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách.

Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc.

Chúng tôi trả lời là không có việc và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta.

Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò, không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: “Một người như thế có thể làm được công việc gì trên tàu?”.

Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: “Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho anh làm”.

Chủ tàu hỏi: “Anh có thể làm việc gì?”.

“Tôi có thể làm bất cứ việc gì!” - Chàng trai trả lời.

“Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc”.

Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ mến tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết gì cả. Và lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. Phụ bếp trên tàu,

mỗi ngày anh ta phải làm việc từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, tối đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuôn than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt cá, nước đá, v.v.. Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu chòng chành.

Xong công việc ấy, phải dọn cho bốn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo cho bảy, tám trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chui nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

“Ba, đem nước đây!”, “Ba, dọn chảo đi!”, “Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia!”...

Suốt ngày, anh Ba đẫm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong công việc. Và hơn nữa vì chưa quen việc, anh phải gọt xong đồng củ cải và khoai tây. Anh không biết làm thế nào. Tôi dạy cho anh...

Mỗi ngày, chín giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc, anh Ba là người dưới chúng tôi, chúng tôi là những người có chức vị, còn anh Ba chỉ là người phụ bếp.

Nhưng vì anh Ba hiểu biết - anh giúp những người bạn mù chữ của tôi viết thư về cho gia đình họ và anh không bao giờ nói tục, vì vậy anh Ba được tất cả chúng tôi yêu mến...

Đến Marseille, chúng tôi lĩnh lương mỗi nhân viên Việt Nam được từ một trăm đến hai trăm quan, thêm vào đấy tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp, chỉ được mười quan.

Được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ. Coi tôi là bạn thân thiết nhất, anh nói với tôi tất cả những điều anh trông thấy và suy nghĩ.

“Ồ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!”.

Trông thấy những gái điếm đến làm tiền trên tàu, Ba nói với tôi:

“Tại sao người Pháp không “khai hoá” đồng bào của họ trước khi đi “khai hoá” chúng ta, sao thế anh Mai?”.

Tàu điện đối với anh Ba là một chuyện kỳ lạ.

Lần đầu tiên, anh trông thấy những “cái nhà biết chạy” ấy. Cái gì cũng làm anh chú ý, vì cái gì đối với anh cũng mới cả. Anh luôn nói:

“Lần đầu tiên, tôi mới thấy cái này...”.

Công việc trong ngày xong, tôi cho anh mượn bộ áo quần, và chúng tôi đi đến tiệm cà phê ở đường Canobia. Không cần phải nói, đây là lần đầu tiên anh vào tiệm cà phê và cũng là lần đầu tiên người Pháp gọi anh bằng “ông”.

Sau những ngày đầu tiên ở Marseill, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ:

“Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương”...

Chiếc tàu nhỏ rời Havre. Đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi và những cửa Biển Đông châu Phi cho đến Công Gô. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiếm cách đi thăm thành phố...

Đến Đa Ca, biển nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen Pháp phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng biển cuốn đi.

Cảnh tượng ấy mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên, tôi hỏi tại sao? Anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

“Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu”.

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Boócđô và Angiêri cho những thuộc địa khác. Tất cả mọi người

trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần cúi một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy, hút thật mạnh để đầu ống kia vào một cái chai. Và như thế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế.

Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể..."<sup>1</sup>.

Trong những năm đó, Ba đã đến nhiều hải cảng trên Tây bán cầu. Anh ghé vào Rio de Janeiro và Buenos Aires. Con tàu của Ba cũng ghé vào bờ Đông nước Mỹ và ở đó nhiều tháng. Giai đoạn này trong cuộc đời Hồ Chí Minh ít để lại tư liệu nhất. Theo lời kể của Ba và một số người khác thì Ba đã sống ở New York một thời gian.

Ở New York, ngoài giờ làm việc, Ba đi lang thang trong khu Chinatown, nhìn ngắm những tòa nhà chọc trời với con mắt đầy ngạc nhiên. Ba hết sức ấn tượng khi thấy pháp luật ở đây công nhận quyền bình đẳng của những người nhập cư châu Á. Bằng lao động làm công, Ba cũng kiếm được một chút tiền và tham dự các cuộc họp của

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 16-26 (B.T).

người da đen. Ở New York, sau khi xem tượng Nữ thần Tự do, người ta kể lại rằng Ba đã để lại đôi lời trong sổ cảm tưởng của khách tham quan: “Phải chăng người da đen ở Mỹ cũng luôn có thể sống như người da trắng?”<sup>1</sup>. Một câu hỏi cho thấy tình yêu nhân loại bao la, rất quan tâm đến người da đen thay vì căm thù người da trắng.

Ba cũng từng sống ở Boston và làm bánh ngọt cho khách sạn Paker House. Ba cũng đi thăm một số bang ở miền Nam Mỹ, ở đó Ba tận mắt chứng kiến cảnh bọn 3K hành hình người da đen. Trong một tập sách nhỏ phát hành ở Moscow về vấn đề người da đen, Ba đã miêu tả rất sinh động những hành vi xấu xa của 3K. Nếu xem những dòng miêu tả chi tiết cảnh kiểu treo người da đen còn sống lên cây rồi chất lửa đốt, cảnh hành hình (kiểu lynch) của người da trắng đối với người da đen thì mới thấu hiểu cuộc sống của những người da đen ở Mỹ.

Khi chiến tranh tại Việt Nam đang hồi cao điểm, Hồ Chí Minh nói với những nhà hoạt động hòa bình Mỹ đến thăm Hà Nội, rằng nhìn thảm cảnh của những người da đen khắp nơi trên thế giới rất đau lòng. Trả lời câu hỏi lý do đến New York? Hồ Chí Minh đã trả lời rằng, nước Mỹ là biểu tượng chống chủ nghĩa thực dân châu Âu và sẽ giúp Việt Nam giành độc lập. Nhưng rồi Người đã từ bỏ hy vọng đó. Khoảng năm 1913, từ Mỹ, Ba sang Anh.

---

1. Bang Hyun-seok: *Sao mọc lên ở Hà Nội*, Haenam, 2002.

Những dòng dưới đây là chuyện kể của một người Việt Nam làm bếp ở một nhà hàng có tiếng ở London khi đó. Những dòng này có lẽ cũng là những ghi chép tự sự của Hồ Chí Minh:

“Vào khoảng một năm trước đại chiến, một hôm, tôi gặp ở phòng lau chùi thìa, nĩa, một người Á Đông trẻ tuổi. Tôi không để ý đến anh ấy vì tôi tưởng anh ấy là người Trung Quốc. Đến ngày thứ ba, chính anh ấy đến nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt Nam. Cố nhiên tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương. Từ ngày ấy, chúng tôi trở nên đôi bạn thân. “Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh?” - Tôi hỏi anh Ba.

“Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh”.

“Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Đã hai năm tôi ở thành phố này mà không biết hơn, ngoài hai chữ “Yes” và “No” (vâng và không)”.

“Phải học chứ. Chúng ta sẽ cùng nhau học”.

“Trước khi đến đây, anh làm ở đâu?”.

“Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Mình mảy tôi đầm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuốc được đồng tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành phải bỏ việc. Ông hiệu trưởng là một người tốt. Ông ấy trả cho tôi cả ngày làm việc sáu đồng và vừa nói vừa cười: “Chính thế, công việc này quá sức anh”.



Hai ngày sau, tôi tìm được một việc khác. Lần này thì phải đốt lò. Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm cái gì ở tầng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm, có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng. Anh vừa làm việc vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi luôn bị cảm. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ. Với số tiền để dành, tôi trả tiền phòng, tiền bơ và bánh mì, và sáu bài học chữ Anh. Khi chỉ còn sáu hào nữa, tôi đến sở tìm việc ở Sô-hô, và người ta đưa tôi đến đây”.

Công việc làm từ tám giờ đến mười hai giờ và chiều từ năm giờ đến mười giờ. Hằng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Hayđơ (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hằng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Ba thường khuyên tôi nên học như Ba, nhưng tôi hết sức lười, bây giờ tôi mới tiếc.

Mỗi ngày có một người dọn dẹp đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ, người dọn dẹp phải để

thức ăn thừa riêng một bên, bát đĩa để riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vớt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít tết to tướng, v.v. thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Escoffier hỏi anh: “Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng, như những người kia?”.

“Không nên vớt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy”.

“Ông bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi”. Ông Escoffier vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. “Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp. Làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?”.

Và ông Escoffier không để cho anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn.

Thật là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì chính là lần đầu tiên mà ông “vua bếp” làm như thế.

Anh Ba rất giàu tình cảm. Một hôm tôi gặp anh cầm tờ báo và chảy nước mắt. Tôi hỏi anh vì sao buồn thế. Anh đưa cho tôi tờ báo và giải thích: “Anh xem đây. Đây là tin tức ông thị trưởng Coóc (Cork), một nhà đại ái quốc Ailen. Ông ta bị bắt và bị người Anh bỏ tù. Ông ta tuyệt thực. Không những ông không ăn uống, mà còn không nói năng, không cử động nữa. Ông nằm nghiêng một phía im lìm

như thế hơn bốn mươi ngày. Da thịt và áo quần phía ấy thối hết. Và ông chết, chết vì Tổ quốc. Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng”<sup>1</sup>.

Ba sống ở London làm phu quét tuyết cho nhà trường, làm phu đốt lò đầu máy xe lửa, rửa bát đĩa nhà hàng... Cuộc sống vô cùng vất vả. Rồi kiếm việc ở khách sạn Carlton, trở thành thợ học việc của đầu bếp nổi tiếng Escoffier.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã đi khắp thế giới, lao động kiếm sống bằng những công việc hết sức tầm thường và nguy hiểm. Tự mình trải nghiệm tình cảnh sống của những người nghèo, quần bách, bị bóc lột và không khi nào quên nỗi đau khổ của những đồng bào ở Tổ quốc đang sống cuộc đời nô lệ.

Tuy làm những công việc nặng nhọc nhưng ý chí chống thực dân Pháp chưa bao giờ lay chuyển. Mỗi khi có chút thì giờ, Hồ Chí Minh lại tham gia các hoạt động chính trị của Hội Công nhân hải ngoại. Hội này là một tổ chức bí mật (đấu tranh) đòi cải thiện điều kiện lao động cho công nhân ở các nhà máy của Anh quốc. Đại bộ phận người của tổ chức này là công nhân người Trung Quốc. Và, tham dự các buổi họp sôi động của Hiệp hội Fabian lúc bấy giờ, quan tâm đến phong trào độc lập của Ailen, đọc nhiều sách để nâng cao trình độ.

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 29-32 (B.T).

Trên các bức vách của gian trưng bày là các tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh, các hiện vật, các bức ảnh liên quan được sắp xếp gọn gàng.

“Đây là hình dáng cửa sổ của con tàu. Trong suốt hành trình trên tàu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nhiều loại công việc. Đây là những công việc trong khách sạn. Đây là những trí thức Việt Nam yêu nước ở Pháp. Đây là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Và đây là những người bạn Pháp của Việt Nam. Lúc đó, Hồ Chí Minh là đảng viên Đảng Xã hội Pháp. Năm 1919, Hồ Chí Minh gửi bản kiến nghị đến Hội nghị Versailles. Trong cuộc đời Hồ Chí Minh có nhiều cái tên, một trong số đó là Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, Hồ Chí Minh là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là bài phát biểu tại Đại hội, đây là thẻ đảng. Ở đây trưng bày các hoạt động sau khi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Đây là những bài viết và những bức tranh Hồ Chí Minh vẽ minh họa trên báo *Le Paria*<sup>1</sup> do Người sáng lập.

---

1. Nghĩa của “Le Paria” là “Người cùng khổ” (tiếng Hàn: “Thiên dân”). Hồ Chí Minh lập ra “Liên hiệp thuộc địa quốc tế” (tức Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa - B.T), ra báo *Le Paria* là cơ quan ngôn luận và thực hiện luôn cả việc biên tập. Tờ báo công kích những sự bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, đăng những bức tranh minh họa do Hồ Chí Minh trực tiếp vẽ. Tờ báo tồn tại suốt những năm 1922 - 1926, đã phát hành 38 số.

Đây là những tờ báo. Đây là con tàu Hồ Chí Minh đã đi. Để đánh lừa cảnh sát Pháp, Hồ Chí Minh đã đi tàu này từ Đức sang Nga năm 1923. Người muốn gặp V.I.Lênin nhưng đến Nga mới hay Lenin đang ốm nặng. Hồ Chí Minh ở lại Nga một năm để nghiên cứu Cách mạng Tháng Mười.

## **6. Con đường cách mạng - Nguyễn Ái Quốc xuất hiện**

Anh Việt dịch lời thuyết minh của hướng dẫn viên:

“Xã hội bị phân hóa. Một bên là cuộc sống xa hoa, một bên là người dân cùng khổ, nên phát sinh mâu thuẫn xã hội, người Việt Nam tiếp tục đứng lên đấu tranh nhưng hầu như đều thất bại. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần phải có một đảng để lãnh đạo cách mạng. Năm 1924, Hồ Chí Minh rời Liên Xô đi Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là ngôi nhà Hồ Chí Minh đã lưu trú. Đây là Quảng Châu, Trung Quốc. Hồ Chí Minh đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở đây nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp. Đây là cuốn sách *Đường cách mệnh* gồm những bài giảng của Hồ Chí Minh, trang bị lý luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ. Đây là báo *Thanh niên* của Hội, ra số đầu tiên ngày 21/6/1925, ngày này trở thành ngày Báo chí Việt Nam. Những cán bộ sau khi được đào tạo ở Quảng Châu, họ lại bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc. Từ đó, cách mạng Việt Nam sôi động hẳn lên. Cuối năm 1929 đầu

năm 1930, xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Kết quả họp nhất ba tổ chức cộng sản đã cho thấy vai trò của Hồ Chí Minh. Đây là các đại biểu tham gia việc họp nhất các tổ chức cộng sản. Đây là văn kiện thành lập Đảng và báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Quốc tế Cộng sản. Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Bên tay trái là những địa danh nổi tiếng ở Trung Quốc, Pháp, Nga, nơi Hồ Chí Minh đã từng dừng chân. Ở đây có cảnh hoa đào, biểu trưng cho mùa xuân của Việt Nam...”.

Tiếng súng vang lên ở Sarajevo trở thành ngòi nổ của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), là một cuộc chiến tranh của các nước đế quốc. Sự tham lam vô đáy về thị trường và tài nguyên đã gây ra cuộc chiến tranh giành thuộc địa. Sự dã man điên cuồng là một phần tất yếu của quá trình phát triển công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Ngay khi cuộc chiến tranh tàn khốc chuẩn bị kết thúc, năm 1917 tại Nga, Cách mạng Tháng Mười thành công. Đây là một sự kiện lịch sử chưa từng có trong lịch sử loài người.

Khẩu hiệu cách mạng của V.I. Lênin: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!” trở thành tín hiệu dẫn dắt con đường đi tới cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức, thôi thúc họ vùng lên đấu tranh. Cách mạng Tháng Mười Nga đã ban tặng món quà cho những người chí thành với

thuộc địa và trao cho họ niềm tin và nhiệt huyết để khao khát một tương lai tươi sáng hơn.

Tháng 01/1918, Tổng thống Mỹ Wilson đề xướng nguyên tắc dân tộc tự quyết: “Các dân tộc có quyền tự quyết định vận mệnh chính trị của riêng mình và không chấp nhận sự can thiệp của dân tộc khác”. Khẩu hiệu này đã nhen nhóm lên ngọn lửa khát vọng của các dân tộc thuộc địa toàn thế giới. Nó gây ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào 01/3 của chúng ta (Hàn Quốc) và *Tuyên ngôn độc lập* ngày 01/3 là sự thể hiện của dòng lịch sử ấy.

Tháng 11/1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Tháng 6/1919, các nước đế quốc thắng trận họp hội nghị tại Versailles, Pháp. Ở Hội nghị Versailles không chỉ nhóm họp các nước thắng trận và bại trận mà còn có đại diện của các dân tộc bị áp bức như Ailen, Ấn Độ, Triều Tiên và Ả-rập, họ cùng kéo đến Paris để yêu cầu tự do và độc lập. Họ tin vào nguyên tắc dân tộc tự quyết của Tổng thống Wilson. Paris được coi là trung tâm của phong trào thế giới chống chủ nghĩa thực dân.

Lúc này, Ba đã thôi làm việc trên con tàu của Pháp mà trở về sống ở Paris, anh đã kết bạn với đại biểu của nhiều dân tộc bị áp bức. Năm 1919, người thanh niên tên Ba xuất hiện trên vũ đài lịch sử với cái tên Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn yêu nước) mang nhiều ý nghĩa sâu sắc hơn, cũng là lúc anh gửi đến Hội nghị Versailles bản Yêu sách 8 điểm.

“Nguyễn Ái Quốc” là cái tên được biết đến rộng rãi sau cái tên Hồ Chí Minh. Khi hoạt động ở Trung Quốc, Hồng Kông, Thái Lan, Nga..., Hồ Chí Minh đều mang một bí danh mới.

Nguyễn Ái Quốc và Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp tranh thủ Hội nghị hòa bình Versailles để công khai bản Yêu sách của mình. Nội dung của bản Yêu sách, còn gọi là “Yêu sách của nhân dân An Nam”, “không có gì quá đáng” về tự do, dân chủ, chỉ dừng ở sự “đòi hỏi” thực dân Pháp “lòng tay” hơn trong chính sách cai trị. Bản Yêu sách được công bố ngày 18/6/1919 và ký tên người đại diện là Nguyễn Ái Quốc. Nội dung chính tóm tắt Bản Yêu sách gồm 8 điểm:

- Tổng ân xá cho tất cả tù chính trị người bản xứ;
- Cải cách nền pháp lý Đông Dương sao cho người bản xứ cũng được quyền bảo đảm pháp lý như người châu Âu...;
- Tự do báo chí và tự do ngôn luận;
- Tự do lập hội và hội họp;

...

Cách diễn đạt của bản Yêu sách khá ôn hòa nhưng nội dung các yêu sách rất rõ ràng, táo bạo. Bản Yêu sách đã gây tiếng vang trong các hội đoàn lao động và các tổ chức dân chủ toàn thế giới, khiến nhân dân thế giới hiểu rõ hơn thảm cảnh của nhân dân Việt Nam dưới ách áp bức, thống trị của thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp đưa Yêu sách cho các nghị sĩ quan trọng của



Quốc hội và Tổng thống Pháp và anh vào hẵn lâu đài Versailles để đưa bản Yêu sách cho đoàn đại biểu của các cường quốc. Tờ báo *L'Humanite* đã đăng tải bản Yêu sách này với tiêu đề “Quyền của các dân tộc”. Để thông tin rộng rãi đến nhiều đoàn thể của Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng với các thành viên Hội những người Việt Nam yêu nước đã phân phát trực tiếp truyền đơn in bản Yêu sách. Hành động này của Nguyễn Ái Quốc ở Hội nghị Versailles là hình thức đấu tranh trực diện đầu tiên, thách thức những kẻ xâm lược. Nhưng trừ thiểu số những người xã hội chủ nghĩa ra, tất cả mọi người đều không mấy quan tâm hành động này. Vào thời điểm đó, Nguyễn Ái Quốc không thể tiếp cận được Tổng thống Mỹ Wilson, nhưng việc người thanh niên giấu tên này cố gắng gặp Wilson và thu hút được sự quan tâm của những trí thức Pháp để thể hiện rõ ý chí cao cả của người Việt Nam, được coi là nguồn cảm hứng cho người dân Việt Nam quyết tâm giành độc lập.

Một người Việt khi đó đang sống ở Paris đã nhớ lại: “Người Pháp coi cuộc đấu tranh đó là một “quả bom” làm chấn động dư luận nước Pháp. Còn người Việt Nam cho đó là “tiếng sấm mùa Xuân”. “Tiếng sấm” ấy đã xua tan màn “sương mù” vây bọc chúng tôi, làm nảy sinh những “mầm” nằm sâu trong lòng chúng tôi. Người mình ra ngoài kiếm ăn, nói chung yêu nước, mong nước độc lập. Bây giờ, ngay tại Thủ đô nước Pháp, trên diễn đàn quốc tế,

có một người Việt Nam ngang nhiên đứng ra đòi quyền lợi chính đáng cho dân tộc mình, dư luận thế giới xôn xao bàn tán ai mà không kính, không phục. Độ ấy, người mình ở Pháp gặp nhau đều nói độc lập, tự quyết, đều nói đến Nguyễn Ái Quốc. Chính cái tên Nguyễn Ái Quốc, bản thân nó có sức hấp dẫn kỳ lạ”<sup>1</sup>.

Nhưng mục đích thực sự của Hội nghị Versailles không phải là xem xét vấn đề quyền dân tộc tự quyết. Đó là hội nghị bịp bợm, nơi các đế quốc thắng trận phân chia “chiến lợi phẩm” và chất thêm gánh nặng lớn hơn cho các thuộc địa và các nước bại trận. Đó là hội nghị đã để lại “viên than hồng” cho Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nhằm mục đích đối phó với ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng Tháng Mười Nga và chính sách hòa bình của Chính phủ Xôviết mang lại cho dân chúng các thuộc địa, Tổng thống Mỹ Wilson đã đưa ra “Chương trình hòa bình” gồm 14 điểm, nhằm che đậy cho chính sách xâm lược của nước Mỹ. Các phương tiện truyền thông Mỹ và châu Âu đã bao bọc Wilson trong một vòng hào quang giả tạo “chiến sĩ vì hòa bình”<sup>2</sup>. Tuyên bố về quyền tự quyết

---

1. Vũ Anh: *Bác Hồ* (Hồi ký), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 72 (B.T).

2. Woodrow Wilson, Tổng thống thứ 28 của Hoa Kỳ, người ủng hộ quyền dân tộc tự quyết tiến bộ, thực sự là một người rất kỳ quặc, chỉ tập trung vào lợi ích của tầng lớp từ trung lưu trở lên; ca ngợi tổ chức 3K là tổ chức tuyệt vời, đầu tàu trong chính sách chia tách người da trắng và người da đen; bỏ qua quyền bầu cử của phụ nữ.

của các dân tộc của Wilson là một sự bịp bợm, một thứ “đồ trang sức” rẻ tiền. Chỉ như một “viên đường” dùng để nhử kiến đến mà thôi.

Tại Hội nghị Versailles, Chương trình 14 điểm của Wilson được coi là tiến bộ, đã không được các bên hưởng ứng. Hội nghị Versailles được ví như một “buổi dạ hội hóa trang” đáp lại yêu cầu của các nước nhược tiểu, thuộc địa bằng sự im lặng lạnh lùng. Nhiều người, nhiều dân thuộc địa đã bị “bài ca tự do” của Wilson mê hoặc.

Nguyễn Ái Quốc nhận ra rằng, “chủ nghĩa Wilson chỉ là một trò đùa tinh quái” khi bản Yêu sách bị phớt lờ. Nhận xét của V.I. Lênin: “Chủ nghĩa Wilson thực tế là hình thái xấu xa nhất của chủ nghĩa đế quốc và là hình thái áp bức bóc lột vô liêm sỉ nhất đối với các dân tộc nhược tiểu” là rất chính xác.

Nguyễn Ái Quốc, người trực tiếp trải nghiệm một thực tế khắc nghiệt như vậy, nhận ra rằng tất cả các tuyên bố về tự do mà chính quyền đưa ra đều là những khẩu hiệu được ngụy tạo bằng “mặt nạ” thiện chí. Không khó để tưởng tượng được tâm trạng của người thanh niên thuộc địa đơn độc, người đã không thể thu hút được sự quan tâm, mặc dù không mong đợi được đón tiếp nồng nhiệt. Hồ Chí Minh hiểu ra rằng, để có được độc lập, tự do chân chính chỉ có thể trông cậy vào chính bản thân mình.

Tuy không có hành động nào để đáp lại lời kêu gọi thống thiết đã được gửi đến Hội nghị Versailles, nhưng

nhân dân Việt Nam đã tìm ra con đường để giải phóng dân tộc so với những cách làm trước đây. Ở châu Âu, khi đặt ra vấn đề phân chia quyền lợi sau chiến tranh, các tập đoàn tài chính tiền tệ Anh và Pháp đã phơi bày máu tham<sup>1</sup> vô tận như những kẻ cướp.

Cái giá của sự chấm dứt cuộc chiến khủng khiếp, cướp đi mạng sống con người nhiều nhất trong lịch sử nhân loại, không phải là tự do và hòa bình cho nhân loại, mà đem đến nỗi thất vọng cho các dân tộc bị áp bức toàn thế giới và chuyển sang một phiên bản đua tranh, giành giật thuộc địa mới của các thế lực xâm lược tư bản. Các dân tộc nhược tiểu bị áp bức phải đối mặt với một cục diện khủng hoảng mới. Tuy nhiên vào thời điểm này, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng của cách mạng vô sản Nga đã có được niềm tin vững chắc và hy vọng về tương lai tươi sáng của dân tộc. Hồ Chí Minh đã nhìn ra con đường duy nhất của dân tộc Việt Nam chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa tư bản phương Tây là một hệ thống yếu. Mặt khác, chủ nghĩa xã hội nhấn mạnh nỗ lực chung của

---

1. Vào thời điểm đó, mâu thuẫn của chế độ thực dân nghiêm trọng hơn về mặt nhân học so với mâu thuẫn giữa các giai cấp. Ngay cả sự thật rất rõ ràng cũng bị bác bỏ dưới chế độ thuộc địa. Đó là một hệ thống khai thác người dân thuộc địa như “quý hút máu” thông qua thuốc phiện, mại dâm, nghiện rượu và nô lệ.

toàn dân, lối sống không phô trương, bình đẳng về của cải và cơ hội. Nguyễn Ái Quốc<sup>1</sup> tin rằng: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Niềm tin của Người rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể giải phóng người dân đang rên xiết dưới sự áp bức của giai cấp thống trị tư bản độc ác - liệu có phải là một bài học vĩ đại cho chúng ta ngày nay?.

Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở C. Mác và V.I. Lênin câu trả lời cho sứ mệnh lịch sử “tự do và độc lập dân tộc”<sup>2</sup>, điều mà Người không tìm thấy ở Jesu hay Khổng Tử. Người học trò ưu tú của C. Mác, V.I. Lênin đã kết hợp khéo léo độc lập dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Anh vội vã từ Âu sang Á để xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam, tổ chức ra một chính đảng...

---

1. Việc người thanh niên trẻ tuổi đã nhìn thấy sự tàn ác của chủ nghĩa tư bản từ trong Chiến tranh thế giới thứ nhất do ảnh hưởng từ C. Mác và V.I. Lênin là hết sức tự nhiên và tất yếu hơn nhiều so với bị lôi cuốn bởi Atom Smiths hay John Stewardmil - họ nhấn mạnh những khái niệm xa lạ như chủ nghĩa vật chất hay chủ nghĩa cá nhân.

2. Edgar Snow, tác giả cuốn sách *Sao đỏ Trung Quốc*, nhận định: “Tôi nghĩ chủ nghĩa cộng sản là một lựa chọn không thể tránh khỏi để chấm dứt thảm kịch châu Á bị nghiền nát bởi sự thống trị của thực dân phương Tây”.

## 7. Luật sư Loseby

Nguyễn Ái Quốc sau khi tiếp cận với chủ nghĩa cộng sản thì dần thân hoạt động Đảng Cộng sản và theo đuổi con đường của một nhà cách mạng. Qua nước Đức, Nguyễn Ái Quốc đi Moskva, học Đại học phương Đông và giao thiệp với những nhà lãnh đạo Xôviết. Đương thời khi đó, Roger Fisher, đảng viên Đảng Cộng sản Đức, đã nhận xét về Nguyễn Ái Quốc: Lần đầu gặp Nguyễn Ái Quốc, có cảm nhận không sôi nổi, mạnh mẽ, nhưng rồi ngay sau đó đã hòa hợp với chúng tôi, được tất cả mọi người tôn trọng. Sống trong môi trường những người đàn ông đã quen với hoạt động cách mạng hay những trí thức nóng nảy, nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn không mất đi vẻ thuần phác và thiện ý, Người không bao giờ dính líu vào chuyện đấu đá nội bộ. Nguyễn Ái Quốc là một người kinh nghiệm chủ nghĩa, học hỏi thông qua hoạt động thực tế hơn là đấu tranh lý luận, nhưng không vì thế mà không được đồng nghiệp tôn trọng, ngược lại được tin tưởng tuyệt đối. Ở châu Á khi đó, chưa có nhà cách mạng nào hoàn thành vai trò quan trọng nhường ấy.

Ở Moskva khoảng một năm, Nguyễn Ái Quốc đi Quảng Châu, Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1927, để tránh sự vây bắt của Quốc dân Đảng Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc qua Vladivostok để trở lại châu Âu.

Tháng 7/1928, Nguyễn Ái Quốc đi Băng Cốc, Thái Lan. Tại đây, Người đã tích cực tuyên truyền, vận động, gây dựng cơ sở cách mạng và gây ảnh hưởng về trong nước. Cuối năm 1929, để thống nhất các tổ chức đảng cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đi Hồng Kông. Không hề nghỉ ngơi một giây phút nào. Thế rồi, Nguyễn Ái Quốc đã gặp phải điều nguy cơ nhất trong đời.

Hồ Chí Minh tức Nguyễn Ái Quốc là nhân vật gây nhiều khó chịu cho thực dân thống trị Pháp. Trong mắt Quốc dân Đảng Trung Quốc là “phần tử đỏ” thì phải loại bỏ ngay lập tức.

Hoạt động chính trị chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc là ở Pháp và Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc là đối tượng bị theo dõi như một nhân vật cần chú ý, vì vậy Người luôn trong tình trạng căng thẳng và phải che giấu thân phận. Bước vào năm 1930, ở châu Á khí thế của phong trào cách mạng lên cao. Nhà đương cục Anh ở Hồng Kông rất lo sợ hoạt động của lực lượng cách mạng tại tô giới của Anh. Cảnh sát Anh và Pháp liên kết với nhau chống phá cách mạng. Mật thám Anh ở Singapore bắt được Serge Lefranc, phái viên của Quốc tế Cộng sản, đi công tác ở Đông Nam Á. Trong giấy tờ của Serge Lefranc có nội dung liên quan đến Nguyễn Ái Quốc. Cảnh sát ở Singapore đã báo tin này cho cảnh sát ở Hồng Kông.

Ngày 06/6/1931, chúng bắt Nguyễn Ái Quốc và giam vào nhà ngục Victoria ở Hồng Kông. Serge Lefranc đã

từng gặp Nguyễn Ái Quốc trước khi Người bị bắt, sau này đã ghi lại như sau:

“Nguyễn Ái Quốc người gầy ốm nhưng dung mạo bên ngoài khôi ngô, nét mặt sáng sủa có ấn tượng rất tốt. Rìa mép hơi dài, cằm nhọn. Cuộc sống không còn gì khiêm nhường hơn, từ chối hết mọi hưởng lạc trần tục. Luôn tràn đầy sinh lực, luôn không nói lỏng các sợi dây căng thẳng. Ngày đêm mãi mê suy nghĩ về độc lập của Việt Nam và vấn đề dân sinh. Trong vòng xoáy đó đôi lúc chuyển ánh mắt ra bên ngoài (nước ngoài) dường như mang quan điểm riêng đối với cả tình hình quốc tế. Tóm lại, đó là một nhà yêu nước thâu triệt, một nhà lãnh đạo kiệt xuất”.

Tính cách chu toàn và sức hấp dẫn của Người như một sức hút hướng tâm những người ủng hộ luôn tập hợp xung quanh thành một khối đoàn kết vững chắc trở thành chỗ dựa để thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Trong sinh hoạt của tổ chức không có chuyện Nguyễn Ái Quốc áp đặt, ra vẻ người lãnh đạo hay tỏ ra uy quyền bao giờ, am hiểu đến mức ngạc nhiên mà vẫn chẳng bao giờ làm như biết tuốt. Trên quan điểm “biết địch, biết ta”, Nguyễn Ái Quốc luôn chú ý đến tình hình chính trị của Pháp với thực kiến hiểu rõ trên nhiều phương diện. Nguyễn Ái Quốc luôn tăng cường lực lượng cách mạng, tích lũy sức mạnh đấu tranh.



Nguyễn Ái Quốc bị giam vào phòng đơn có canh sát đặc biệt theo dõi. Ăn cơm gạo xấu và cá thối một dạo rồi tình cờ lại có cơm và thịt bò ăn. Ra khỏi phòng giam đơn hằng ngày thì giới lắm được 15 phút đi dạo cùng bạn tù ở cái vườn nhỏ xíu thông với bên ngoài. Thà rằng cứ ở trong phòng đơn còn hơn trong một thoáng nghe thấy tiếng người, nhìn mặt họ và trời xanh rồi lại cô quạnh. Sau 15 phút, lại bị nhốt vào phòng chẳng ai nói một lời và lại đắm chìm vào đó. Ăn, ngủ, nghỉ trong buồng tối mò, chẳng có tí ánh sáng nào, việc dọn nhà vệ sinh cũng phải làm. Trên bức tường dày của buồng giam có một cái lỗ bé tí, qua cái lỗ ấy lính gác theo dõi xem tù phạm còn sống, chạy trốn hoặc định tự sát.

Trong nhà giam, Nguyễn Ái Quốc xem xét lại những việc đã qua và suy ngẫm để sống qua ngày. Lúc chán thì đếm gạch trong buồng. Buồng giam đây rệp mà rệp cắn cũng chẳng để ý. “Công việc” đếm số lượng rệp vừa đủ cho hết thời gian đơn điệu. Ngày bị canh sát thăm vấn với Nguyễn Ái Quốc là ngày vui nhất trong cuộc sống nhà tù vì được ra khỏi buồng giam tối tăm, hôi hám ngột thở. Ra khỏi buồng giam trong thời gian thăm vấn có thể được hút thuốc sản xuất tại Anh quốc, vì điều hấp dẫn nhất trong buồng giam chính là thuốc lá.

Qua thăm vấn, Nguyễn Ái Quốc học được điều hay hơn cả là cách các nhân viên canh sát mật sử dụng đối với tù chính trị. Đó là cơ hội hiểu được cái gì do canh sát

tạo ra, cái gì họ biết và cái gì không biết. Nhưng cảnh sát mật đã lấy từ chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam tất cả thông tin cần thiết về Nguyễn Ái Quốc dù là thật hay là giả.

Họ làm cho báo chí Trung Quốc không thể đăng tin Nguyễn Ái Quốc bị bắt. Nhưng từ tháng 7/1931, nhờ Quốc tế Cộng sản triển khai phong trào đấu tranh, làm vô hiệu hành vi đàn áp nhân quyền của chúng mà Nguyễn Ái Quốc đã có thể thoát khỏi sự đàn áp của Pháp.

Ở Anh quốc dấy lên phong trào đòi thả Serge Lefranc và Nguyễn Ái Quốc. Vụ Quốc tế của Liên minh chống đế quốc kêu gọi “Không được đàn áp hai nhà cách mạng cho kẻ thi hành tử hình Pháp” và yêu cầu Chính phủ lao động “Hãy thừa nhận quyền lợi lưu vong”.

Là nhà báo xuất thân ở Australia, trong tự truyện *Phía Bắc vĩ tuyến 17*, Wilfred Burchett đã làm sáng tỏ sự thật vận động bên bỉ để cứu Nguyễn Ái Quốc của Luật sư Francis Loseby<sup>1</sup>. Nhà đương cục Hồng Kông muốn tách hai người này ra nhưng vị luật sư đầy tài năng này đã nhanh tay hành động. Loseby nói với Nguyễn Ái Quốc:

---

1. Luật sư Loseby, đại diện văn phòng luật sư Anh quốc, đã gặp mặt Nguyễn Ái Quốc và nói sẽ đảm nhiệm vụ này. Nguyễn Ái Quốc nói rằng không có tiền thuê luật sư, nhưng Loseby đã trả lời: “Tôi biết anh là nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam, việc tôi làm cho anh tuyệt đối không phải vì tiền mà là vì danh dự”.

“Bác sĩ Tôn Trung Sơn đã cứu một người Anh quốc, tôi sẽ ra sức để cứu anh giống như thế. Cần gì xin hãy nói. Tôi chắc chắn sẽ bảo vệ anh. Tất cả các nhà cách mạng đều có những bí mật chỉ họ mới biết. Tôi cũng không muốn anh phải nói những lời trên mức cần thiết của anh”.

Việc xét xử kéo dài hơn một tháng. Luật sư Loseby đã hoạt động mạnh mẽ để vô hiệu hóa tất cả nghi án khởi tố Nguyễn Ái Quốc. Nhưng ngày 17/8, Hội đồng xét xử đã ra lệnh trục xuất, yêu cầu Nguyễn Ái Quốc đầu tháng 9 phải rời Hồng Kông. Đại sứ Pháp tại Hồng Kông yêu cầu trục xuất Nguyễn Ái Quốc về Việt Nam, với ý đồ là muốn Nguyễn Ái Quốc rời Hồng Kông để bắt chuyển tiếp luôn cho nhà đương cục thực dân Pháp ở Việt Nam xét xử. Năm 1929, tòa án Vinh đã tuyên án tử hình Nguyễn Ái Quốc tại phiên xét xử vắng mặt. Lúc này, nguy hiểm đã lên tới cực điểm.

Để ngăn chặn việc trục xuất này, Loseby đã tìm đến nhà hoạt động phái tả Đảng Lao động Anh quốc là Richard Stafford Cripps (sau này trở thành Bộ trưởng Bộ Kinh tế), thông qua ông này kiến nghị lên Hội đồng cơ mật là tòa án tối cao của đế quốc Anh. Trong khi chờ tới lúc ra được kết quả xét xử ở Anh, Nguyễn Ái Quốc bị mắc bệnh lao, nên được chuyển từ nhà ngục Victoria sang bệnh viện Rode. Lo rằng tình cờ Nguyễn Ái Quốc sẽ bỏ trốn nên cửa buồng bệnh đã khóa rất chắc bằng nhiều cái khóa và trước cửa luôn có các cảnh sát theo dõi.

Cảnh sát mật Trung Quốc cũng ngày đêm theo dõi người bệnh. Sau này, Hồ Chí Minh nhớ lại:

“Một đêm một y tá người Trung Quốc nhận việc trông nom Bác (Hồ Chí Minh kể lại theo ngôi thứ nhất - ND) hỏi thăm Bác: “Bác ơi! Chủ nghĩa cộng sản là cái gì? Bác là người cộng sản thì làm việc gì mà bị bắt?”. Vì biết rằng người y tá này chẳng phải là cộng sản hay kẻ trộm kẻ cướp hay giết người nên đại khái không thể hiện vì sao mà bị bắt. Bác trả lời: “Những người cộng sản cố gắng để tạo ra một thế giới mà tất cả mọi người được sống đầy đủ và bình đẳng, không ai có thể áp bức hay dọa nạt người khác. Nói đơn giản người cộng sản là những người muốn tạo ra một thế giới mà những y tá như anh không cần đeo ruybăng xanh cũng được và cũng không cần phục tùng y tá trưởng người Anh mang ruybăng đỏ”. Người y tá Trung Quốc tròn mắt nhìn Bác và hỏi lại: “Có thật thế không?”.

Như thế là, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, Nguyễn Ái Quốc cũng nắm lấy cơ hội tuyên truyền cho cuộc cách mạng tương lai rất nhanh.

Nhờ sự giúp đỡ của Stafford Cripps, Nguyễn Ái Quốc được Tòa án tối cao Luân Đôn tuyên cáo vô tội. Bởi vì không có bằng chứng Nguyễn Ái Quốc là gián điệp của Liên Xô, cũng không có chứng cứ Nguyễn Ái Quốc có âm mưu lật đổ Chính quyền Hồng Kông và cuối cùng, dù ông là người cộng sản hay người dân tộc chủ nghĩa về pháp lý hoàn toàn không phải vi hiến. Ái Quốc đã được tái sinh.

Để tránh mạng lưới theo dõi của Pháp, vợ chồng Loseby tung tin: Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao trong bệnh viện. Ngày 14/8/1932, báo chí Anh quốc công bố Nguyễn Ái Quốc đã chết ở trong tù. Cảnh sát Anh dò xét tình hình chính trị rồi thông báo: Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao ở bệnh viện Hồng Kông. Trong hồ sơ lưu trữ ghi chép về Nguyễn Ái Quốc của nhà đương cục Pháp ở Hà Nội, ghi “Tử vong ở nhà tù Hồng Kông năm 1933”. Tin này cũng được báo *L’Humanité* và báo Xôviết đăng tải. Các du học sinh Việt Nam tại Học viện Stalin ở Moskva đã tổ chức tang lễ chung cho Nguyễn Ái Quốc và Trần Phú. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã chính thức “ra đi vĩnh viễn”.

Năm 1945, sĩ quan tình báo đang phụ trách tỉnh Cao Bằng của Bắc Bộ khi đó đánh điện về Paris rằng: “Người đàn ông tên gọi là Hồ Chí Minh đang trở thành đề tài bàn tán thường ngày ở vùng gần biên giới Trung Quốc chính là Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng đã thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”.

Về việc này nhà đương cục Chính phủ Pháp đã phúc đáp rằng: (Anh) gửi thông tin như thế này đang lúc tình tảo phải chăng là việc hoang đường? Tất cả đều biết sự thật là “Nguyễn Ái Quốc đã chết ở nhà tù Hồng Kông”.

Sự nguy trang triệt để đã thành công! Luật sư Loseby đã bảo vệ cho Nguyễn Ái Quốc. Vợ Loseby và các bạn cũng giúp Nguyễn Ái Quốc trốn thoát. Nguyễn Ái Quốc

dưới “vỏ bọc” là một thương gia Trung Quốc giàu có đã rời Hồng Kông và trọ ở nhà một người bạn rất thân của Luật sư. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc không làm gì, chỉ đi dạo và tiêu khiển thời gian rảnh, kết thân với vài nhà văn và nghệ sĩ. Cũng có gửi bài bằng tiếng Trung và tiếng Anh cho báo địa phương nhưng ông chỉ dùng tên khác. Và không quên tập thể dục hằng ngày để hồi phục sức khỏe.

Sau này nhớ lại cuộc sống một thuở ở Hồng Kông, Hồ Chí Minh đã nói lời cảm ơn chân thành đến Luật sư Loseby và các bạn bè. Nếu không có Luật sư ơn nghĩa như thế, không chừng khi ấy Người đã chết. Trong khi ở tù, Luật sư và các thành viên trong gia đình đã hết lòng làm voi đi nổi khổ về tinh thần và vật chất cho Nguyễn Ái Quốc, khi xét xử cũng hết lòng cứu giúp Nguyễn Ái Quốc.

Tháng 12/1932, Nguyễn Ái Quốc được thả. Mùa xuân năm 1934, Người được bà Tống Khánh Linh<sup>1</sup> và Quốc tế cộng sản giúp thoát khỏi Hồng Kông đi Moskva. Tháng 7/1934, Người đến Liên Xô và ở đó đến năm 1938. Người ta nói rằng, Người tinh thông sáu ngoại ngữ.

Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời vợ chồng ông Loseby thăm Việt Nam và tiếp đãi rất chân tình.

---

1. Tống Khánh Linh (27/01/1892 - 29/5/1981): Phu nhân của Tôn Trung Sơn, là chị của Tống Mỹ Linh, vợ Tổng trưởng Tưởng Giới Thạch. Người Trung Quốc đặt biệt danh là “nữ nhân yêu Trung Quốc” và rất kính trọng.

## 8. Nhật ký trong tù

Tháng 6/1940 khi Pháp vừa đầu hàng bọn Nazi Đức, De Gaulle chạy trốn sang Luân Đôn và tháng 7, chính quyền bù nhìn Vichy của Nazi được dựng nên, tháng 9 quân Nhật chiếm đóng Việt Nam. Nhật Bản chiếm Việt Nam nhưng về chính trị lại trao chính quyền cho Vichy. Việt Nam phải chịu hai trùng bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ là do mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, đã chuẩn bị một bước ngoặt mới cho phong trào đấu tranh giành độc lập của Việt Nam.

Năm 1940, Nguyễn Ái Quốc về Chingxi (Tĩnh Tây) Quảng Tây, Trung Quốc. Người dặn dò các đồng sự đang nóng lòng muốn khởi nghĩa phải hành động thận trọng: “Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song, những nơi nào đã khởi nghĩa rồi thì cần tổ chức rút lui cho khéo để duy trì phong trào”.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc đến Tĩnh Tây, Người chỉ thị cho Phạm Văn Đồng<sup>1</sup> và Võ Nguyên Giáp xây dựng

---

1. Phạm Văn Đồng (1906 - 2000) trong khi học tại Hà Nội đã chỉ đạo bãi khóa và bị đuổi học. Năm 1927, Phạm Văn Đồng gặp Hồ Chí Minh ở Trung Quốc, hoạt động cách mạng rồi bị bắt và bỏ tù Côn Đảo, nơi nổi tiếng khắc nghiệt, năm 1936 được ra tù. Sau khi độc lập, Phạm Văn Đồng (1945) trải nhiều chức vụ, năm 1954 với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao tham dự Hiệp định Genève. Sau đó nhiều năm ông giữ trọng trách Thủ tướng. Cùng với Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng là học trò trung thành của Hồ Chí Minh.

chương trình huấn luyện cho các nhà cách mạng và lên lớp chính trị cho những cán bộ trẻ. Nội dung là tình hình Việt Nam, cách vận động các tổ chức quần chúng, các phương pháp tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh cách mạng. Nguyễn Ái Quốc như một giảng viên hoạt động tích cực, đồng thời nhiều lần nhấn mạnh phải học tiếng của đồng bào thiểu số, phải theo phong tục địa phương và có hành động đúng đắn.

Tháng 01/1941, sau 30 năm bôn ba khắp thế giới, Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân lên mảnh đất Tổ quốc. Nơi ẩn náu đã được chuẩn bị ở hang Cốc Bó tại một bản nhỏ của tỉnh Cao Bằng. Đầu tháng 5 tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Việt Nam độc lập đồng minh” (Việt Minh - chúng ta (Hàn Quốc) gọi là Wolmeng”) với chủ thể là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 8/1942, khi bộ máy tổ chức nội bộ đã được định hình chặt chẽ, Nguyễn Ái Quốc cùng một vài đồng chí đi Trung Quốc. Mục đích có thể là để liên kết với những nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa ở Trung Quốc chống Nhật.

Đương thời lúc đó, tướng Chang Fa Kui (Trương Phát Khuê) của Quốc dân Đảng có ý tưởng dựng lên một bộ máy tổ chức dưới quyền, trung thành với Quốc dân Đảng ở Việt Nam. Việc thành lập Mặt trận Việt Minh rất độc đáo nhưng không được ông ta chào đón nên muốn qua được khu vực cai quản của Quốc dân Đảng của Trương Phát Khuê thì phải



thận trọng. Để đề phòng sự theo dõi, Nguyễn Ái Quốc phải đổi tên. Tất cả giấy tờ đều mang tên Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh (nghĩa là “sáng tỏ”) là cái tên nổi tiếng, đã để lại dấu ấn vĩ đại trong lịch sử thế giới.

Hồ Chí Minh trong trang phục truyền thống của dân tộc thiểu số, được một đồng chí người Trung Quốc dẫn đường qua biên giới. Nhưng người dẫn đường và Hồ Chí Minh bị Quốc dân Đảng của Trương Phát Khuê ở một làng nhỏ tỉnh Quảng Tây bắt. Cả hai bị đưa vào cùng một nhà giam. Sau này không có ghi chép chi tiết về cuộc sống ở tù trong 13 tháng này của Người mà chỉ còn cuốn *Nhật ký trong tù* nổi tiếng và hai bức thư.

Tin Hồ Chí Minh bị bắt lập tức truyền đến các đồng sự ở Việt Nam, rồi không lâu sau lại nghe tin Người đã mất, nhưng rồi sau mấy tháng lại có tin Người còn sống. Võ Nguyên Giáp đã hồi tưởng lại sự kiện này một cách vô cùng cảm động:

Một bữa chúng tôi về Ngân Sơn để tìm lối rút phòng khi có địch. Khi đang trong quá trình huấn luyện thì tin cấp báo từ Phạm Văn Đồng là hãy lập tức về Cao Bằng. Đó là tin Bác Hồ đã mất ở trong ngục của Quốc dân Đảng Trung Quốc. Mọi người đau đớn vô hạn. Chúng tôi biên thư báo cáo về Trung ương, rồi bàn làm lễ truy điệu, phân công anh Đồng chuẩn bị diếu văn. Anh Cáp mở cái vali bằng mây của Bác Hồ xem còn có những thứ gì có thể

giữ lại làm kỷ niệm. Tuy nhiên, để chắc chắn chúng tôi vẫn định cử anh Cáp sang Trung Quốc để nghe lại tin này cho rõ và xem phần mộ của Bác ở đâu. Nhiều tháng trôi qua không có tin tức gì hơn. Một hôm, tôi về cơ quan báo cáo tình hình, thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lã đang xúm xít quanh một tờ báo trên đó có mấy dòng chữ rất vắn tắt: “Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên”. Kèm theo một bài thơ: *Núi ấp ôm mây, mây ấp núi/ Lòng sông gương sáng bụi không mờ/ Bồi hồi dạo bước Tây phong lĩnh/ Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa.* Mọi người vui mừng khôn xiết.

Sau khi bị bắt, trong 13 tháng, Hồ Chí Minh bị đưa đi khắp 30 nhà tù của 13 huyện, thân thể bị trói buộc, lại phải ở chung với tù thường phạm, thậm chí có lúc ngay bên mình là một tù nhân đã chết.

Trong tù, Hồ Chí Minh luôn bị đói khát, suy kiệt, cũng không thể ngủ được trong hoàn cảnh tồi tệ. Sức chịu đựng kiên cường được rèn luyện bằng lao động vất vả từ lúc trẻ đã giúp Người chịu đựng được nỗi thống khổ suốt 13 tháng ròng rã.

Dù trong tù, Hồ Chí Minh vẫn thể hiện phong thái ung dung, tự tại, ứng xử như một ông già ưa suy ngẫm. Thân thiện ngay cả với cai ngục, thỉnh thoảng lại còn chơi cò. Tù nhân không thể dùng giấy và bút viết. Nhờ thân với cai ngục mà có thể kiếm được giấy làm thơ. Dùng cơm nghiền ra làm chất dính can thành tờ giấy dài. Mục làm

bằng bột com cháy cho vào chảo khuấy đều. Lấy đũa làm bút. Chân mang cùm, viết bằng tay cũng khá đau đớn.

Những bài thơ viết trong nhiều tháng ấy chính là tập thơ *Nhật ký trong tù*, được làm theo phong cách Đường thi (thơ đời Đường). Hơn 130 bài thơ chữ Hán là cảm tưởng hơn là nhật ký, viết nên những mong mỏi tha thiết của con người. Việc không dùng chữ quốc ngữ mà dùng chữ Hán làm thơ là việc không ngờ. Phải chăng dụng tâm của Người là để cho những cai ngục người Trung Quốc có thể đọc?

Thông qua thơ ca, Hồ Chí Minh nói rõ lý do viết *Nhật ký trong tù*:

*Ngâm thơ ta vốn không ham,  
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;  
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,  
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

Đầu năm 1950, trong lúc đang kháng chiến chống Pháp, một đồng chí của Người nói: Thời gian ở trong tù, Bác viết rất nhiều thơ. Nếu đăng lên báo thì các đồng chí có lẽ trở thành những độc giả cuồng nhiệt.

Người cười bảo: Nếu bây giờ không nói thì có lẽ sẽ quên mất. Bác vốn không phải nhà thơ nên nội dung thơ cũng không hay lắm. Chẳng có bạn nói chuyện, Bác chỉ là người giữ cái buồng giam dài 5 bước rộng 4 bước. Ở đó cách thay đổi tâm trạng chỉ còn là những câu thơ ngắn ghi

lại sinh hoạt nhà tù. Chỉ là cái thứ cạo giấy xem như giải khuây, chứ chẳng có giá trị văn học gì<sup>1</sup>.

Khác với sự khiêm tốn của Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù* là một tác phẩm lớn có giá trị về nhiều mặt trong lịch sử văn học Việt Nam. Những câu thơ ngắn gọn lại tràn đầy vẻ đẹp khiêm nhường, những giáo lý sâu sắc lại đầy sức cảm hóa. Nhiều nhà bình luận nói rằng, cả nội dung và hình thức *Nhật ký trong tù* còn có hơn cả thơ chữ Hán của Mao Trạch Đông.

Xem *Nhật ký trong tù* người đọc dễ nhận ra diện mạo con người siêu phàm Hồ Chí Minh, phải khắc phục muôn vàn cái khó, trên con đường sinh tử vẫn ngẩng cao đầu. Dù trong tình huống nào cũng không bối rối hay lùi bước, vẫn nhất quán một ý chí bất khuất, không nản lòng. Tinh thần của nhà lãnh đạo vĩ đại với đức tin vững chắc về đánh đuổi được quân xâm lược, vun đắp dưỡng khí cho nhân dân, tình yêu con người trong vòng xoáy sinh hoạt nhà tù thâm trầm, dù trong lúc tỉnh hay mơ vẫn đau đáu về thảm cảnh của đồng bào bị áp bức. Sự hóa thân của lòng yêu nước cháy bỏng một cách rất tự nhiên, khoan thai. Mở đầu cuốn *Nhật ký trong tù*, người viết:

---

1. Thời điểm tác phẩm *Nhật ký trong tù* lần đầu được công bố công khai là năm 1955. Xuất bản lần đầu tiên vào năm 1960. Vậy nên các đồng sự của Người khi đó không biết được toàn cảnh của tập thơ *Nhật ký trong tù*.

*Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao;  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

Những người yêu nước Việt Nam chịu cảnh tù đầy khắc nghiệt, phải đeo gông cùm nhưng đã viết bài thơ này trên tường để nuôi dưỡng niềm hy vọng lớn lao.

Bài thơ *Nghe tiếng giã gạo* mang một ý nghĩa sâu sắc đối với việc rèn luyện phấn đấu của con người, thông qua sự gian khổ để rút ra bài học:

*Gạo đem vào giã bao đau đớn,  
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông;  
Sống ở trên đời người cũng vậy,  
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Bài thơ *Nửa đêm* được làm thông qua sự quan sát đáng ngủ của các tù nhân cùng buồng:

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện,  
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ hiền;  
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,  
Phân nhiều do giáo dục mà nên.*

Hồ Chí Minh cho rằng, lúc ngủ mọi người đều thuần hậu, hiền lành; tỉnh dậy mới phân biệt người thiện, kẻ ác. Người phủ nhận quan điểm cho rằng đức tính con người là “tính sẵn”. Để trở thành một người thiện, có ích cho xã hội thì quá trình giáo dục họ có một ý nghĩa thật to lớn.

Cuộc sống trong tù thật gian khổ, nhưng vẫn không lay chuyển được ý chí nhà cách mạng Hồ Chí Minh:

*Bốn tháng ăn không no  
Bốn tháng đêm thiếu ngủ  
Bốn tháng áo không thay  
Bốn tháng không giặt giũ.*

*May mà:*

*Kiên trì và nhẫn nại,  
Không chịu lùi một phân;  
Vật chất tuy đau khổ,  
Không nao núng tinh thần.*

Bốn tháng trên nền nhà ngục, Hồ Chí Minh chịu cảnh đói khát, không ngủ được, không được thay quần áo, rửa mặt, răng rụng, đầu bạc trắng, gầy sút, toàn thân đầy ghẻ lở, nhưng tinh thần thì vẫn minh mẫn, mạnh mẽ.

Trong gian khổ của tù ngục, Hồ Chí Minh vẫn nhìn thấy tương lai tươi sáng:

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,  
Hoa tàn hoa nở cũng vô tình;  
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,  
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

Hồ Chí Minh nhận định về thơ xưa rồi nói về thơ nay:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,  
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;  
Nay ở trong thơ nên có thép,  
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Ở Việt Nam, *Nhật ký trong tù* đã được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1960, được đưa vào chương trình giảng dạy văn học và giáo dục công dân. Cũng trong năm này, *Nhật ký trong tù* được dịch ra tiếng Nga. Bản dịch tiếng Hàn của tập thơ *Nhật ký trong tù* là bản dịch tiếng nước ngoài thứ 12 tác phẩm nổi tiếng này của Hồ Chí Minh.

### **9. Chiếc bàn nghiêng**

Ở một chỗ trong phòng trưng bày của Bảo tàng Hồ Chí Minh, có một vật khác thường. Đó là cái bàn nghiêng. Trên mặt bàn bốn cạnh làm bằng nhựa có để các loại hoa quả: dưa, táo, đào, chuối, cam... Nhưng ở một phía chỉ có một nửa chân bàn nên bị lệch nghiêng đi. Anh Việt, người hướng dẫn chúng tôi giải thích: “Đây là vật thể hiện về bài học Hồ Chí Minh căn dặn lớp trẻ: “Có hoa quả ngon nhưng không thể đặt lên cái bàn không vững””.

Ngoài ra, trong phòng còn vô số những vật trưng bày khác: Hình ảnh Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở châu Âu, chiến tranh chống Nhật, chiến tranh đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược trở lại, đánh đổ chính quyền bù nhìn Nam Việt Nam, quá trình đánh bại quân xâm lược Mỹ và đuổi chúng về nước. Nếu nói rằng, muốn thuyết minh đầy đủ các chứng cứ lịch sử đầy tự hào này, cần một khối lượng chữ gấp mười lần *Tam quốc diễn nghĩa* thì cũng chẳng ngoa.

Trong một thế kỷ qua, dân tộc Việt Nam với ý chí bất khuất, chiến đấu không mệt mỏi và đầy gian khổ, cuối cùng đã nghiền nát và đánh đuổi được bọn đế quốc phương Tây, giành chiến thắng. Với bài học vĩ đại của nhân loại là mưu cầu chính nghĩa và hòa bình, đã làm nên một thiên anh hùng ca bất hủ mà *Tam quốc diễn nghĩa* hoang đường không thể sánh được.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trải qua 100 năm của nhân dân Việt Nam là hết sức tự hào và chính đáng. Trong cuộc đấu tranh gian khổ và dài lâu ấy, người dân Việt Nam luôn tự giác đứng lên hành động. Nhân dân Việt Nam bị áp bức rất khát khao tự do, độc lập và cuộc sống xứng đáng với con người. Vì một tương lai tươi sáng, nhất định phải trao lại cho con cháu ý chí, trước thế lực ngoại xâm, một tấc cũng không lùi, sẵn sàng đổ những giọt máu đào cao quý của mình cho núi sông, Tổ quốc. Những nhà lãnh đạo miền Bắc do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo có tiếng nói chính nghĩa nhân đạo, biết khơi dậy ý chí bất khuất của nhân dân, mà chính quyền bù nhìn Trần Thiện Khiêm hay Nguyễn Văn Thiệu,... hoàn toàn không thể sánh nổi.

Thời điểm chúng tôi thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh thì ở Hàn Quốc, bọn New Line Lee Seong Man (Việt Nam gọi theo Hán tự là Lý Thừa Vãn) cao giọng hãy xây bảo tàng Lee Seong Man. Chúng khoác lác rằng bây giờ



chúng ta sống tốt đẹp như thế này và trở thành cường quốc đứng thứ 10 thế giới là nhờ Lee Seong Man đã lựa chọn nước Mỹ và phải sùng bái Lee Seong Man cho tương xứng. Chủ trương của bọn New Line nếu chỉ dừng ở đó, thì vẫn còn là may. Nhưng ý định bên trong tâm bocc Mỹ và Lee Seong Man còn là mưu sách xảo quyệt nhằm hợp lý hóa việc thân Nhật. Đó là một thứ nguy biệnn cho việc khởi đầu hiện đại hóa là do Nhật tiến vào bán đảo Triều Tiên.

Bọn New Line cho rằng, sự việc Nhật biến Triều Tiên thành thuộc địa của đế quốc Nhật là sự “may mắn lịch sử”. Chúng biện bạch rằng, việc đế quốc Nhật làm đường sắt trên bán đảo Triều Tiên, di thực sang đây văn minh hiện đại, khởi đầu bằng chấn chỉnh lại đất đai chính là cái gốc của sự giàu có mà Hàn Quốc bây giờ đang thụ hưởng (?).

Tổng thống Nam Việt Nam Ngô Đình Diệm được gọi là “Lee Seong Man của Việt Nam”, năm 1963 bị ám sát thê thảm bởi cuộc đảo chính do CIA đạo diễn. Trải qua nhiều lần đảo chính nữa, cuối cùng thì Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ lên nắm chính quyền, trở thành Tổng thống và Phó Tổng thống. Nếu so sánh cứng nhắc bằng hiện thực Hàn Quốc thì đó là mối quan hệ Park Chung Hee và Kim Jong Pil hoặc Jeon Doo Hwan và Ro Tae Woo. Phó Tổng thống Cao Kỳ, đối thủ của Hồ Chí Minh,

ngay trước khi chính quyền Sài Gòn sụp đổ, đã chạy trốn sang Mỹ, trong một cuộc phỏng vấn đã đánh giá Hồ Chí Minh với lòng tôn kính vượt qua ý niệm đúng sai: “Hồ Chí Minh đối với nhân dân Việt Nam tự thân đã là tôn kính. Hồ Chí Minh luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp đã đành, cả chống ngoại xâm khác cũng vậy. Tôi từ nhỏ đã biết đại đa số nhân dân Việt Nam rất ngưỡng mộ Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại. Tôi cũng rất ngưỡng mộ Hồ Chí Minh”.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra việc Kim Jong Pil hay Ro Tae Woo tôn kính Kim Nhật Thành hay chăng? Với chúng ta thì nhân vật mà Bắc Hàn tôn sùng thì Nam Hàn lại căm ghét và Bắc Hàn thì cũng tương tự.

Khi tôi hỏi Đại sứ Việt Nam tại Hàn Quốc Phạm Tiến Vân: “Có người nào không ưa Hồ Chí Minh dẫn thân cho độc lập, tự do không?”, ông ấy nói: “Cũng có người không ưa. Nhưng nói xấu Hồ Chí Minh thì không”.

Nếu bọn New Line xây bảo tàng Lee Seong Man, tôn ông ta làm quốc phụ, thì không biết nó sẽ ra sao?.

## ***Chương V***

# **PÁC BÓ, CAO BẰNG**

### **1. Cao Bằng**

Hồ Chí Minh là điển hình của con người luôn tìm tòi thế giới mới, không ngừng cố gắng để nắm chắc bản chất bên trong của nó. Với khát vọng cháy bỏng muốn học hỏi, Hồ Chí Minh đã bôn ba khắp thế giới rộng lớn này. Hình ảnh này khiến ta liên tưởng đến nhân vật Faust trong kiệt tác kịch thơ cùng tên (*Faust*) của đại thi hào Wolfgang Goëther: “Con người sẽ bôn ba chừng nào còn hoạt động”. Tuy nhiên, ở đây Hồ Chí Minh không phải là đi bôn ba khắp thế giới một cách ngẫu nhiên, tự phát, mà là sự lựa chọn, trăn trở, với mục đích rõ ràng.

Sau 30 năm đi khắp năm châu, bốn biển tìm đường cứu nước, cứu dân, Hồ Chí Minh đã trở về Tổ quốc. Khi về nước, Người đã sống và làm việc trong hang Cốc Bó, bản Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, một tỉnh vùng biên giáp Trung Quốc.

Chúng tôi thăm Pác Bó, căn cứ địa cách mạng Việt Nam. Trước hết là đi thăm thành phố Cao Bằng. Cao Bằng

cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 262 km về phía bắc, bản Pác Bó cách trung tâm thành phố Cao Bằng 52 km. Đi một ngày không thể tới Pác Bó, chúng tôi nghỉ đêm ở thành phố Cao Bằng. Pác Bó là một bản ở sâu trong núi nên khó tìm được nhà trọ qua đêm. Đường đi từ Hà Nội đến Cao Bằng khá dài và hiểm trở, nhiều đoạn phải chạy quanh sườn núi nên cả quãng đường di chuyển hết hơn 8 giờ đồng hồ.

Ngày 12/9/2008, 8 giờ sáng, chúng tôi rời khách sạn Hà Nội. Sáu người trên chiếc Toyota 12 chỗ. Đoàn chúng tôi 4 người cùng với anh Việt là người phiên dịch. Chúng tôi ra khỏi nội thành Hà Nội xô bồ, qua một số nhà máy ở ngoại thành, qua những vùng quê điển hình của Việt Nam, bắt đầu thấy hiện ra quang cảnh núi non kỳ ảo. Dáng núi dựng đứng mà ta thường thấy trong các tranh sơn thủy phương Đông. Có thể liên tưởng đến Quế Lâm - thắng cảnh của Trung Quốc. Nếu như nước ngập lưng chừng núi ở đây khác nào một vịnh Hạ Long - thiên hạ tuyệt cảnh của Việt Nam...

Tôi đã thăm Việt Nam sáu lần. Đây là lần thứ bảy nên đã bớt tò mò nhưng đối với nhiếp ảnh gia Lee Jae Gap thì đây là lần đầu tiên đến Việt Nam. Anh say mê nhìn ra cửa sổ và bấm máy suốt. Đến Bắc Kạn - một thành phố nhỏ, thì đã 12 giờ. Bốn giờ đồng hồ mới di chuyển được 170 km!

Chúng tôi ăn trưa. Đoạn đường phải đi vẫn còn hơn 100 km. Đường từ Bắc Kạn đi Cao Bằng quả lắm gian nan.

Nghi một lát giữa đường ở một bản hẻo lánh và chụp ảnh với lũ trẻ. Người miền núi ở đây ít thấy người phương xa nên nhìn chúng tôi bằng ánh mắt đầy tò mò. Những người dân miền núi rất ít khi gặp người nước ngoài. Những người nước ngoài duy nhất đã đến đây, theo như trên Internet, họ chỉ là những người hoạt động truyền giáo. Mục đích của họ không phải là tìm hiểu Việt Nam mà là cảm ơn Chúa vì đã cho phép họ thực hiện các nhiệm vụ của mình ở Cao Bằng và kính hứa biến Cao Bằng thành nơi của Chúa.

Tất cả con người chúng ta là món quà của Tạo hóa, là đối tượng để yêu thương chứ đâu phải là đối tượng của giáo hóa? Tôi không thể lý giải được tại sao người ta xem thường cuộc sống và lịch sử của người dân địa phương trong khi lại truyền những thứ thuyết giáo xa lạ cho họ.

4 giờ 20 phút chiều, chúng tôi để hành lý tại khách sạn ở thành phố Cao Bằng. Đoàn 4 người chúng tôi vác máy ảnh tha thẩn trong thành phố. Con sông nhỏ Bằng Giang vắt ngang giữa thành phố Cao Bằng. Hàng quán dựng ven sông, cảnh quan khá hứng thú. Ngồi ở một quán nhỏ có ô che thanh thảo ngấm con sông Bằng Giang chảy hiền hòa, nhâm nhi chút bia trong lúc chuyện trò, giờ ăn tối đã đến lúc nào.

Sau bữa tối trở về khách sạn, chúng tôi đi ngang qua quảng trường thành phố, thấy người ta dựng sân khấu và có khá nhiều em học sinh tụ tập, cầm đèn ông sao trên tay.

Ở Việt Nam có khá nhiều tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại trung tâm thành phố Cao Bằng là một công trình văn hóa mang nhiều ý nghĩa, thể hiện tấm lòng kính yêu của nhân dân các dân tộc Cao Bằng đối với vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc.

## **2. Núi Các Mác, suối Lênin**

Ngày 13/9, đường đến hang Cốc Bó dài khoảng 50 km nhưng do địa hình hiểm trở, đường lại là đường đất, nên để đi thông thả chúng tôi dùng bánh mỳ cho bữa sáng và rời khách sạn từ lúc 8 giờ.

Chạy đường núi chừng một tiếng thì gặp một cái chợ ven đường. Đúng lúc đó trời đổ mưa to. Chợ ở đây là những quán hàng san sát nhau ở hai bên của một con đường hẹp chỉ vừa đủ cho hai chiếc xe lách qua. Người bán ngồi ngay ven đường với đủ thứ rau, quả và gà vịt nhốt trong những cái rọ hình bầu dục đan bằng tre. Đáng nhẽ ra tôi phải chụp lại quang cảnh này nhưng vì mưa nặng hạt nên chỉ có thể ngồi trong xe nhìn ra mà bấm máy. Ngoài cửa sổ xe, những ngọn núi nhọn hoắt xếp trên nền những đám mây mưa như một bức tranh huyền bí. Tôi đang chợt nghĩ mưa cứ rơi mãi thì sao nhỉ, thì rồi khi vừa qua một cái đèo, trời lại nhanh chóng quang đãng trở lại.

Khoảng 10 giờ sáng, chúng tôi đến văn phòng Ban quản lý Khu di tích Pác Bó. Ra đón chúng tôi là một

hướng dẫn viên khoảng hơn 40 tuổi nhìn rất quyết đoán và rắn rỏi. Chúng tôi để người hướng dẫn viên ngồi cùng xe rồi đi khoảng 5 phút thì đến một bãi đỗ rộng, bên cạnh là con suối màu xanh ngọc, trước mặt là ngọn núi nhọn đứng chẵn như một bức bình phong. Anh Việt nói:

“Chính phía trước ngọn núi kia là đất Việt Nam, vượt qua ngọn núi là sang Trung Quốc. Trong núi này có hang Cốc Bó, con suối ở đây gọi là suối Lênin và ngọn núi này gọi là núi Các Mác”.

Trên vách đá lưng chừng núi phía bên kia con suối gần hàng chữ màu vàng “Núi Các Mác” và ở tảng đá phía dưới bên kia là “Suối Lênin”. Chữ Các Mác là cách viết phiên âm tiếng Việt từ chữ “Karx Marx”, Lênin thì viết gần y như vậy - Lênin.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự khởi đầu của câu chuyện đầy tranh cãi, đồng thời cũng mang lại niềm hân hoan lớn nhất của thế kỷ XX. Dù rằng Liên Xô - cái nôi của cách mạng vô sản, đã sụp đổ và sức ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giảm xuống, nhưng trái lại ở nơi đây, tên của hai nhà tư tưởng lớn lại gây sự cảm động kỳ lạ. Cũng như đạo Phật ở Ấn Độ bị mai một đi trên chính quê hương của mình nhưng lại được hồi sinh và trở thành tôn giáo có tầm ảnh hưởng lớn nhất ở Đông Á. Lớp người sau dẫn thân vào phong trào công nhân như Kim Chan Soo và Park Jang Keon (những bạn đồng hành của tác giả) ánh lên

trong mắt sự cảm động trước những thuyết minh của anh Việt về họ.

Năm 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Những người theo chủ nghĩa xã hội luôn chủ trương phản đối chiến tranh, nay rơi vào tình cảnh lúng túng về chuyện tìm ra đường lối mới. Những người nhấn mạnh lòng yêu nước và chủ trương tham chiến thì bị những người theo chủ nghĩa xã hội chỉ trích là cưỡng ép giai cấp công nhân phải hy sinh. Cũng bởi vì chiến tranh mang đến nỗi thống khổ và những cuộc tàn sát hàng loạt đối với giai cấp công nhân.

Khi đó, V.I. Lênin đã rất lấy làm kinh ngạc bởi những người theo chủ nghĩa xã hội ở các nước trên thế giới vừa mới chỉ trích bọn tư bản vì lợi ích và sự thống trị của mình mà âm mưu kích động những người công nhân tự giết hại lẫn nhau, vậy mà chỉ trong một sớm một chiều bỗng chốc biến thành “những nhà theo thuyết bảo vệ Tổ quốc”, ủng hộ chiến tranh.

Đầu năm 1919, V.I. Lênin tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, và đã lên kế hoạch chiến lược cơ bản cho cách mạng của các dân tộc bị áp bức đang rên xiết dưới sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc xâm lược. V.I. Lênin trở thành biểu tượng tư tưởng, lãnh tụ lỗi lạc đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới. Thế giới cần một nhà lãnh đạo thuần tuý của chủ nghĩa Mác để dẫn dắt cách mạng và một bộ máy tổ chức mới của giai cấp công nhân.



Hồ Chí Minh từ khi còn trẻ đã nguyện cống hiến cả cuộc đời mình cho tự do và độc lập của dân tộc. Nhưng cho đến trước Hội nghị Versailles năm 1919, Hồ Chí Minh vẫn còn chưa hiểu được chính trị chính là “sự điều hành đất nước”. Quan sát quá trình Hội nghị Versailles, Hồ Chí Minh nhận ra rằng, tình trạng bất công không phải chỉ tồn tại giữa đế quốc thực dân Pháp và dân tộc bị áp bức là Việt Nam, mà còn tồn tại ở giữa người giàu và người nghèo. Tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh hiểu rằng, có rất nhiều điểm chung giữa người lao động Pháp và người lao động Việt Nam. Học chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh dấn thân vào cuộc đấu tranh chống áp bức. Ở Pháp, Hồ Chí Minh đã mở rộng kiến thức và trải nghiệm của bản thân, hình thành nên năng lực lãnh đạo. Để có cái nhìn đúng về nước Pháp, Hồ Chí Minh đã gia nhập vào Đảng Xã hội Pháp và bỏ đi định kiến với người Pháp. Đồng thời, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc tham dự các buổi họp chính trị định kỳ và tích cực tham gia các buổi thảo luận chính trị. Một quan tâm lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc là vấn đề chủ nghĩa đế quốc phương Tây bóc lột thậm tệ nhân dân các nước thuộc địa. Đương thời lúc đó những người theo chủ nghĩa xã hội ở Pháp chỉ tập trung vào vấn đề trọng tâm của châu Âu là chủ nghĩa tư bản thế giới mà không đếm xỉa gì đến việc giải quyết quyền lợi cho người dân các nước thuộc địa. Vấn đề là ở chỗ bóc lột thuộc địa có thể

mang lại việc làm cho người lao động Pháp. Dù Nguyễn Ái Quốc có nêu ra vấn đề thuộc địa thì đáp lại vẫn chỉ là những phản ứng hết sức thờ ơ.

Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp “chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của đại Cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái”.

Cuối năm 1919, Đảng Xã hội Pháp thành lập Ủy ban Quốc tế III<sup>1</sup>. Nguyễn Ái Quốc tích cực tham gia các hoạt động của tổ chức này. Bởi Người hiểu một điều rất đơn giản: Quốc tế III quan tâm rất nhiều tới vấn đề thuộc địa. Các đại biểu của Quốc tế thứ III hứa sẽ giúp các dân tộc thuộc địa đang bị áp bức giành lại tự do và độc lập.

Một lần, Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu Jean Longuet (cháu ngoại của C. Mác) giải thích về học thuyết Mác, Jean Longuet lưỡng lự và nói rằng câu hỏi quá phức tạp và gợi ý Người đọc bộ *Tư bản* của C. Mác. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã đến thư viện mượn tác phẩm đồ sộ đó để đọc cùng với một số tác phẩm mácxít khác. Sau này, Người thừa nhận đó là bộ sách “gối đầu giường” của mình. Tuy nhiên, Người vẫn chưa nhận ra con đường cứu nước, bởi bộ sách đồ sộ này của C. Mác không có dòng nào về thuộc địa, về cách mạng giải phóng dân tộc - điều mà Người

---

1. Mục đích của Ủy ban này là vận động Đảng gia nhập Quốc tế III và bảo vệ cách mạng Nga đang bị các chính phủ tư sản, kể cả Chính phủ Clémenceau của Pháp, tiến công dữ dội.

quan tâm bậc nhất. Chỉ đến khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do V.I. Lênin viết chuẩn bị trình Đại hội II Quốc tế Cộng sản, Người mới phát hiện ra con đường giải phóng dân tộc. Bởi vì, vấn đề thuộc địa và giải phóng dân tộc là một trong những nội dung quan trọng của Luận cương.

Tháng 4/1960, nhân kỷ niệm 90 năm Ngày sinh của V.I. Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài báo: “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin” đăng trên tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô). Bài viết nêu lên quá trình hoạt động thực tiễn và những chuyển biến tư tưởng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin:

“Ngay sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thuê ở Pari, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ “đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa” (do một xưởng của người Pháp làm ra!). Hồi đó, tôi thường rải truyền đơn tố cáo tội ác bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết.

Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc

bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu.

Hồi ấy, trong các chi bộ của Đảng Xã hội, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề có nên ở lại trong Quốc tế thứ hai, hay là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi, hoặc tham gia Quốc tế thứ ba của Lênin? Tôi dự rất đều các cuộc họp một tuần hai hoặc ba lần. Tôi chăm chú nghe những người phát biểu ý kiến. Lúc đầu, tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy? Với Quốc tế thứ hai, hoặc thứ hai rưỡi, hay là thứ ba, thì người ta cũng đều làm được cách mạng cả, sao lại phải cãi nhau? Và còn Quốc tế thứ nhất nữa, người ta đã làm gì với nó rồi?.

Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp - là: Vậy thì cái Quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?.

Trong một cuộc họp, tôi đã nêu câu hỏi ấy lên, câu hỏi quan trọng nhất đối với tôi. Có mấy đồng chí đã trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo*.

Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình

trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”.

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Trước kia, trong các cuộc họp chi bộ, tôi chỉ ngồi nghe người ta nói; tôi cảm thấy người nào cũng có lý cả, tôi không phân biệt được ai đúng và ai sai. Nhưng từ đó, tôi cũng xông vào những cuộc tranh luận. Tôi tham gia thảo luận sôi nổi. Mặc dù chưa biết đủ tiếng Pháp để nói hết ý nghĩ của mình, tôi vẫn đập mạnh những lời lẽ chống lại Lênin, chống lại Quốc tế thứ ba. Lý lẽ duy nhất của tôi là: Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí không bênh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?.

Không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ tôi mà thôi, tôi còn đến những chi bộ khác để bênh vực lập trường “của tôi”. Ở đây, tôi cần nhắc thêm rằng các đồng chí Mácxen Casanh, Vayăng Cutuyariê, Môngmút-xô và nhiều đồng chí khác đã giúp đỡ tôi hiểu biết thêm. Cuối cùng ở Đại hội thành phố Tua, tôi cùng các đồng chí ấy biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba.

Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu

lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Ở nước ta... cũng vậy, có câu chuyện đời xưa về cái “cầm nang” đầy phép lạ thần kỳ. Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cầm nang ra thì thấy ngay cách giải quyết. Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cầm nang thần kỳ”, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thông điệp của Lênin nếu quy về hệ tư tưởng thì rất cụ thể và trực tiếp. Trong đó chỉ rõ trách nhiệm trọng đại của các đảng cộng sản ở các nước đế quốc là phải ủng hộ, giúp đỡ một cách tích cực nhất đối với phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc...

Luận điểm của Lênin như là mạch nước ngầm không bao giờ cạn, không ngừng thúc đẩy cuộc đấu tranh của những người yêu nước ở thuộc địa. Tinh thần yêu nước vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc càng trở nên thăng hoa dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin. Với Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng sắc bén, mạnh mẽ nhất trong cuộc đấu tranh tự giải phóng và giải phóng nhân loại của giai cấp vô sản trên toàn thế giới.

Để đạt được hay tiếp cận mục tiêu nào đấy, cần có phương tiện và phương pháp phù hợp. Cũng giống như “muốn qua sông thì phải lụy đò”, Hồ Chí Minh đã lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm phương thức để đi tới độc lập và tự do dân tộc. Goethe đã thốt lên trong tác phẩm *Faust* của mình: “Bạn tôi ơi! Mọi lý thuyết đều là màu xám. Chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi”.

### 3. Hang Cốc Pó

Từ bãi đỗ xe, chỉ cần đi vài bước chân đã là thấy cảnh núi non điệp trùng. Trong khu rừng bên dòng “suối Lênin” nước xanh biếc là con đường hẹp lát đá gợn gàng khá dễ đi. Đi chừng 300m thì thấy một tảng đá to, người ta bảo là nơi Bác Hồ thỉnh thoảng ngồi câu cá. Sau khi leo thêm khoảng trăm bậc tam cấp, chúng tôi đứng trước cửa một hang nhỏ nằm giữa sườn núi đá cheo leo. Hướng dẫn viên thuyết minh:

Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng 5 đồng chí đã về nước và ở tại nhà ông Lý Quốc Súng, sau đó chuyển vào hang Cốc Pó. Tại đây, Người đã dùng than củi viết lên vách hang dòng chữ Hán để đánh dấu ngày Người chuyển từ nhà ông Súng lên hang Cốc Pó “Nhất cử tứ nhất niên nhị nguyệt bát nhật”, tức “ngày mùng 8 tháng 2 năm 1941”. Trong cuộc chiến tranh biên giới Việt - Trung năm 1979, quân Trung Quốc đã cho nổ mìn phá hủy hang Cốc Pó. Thế nhưng ngày nay, hang động đã được phục hồi lại

như trước với mục đích phục vụ khách tham quan du lịch trong và ngoài nước. Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại đây khoảng 2 tháng.

Trong hang vẫn còn lại chiếc giường mà Hồ Chí Minh đã từng nằm nghỉ và cũng là chỗ làm việc của Người. Đó chỉ là một tấm ván cũ đã nứt nẻ. Trong hang có một thạch nhũ nhô lên, trông giống mặt người với tóc và râu dài, được Người đặt tên là tượng Các Mác.

Võ Nguyên Giáp nhớ lại những ngày ở trong hang như sau:

“Sáng nào Bác cũng dậy rất sớm và gọi mọi người cùng dậy. Bác tập thể dục rất đều, tập xong lạnh mấy cũng đi tắm suối, rồi bắt đầu làm việc. Khi Bác khai hội, khi Bác nghiên cứu, khi Bác xuống làng nói chuyện với đồng bào, có khi Bác đi lấy củi. Bữa cơm của Bác chỉ có chút thịt muối hoặc con cá con vừa bắt được dưới suối.

Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng ta”<sup>1</sup>.

---

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2018, tr. 32 (B.T).



Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra. Quân đội phát xít Đức tiến đánh nhiều nước châu Âu và chỉ trong vài tuần đã chiếm được Pháp. Máy bay in cờ chữ thập ngược ném bom oanh tạc nước Anh, biến nơi đây thành đồng tro tàn. Trong khi đó, phát xít Nhật đã chiếm được một vùng lãnh thổ rộng lớn của Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí của mình đã phân tích nguồn gốc, đặc điểm, tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, từ đó nhận định phát xít Đức sẽ tấn công Liên Xô và chiến tranh Thái Bình Dương sẽ bùng nổ. Loài người sẽ bị tàn sát ghê gớm trong cuộc chiến tranh phát xít.

#### **4. Lán Khuổi Nặm**

Từ hang Cốc Bó chúng tôi tìm đến lán Khuổi Nặm, nơi Hồ Chí Minh đã chuyển sang ở và làm việc từ cuối tháng 3/1941. Lán Khuổi Nặm cách hang Cốc Bó khoảng một cây số. Giữa hai ngọn núi có một con suối và ruộng bậc thang. Đường chúng tôi đang đi bây giờ là đường đã được mở rộng và lát đá cho tiện đi lại nhưng ngày ấy để tránh bị phát hiện, Hồ Chí Minh thường đi con đường mòn men theo các thửa ruộng ven suối.

Lán Khuổi Nặm chỉ là một cái lán nhỏ quá đơn sơ. Cảm xúc đầu tiên của tôi là thấy ái ngại: sao người ta có thể sống trong ngôi nhà không cần chăm chút như thế này. Tuy nhiên, đây là nơi chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng có tầm chiến lược: lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

(Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám (từ ngày 10/5 đến 19/5/1941), mở lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh, xây dựng các hội cứu quốc, biên dịch *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* và ra báo *Việt Nam Độc lập*.

Hon bất kỳ nơi đâu tại Việt Nam, chính tại căn lán Khuổi Nặm này, tôi cảm nhận một cách sâu sắc cái tinh hoa của tinh thần Hồ Chí Minh, rằng tinh thần của con người mạnh hơn bất kỳ vũ khí nào khác. Chính là tôi muốn nói về sức mạnh tinh thần đã khuất phục De Gaulle, khiến cho Nhà Trắng hay Lầu Năm Góc của Mỹ phải cảm thấy kiêng sợ.

Văn hào Goethe khi chu du đến Italia đã phải thốt lên: “Tôi nghĩ rằng ngày tôi bước chân lên mảnh đất Rome chính là ngày tôi sinh ra lần thứ hai, ngày tôi bắt đầu cuộc đời đích thực của mình”. Đối với tôi, hình ảnh về lán Khuổi Nặm này còn ấn tượng hơn nhiều lần ấn tượng của Goethe đối với thành Rome.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám được tổ chức tại đây đã vạch ra những chiến lược căn bản cho cách mạng Việt Nam và có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của đất nước. Hội nghị xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương, cho nên tập trung vào nhiệm vụ: Đánh đuổi Pháp - Nhật làm cho xứ Đông Dương độc lập; nhận định cuộc cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới,

của phong trào dân chủ chống phát xít. Hội nghị cũng đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là “Việt Nam Độc lập Đồng minh” (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), nhằm đoàn kết tập hợp mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc. Hội nghị quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của một nước Việt Nam, Lào, Khơ me<sup>1</sup>, thi hành đúng quyền “dân tộc tự quyết”, với tinh thần liên hệ mật thiết, giúp đỡ nhau giành thắng lợi... Nhằm phân hoá hàng ngũ giai cấp địa chủ, Hội nghị tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng công, giảm tô, giảm tức.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tám về tổ chức Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc viết thư *Kính cáo đồng bào* gửi các tầng lớp nhân dân cả nước:

“Hỡi các bậc phụ huynh!

Hỡi các hiền nhân, chí sĩ!

Hỡi các bạn, sĩ, nông, công, thương, binh!

Pháp đã mất nước cho Đức. Thế lực của chúng ở ta đã điêu tàn. Song, đối với chúng ta, chúng tăng sưu tăng thuế để vơ vét tài sản. Chúng khủng bố trắng để giết hại nhân dân. Đối với ngoài, chúng im hơi lặng tiếng, cắt đứt

---

1. Tức Campuchia (B.T).

cho Xiêm, chúng quý gối chấp tay đầu hàng Nhật Bản. Dân ta một cổ hai tròng. Đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.

Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không?.

Không, quyết không! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô lệ mãi!.

Bảy tám mươi năm nay dưới quyền thống trị của giặc Pháp, chúng ta luôn luôn tranh đấu giành quyền độc lập tự do. Tấm gương oanh liệt của các bậc lão tiền bối như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An hãy còn đây.

Những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương vừa rồi đã tỏ rằng: Đồng bào ta quyết nổi gót người xưa, phấn đấu hy sinh đặng phá tan xiềng xích.

Việc lớn chưa thành không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.

Nay cơ hội giải phóng đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta.

Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung Hoa, lại đương gay go với Anh - Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều:

Toàn dân đoàn kết. Hỡi đồng bào! Hãy noi gương vĩ đại của dân Tàu, tổ chức những hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các bậc hiền huynh chí sĩ! Mong các ngài noi gương phụ lão đời nhà Trần trước họa giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc.

Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương!

Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của bậc anh hùng đang sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đang chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!  
Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!  
Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!  
Thế giới cách mạng thành công muôn năm!”.

Lúc này, đám mây chiến tranh đang lớn vờn khắp nơi trên thế giới. Phát xít Đức đang âm mưu tấn công Liên Xô. Hồ Chí Minh tiên đoán phe Đồng minh chống phát xít nhất định sẽ thắng lợi, phe phát xít nhất định sẽ thất bại, phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển mạnh mẽ. Cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã “đẻ” ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ “đẻ” ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công.

Ngay sau lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, ngày 22/6, Đức tấn công xâm lược Liên Xô. Đó là ngòi nổ cho sự diệt vong của đế chế Đức quốc xã. Từ quan điểm cộng sản mà nhìn nhận “sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc dẫn đến cuộc chiến tranh cách mạng nhân dân” và mọi cuộc đấu tranh chống đế quốc Nhật, chống chính quyền Vichy Pháp - tay sai của phát xít Đức, đều trở thành một mắt xích của cách mạng thế giới. Hai mươi năm sau khi V.I. Lênin mất, tiên đoán của Hồ Chí Minh đã trở thành hiện thực ở Việt Nam...

Ngày 07/12/1941, Không lực Hải quân Nhật Bản tấn công quân sự bất ngờ nhằm vào căn cứ hải quân của Hoa Kỳ tại Trân Châu Cảng, dẫn đến việc Hoa Kỳ sau đó

quyết định tham gia vào hoạt động quân sự trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngày 21/12, Hồ Chí Minh đã viết bài nhan đề *Thế giới đại chiến và phận sự dân ta*. Sau khi phân tích diễn biến của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Người nêu câu hỏi: “Thế thì dân ta nên làm sao để tránh khỏi cái nạn ấy?” và Người tự trả lời: “Dân ta nên làm 2 việc: 1 là - Bất kỳ quân đội nào tới gần vùng mình, dân ta phải làm cách “nhà không vườn trống”... Bao giờ quân đội tới gần làng, trai tráng sẽ tránh đi, chớ để cho chúng bắt phu. Chỉ bao giờ Việt Minh có lệnh giúp cho quân đội nào thì dân ta sẽ giúp quân đội ấy. 2 là - Dân ta phải mau mau tổ chức lại. Nông dân phải vào “Nông dân Cứu quốc hội”. Thanh niên phải vào “Thanh niên Cứu quốc hội”. Phụ nữ vào “Phụ nữ Cứu quốc hội”. Trẻ con vào “Nhi đồng Cứu quốc hội”. Công nhân vào “Công nhân Cứu quốc hội”. Binh lính vào “Binh lính Cứu quốc hội”. Các bậc phú hào văn sĩ vào “Việt Nam Cứu quốc hội””. Cuối cùng, Người kêu gọi: “Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi, mau mau đoàn kết lại!!!”.

## **5. Phong cảnh Pác Bó**

Pác Bó, nơi khởi nguồn của cách mạng Việt Nam. Người quản lý nhà trưng bày là cháu của nhà yêu nước lũy lừng, dù nghèo vẫn rất đường hoàng và có phẩm cách. So với nhà trưng bày không quá 50 bộ (150m<sup>2</sup>) này,

thì nội dung trưng bày ở tòa nhà kỷ niệm Thiên An<sup>1</sup> rất hoành tráng của Hàn Quốc thật nghèo nàn.

Hướng dẫn viên thuyết minh cho chúng tôi về những sự kiện liên quan đến các bức ảnh trưng bày ở nhà bảo tàng: Đây là những hình ảnh xây dựng nhà máy thủy điện, trường học, bệnh viện và công trình giao thông. Đây là hình ảnh dân chúng địa phương truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969, thể hiện tình cảm của nhân dân các dân tộc Cao Bằng với vị lãnh tụ kính yêu.

Tư Mã Thiên là người viết sử ký giỏi vào bậc nhất thời xưa, đã đi bộ hàng ngàn dặm tới Khúc Phụ - quê hương của Khổng Tử để được cảm nhận “cái hơi” của Khổng Tử. Ở đoạn vĩ thanh của cuốn *Khổng Tử thế gia*, Tư Mã Thiên - Thái Sử Công, đã ghi lại tâm tình của mình như sau: “Kinh Thi có câu:

*Núi cao ta trông, đường rộng ta đi*

*Tuy đích chưa đến, nhưng lòng hướng về.*

Tôi đọc sách của họ Khổng, tưởng tượng như thấy người. Đến khi đến Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe cộ, nào áo, nào đồ tế lễ, học trò tập về lễ nghi ở nhà Khổng Tử theo đúng từng mùa, tôi bồi hồi nán lại bỏ đi không dứt. Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là

---

1. Của Hàn Quốc (N.D).



một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hể nói đến lục nghệ<sup>1</sup> đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí thánh vậy”.

Từ những lời của Tư Mã Thiên nếu đem Khổng Tử và nước Lỗ thay bằng Hồ Chí Minh và Pác Bó cũng đâu có gì thua kém? Trong số các nhà làm chính trị từ cổ chí kim, nhân vật có thể sánh với Khổng Tử nếu không phải Hồ Chí Minh thì còn ai?

Tư Mã Thiên tìm đến Khúc Phụ 400 năm sau khi Khổng Tử mất? Còn tôi, 49 năm sau khi Hồ Chí Minh đi xa, tôi thật sự như được gặp Hồ Chí Minh bằng xương bằng thịt ở Pác Bó - thánh địa linh thiêng của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh không dựa vào sức mạnh vật chất mà dựa vào sức mạnh tinh thần để thực hiện lý tưởng của dân tộc, cứu nhân dân khỏi cảnh lầm than.

Ngoài thơ chữ Hán làm trong tù, Hồ Chí Minh còn để lại nhiều bài thơ bằng tiếng Việt. Dưới đây là bài thơ nói về cuộc sống đầy gian khổ của Hồ Chí Minh thời kỳ ở Pác Bó:

*Sớm ra bờ suối tối vào hang,  
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng;  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,  
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

---

1. Lục nghệ là những nghề cao quý: lễ, nhạc, ngữ, thư, sĩ, thú (nghỉ lễ, âm nhạc, ngôn ngữ, sách vở, cò và thơ).

Để thăm Pác Bó và lán Khuổi Nậm trong ba giờ đồng hồ, chúng tôi đã phải đi mất ba ngày hai đêm, nhưng không ai cảm thấy tiếc thời gian. Hình ảnh giản dị của Hồ Chí Minh ở Pác Bó qua bài thơ của Người, dù nhắm mắt xuôi tay, tôi cũng không thể nào quên.

Rời khỏi nhà trưng bày, tôi đã viết trong sổ cảm tưởng của khách đến tham quan mấy dòng lưu bút: "Tinh thần của con người mạnh hơn vũ khí do con người làm ra. Tôi sẽ luôn ghi nhớ lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh" - khách Hàn Quốc: Song Phil-kyong, Kim Chan-soo, Park Jang-geun, Lee Jae-gap!

Ở sân vận động trước nhà trưng bày, có những đứa trẻ cùng những con trâu đang gặm cỏ một cách thanh bình. Nhân thế đã đến đây, chúng tôi đi thăm một bản của người Nùng ở thung lũng. Mọi người luyến tiếc rời khỏi Cốc Bó.

## ***Chương VI***

# **QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH - HÀ NỘI**

### **1. Cách mạng Tháng Tám và Tuyên ngôn độc lập**

Hà Nội vừa là kinh đô ngàn năm của Việt Nam vừa là thành trì của cách mạng cận đại. Nếu nói bằng thuật ngữ chính trị thì Hà Nội cũng được xem là “Tập đoàn gan góc trước Washington”.

Nếu phải chỉ ra một địa danh biểu tượng của cách mạng Việt Nam trường kỳ và đầy nguy khó thì có lẽ cái tên “Quảng trường Ba Đình” phải được xếp lên hàng đầu tiên. Bên cạnh khu vực Quảng trường trung tâm là các công trình kiến trúc như: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh, nơi trưng bày những hiện vật, tư liệu về cuộc đời và con người Hồ Chí Minh.

Tháng 8/1945<sup>1</sup>.

Ngày 06/8/1945, máy bay quân đội Mỹ thả quả bom khối lượng 4.400kg trên bầu trời Hiroshima. Vụ nổ xảy ra cách mặt đất khoảng 580m, tạo thành một đám mây hình nấm khổng lồ, trong chốc lát biến Hiroshima với 300 ngàn dân thành thành phố chết chóc đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Đến ngày 9, Nhật Bản vẫn chưa chịu chấp nhận đầu hàng. Và đó là cái cớ tiếp theo để quân đội Mỹ gieo rắc tội ác với Nagasaki.

---

1. Avram Noam Chomsky (1928), nhà chính trị học nổi tiếng người Mỹ với những quan điểm chỉ trích chiến tranh Việt Nam, đã viết: “Tôi không thể nào quên được cái ngày quả bom nguyên tử thả xuống Hiroshima. Thật sự tôi đã không thể nói chuyện với bất cứ ai, tôi đi một mình và cứ như vậy. Và, cũng không thể hiểu phản ứng của mọi người. Tôi cảm thấy bị cô lập hoàn toàn”. Đó là những lời bộc bạch của Noam Chomsky khi mới 17 tuổi, biểu hiện sự lo sợ trước sự dã man và tàn bạo mà Mỹ gây ra cho nhân loại.

Scott Nearing (1883 - 1983), nhà kinh tế học, nhà văn, nhà hoạt động chính trị người Mỹ ủng hộ phong trào cộng sản, đã viết dòng cuối thư gửi Tổng thống Truman, người đã hạ lệnh ném bom nguyên tử: “Chính phủ của ông không còn là của tôi nữa”. Lương tâm và sự chí thành phải chăng không là sức mạnh của nhân sĩ tiến bộ Mỹ? Còn theo kiến giải của học giả Hàn Quốc Dohl Kim Yong Ok: “Sự kiện ném bom nguyên tử xuống Hiroshima là cái cớ để chạy đua vũ trang quy mô hơn trước khi luận giải đó là sự trừng phạt đương nhiên đối với chủ nghĩa đế quốc tàn nhẫn”.

Ngày 11, nhằm chuẩn bị chớp thời cơ khi Nhật đầu hàng, Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân: Sắp tới quân Đồng minh sẽ tiến vào Việt Nam. Muốn tiếp quân Đồng minh ta phải chuẩn bị lực lượng mạnh. Sức mạnh đó trong quá trình đánh đuổi Nhật đã lớn mạnh lên. Hỡi đồng bào! Hãy đứng lên.

Ngày 15, Nhật hoàng tuyên bố chấp nhận đầu hàng Đồng minh.

Ngày 16, Việt Minh của tướng Giáp đánh xuống châu thổ sông Hồng.

Ngày 17, cờ đỏ sao vàng của Việt Minh tung bay ở Hà Nội.

Ngày 19, quần chúng và lực lượng vũ trang, tự vệ Hà Nội chiếm hầu hết các công sở của chính quyền bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim. Lực lượng quân đội Nhật thúc thủ vô sách.

Ngày 20, Việt Minh hoàn toàn làm chủ Hà Nội.

Ngày 21, hoàng đế Bảo Đại nhận được điện yêu cầu thoái vị.

Ngày 24, Việt Minh Hà Nội phế truất hoàng đế Bảo Đại và tuyên bố “nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” của Hồ Chí Minh, trong 13 ngày từ 11/8 đến 24/8 đã hoàn thành nhiệm vụ của Cách mạng Tháng Tám<sup>1</sup>.

---

1. Ngày 24/8, Bảo Đại điện trả lời Ủy ban nhân dân Bắc Bộ đồng ý tuyên bố thoái vị và “mong ước Chủ tịch Chính phủ nhân dân lâm thời về Kinh để nhà vua giao chính quyền”... Ngày 27/8, Ủy ban Dân tộc Giải phóng họp tại Hà Nội được cải tổ thành Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 25, 8 vạn dân thành phố Sài Gòn tràn ngập đường phố<sup>1</sup>, chính quyền bù nhìn của Nhật hoàn toàn bất lực. Cuộc tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước đã thật sự về tay nhân dân trước khi quân đội Đồng minh vào Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám thành công do nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến sự lãnh đạo thiên tài của nhà cách mạng Hồ Chí Minh; dự đoán chính xác về thời cơ; chớp thời cơ để phát động nhân dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Ngày 25/8/1945 cũng là ngày Hồ Chí Minh lần đầu tiên đặt chân lên Hà Nội. Chặng đường chỉ ba trăm kilômét từ căn nhà tranh nhỏ bé ở làng Kim Liên tới đây, Hồ Chí Minh đã phải đi mất hơn 35 năm.

Ngày 26, chi đội Giải phóng quân đầu tiên của Võ Nguyên Giáp tiến vào Hà Nội giữa tiếng reo mừng khốn tả của nhân dân Thủ đô.

Ngày 30, Bảo Đại - hoàng đế cuối cùng của Việt Nam, đã trao ấn kiếm - biểu tượng của uy quyền phong kiến Việt Nam, cho đại diện Việt Minh.

Trước đó, Quốc dân Đại hội Tân Trào đã quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

---

1. Ngày 25/8, Xứ ủy Nam Kỳ huy động chừng một triệu nhân dân nội, ngoại thành... chủ yếu là Gia Định, Chợ Lớn xuống đường tiến hành tổng biểu tình vũ trang.

Ba tháng sau<sup>1</sup>, trong cuộc gặp gỡ với các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh đã cho biết về lý do và ý định của Người khi nhận nhiệm vụ Chủ tịch nước: “Tôi tuyệt nhiên không ham công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi vẻ vang. Bởi đã đánh đổ nền thống trị thực dân gần 100 năm và chế độ phong kiến hàng ngàn năm. Hơn thế, lại được dân dấy bởi một nhà lãnh đạo khiêm nhường nhất trong lịch sử loài người.

Phải đến ngày 02/9/1945, Nhật Bản mới ký vào văn kiện đầu hàng trên chiến hạm USS Missouri của Mỹ neo đậu ở Yokohama. Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Mamoru Shigemitsu là người đảm nhận ký văn kiện nhục nhã này. Ông là vị bộ trưởng bị mất một chân sau vụ đánh bom của nhà hoạt động độc lập Hàn Quốc Yoon Bong - Gi ở công viên Hongkew, Thượng Hải.

Ngày 02/9/1945 chính là ngày vinh quang ấy. Thủ đô Hà Nội phủ đầy cờ đỏ. Trên mọi ngã phố giăng đầy biểu ngữ, khẩu hiệu bằng tiếng Việt, Pháp, Anh, Trung và cả tiếng Nga: “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Đả đảo thực dân Pháp”, “Độc lập hay là chết”, “Ủng hộ

---

1. Tháng 01/1946, sau thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam độc lập và Hồ Chí Minh trở thành Chủ tịch chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chính phủ lâm thời”, “Hoan nghênh đoàn đại biểu Đồng minh”, “Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Đông đảo bà con nông dân cũng kéo về Thủ đô. Các đội viên dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những binh khí từ thời xưa bày trang trí trong các điện thờ. Các chị em phụ nữ với những bộ quần áo ngày hội, có những chị vấn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng màu cỏ non. Họ mang lễ phục cổ truyền, chỉnh tề. Họ là những người nông dân nghèo ở ngoại thành Hà Nội, chưa bao giờ vào thành phố với tâm trạng hân hoan như thế.

Những cụ già vẻ mặt trang nghiêm. Nam nữ thanh niên ai nấy đều áo quần sắc sỡ, rạng ngời. Trẻ em rộn ràng, chính các em đang trở thành chủ nhân nhỏ của một quốc gia độc lập. Các nhà sư, các mục sư cũng rời chùa và nhà thờ xuống đường hòa vào dòng người. Một ngày đã tươm tất thêm lịch sử vĩ đại, nắng tháng 9 chiếu vàng rực rỡ. Giữa Quảng trường Ba Đình, người ta nhanh chóng tiến hành dựng một lễ đài bằng gỗ. Khoảng hơn 2 giờ chiều, một cụ già ăn vận giản dị bước lên lễ đài, xuất hiện trước nhân dân: Hồ Chí Minh. Hình ảnh Người còn khá bỡ ngỡ với nhiều đồng bào. Không nhiều người biết về vị nhân sĩ đó - nhà hoạt động phong trào độc lập lỗi lạc, nhà ái quốc huyền thoại Nguyễn Ái Quốc - người đã nổi danh trên chính trường quốc tế. Hơn 30 năm bôn ba khắp thế giới, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người từng bị kết án tử hình, nhiều tháng năm chịu cảnh tù đầy, giờ đây đang



xuất hiện trước quốc dân đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ.

Trước biển người là một ông cụ hơi gầy trong bộ kaki cổ cao, vàng trăn rộng, mắt sáng, chòm râu thưa. Phong cách trang phục giản dị này được Người lựa chọn trong suốt thời gian trên cương vị Chủ tịch, trong những ngày lễ cũng như trong những dịp đi công tác nước ngoài.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn khiến mọi người hơi ngạc nhiên. Họ không nhìn thấy ở vị Chủ tịch phong thái trang trọng của tầng lớp thượng lưu, quý tộc. Bằng giọng nói phảng phất quê hương Nghệ An, Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*:

“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng<sup>1</sup>. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

---

1. Theo Kim Kyu, dịch giả người Hàn Quốc: “Việc Hồ Chí Minh trích dẫn nguyên văn những câu đầu tiên trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ đã khiến một số nhà sử học hiểu không đúng. Hồ Chí Minh không trích y nguyên như vậy, mà hoàn toàn có ý thức chỉnh sửa bản tiếng Mỹ (tiếng Anh) củng cố vững chắc luận giải của mình. Hồ Chí Minh đã tham khảo bản tiếng Anh nguyên bản nhưng đã chỉnh sửa lại lời mở đầu theo cách mở để truyền đạt tư tưởng của mình: Từ “... that all men are created equal...”, nghĩa là “... mọi người đàn ông sinh ra đều bình đẳng...” thành “... all people”. Điều đó đã phản ánh tư tưởng bình quyền với nữ giới, coi nữ giới là một thành phần công dân của nước Việt Nam mới. Đây là nhận thức vượt thời đại về nữ quyền (Feminist)”.

Điều đáng ngạc nhiên là Hồ Chí Minh đã trích dẫn đúng câu đầu trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ.

Giọng Hồ Chí Minh trầm ấm, rõ ràng, khúc chiết. Không phải cái giọng hùng hồn như vẫn thường được nghe trong các buổi lễ trang trọng. Ngữ điệu biểu cảm sâu sắc, lý lẽ lôi cuốn và đanh thép. Từng câu, từng tiếng tràn đầy sức sống, đi vào lòng người.

Đọc bản Tuyên ngôn đến nửa chừng, Hồ Chí Minh dừng lại và bỗng dừng hỏi: “Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?”.

“Co-o-ó...”.

Mấy chục vạn con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm. Từ khoảnh khắc đó, Hồ Chí Minh với biển người đã hòa làm một.

Cuối bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Đây chính là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới giành được độc lập bằng cuộc đấu tranh không ngừng suốt hơn 80 năm của cả dân tộc. Đó là thành quả được xây dựng bằng xương máu của những con người cách mạng kiên trung nhất vì lợi ích của giai cấp và của dân tộc; bằng linh hồn của những anh hùng trước cái chết giạt bỏ băng đen bịt mắt, hô vang “Việt Nam độc lập muôn năm”.

Điều lo lắng của Hồ Chí Minh trước đây 30 năm: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”, giờ đây, không còn khiến Người băn khoăn. Cả dân tộc Việt Nam đã hồi sinh.

Sau cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam, bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc, lần đầu tiên, nhân dân Việt Nam bằng sức lực của chính mình đã lập nên chính quyền của đảng cộng sản. Hơn thế, từ một dân tộc nhược tiểu, không có sự giúp đỡ đáng kể nào từ bên ngoài, đã đập tan xiềng xích nô lệ của một trong những đế quốc thực dân lớn mạnh nhất thế giới trong gần một thế kỷ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Quảng trường Puginier nay đã được đổi thành Quảng trường Ba Đình, nơi diễn ra những sự kiện trọng đại của Thủ đô Hà Nội và của cả nước, ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng trong lịch sử dân tộc<sup>1</sup>.

---

1. Quảng trường Ba Đình trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn gọi là Quảng trường Tròn hay còn gọi là Quảng trường Puginier - tên một vị linh mục người Pháp. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Quảng trường Tròn được gọi là Vườn hoa Ba Đình hay gọi là Quảng trường Ba Đình. Quảng trường được lấy tên địa danh Ba Đình là để gọi nhớ vùng đất Ba Đình ở tỉnh Thanh Hoá, nơi đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp kéo dài từ tháng 9/1886 đến tháng 01/1887.

## 2. Lăng Hồ Chí Minh

Ngày 02/9/1969, Hồ Chí Minh mãi mãi đi xa. Theo *Di chúc* của Người, sau khi qua đời, Người nguyện vọng được hỏa táng. Nhưng thi hài Hồ Chí Minh đã được gìn giữ và đặt trong Lăng.

Nếu như Lăng Lenin tọa lạc trên Quảng trường Đỏ, Lăng Mao Trạch Đông trên Quảng trường Thiên An Môn, thì Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt tại vị trí của lễ đài cũ giữa Quảng trường Ba Đình. Hai bên Lăng là những khẩu hiệu “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!” và “Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”.

Trước lăng là Quảng trường Ba Đình với một đường dành cho diễu binh, duyệt binh, và một thảm cỏ dài chia thành nhiều ô vuông cỏ xanh tươi tốt, cắt tỉa gọn gàng.

Người ta nói tốc độ phát triển của Việt Nam nhanh nhất Đông Nam Á. Mỗi năm hình ảnh lại đổi khác. Hình ảnh những dòng xe đạp tràn đầy đường phố trước đây nay đã không còn, xe máy lên ngôi. Gần đây, xe máy dường như đang dần dần bị ô tô soán chỗ. Ở khu vực vành đai, ngoài những con đường mới thông suốt, các nhánh đô thị mới lần lượt đang mọc lên. Mọi thứ đều đang đổi thay, nhưng duy nhất có một điều không bao giờ thay đổi ở Việt Nam, đó là tình cảm và sự kính trọng của dân tộc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bác Hồ.

Hàng ngày, dòng người xếp hàng dài vào viếng Lăng, trong đó có nhiều người nước ngoài. Thế nhưng hôm nay không thấy bóng người xếp hàng vào viếng. Có thể người ta tạm ngừng tổ chức đón tiếp khách viếng Lăng Bác để kiểm tra, đánh giá định kỳ thực trạng, trạng thái thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh qua hàng chục năm bảo quản, giữ gìn. Đoàn chúng tôi đã không thể chiêm ngưỡng Người trong “giấc ngủ ngàn thu” trong tòa lăng cẩm thạch mát lạnh.

Ở Hàn Quốc, theo sách báo hay theo thuyết minh của hướng dẫn viên, mỗi năm một lần thi hài Hồ Chí Minh được đưa sang Nga để kiểm tra tình trạng. Thực tế không phải như vậy.

Năm 1967, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã bí mật cử nhóm bác sĩ sang Liên Xô học kỹ thuật bảo quản thi hài. Mọi cơ sở vật chất, kỹ thuật xử lý, bảo quản thi hài Người đều đã được chuẩn bị. Năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, trong lễ truy điệu Người, một đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Liên Xô đã đề nghị: Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, mà còn là một người bạn lớn của nhân dân Liên Xô. Liên Xô có kỹ thuật và kinh nghiệm về bảo quản thi hài, vì vậy nên đưa thi hài Người sang Liên Xô. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn nói trong đau buồn: Không thể được, theo phong tục Việt Nam, Người phải ở lại với chúng tôi. Chính phủ Liên Xô chấp thuận đề nghị và

nhanh chóng cử chuyên gia cũng như gửi các phương tiện kỹ thuật bằng chuyên cơ đặc biệt sang Việt Nam.

### **3. Phủ Chủ tịch**

Phía sau Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch. Tòa nhà Phủ Chủ tịch nằm trong khuôn viên của khu Phủ Chủ tịch, trước năm 1945 là Phủ Toàn quyền Đông Dương, được xây dựng trong những năm 1901-1906 với quy mô hoành tráng, uy nghiêm và quyền lực. Khi Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương, dinh thự này được sử dụng là nơi ở và làm việc của Công sứ Nhật. Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, người Pháp tìm cách tái tiếp quản dinh thự này. Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, nơi này được dùng làm công thự cho Chủ tịch nước và bộ máy cơ quan giúp việc. Từ đó có tên gọi chính thức là Phủ Chủ tịch cho đến ngày nay.

Năm 1954, khi trở về Hà Nội, Hồ Chí Minh đã từ chối không ở ngôi nhà của Toàn quyền Đông Dương Pháp mà để dành làm nhà tiếp khách của Đảng và Nhà nước. Người chọn cho mình ngôi nhà nhỏ của người công nhân thợ điện phục vụ cho Phủ Toàn quyền Đông Dương trước đây. Đó là ngôi nhà nhỏ với ba phòng: phòng ngủ, phòng ăn và phòng làm việc. Phía trên bàn làm việc treo ảnh C. Mác và ảnh V.I. Lênin. Cách bài trí đơn giản, ngăn nắp, không cầu kỳ, kiểu cách. Khi đã chuyển sang ở ngôi nhà sàn,

được xây dựng trong khu vườn Phủ Chủ tịch, nhưng Người vẫn trở về nơi đây để dùng cơm hằng ngày.

Phía bên phải ngôi nhà là nhà xe nhỏ bảo quản những chiếc xe ô tô từng phục vụ việc đi lại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là hai chiếc xe Pobeđa và Peugeot 404. Chiếc Pobeđa là một trong những chiếc xe do Chính phủ Liên Xô tặng cho Việt Nam vào năm 1955. Chiếc xe Peugeot 404 là một trong những chiếc xe ô tô của đồng bào Việt kiều ở Tân Đảo (thuộc địa của Pháp) biếu Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1964. Vào năm 1964, Liên Xô đã viện trợ thêm một chiếc xe có khả năng chống đạn, chủ yếu được dùng khi đón các nguyên thủ quốc gia nước ngoài tới thăm. Khi các đồng chí giúp việc có ý muốn thay bằng những loại xe mới để phục vụ Người, Người đã từ chối với lý do: xe tốt để dành cho các đồng chí làm công tác đối ngoại. Cán bộ giúp việc chưa từ bỏ ý định, mới bàn riêng với lái xe, nhân một lần đi công tác, cố tạo ra sự cố hỏng xe để lấy cớ “xe quá cũ, máy nóng... không khởi động được”, nhưng Người vẫn không đổi ý, còn dặn: lần sau, trước khi đi công tác, nên kiểm tra cẩn thận, chuẩn bị tốt thì sẽ không bị lỡ công việc. Cứ như vậy, Người gắn bó với chiếc xe Pobeđa cho tới ngày Người đi xa.

Thả bộ chậm chậm quanh ao cá khoảng 5 phút là tới căn nhà sàn của Người. Quanh sườn bờ ao bên trái ngôi nhà sàn dễ dàng nhìn thấy những rễ cây lạ trời cao khỏi mặt đất, tựa như những tượng Phật bằng gỗ mộc, kích thước to, nhỏ,

cao thấp đa dạng, lô nhô xếp liền nhau. Bác Hồ đã đặt tên loài cây này là cây bụt mọc.

Nhà sàn Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch đã trở thành biểu tượng của phong cách và đạo đức Hồ Chí Minh. Tháng 5/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển sang sống và làm việc tại ngôi nhà sàn này.

Được giao thiết kế nhà ở cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiến trúc sư đã dồn hết tâm huyết vào bản vẽ sơ phác ngôi nhà của Bác. Khi thông qua phác thảo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Người không phải vua quan nên không thể ở trong những ngôi nhà sang trọng như vậy, chỉ nên làm một căn nhà nhỏ nhỏ theo kiểu nhà đồng bào dân tộc ở Việt Bắc, giống như ngôi nhà Người đã từng ở trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngôi nhà sàn của Người được xây dựng bằng gỗ bình thường, nhà hai tầng. Tầng dưới để thoáng, dùng làm nơi họp Bộ Chính trị, làm việc hoặc tiếp một số đoàn khách, bạn bè đồng chí gần gũi. Tầng trên nhà sàn với hai phòng nhỏ là phòng ngủ và phòng làm việc, diện tích mỗi phòng chỉ hơn 10 mét vuông. Tại chính ngôi nhà sàn này, Hồ Chí Minh đã tiếp đón thân mật Thủ tướng Chu Ân Lai, Chủ tịch Kim Nhật Thành...

Ngay lối lên nhà sàn rợp bóng cây vú sữa. Cây vú sữa này do đoàn cán bộ miền Nam tập kết ra miền Bắc mang biểu Người. Cây vú sữa được trồng ngay gần bờ ao, bên cạnh ngôi nhà Người ở những năm đầu tiên



trong Khu Phủ Chủ tịch. Khi chuyển sang sống và làm việc tại ngôi nhà sàn, Người đã đề nghị chuyển cây vú sữa trồng ở phía sau nhà sàn để Người chăm sóc được thuận tiện hơn bởi cây vú sữa vốn là loài cây ưa khí hậu nóng ở miền Nam và ít chịu được lạnh ở miền Bắc...

Đất nước nào cũng từng có những thời kỳ khó khăn. Nhưng nơi sống và làm việc của một vị nguyên thủ quốc gia chỉ là căn nhà gỗ 2 phòng nhỏ là điều hoàn toàn không thể tin nổi.

Plato, thông qua nhân vật chính là người thầy đáng kính của mình - Socrates - trong tác phẩm *Nhà nước* (Cộng hòa), cho rằng, người bảo vệ quốc gia lý tưởng phải là người: Không được quyền có của riêng ngoài những vật dụng tối cần thiết cho đời sống. Họ không được có nhà riêng có cửa khoá, vật dụng và đồ ăn uống chỉ vừa đủ cho một chiến binh lâm trận. Họ lĩnh một số phụ cấp vừa đủ ăn và sống đời sống tập thể giống như những quân nhân trong doanh trại. Họ không cần có vàng bạc vì giá trị bản thân họ quý hơn vàng bạc. Họ không cần phải động đến các thứ đó hoặc đeo chúng vào người. Trong những điều kiện ấy họ mới có thể duy trì được nhà nước. Nếu trái lại họ ham mua nhà, đất hoặc tích trữ tiền bạc, họ sẽ trở nên những người chủ nhà hoặc chủ nông trại thay vì phải là những người giữ nhà nước. Họ sẽ trở nên kẻ thù của những người khác. Sự căm thù và những âm mưu làm hại nhau là những mầm mống phá tan xã hội từ bên trong, hiệu quả hơn những kẻ thù từ bên ngoài.

Nói đến đây, bỗng hiện lên trong tôi câu cách ngôn “Nêu cao lý tưởng, đơn giản sinh hoạt”. Di sản đặc biệt Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam không chỉ là sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc vĩ đại, mà còn là tấm gương đạo đức của Người được thể hiện trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày - đó là đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị và thanh bạch.

Trong lịch sử nhân loại, liệu chúng ta còn được biết có nhà lãnh đạo chính trị nào như Hồ Chí Minh, coi thường sự xa hoa, lãng phí, hưởng thụ, và xa lạ với thói phô trương, hình thức cũng như triết gia Hy Lạp Diogenes dám sống chân thực nhờ triết để rũ bỏ những mối ràng buộc thông thường vốn chi phối con người như của cải, hư danh và thói giả hình?.

## *Chương VII*

# **BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM**

### **1. Bảo tàng của những ký ức**

Trước khi đi thăm Điện Biên Phủ, nơi làm nên huyền thoại và những kỳ tích của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chúng tôi đi thăm Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam nằm ở trung tâm Hà Nội. Bảo tàng tọa lạc trên đường Điện Biên Phủ, cách 600m về phía đông Quảng trường Ba Đình. Đối diện Bảo tàng là Công viên Lenin với quần thể kiến trúc tượng đài Lenin.

Bảo tàng hiện đang trưng bày và lưu giữ hàng chục nghìn hiện vật, tài liệu, hình ảnh phản ánh bối cảnh các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Khu vực trưng bày, tái hiện lịch sử giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ là nơi phong phú, đa dạng và đặc sắc, với nhiều tư liệu, hiện vật quý nhất.

Nằm ở khu vực nổi bật, ngay phía cổng vào của bảo tàng là chiếc máy bay MIG 21 mang số hiệu 4324 màu xám bạc, do Liên Xô chế tạo. Chỉ trong năm 1967, 9 phi công thuộc Trung đoàn không quân số 921 thay nhau trực chiến, lần lượt lái chiếc 4324 không chiến, bắn rơi 14 máy bay Mỹ các loại. 8 trong số 9 phi công nói trên đã được tuyên dương và truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Bên cạnh đó, Bảo tàng còn trưng bày khá nhiều xe tăng, pháo, đạn đã từng tham gia chiến trận... luôn thu hút những ánh nhìn của mọi người.

Hệ thống Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam gồm các khu nhà hai tầng chuyên trưng bày và lưu giữ hiện vật, tư liệu phục vụ hoạt động tham quan và tìm hiểu lịch sử quân sự. Ở tòa nhà đầu tiên trưng bày hiện vật lịch sử phản ánh công cuộc dựng nước và giữ nước của các vua Hùng; hiện vật quân sự Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1954) và sa bàn Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tòa nhà tiếp theo trưng bày hiện vật cuộc kháng chiến chống Mỹ, đường mòn Hồ Chí Minh và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975,...

Nằm trong khuôn viên của Bảo tàng là Cột cờ Hà Nội, được xây dựng cùng thời với thành Hà Nội dưới thời vua Gia Long (bắt đầu năm 1805, hoàn thành năm 1812). Kiến trúc cột cờ bao gồm ba tầng đế và một thân cột. Thân cột cờ hình trụ có 8 cạnh thon dần lên phía trên, cao 18,2 m.

Trụ hình thang xoáy ốc gồm 54 bậc. Đỉnh cột cờ được cấu tạo thành một cái lầu hình bát giác, đỉnh lầu là chỗ để cắm cờ. Toàn phần xây từ đế đến trụ này cao 33,4 m.

Khu trưng bày ngoài trời của Bảo tàng với những hiện vật như xe tăng, xác máy bay ném bom B52, máy bay F111, chiến xa lớn bị bắn hạ... Nhìn xác những chiếc máy bay Mỹ này lại nhớ đến lời tiên tri vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1968: “Ở Việt Nam, Mỹ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”.

## **2. Thống nhất đất nước**

Từ ngày 19/4/1975, người Mỹ đã bắt đầu rút khỏi Sài Gòn qua cảng hàng không Tân Sơn Nhất. Khói thiêu hủy tài liệu từ Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn bay mù mịt.

Ngày 21/4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức, chuyển giao quyền lực tổng thống cho Trần Văn Hương. Ngày 25/4, Thiệu rời Việt Nam qua Đài Bắc. Ngày 28/4, Dương Văn Minh nhậm chức Tổng thống.

Ngày 26/4/1975, cuộc tổng công kích đánh chiếm Sài Gòn bắt đầu. Đây là chiến dịch cuối cùng của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh - bản anh hùng ca, mốc son chói lọi trong lịch sử Việt Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã sử dụng đòn tấn công quân sự rất mạnh, áp đảo quân địch, tiến công trên toàn mặt trận; đập tan hệ thống quân đội Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh lân cận...

Ngày 29/4, cuộc di tản bằng trực thăng quy mô nhất chính thức bắt đầu. Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn trở thành địa điểm di tản cho các sĩ quan, nhân viên Mỹ cùng gia đình, nhưng chẳng bao lâu nó bị tràn ngập bởi rất nhiều người Việt. Họ là những viên chức của chế độ Sài Gòn cùng gia đình muốn tìm cách vào Đại sứ quán Mỹ để di tản. Toán lính gác Mỹ chĩa súng, bắn lựu đạn cay ngăn cản dòng người như thác tràn vào Đại sứ quán... Đây có lẽ chính là đoạn kết nghiệt ngã của cái gọi “20 năm cắt máu ăn thề giữa Mỹ và Việt Nam Cộng hòa”.

Rạng sáng 30/4/1975, Đại sứ Martin cũng phải bước lên chiếc trực thăng mang tên Lady Ace 09 rời Tòa đại sứ. 8 giờ sáng 30/4, Tổng thống Dương Văn Minh đã hạ lệnh đơn phương ngừng chiến sẵn sàng đón quân đối phương vào Sài Gòn để bàn giao chính quyền. Ông ta yêu cầu: “... Tất cả các anh em binh sĩ Việt Nam cộng hòa hãy bình tĩnh, ngưng nổ súng và ở đâu ở đó... Chúng tôi ở đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận về lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự và tránh sự đổ máu vô ích của đồng bào”. 9 giờ sáng, Quân Giải phóng tiến vào Sài Gòn

theo năm hướng. 10 giờ 45 phút chiếc xe tăng mang số hiệu 390 đã húc đổ cổng Dinh Độc lập. 11 giờ 30 phút, một chiến sĩ trẻ của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã nhanh chóng hạ lá cờ Việt Nam Cộng hòa trên nóc Dinh xuống, kéo lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lên. Cùng lúc này, một nhóm đột kích tiến vào Dinh Độc lập bắt Tổng thống cuối cùng của Việt Nam cộng hòa là Dương Văn Minh cùng toàn bộ những nhân vật chủ chốt của nội các chính quyền Sài Gòn. Dương Văn Minh nói: “Tôi chờ các ông tới để bàn giao chính quyền”. Một chỉ huy Quân Giải phóng lập tức phản ứng: “Các anh là kẻ thất bại, các anh đã bị bắt làm tù binh, các anh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, không có bàn giao gì cả”. Khoảng 12 giờ trưa, tại đài phát thanh, Tổng thống Dương Văn Minh thay mặt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn đã đọc tuyên bố đầu hàng vô điều kiện với Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Tại Dinh Độc Lập ngày 02/5/1975, trong cuộc gặp với cựu Tổng thống chính quyền Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh, tướng Trần Văn Trà đã nói một câu đầy ý nghĩa: “Giữa chúng ta không có kẻ thua người thắng mà chỉ có dân tộc Việt Nam thắng Mỹ”.

Và như vậy, chiến tranh Việt Nam kết thúc, trải qua bao hy sinh không thể nói thành lời, thời khắc mà nhân dân Việt Nam mong mỏi cuối cùng đã đến. Lúc này, ngoài sân Dinh Độc Lập và ngoài đường phố, tiếng súng vẫn nổ

rất nhiều, nhưng đó là tiếng súng chào mừng chiến thắng, tiếng súng đáng nhớ nhất.

Ngày 02/7/1976, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất quyết định đổi tên nước thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh, theo tên của vị Chủ tịch nước đầu tiên - Hồ Chí Minh.

### **3. Kháng chiến**

Anh Việt với giọng đầy tự hào nói về những chiến thắng vẻ vang của kháng chiến chống quân Mông - Nguyên trong lịch sử Việt Nam:

“Đây là mô hình trận đánh trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo chiến thắng quân Mông - Nguyên. Đây là vũ khí được sử dụng trong trận thủy chiến. Chiến thuật đánh trên sông Bạch Đằng cũng gần giống chiến thuật của tướng quân Yi Sun-sin<sup>1</sup> của Hàn Quốc: cắm cọc xuống lòng sông, cho quân sĩ như các chiến thuyền của địch vào trận địa cọc kết hợp với thủy triều để tiêu diệt.

Đây là lược đồ diễn biến trận đánh Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỷ Dậu - 1789). Nguyễn Huệ với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã chấm dứt cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh,

---

1. Yi Sun-sin (28/4/1545 - 16/12/1598) là một tướng thủy quân nổi tiếng của Triều Tiên, lập nhiều quân công trong chiến đấu chống lực lượng hải quân Nhật Bản trong chiến tranh Nhật Bản - Triều Tiên (1592-1598) thời Triều Tiên.



đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong - Đàng Ngoài. Đây là đền thờ Lý Thường Kiệt - nhà quân sự kiệt xuất, đánh bại cuộc xâm lược Đại Việt của quân Tống thế kỷ XI”.

Vó ngựa quân Mông - Nguyên tung hoành tới đâu thì nơi đó trở thành lãnh thổ của chúng. Hàn Quốc cũng liên tục phải chống xâm lược Trung Hoa, nhưng với quân Mông - Nguyên, lịch sử không ghi nhận sự phản kháng.

Trong chiến tranh Nhâm Thìn (từ năm 1592), dù Nhật Bản chuẩn bị cho cuộc xâm lược Triều Tiên hết sức kỹ lưỡng, nhưng Triều Tiên đã ngoan cường chiến đấu chống trả trong suốt bảy năm ròng rã. Nhưng trong cuộc xâm lược Triều Tiên của nhà Thanh năm Bính Tý (1636), vua Triều Tiên đã phải nhục nhã quy hàng chỉ sau hơn 40 ngày bị vây hãm tại Nam Hán sơn thành.

Việc Việt Nam ba lần đánh bại quân Mông - Nguyên hùng mạnh nhất thời đó thật khó tìm thấy điều tương tự trong lịch sử chiến tranh thế giới. Sự thật về việc con cháu người Việt thế kỷ XX đánh bại xâm lược Mỹ - đế quốc sùng sỏ nhất thế giới - có thể sánh với việc cha ông đánh bại quân Mông - Nguyên thời xưa không phải là điều đáng ngạc nhiên.

Những trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng mà tiêu biểu là Trận Bạch Đằng năm 938 đánh tan quân xâm lược Nam Hán, đánh dấu cho việc chấm dứt hơn 1.000 năm Bắc thuộc của Việt Nam; ba lần đánh bại quân Mông - Nguyên của dân tộc Việt khiến tôi liên tưởng đến trận đại thắng sông

Salsu của tướng quân Eulji Mundeok<sup>1</sup>, chiến thắng huyền thoại ở Gwiju của danh tướng Gang Gam-chan và trận đại thủy chiến lẫy lừng Myeongryang của anh hùng dân tộc, vị tướng thủy quân nổi tiếng của Triều Tiên Yi Sun-sin.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Những hiện vật chiến tranh hầu như không còn nguyên vẹn. Đất nước dù có bị chiến tranh tàn phá cũng không thể xóa mờ ký ức lịch sử đã ngấm sâu vào máu mỗi người con dân tộc Việt. Xét ở điểm này, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam xứng đáng được gọi là bảo tàng của những ký ức.

#### **4. Võ Nguyên Giáp**

“Đây là bức tượng đồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Còn đây là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Khi đó Đội gồm 34 chiến sĩ, Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ phụ trách Đội. Đây là những vũ khí thời đó. Từ đội quân ấy, với vũ khí thô sơ như thế này, chúng tôi đã chiến đấu với đế quốc Pháp”<sup>2</sup>.

Hồ Chí Minh có những học trò ưu tú, cộng sự xuất sắc. Hai trong số đó phải kể tới là Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp. Đặc biệt, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, qua các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, là người mà tên tuổi của ông được cả thế giới biết đến.

---

1. Vị tướng chỉ huy có tài thao lược, đánh bại quân xâm lược nhà Tùy, Trung Quốc trên sông Salsu (Tát Thủy, nay là sông Cheongcheon).

2. Thuyết minh của hướng dẫn viên Bảo tàng.

Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911 ở làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, cách không xa nơi sau này giới tuyến tạm thời chia cắt hai miền Nam - Bắc của Việt Nam. Thân phụ ông là một nhà Nho yêu nước, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, đã anh dũng hy sinh trong nhà tù đế quốc. Năm 1925, Võ Nguyên Giáp vào Huế để thi Trường Quốc học. Việc vào Huế học là cả một sự tổn kém đối với gia đình. Hiệu trưởng đầu tiên của Quốc học Huế là Ngô Đình Khả (cha Ngô Đình Diệm). Tại Huế, Võ Nguyên Giáp có điều kiện được đọc tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* do Nguyễn Ái Quốc viết từ Pháp gửi về.

Năm 1927, ông bị đuổi học sau khi tổ chức một cuộc bãi khóa. Sau đó, ông gia nhập Tân Việt cách mạng Đảng.

Năm 1930, ông bị thực dân Pháp bắt, kết án 2 năm tù và giam ở Nhà lao Thừa Phủ (Huế). Năm 1931, ông được trả tự do trước hạn, nhưng bị cấm cư trú ở Huế. Không được ở Huế, ông ra Hà Nội, học Trường Albert Sarraut, tốt nghiệp cử nhân luật và dạy môn lịch sử ở Trường tư thực Thăng Long.

Kể về thời kỳ đầu ở Hà Nội của Võ Nguyên Giáp, tiến sĩ ngành Lịch sử Việt Nam Ku Su-jeong trích dẫn lại như sau:

“Năm 1929, 18 tuổi, lần đầu tiên chàng thanh niên Võ Nguyên Giáp ra Hà Nội. Một người đồng chí của ông ở Đảng Cách mạng Tân Việt (Nguyễn Tạo) đã dẫn ông ra Cửa Bắc của Thành Hà Nội để nhìn hai vết đạn đại bác của thực dân Pháp còn lưu lại. Đó là dấu vết đánh dấu

thời điểm thành Hà Nội thất thủ, khiến Tổng Đốc Hoàng Diệu phải tuấn tiết trước Võ miếu.

Sau này, lúc còn dạy học ở Thăng Long, Võ Nguyên Giáp thường dẫn học trò ra đề Giảng Võ coi mộ Francis Garnier<sup>1</sup>, ra Cầu Giấy chỉ mộ Henri Rivière<sup>2</sup>, để nung nấu trong thế hệ học trò tinh thần chống Pháp xâm lược”.

Trong các năm 1936-1939, nghề chính của Võ Nguyên Giáp là dạy học, dạy các môn Pháp văn, lịch sử. Riêng với

---

1. Francis Garnier (25/7/1839 - 21/12/1873) là một sĩ quan hải quân Pháp, quan chức thực dân và đồng thời là một nhà thám hiểm. Ông gia nhập hải quân và tham gia vào cuộc hành quân của Pháp vào miền Nam Việt Nam năm 1861. Là người cuồng nhiệt, tin vào sứ mệnh đế quốc của Pháp, ông đẩy mạnh việc thám hiểm sông Mê Kông (1866-1868) tại khu vực Đông Nam Á. Được triệu hồi về Sài Gòn năm 1873 phụ trách thương mại không chính thức với Trung Quốc, nhưng ông lại tìm cách giành lại lãnh thổ ở Bắc phần Việt Nam cho Pháp và bị giết khi thực hiện âm mưu đó. (Địa điểm Garnier bị giết nằm gần đường La Thành bên bờ hồ Ngọc Khánh nay thuộc phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội) (B.T).

2. Henri Laurent Rivière (12/7/1827 - 19/5/1883) là một sĩ quan hải quân và một nhà văn người Pháp. Rivière sinh tại Paris. Trong quá trình xâm chiếm Bắc Kỳ, quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của Đại tá hải quân (capitaine de vaisseau) Henri Rivière đã chiếm đóng Hà Nội vào ngày 25/4/1882. Ngày 27/3/1883, quân đội do Rivière chỉ huy đã chiếm đóng Nam Định. Vào tháng 5/1883, quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Tá Viêm đã bao vây Hà Nội. Rivière đã hai lần tìm cách đánh ra vào ngày 16 và ngày 19, kết quả là bị quân Cờ Đen giết chết. Noi Rivière tử trận nằm trên đất làng Dịch Vọng Trung (thôn Trung) nay là đường Cầu Giấy thuộc phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội (B.T).

môn lịch sử, Võ Nguyên Giáp có thể say sưa giảng chi tiết từng trận đánh của Napoleon. Ngoài ra, ông còn tham gia rất nhiều hoạt động: tham gia thành lập và là biên tập viên các báo của Đảng, viết sách,... Những năm 1937-1938, Võ Nguyên Giáp cùng với Trường Chinh viết chung cuốn sách nghiên cứu sâu sắc về thực trạng nông thôn Việt Nam<sup>1</sup> và một cuốn sách ông viết riêng.

Năm 1940, Hoàng Văn Thụ - Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, truyền đạt, theo quyết định của Đảng, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng sang Hoa Nam (Trung Quốc) gặp một người mang bí danh là Vương (Nguyễn Ái Quốc) để nhận nhiệm vụ. Ông Thụ nhấn mạnh chủ trương từng bước chuẩn bị lực lượng vũ trang, sẵn sàng phát động chiến tranh du kích khi có thời cơ.

Đây là chuyến đi khó khăn nhất của Võ Nguyên Giáp vì ông phải để lại người vợ trẻ và đưa con nhỏ mới hơn một tuổi.

Đối với bất cứ nhà cách mạng trẻ tuổi nào hồi đó, Nguyễn Ái Quốc là biểu tượng cho tinh thần đấu tranh bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc: Đó chính là người đã gửi bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” đến Hội nghị Versailles, Pháp (năm 1919); là người sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ); là đại biểu duy nhất của Đảng bộ Đông Dương tham dự Đại hội Tua,

---

1. Cuốn sách có tựa đề *Vấn đề dân cày* (B.T).

tháng 12/1920 (Đại hội toàn quốc Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tua); là người trực tiếp hoạt động tại Bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản. Người chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này. Người thanh niên Nguyễn Ái Quốc trong ảnh ngày trước đội mũ phớt, mặc Âu phục có cặp mắt sáng quật cường, từ lâu, đã gây một ấn tượng sâu sắc đối với Võ Nguyên Giáp. Khi được gặp Người, Võ Nguyên Giáp hồi tưởng khoảnh khắc khó quên đó:

“Trước mắt chúng tôi là một người đàn ông trạc 50 tuổi, dáng người nhanh nhẹn lạ thường, đã có một chòm râu nhỏ dưới cằm... Mặc dù lần đầu tiên được gặp, tôi đã có ấn tượng đây là người mà tôi sẽ gắn bó suốt đời. Tôi nhận ra giọng nói của Người mang âm sắc miền Trung Việt Nam mặc dù người đi khỏi đất nước 30 năm. Người nói với anh Đồng, đã quen biết từ trước, giọng thân mật: “Trông chú Đồng vẫn thế, không già đi chút nào!”. Còn đối với tôi, Người nói tôi tươi tắn như con gái!”.

Theo chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp chuẩn bị lên đường đi dự khóa huấn luyện tại trường quân chính cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An. Đúng vào lúc hai ông khởi hành thì nhận được điện của Nguyễn Ái Quốc báo ở lại và đợi ông. Sau đó ít ngày mới biết nguyên nhân hoãn chuyến đi là do có tin Paris thất thủ, Pháp đã đầu hàng quân Đức. Nguyễn Ái Quốc cho ý kiến: Phải tìm mọi cách về nước càng sớm càng tốt để tranh thủ thời cơ.

Vậy là lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp được cử đi dự lớp huấn luyện quân sự lại là một chuyến đi không thành.

Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 đội viên. Chỉ ít ngày sau, quân đội cách mạng Việt Nam do Võ Nguyên Giáp tổ chức và lãnh đạo đã lập những chiến công đầu tiên.

Ngày 16/8/1945, được tin quân Nhật đã đầu hàng Đồng minh, Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đơn vị Giải phóng quân từ Tân Trào kéo về bao vây, tấn công quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên,... mở màn cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Năm 1945, trong Chính phủ lâm thời, Võ Nguyên Giáp được cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, phụ trách nội chính và công an. Từ năm 1946, Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân tự vệ. Năm 1948, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp. Khi một phóng viên nước ngoài hỏi Hồ Chí Minh việc phong hàm dựa trên tiêu chí nào, Người trả lời: Đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng, đánh thắng trung tướng phong trung tướng, đánh thắng đại tướng thì phong đại tướng.

Năm 2005, nhân kỷ niệm 30 năm ngày kết thúc chiến tranh ở Việt Nam, Tiến sĩ Ku Su-jeong với tư cách ủy viên phụ trách chuyên môn của tuần báo *Hankyoreh* 21 đã có buổi gặp gỡ và trò chuyện với người anh Cả của Quân đội

nhân dân Việt Nam tại nhà riêng của ông. Sau đây là nội dung cuộc trò chuyện:

*"- Thưa Bác, nguyên nhân lớn nhất mà một nước nhỏ ở châu Á là Việt Nam có thể đôi đầu và chiến thắng đế quốc Mỹ - cường quốc mạnh nhất thế giới là gì?"*

- Đây là lần đầu tiên một dân tộc nhỏ, yếu, kinh tế lạc hậu, quân đội mới thành lập mà dám đứng lên để chống lại một cường quốc mạnh nhất lúc bấy giờ. Mà lại giành được thắng lợi với sức mình là chính... Hồ Chủ tịch là người đầu tiên nêu lên luận điểm: một dân tộc đứng lên tự giải phóng, nếu quyết tâm, quyết chiến, với sức mình sẽ tất thắng. Chúng tôi tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân - một cuộc chiến tranh toàn diện, tổng lực,... Cho nên, những vũ khí tinh vi của người Mỹ, những thiết bị điện tử và những thứ đại loại như vậy đều vô dụng... Trong chiến tranh chỉ có hai yếu tố - con người và vũ khí. Dù vậy, cuối cùng con người vẫn là nhân tố quyết định.

*- Bác suy nghĩ gì về cuộc chiến tranh Iraq?"*

- Trong thời đại hiện nay, một nước nào dù mạnh đến đâu, quân đội có được trang bị hiện đại đến đâu, muốn đem sức mạnh mà áp đặt ý nghĩ của mình vào các nước khác, làm các nước đó không còn chủ quyền độc lập, làm cho con người ở nước đó không có quyền sống, không có quyền mưu cầu hạnh phúc thì mưu đồ đó nhất định sẽ thất bại.

*- Chính phủ Hàn Quốc đã gửi quân sang Iraq, cháu nghĩ có phải lịch sử đã lặp lại chăng?"*



- Tôi thấy là lịch sử thì không lặp lại, mà lịch sử là một dòng chảy liên tục. Nhưng mà những sai lầm trong lịch sử thì có thể lặp lại.

Tôi có một điểm phúc lớn đó là được sống rất lâu với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ký ức về Người trong tôi nhiều lắm. Nhưng có một kỷ niệm lớn nhất, tôi đã nhớ suốt đời. Đó là một đêm đông lạnh giá trong hang Pác Bó tôi cùng Người nằm cạnh nhau trên chiếc giường gỗ nói chuyện chuẩn bị khởi nghĩa. Bỗng nhiên Người dừng lại bảo tôi: “Chú Văn này, làm cách mạng dĩ công vi thượng”. Đó cũng là câu tôi tâm đắc nhất”.

Sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thường nói: “Dĩ công vi thượng” là suốt đời vì nước vì dân, không mảy may có chút suy nghĩ nào khác, là đạo đức cao cả nhất của người cách mạng. Ông nhớ mãi câu chỉ dạy này của Hồ Chí Minh và phấn đấu suốt đời để làm theo.

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, buộc Mỹ và đồng minh phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, ngừng tiến công miền Bắc. Lê Đức Thọ được trao tặng giải Nobel Hòa bình năm 1973 cùng với Henry Kissinger vì thương thảo thành công Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, nhưng ông từ chối nhận giải với lý do hòa bình chân chính vẫn chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Lê Đức Thọ đã cho toàn thế giới thấy lòng tự trọng của Việt Nam một cách mạnh mẽ.

Vừa khi hòa bình chân chính mà Lê Đức Thọ đề cập được thiết lập ở Việt Nam, tướng Giáp bày tỏ nguyện vọng được nghỉ hưu. Năm 1980, Võ Nguyên Giáp thôi giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng. Nhưng ông vẫn tiếp tục giữ chức Ủy viên Bộ Chính trị đến năm 1982.

Năm 1983, Võ Nguyên Giáp được phân công làm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia dân số và sinh đẻ có kế hoạch<sup>1</sup>. Nhiều người khi đó nghĩ rằng ông sẽ từ chối chức vụ này. Tuy nhiên, ông đã nhận nhiệm vụ được giao.

Nhân tố khiến Việt Nam cho đến nay không sa vào xung đột quyền lực phải chăng là nhờ những người đồng chí của Hồ Chí Minh như Võ Nguyên Giáp - luôn giữ vững tinh thần (tư tưởng) Hồ Chí Minh như gìn giữ chính cuộc sống của mình:

“Tôi sống và đã cống hiến một cách tự nguyện, tôi đã sống một cách thanh thản trong mọi thử thách, thế là tôi sống vui, sống lâu... Với tôi, chỉ làm theo lời dạy và chính tấm gương của Bác Hồ “dĩ công vi thượng”. Tôi nhận nhiệm vụ và tôi hoàn thành nhiệm vụ. Ngay cả

---

1. Năm 1984, Hội đồng Bộ trưởng quyết định thành lập Ủy ban Quốc gia dân số và sinh đẻ có kế hoạch với mục tiêu kiểm soát mức sinh tại Việt Nam. Võ Nguyên Giáp khi đó là Phó Thủ tướng phụ trách khoa học - kỹ thuật được phân công kiêm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban này cùng với ba bộ trưởng các bộ và tổ chức khác làm Phó Chủ tịch Ủy ban (B.T).

nhiệm vụ phụ trách công tác sinh đẻ có kế hoạch... cũng là nhiệm vụ...”.

Tôi đã đọc những dòng này của Ku Su-jeong và suy ngẫm về cuộc chiến tranh Triều Tiên mà chúng ta gây ra. Trong gần 10 năm kháng chiến chống Mỹ, số người chết của phía Việt Nam được dự đoán là khoảng 3 triệu người, nhưng chỉ trong 3 năm chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) số người chết cũng tương tự. Nếu đánh giá chiến tranh cách mạng Việt Nam kéo dài 30 năm (1945-1975) là cuộc chiến tranh khốc liệt thì chiến tranh Triều Tiên trong 3 năm là một trong những cuộc chiến hủy diệt lớn nhất trong lịch sử chiến tranh nhân loại. Đây là hiện thực không tô vẽ. Mặc dù trải qua kinh nghiệm chiến tranh tàn khốc, nhưng không có một vĩ nhân nào có thể đưa ra một triết lý hay một bài học đúc kết mang tính xây dựng rõ ràng. Vậy nên các học giả nổi tiếng của nước ngoài gọi cuộc chiến tranh Triều Tiên là “cuộc chiến tranh đáng quên”<sup>1</sup>.

Võ Nguyên Giáp không chỉ là nhà chiến lược quân sự lỗi lạc mà còn là nhà lý luận bậc thầy thông qua nhiều tác phẩm chứa đựng những triết lý sáng suốt về bài học chiến tranh cho nhân loại.

---

1. Cho đến bây giờ, người ta thường gọi chiến tranh Triều Tiên là “Cuộc chiến tranh bị lãng quên” (“The forgotten war”), nhưng “bị lãng quên” là viết sai ngữ pháp, “đáng quên” mới là đúng.

## 5. Chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất<sup>1</sup>

Ngày 02/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời nhưng thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược Việt Nam với sự hậu thuẫn của Mỹ. Do vậy, ngày 22/12/1946<sup>2</sup>, Hồ Chí Minh không thể không đối mặt với cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất của thực dân. Trước đây, Pháp đã bị phát xít Đức không khác gì loài cầm thú “giằng xé”, nhưng nay chính Pháp lại chà đạp lên Việt Nam, còn dã tâm, bạo tàn gấp nhiều lần bọn phát xít. Về điều này cần một thuyết trình khá dài.

Ngày 09/3/1945, Việt Nam đón bắt cơ hội mang tính quyết định khi Nhật tiến hành đảo chính quân sự lật đổ và thủ tiêu quyền lực của thực dân Pháp. Vừa khi bọn Nazi Đức sắp bị tiêu diệt, để nắm toàn quyền thống trị Việt Nam, quân Nhật đã nhờ Chính quyền Vichy bù nhìn của Nazi bắt bỏ tù tất cả quan chức Pháp đang ở Việt Nam. Sau gần một thế kỷ đô hộ Việt Nam, Pháp - một cường quốc đế quốc châu Âu, đã phải đầu hàng nhục nhã trước phát xít Nhật - một đế chế châu Á mới nổi lên.

---

1. Ở Hàn Quốc, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của Việt Nam được gọi là “Chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất”, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975) là “Chiến tranh Việt Nam lần thứ hai”.

2. Ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (B.T).

Nhận thấy mâu thuẫn Nhật - Pháp tất yếu sẽ dẫn đến hành động “cán xé lẫn nhau”, Hồ Chí Minh đã phát động cao trào kháng Nhật. Đồng thời, Hồ Chí Minh bày tỏ mong muốn thiết lập quan hệ với Hoa Kỳ (thông qua Phái bộ Đồng minh ở Trung Quốc). Người yêu cầu Mỹ công nhận Mặt trận Việt Minh là tổ chức duy nhất hợp tác chống Nhật và được phép đại diện cho nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống phát xít bên cạnh các nước Đồng minh.

Hồ Chí Minh đề nghị Cơ quan tình báo chiến lược OSS của quân Mỹ đồn trú ở Trung Quốc cung cấp vũ khí, phương tiện liên lạc và huấn luyện quân sự cho lực lượng Việt Minh. Về phần mình, Việt Minh sẵn sàng làm việc và cộng tác chặt chẽ với OSS để cung cấp tin tức về quân Nhật và các mục tiêu hoạt động của chúng.

Theo thỏa thuận hợp tác giữa Việt Minh và đại diện Đồng minh, một đơn vị đặc biệt của OSS do thiếu tá Thomas chỉ huy đã nhảy dù xuống căn cứ Tân Trào để phối hợp với Việt Minh chống phát xít Nhật...

Thomas hồi tưởng:

“Tôi được dẫn đến chỗ ông Hồ Chí Minh là chỉ huy của Việt Minh. Vị ấy nói tiếng Anh rất lưu loát. Hồ Chí Minh vừa đi bộ một chuyến dài ngày từ Trung Quốc về nên vẫn còn mệt mỏi, nhưng tiếp đón chúng tôi rất nồng hậu, hướng dẫn nghỉ ngơi trong một căn nhà bằng tre lợp lá cọ, trong đó có sẵn một sạp nửa làm giường. Chúng tôi được thết đãi thịnh soạn com ăn với thịt bò bít tết và

bia Hà Nội, chiến lợi phẩm sau một trận phục kích một đoàn xe Nhật...".

Thomas và thuộc cấp hướng dẫn cho Việt Minh cách sử dụng vũ khí Mỹ. Ông ta đánh giá cao sức chiến đấu của lực lượng Việt Minh cũng như tốc độ tiếp thu rất nhanh của Việt Minh.

Trong một báo cáo gửi về Côn Minh, Thomas viết: "Hãy quên đi bóng ma cộng sản. Việt Minh không phải là cộng sản. Họ ủng hộ tự do và những cải cách thoát khỏi ách thống trị sự hà khắc của Pháp".

Viên trung úy trẻ Dan Phelan của Trạm trợ giúp không lực từ mặt đất tỏ ý ngần ngại giúp đỡ Việt Minh vì cho rằng Hồ Chí Minh là cộng sản. Nhưng Hồ Chí Minh đã hoàn toàn xóa sạch nghi ngờ của viên sĩ quan trẻ. Anh đã gửi cho cấp trên trực tiếp một bản tường trình, trong đó lưu ý là Hồ Chí Minh đã hỏi anh về phong cách diễn đạt trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và cuối cùng đưa ra một nhận xét thú vị: "Thực ra, hình như ông ta còn biết nhiều hơn tôi về bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ". Sau đó, Phelan còn gửi một bức điện về đại bản doanh: "Các ngài đang hiểu lầm quan điểm của Việt Minh. Họ không chống Pháp mà chỉ là những người yêu nước, những người xứng đáng được tin tưởng và ủng hộ hoàn toàn". Sau này, Dan Phelan đã nhận xét về Hồ Chí Minh: "Ông là một người vô cùng nhẹ nhàng. Nếu tôi phải chọn một nét đặc biệt về ông cụ già bé nhỏ đang ngồi trên đồi trong rừng, thì đó chính là tính cách hoà nhã của ông".

*Kẻ thù tồi tệ nhất của chính chúng ta* (Our Own Worst Enemy, 1968) của tác giả William J. Lederer<sup>1</sup> là cuốn sách phân tích những nguyên nhân thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam trong những năm 1960. “Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (Việt Cộng) hay nhân tố ủng hộ họ là Liên Xô hay Trung Quốc không phải là kẻ thù của Mỹ. Kẻ thù không phải trước mắt của Mỹ chính là nước Mỹ và Việt Nam Cộng hòa” - cuốn sách quy kết. Nói cách khác, tác giả cuốn sách cho rằng sự thối nát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và sự hiểu biết hạn chế của Mỹ về lịch sử và văn hóa Việt Nam là những nguyên nhân quyết định dẫn đến thất bại. Tác giả đã làm sáng tỏ, đầy đủ và chi tiết quá trình Hồ Chí Minh viết bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam. Những năm 1940, William J. Lederer là quân nhân chuyên nghiệp tại Trung Quốc, đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm. Trong cuốn sách của mình, Lederer đã viết: Quân đội của Tưởng Giới Thạch đã gác chuyện chiến đấu với Nhật và làng sang làm việc khác. Quân Tưởng như đàn châu chấu quét sạch các làng mạc của Bắc Việt Nam, cướp bóc lương thực, vàng bạc, tài sản... bừa bãi, nhốn nháo, thậm chí lột cả

---

1. William J. Lederer và Eugene Burdick cũng là đồng tác giả cuốn tiểu thuyết chính trị *Người Mỹ xấu xa* (*Ugly American*), cuốn sách bán chạy nhất những năm 1950, mô tả những thất bại ngoại giao Mỹ ở Đông Nam Á, là một trong những tiểu thuyết có ảnh hưởng chính trị lớn nhất trong văn học Mỹ.

đường ray xe lửa bán sắt vụn. Để “bù lại” những thiệt hại về tài sản này, quân Tưởng đã chuyển nhiều trang bị của quân Mỹ cho Việt Minh.

“Năm 1940, tôi là sĩ quan vừa tốt nghiệp trường sĩ quan hải quân, làm việc trên chiến hạm ở thượng lưu sông Dương Tử. Năm ấy, tôi có cơ hội gặp một linh mục Dòng Tên, cha Pierre, tình cờ gặp một người Việt Nam ăn vận như người Trung Quốc tên Nguyễn.

- Ông Nguyễn là linh mục, thừa Cha? - tôi hỏi.

- Không! Chính xác là người của phong trào độc lập” - Cha Pierre đáp lời, rồi hỏi:

- Anh có bản sao bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ trên tàu không?

- Có, thưa Cha!

- Vậy à? Ông Nguyễn muốn sao một bản.

- Dạ được! Thế ý ông ấy muốn “độc lập khỏi Pháp” phải không, thưa Cha?

- Việt Nam sẽ giành độc lập nhanh hơn anh nghĩ đấy. Quân đội Nhật đã đánh tan quân Pháp. Trong vài năm tới Việt Nam có thể giành được tự do.

Cha Pierre dắt Nguyễn lên chiến hạm và trao bản sao *Tuyên ngôn độc lập*<sup>1</sup>. Cha dịch ra tiếng Pháp và ghi vào

---

1. Theo sách *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.2, tr.212. Hồ Chí Minh đã yêu cầu Trung úy John, điện về Côn Minh thả dù cho Người một bản Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ (B.T).



quyển sổ, Nguyễn vừa đọc lời dịch của Cha vừa lẩm bẩm: “A! Chúng tôi nhất định phải dùng câu mở đầu này. Sau đó... A! Sẽ nêu lý do chủ trương độc lập... Không! Cái đó không hợp với chúng tôi... Cái này nhất thiết chúng tôi phải viết giống như người Mỹ”...

Nguyễn nói về bản *Tuyên ngôn độc lập* mà ông đang ấp ủ cho Tổ quốc mình khi vẫn đang còn là thuộc địa của Pháp, chưa thể độc lập, rồi vội vàng cáo từ.

- Đi đâu vậy?

- Đi Thiều Châu. Đi gặp Tống Văn Sơ.

- Tống Văn Sơ? Người ấy là ai?

- Nhà vận động phong trào độc lập. Ông ấy đang huấn luyện cho tướng của quân đội Mao Trạch Đông và bộ đội du kích Việt Nam.

Đổi đáp xong, họ đi về hướng nam. Đó là lần cuối cùng. Nghe nói cha Pierre ở khu vực gần Lào Cai của Việt Nam do bị nghi là gián điệp nên đã bị quân Nhật xử lý.

Ngày 02/9/1945, khi nhìn thấy bản dịch tiếng Anh bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam được chính thức công bố ở Hà Nội, hình ảnh của Nguyễn 5 năm về trước trong tôi lại ùa về. Tống Văn Sơ không phải tên thật, tháng 8/1942 đổi tên Hồ Chí Minh...

Người Việt Nam đời đời nhớ ơn Hồ Chí Minh, người suốt đời hy sinh vì độc lập, tự do dân tộc. Người Việt Nam, dù là ai, cũng đều tôn kính Người và gọi Người bằng cách gọi gần gũi “Bác Hồ”.

Đọc những dòng trên đây, có thể thấy, ngay từ năm 1940, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị rất cụ thể cho ngày độc lập.

Chiều ngày 25/8, khi Cách mạng Tháng Tám đang nổ ra, Hồ Chí Minh rời Tân Trào về Hà Nội. Ngôi nhà số 48 Hàng Ngang của một gia đình buôn bán được dùng làm nơi làm việc của các lãnh đạo Việt Minh. Trong căn buồng tối, nhỏ của ngôi nhà, với sự chuẩn bị từ trước, Người đã soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong, như lời Người nói lại sau này, đó là những giờ phút sáng khoái nhất của Người. Cũng có thể coi đó là một trong những thời khắc hạnh phúc nhất trong lịch sử Việt Nam.

Một câu hỏi đặt ra là vì sao Hồ Chí Minh - nhà cách mạng cộng sản, quyết định nghiên cứu và lấy trích dẫn từ bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ, một nước tư bản điển hình?

Từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, chàng trai Nguyễn Tất Thành đã quan tâm đến nước Mỹ. Sau các cuộc chiến tranh thế giới, Mỹ trở thành cường quốc đế quốc nổi trội nhất thế giới. Trong những năm 1940-1945, Hồ Chí Minh cố gắng tìm các cơ hội tiếp xúc với các đại diện Mỹ. Vị lãnh tụ tối cao đầu tiên đích thân đưa trung úy phi công Mỹ Shaw vượt núi rừng Việt Bắc để đến Côn Minh, trao trả cho người Mỹ,...

Việt Nam là một trong những quốc gia cộng sản đầu tiên trên thế giới sau Liên Xô. Tuy nhiên, việc trích dẫn

những câu đầu từ bản Tuyên ngôn nổi tiếng của Cách mạng Mỹ lại mang một ẩn ý sâu xa về chính trị, ngoại giao của Hồ Chí Minh nhằm tránh sự can thiệp sau này. Và, không như bất cứ một nhà cộng sản nào, phải chăng phẩm chất đặc biệt của Hồ Chí Minh là không khiên cưỡng dựa vào thức hệ để xây dựng thành lý luận của mình. Dù thế đi chăng nữa nó đã phản ánh đầy đủ tư tưởng chủ đạo mang tính dân chủ của Hồ Chí Minh là tôn trọng những giá trị phổ biến của nhân loại là tự do và bình đẳng như được đề cao trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Cách mạng Mỹ.

Khoảng tháng 8/1945, với nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo, phối hợp tổ chức giải giáp quân đội phát xít Nhật bại trận và giải quyết vấn đề tù binh chiến tranh, Thiếu tá L.A. Patti đã tới Hà Nội. Ông chính là người đã gặp mặt và trò chuyện với Hồ Chí Minh ở một ngôi làng nhỏ ở Tỉnh Tây, Trung Quốc. Theo L.A Patti, Hồ Chí Minh nói rằng người Mỹ không muốn giúp ông vì họ xem ông là một người quốc tế cộng sản, “bù nhìn” của Moskva do ông đã ở Moskva và nước ngoài nhiều năm, nhưng thực tế ông không phải là người cộng sản theo cách mà Mỹ hiểu. Ông nợ Liên Xô vì sự đào tạo của họ nhưng ông đã trả lại bằng 15 năm công tác đảng. Ông không có bất cứ cam kết nào khác với Liên Xô. Hồ Chí Minh tự xem mình là một cộng tác viên độc lập. Người Mỹ đã cung cấp cho ông nhiều hỗ trợ về mặt vật chất và tinh thần hơn Liên Xô nên ông cảm thấy mình

không hề mắc nợ Liên Xô... Khi chia tay, ông Hồ yêu cầu Patti mang về Mỹ một bức thư đầy tình hữu nghị và ca tụng nồng nhiệt nhân dân Mỹ. Ông mong rằng người Mỹ phải biết là nhân dân Việt Nam sẽ không bao giờ quên Mỹ là bạn và đồng minh. Họ sẽ mãi biết ơn về sự giúp đỡ vật chất mà Việt Nam đã nhận được, nhưng điều quan trọng hơn cả là vấn đề tấm gương lịch sử của nước Mỹ đã nêu cho Việt Nam, trong cuộc đấu tranh của họ để giành độc lập.

Tiến sĩ sử học Ku Su-jeong có cách thuyết minh khá độc đáo về bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam lưu tại Bảo tàng chứng tích chiến tranh ở Thành phố Hồ Chí Minh: “Sống ở Việt Nam một thời gian dài có nhiều người hỏi tôi về đặc điểm của người Việt Nam là gì. Thật khó trả lời. Dù có ở lâu đến mấy cũng không thể tường tận về họ, nhưng nếu phải nêu ra, có thể đó là: thứ nhất là sự vui vẻ; thứ hai là sự lạc quan. Tinh thần lạc quan của người Việt đã giúp họ vượt qua thời kỳ ngàn năm Bắc thuộc trong quá khứ và là ngọn nguồn của sức chịu đựng trong chiến tranh khốc liệt hiện đại”.

Trong Bảo tàng chứng tích chiến tranh treo bảng trích những câu đầu trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Người Mỹ đưa ra những tuyên ngôn bất hủ như vậy, nhưng tại sao dân tộc Việt Nam lại không được

hưởng những quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc ấy? Những chứng tích chiến tranh trong Bảo tàng đã nói lên tất cả.

Ba mươi năm đấu tranh chống thực dân, đế quốc, xét đến cùng, là để giành lại những quyền tạo hóa vốn ban cho. Phải chăng đó là sự trớ trêu của lịch sử? Chiến tranh Việt Nam 30 năm, theo quan điểm vĩ mô, là “sự quay ngược bánh xe lịch sử” vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là lời nhắc nhở về những giá trị chân lý đối với Mỹ.

Hồ Chí Minh nỗ lực không ngừng để tránh đối đầu trực diện với Mỹ nhưng bất thành. Mỹ đã hoàn toàn coi thường nền độc lập non trẻ của Việt Nam. Không những vậy, trong những năm tiếp theo, Mỹ còn “hà hơi” tiếp sức cho Pháp bằng những gói viện trợ khổng lồ, nhờ đó Pháp tiếp tục mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Tại sao lại như vậy? Hãy xem William Lederer giải thích:

“Năm 1940, tôi hỏi Chu Ân Lai, người bạn Trung Quốc, về tương lai của Việt Nam. Thời điểm đó, nước Pháp bị Đức tấn công xâm lược và quân Pháp ở Việt Nam đã đầu hàng phát xít Nhật. Lý do gì Pháp không muốn trao trả độc lập cho Việt Nam?

- Vấn đề không phải vậy! Đế quốc thực dân Pháp và quân đội của chúng vẫn còn ở Việt Nam. Chúng ở đó như là tay sai của Nhật Bản. Nhật mà bị đánh bại, nhân dân Việt Nam cũng sẽ được giải phóng. Nhưng đó không phải là việc dễ dàng. Để bám lấy thuộc địa, Pháp sẽ phải điều thêm

binh lực sang và cuộc chiến tranh tàn khốc có thể sẽ kéo dài 10 đến 20 năm. Nhưng cuối cùng, nhân dân Việt Nam sẽ đánh bại Pháp và sẽ giành độc lập.

- Không! Tổng thống Mỹ Roosevelt sẽ không cho phép Pháp đưa quân sang Việt Nam. Ông ta chẳng đang chủ trương về quyền tự quyết dân tộc và độc lập là gì?

- Thế anh hiểu điều đó là thế nào?

- Tôi có nghe về thái độ của Roosevelt trong vấn đề này.

Chu Ân Lai nói một mạch.

- Thật quý hóa! Mỹ sẽ chi viện cho đế quốc Pháp! Bằng cách dựng lên nỗi sợ hãi chủ nghĩa Mác, Mỹ đang tự đập tan cảm giác về hiện thực chính trị”.

Lời tiên đoán của Chu Ân Lai về cuộc chiến đẫm máu kéo dài 30 năm mà nhân dân Việt Nam tiến hành, quả là xác thực!

Việt Nam sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Sau ngày 02/9/1945, lịch sử, nhân dân Việt Nam đã thoát khỏi ách thống trị gần 100 năm của thế lực nước ngoài, đang hưởng nền tự do thật sự. Tuy nhiên, sau tuyên bố độc lập, các thế lực phản động không ngừng khuếch trương các hoạt động thù địch, cản trở nền độc lập non trẻ.

Nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết mà Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson đưa ra từ lâu đã trở nên vô nghĩa. Để các nước đế quốc có thể chia nhau xâu xé những quốc gia nhược tiểu, Tổng thống Mỹ H. Truman đã rút gọn Chương trình 14 điểm của Wilson xuống chỉ còn 4 điểm. Nội dung

“Các dân tộc có quyền tự quyết định chế độ chính trị của mình... mà không có sự can thiệp từ các quốc gia khác” của nguyên tắc dân tộc tự quyết được thay thế bằng nội dung “chỉ những dân tộc độc lập mới có thể lựa chọn hình thái chính trị của mình”.

Nhân dân Việt Nam không tuyệt vọng cũng như không khuất phục trước quyết định bất chính đó, không ngừng hoàn thiện các cơ quan hành chính, xây dựng một chính phủ hoàn chỉnh, củng cố quân đội. Trong cuộc kháng Nhật, trên cơ sở hình thành mặt trận chung với lực lượng Đồng minh, Việt Nam đã giành được độc lập, xứng đáng là một thành viên của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, Mỹ cho rằng Việt Nam không có khả năng quyết định vận mệnh nên đã tùy tiện định đoạt (không có ý phản đối việc Pháp lập lại sự kiểm soát của họ ở Đông Dương). Điều đó đã kích thích “dịch vị dạ dày” và “nước miếng đang tuôn” của đế quốc Pháp, muốn “ăn tươi, nuốt sống” Việt Nam. Vậy nên chiến tranh Việt Nam là bài học lịch sử về chân lý hiển nhiên rằng, việc các nước lớn bảo đảm độc lập cho các dân tộc nhược tiểu chỉ là một trò dối trá, chỉ có tự lực đứng lên đấu tranh chống lại sự bạo tàn của các nước lớn mới có thể giành được độc lập, tự chủ.

Vấn đề “độc lập và tự do dân tộc” - khát vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam, đã không được Tổng thống Truman quan tâm, De Gaulle bác bỏ, Tưởng Giới Thạch lảng tránh. Mỹ và Anh cam kết ủng hộ chủ trương Pháp

quay trở lại Việt Nam. Nhưng Pháp không thể tiếp quản Việt Nam ngay trong tháng 7/1945. Theo Tuyên bố chung của Hội nghị Postdam, ở Việt Nam quân đội Trung Hoa có nghĩa vụ giải giáp và hồi hương quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc và quân đội Anh được ủy nhiệm giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam.

Việt Minh vừa lên nắm chính quyền, lực lượng quân sự còn chưa được chuẩn bị đầy đủ, đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Hồ Chí Minh dự đoán về những thách thức cận kề và nhắc lại câu nói của Lênin: Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ phải đối mặt với vô vàn khó khăn: Kinh tế kiệt quệ, mùa màng thất bát, nạn đói tràn lan; gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch theo sự phân công của phe Đồng minh tiến vào miền Bắc Việt Nam để giải giáp quân Nhật, ra sức cướp bóc, bạo hành. Âm mưu thực sự của chúng là “Diệt cộng, cầm Hồ” (tức là “Diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh”), lật đổ chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hậu thuẫn các phe nhóm phản động hòng dựng lên một chính phủ thân Tưởng.

Ở miền Nam, quân Anh chẳng những không tước vũ khí quân đội Nhật mà còn tiếp tay cho thực dân Pháp thực hiện các hoạt động khiêu khích và xâm lược. Các tổ chức phản động tiếp tục các hoạt động chống phá cách mạng; bọn tay sai cũ của Pháp, Nhật câu kết với thực dân Pháp đã âm mưu những việc có hại cho sự độc lập quốc gia.



Trước tình hình khó khăn, nguy nan chồng chất, cảm nhận được trách nhiệm nặng nề, Hồ Chí Minh đã có những trăn trở trước nhân dân: “Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân”.

Với sự giúp sức của Liên Xô và Mỹ, nước Pháp của Charles de Gaulle vừa thoát khỏi ách thống trị của Đức đã trắng trợn phơi bày dã tâm muốn quay trở lại đô hộ Việt Nam. Kế hoạch của De Gaulle về địa vị mới của “Đông Dương thuộc Pháp” (Liên bang Đông Dương) là biến Đông Dương thành khối liên hiệp năm xứ<sup>1</sup>, bao gồm ba kỳ ở Việt Nam là Nam Kỳ (Cochinchine), Bắc Kỳ (Tonkin), Trung Kỳ (Annam) cùng với Lào và Campuchia, nằm trong Liên hiệp Pháp đơn nhất. Hãy vạch trần âm mưu thâm độc của De Gaulle:

Trong lịch sử lâu đời nước Pháp, chính khách salon nhiều không kể xiết, tuy nhiên Charles de Gaulle (1890-1970) lại được xem là chính khách quần chúng nhất. Ông sinh cùng năm với Hồ Chí Minh. Nhiều công trình tưởng niệm mang tên ông: Sân bay Paris Charles de Gaulle, Quảng trường Charles de Gaulle, hàng không mẫu hạm hạt nhân Charles de Gaulle - niềm tự hào của Hải quân Pháp,...

---

1. Thực tế là 6 xứ, tính cả Quảng Châu Loan (vùng đất mà Pháp đã chiếm được của Trung Quốc).

Điều đó cho thấy sự kính trọng nhường nào của dân chúng Pháp dành cho ông. Dù xuất thân là một quân nhân trong quân đội Pháp, nhưng De Gaulle vẫn được tôn trọng như một chính khách bởi trong Chiến tranh thế giới thứ hai ông là người đứng đầu tổ chức “Nước Pháp tự do” ở Angiêri, đồng thời lãnh đạo phong trào kháng chiến chống sự chiếm đóng của quân đội Đức quốc xã, khơi dậy lòng tự tôn của Tổ quốc Pháp.

Henri Philippe Pétain là anh hùng dân tộc Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhưng vừa khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, đã đầu hàng Đức quốc xã. Năm 1940, Pétain nhậm chức Thủ tướng Pháp và ký hòa ước với Đức quốc xã. Tướng De Gaulle, một thời được Pétain bảo trợ, không chấp nhận nước Pháp đầu hàng, đã nổi dậy chống lại chính quyền Pétain. Vì điều này, chính quyền Pétain đã tuyên án tử hình vắng mặt De Gaulle, tịch thu tài sản và tước quân tịch.

Sau khi nước Pháp được giải phóng, De Gaulle đã tiến hành thanh lọc những phần tử đã từng hợp tác với Đức quốc xã. Ông tin chắc rằng, “dù Pháp có bị thế lực nước ngoài thống trị trở lại, cũng sẽ không có chuyện bọn phản nghịch ngóc đầu dậy được”. De Gaulle công khai đình chỉ xuất bản và tịch thu tài sản của những tờ báo đã hợp tác với Nazi<sup>1</sup>; bắt và xử án nặng các đội viên dân binh,

---

1. Nazi: Cách gọi khinh miệt phát xít Đức (B.T).

tuyên truyền viên của chính phủ thân Nazi, ủy viên công tố, thẩm phán tòa án binh Pháp, các công chức cấp cao. Tiếp đó, De Gaulle cho thanh lọc toàn bộ thành phần xã hội từ trí thức, học giả, nhà văn, giới xuất bản, doanh nhân,... cho đến diễn viên điện ảnh, ca sĩ,... bất kể là ai. Những người từng có những phát ngôn ca ngợi Nazi hoặc có thái độ khả nghi đều bị coi là trọng tội.

De Gaulle từ chối ân xá tử hình nhà báo, tiểu thuyết gia Robert Brasillach; kết án tử hình nhưng sau đó được đổi lại thành án chung thân đối với Philippe Pétain vì đã hợp tác với Đức quốc xã trong Chiến tranh thế giới thứ hai; người sáng lập để chế công nghiệp xe hơi Renault cũng nhận cái chết bi thảm ở trong tù;... Hưống của mũi tên xử phạt những kẻ hợp tác với Nazi không phân biệt một ai cho dù đó là người tài năng, trùm các doanh nghiệp lớn hay người nổi tiếng... Với cuộc đại thanh lọc, khoảng 130.000 người đã bị đưa ra xét xử, 7.000 người bị tuyên án tử hình, trong số đó gần 800 người phải chấp hành án tử.

Chính phủ lâm thời De Gaulle còn định ra tiêu chuẩn tư cách về quyền được bầu cử để ngăn cản những người trong chính giới đã hợp tác với Nazi tái cử. Điều kiện lớn nhất tước đoạt quyền được bầu cử là “có hay không hành vi bỏ phiếu tán thành điều kiện trao toàn quyền cho Pétain” lúc đó. Tiêu chuẩn đặt ra khắt khe đến như vậy nên trong chính giới Pháp, những ai đã từng hợp tác với Nazi không thể có cơ hội chen chân...

Hà khắc xết lại quá khứ, De Gaulle có lúc cho mình là “người Pháp vĩ đại”, là “Jean - Jacques phiên bản hiện đại”. Thấp sáng ngọn lửa yêu Tổ quốc Pháp, chống Nazi đến cùng và quét sạch bọn thống trị là những hành động phải đáng được tôn trọng.

Ở Hàn Quốc, cũng có người tôn kính De Gaulle. Trong lịch sử báo chí Hàn Quốc, Song Gun-ho (1927-2001) được xem là nhà ngôn luận chân chính ra sức bảo vệ tự do ngôn luận. Năm 1974, dưới áp lực của Hiến pháp Duy Tân<sup>1</sup>, các nhà báo của tờ *Đông Á nhật báo* chỉ vừa mới công bố “Tuyên ngôn thực hiện tự do ngôn luận 24/10”, Park Chung Hee đã cấm các nhà doanh nghiệp không được đăng quảng cáo trên *Đông Á nhật báo*. Các nhà báo bất tuân lệnh Park Chung Hee đều bị cho nghỉ việc hàng loạt. Phản đối lại việc này, Tổng Biên tập Song Gun-ho đã dũng cảm từ chức. Về sau, ông tiếp tục cống hiến cho phong trào dân chủ, và năm 1980, ông bị bắt do liên quan đến “âm mưu nổi loạn Kim Dae Jung”. Năm 1984, Hiệp hội Phong trào ngôn luận dân chủ mà thành phần cốt cán là những nhà báo, phóng viên bị buộc thôi việc được thành lập, ông được bầu làm chủ tịch Hiệp hội, năm 1988 kiêm nhiệm giám đốc tờ *Hankyoreh*.

---

1. Hiến pháp Duy Tân hay còn gọi là hiến pháp của nền Cộng hòa thứ tư (Hiến pháp Yushin) do Park Chung Hee khởi xướng và thông qua, quy định nhiệm kỳ tổng thống không giới hạn và quyền lực tập trung cao độ hơn nữa vào tay tổng thống.

Năm 1978, Song Gun-ho đã cho ra mắt cuốn sách *De Gaulle: Vinh quang của nước Pháp*.

Thời kỳ của tư tưởng Chiến tranh lạnh, bắt đầu từ thời Lý Thừa Vãn đến thời Park Chung-hee, thời kỳ mà sự hung hăng không thể nào diễn tả được hết bằng lời, Song Gun-ho đã vô cùng cảm kích trước việc De Gaulle phản đối tư tưởng chống cộng của Mỹ và mang đến “vinh quang của nước Pháp”. De Gaulle chống phát xít Đức, thanh toán triệt để lao động khổ sai do phát xít Đức, từ chối hệ tư tưởng phân định thiện ác theo kiểu Mỹ - nước đóng vai trò chính trong Chiến tranh lạnh - chỉ với tiêu chí chống cộng. Những điều ấy của De Gaulle không chỉ tại thời điểm lịch sử đó mà ngay cả đến tận bây giờ, tại Nam Hàn vẫn là một giấc mơ xa vời về một xã hội không tưởng. Đối với Song Gun-ho, “chủ nghĩa De Gaulle” là một điều vô cùng ngạc nhiên. Nhưng có một mâu thuẫn mang tính lịch sử quan trọng mà Song Gun-ho đã bỏ qua.

Một De Gaulle phải lánh sang Angiêri thuộc địa của Pháp, cầm cự xu nịnh Đồng minh,... vậy mà khi chiến tranh vừa kết thúc đã lại thể hiện ngay rắp tâm tái xâm lược Việt Nam.

De Gaulle kêu gào “nước Pháp không thể vĩ đại thì không phải là nước Pháp chân chính”, “nỗi nhục của nước Pháp là nỗi nhục của De Gaulle”, rằng “khôi phục lại danh dự của nước Pháp chính là khôi phục lại danh dự

của De Gaulle”. Người muốn lấy lại “danh dự của nước Pháp” bằng những hành động chống phát xít Đức, lại đi xâm lược, giày xéo, chà đạp Việt Nam - một quốc gia độc lập ở châu Á xa xôi, liệu mang ý nghĩa gì?

Thực tế khi Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, Pháp “vuốt đuôi” Mỹ, tái xâm lược Việt Nam. Cuộc xâm lược của De Gaulle là tội ác không khác gì hành động dã man, tột cùng vô đạo mà bọn phát xít đã gây ra cho nhiều quốc gia láng giềng châu Âu.

Danh xưng “De Gaulle vĩ đại” chẳng qua chỉ là một “Hitle phiên bản Pháp”.

Fukuzawa Yukichi (1835-1901) là nhà giáo dục kiêm nhà tư tưởng được người Nhật tôn sùng. Chân dung của ông được in trên đồng tiền mệnh giá 10 ngàn Yên của Nhật Bản. Thời kỳ Duy Tân, ông là nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất đến cải cách xã hội Nhật Bản với xuất thân thường dân chứ không phải là yếu nhân của Chính phủ Minh Trị. Ông là người đi đầu trong việc vận dụng tư tưởng và văn minh phương Tây, hết lòng vì một Nhật Bản phú quốc, cường binh. Ông là người mở trường tư thực đầu tiên, không chịu sự can thiệp và chi phối của Chính phủ, tập trung chủ yếu đào tạo nhân tài. Ngôi trường đó là tiền thân của trường Đại học Keio ngày nay. Ông đã viết trên 100 cuốn sách nhấn mạnh tính cần thiết của thể chế hiện đại như: chính quyền nghị viện, giáo dục phổ thông, cải cách ngôn ngữ,...

Mở đầu tác phẩm *Khuyến học*, ông đã đưa ra câu nói nổi tiếng: “Trời không tạo ra người đứng trên người và cũng không tạo ra người đứng dưới người”. Trong cuốn *Phúc ông tự truyện*, ông viết đại ý rằng công cuộc Duy Tân đã xóa bỏ mọi đặc quyền phong kiến, nhờ cuộc chiến tranh Nhật - Trung mà đã áp chế được Trung Quốc, tạo ra cơ hội để Nhật Bản chen vào hàng ngũ các cường quốc của thế giới...; rằng Nhật Bản đáng được ca ngợi...

Tuy nhiên, ở vào hoàn cảnh Hàn Quốc thì việc đánh giá như vậy là hoàn toàn không phù hợp. Yukichi chủ trương phải hợp nhất Triều Tiên và Trung Quốc vào Nhật Bản,... Với tư tưởng quân phiệt hiếu chiến, Yukichi cho rằng phải chinh phục Trung Quốc và Triều Tiên; “không phải cứ là hàng xóm thì phải rộng lượng”, “vì nhân dân Triều Tiên, chúc mừng cho sự diệt vong của Vương triều Choson”, “Triều Tiên với Sina (tên khinh miệt Trung Quốc) cũng như phụ nữ phóng túng, kêu gọi...”. Thật không thể chấp nhận những lời lẽ bừa bãi kiểu như vậy.

Dù Yukichi khiến người Nhật tự hào thế nào thì ông ta cũng không phải là một trí thức đã nỗ lực dù là nhỏ nhất vì những giá trị phổ biến của nhân loại. Phải đánh giá ông ta là nhân vật mang nặng tư duy phái hữu phi lý tính và hẹp hòi trong mối quan hệ với các nước láng

giềng, không phù hợp với sức mạnh kinh tế của Nhật mới là thỏa đáng.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời - mơ ước bấy nay, nhưng trước mắt Hồ Chí Minh chất chồng những khó khăn phải vượt qua. Trước tình trạng tỷ lệ mù chữ của người dân trên 90%, tệ nạn xã hội như nghiện rượu và thuốc phiện và những di sản đau lòng mà chế độ thực dân Pháp để lại hay dã tâm mới của Tưởng,... phải nhanh chóng động viên tinh thần của nhân dân đang hoang mang trước hiện thực nghiệt ngã mang tên sự im lặng của Liên Xô và cục diện chính trị sau cách mạng.

Trước nạn đói hoành hành, Hồ Chí Minh đề nghị đồng bào mười ngày một lần, tất cả nhịn ăn một bữa. Trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”, điều khiến Hồ Chí Minh bối rối nhất kể từ sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tràn đầy hy vọng, là việc quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch với trang phục tả tơi tiến vào Hà Nội. Trong bầu đoàn ấy có nhiều kẻ dắt theo vợ con và hành động như thể bọn “cái bang” vào chiếm những ngôi nhà vô chủ. Lư Hán - Tổng Chỉ huy quân Tưởng, kẻ cầm đầu tinh quái đã dựng lên các phần tử phản động âm mưu “diệt cộng, cầm Hồ” lũ lượt kéo vào Hà Nội. Bầu đoàn ấy càn quét như bão, nạn thiếu đói, thiếu lương thực đã đạt đến cực điểm. Thậm chí chúng đòi cả nha phiến. Bọn chúng đề hèn và tinh quái hơn cả quân Pháp, quân Nhật.



Mặt khác, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ lâm thời Pháp của De Gaulle đã phái tướng Leclerc làm Tổng Tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp trong Chiến tranh Đông Dương (1945-1946). Là nhân vật nổi tiếng ở Pháp sau De Gaulle, chỉ huy giải phóng Paris và Strasbourg, truy kích quân phát xít, trước khi đến Việt Nam đã vênh váo: “Pháp sẽ khôi phục quyền thống trị Việt Nam”.

Nỗi lo bên ngoài (quân Tưởng và quân Pháp), hoàn cảnh mới cùng nỗi lo bên trong từ trăm đoàn thể với cả trăm chủ trương như một mối tơ vò. Sự cuồng nhiệt đòi dân chủ, nỗi uất hận quá khứ bởi những người cực tả... nổ ra tranh cãi lý lẽ với nhau về vị thế ở đất nước này.

Nhà sử học đời nhà Thanh Vị Duy An từng nói rằng, nếu trong nước có việc phải bàn thì ắt sẽ có những ý kiến này khác ngáng đường. Nếu như có một sách lược vĩ đại thì ắt sẽ có những sách lược ngớ ngẩn này kia cản trở. Trong bối cảnh nhốn nháo thì luôn có những ý kiến hẹp hòi cho rằng chỉ có chủ trương của mình là đúng.

Trong những nhóm cực tả cứng rắn có ảnh hưởng trong Chính phủ liên hiệp lâm thời có khá nhiều nhân sĩ chống Pháp triệt để, những phần tử hoạt động trong các phe nhóm ở Trung Quốc, những người dân tộc cực đoan có tính chiến đấu, những người yêu nước sẵn sàng hiến thân nhưng thiếu thực kiến, những người không phải

chậm hiểu nhưng ngây thơ, những người dân chủ thân Trung Quốc, những phần tử thân Nhật, những kẻ theo đường lối quốc gia phái hữu hoan nghênh việc chiếm đóng của Tưởng Giới Thạch và thường xuyên tìm cách phá hoại Chính phủ của Hồ Chí Minh.

Giải quyết tình thế “thù trong giặc ngoài” như đi một nước cờ quyết định thành bại. Vậy Hồ Chí Minh sẽ đi nước cờ nào?

Lúc này, lực lượng Việt Minh vẫn còn yếu nên Hồ Chí Minh khá lo lắng. Trong số các thế lực bên ngoài, Hồ Chí Minh phán đoán quân Tưởng Giới Thạch là nguy cơ lớn nhất khi câu kết với bọn cực hữu ở Việt Nam. Theo đó, nên chọn giải pháp để quân đội Pháp ra Bắc thay thế quân Tưởng (lực lượng giải giáp quân đội Nhật). “Chẳng lẽ các anh không biết rằng để người Trung Quốc ở lại có nghĩa là gì ư? Các anh không nhớ lịch sử sao? Lần trước người Trung Quốc đến đây, họ ở lại một nghìn năm. Người Pháp là kẻ từ bên ngoài tới, họ đã rất suy yếu rồi, chủ nghĩa thực dân đang chết, người da trắng tại châu Á đang hết đòi. Nhưng nếu người Trung Quốc ở lại thì họ sẽ mãi mãi không bỏ đi đâu!”<sup>1</sup>.

---

1. Theo Stanley Karnow's *Vietnam: A History*, Viking Press, New York, 1983.

Phái tả phê phán kịch liệt Hồ Chí Minh đã cấu kết với Pháp, là người chủ nghĩa ôn hòa thỏa hiệp. Còn phái hữu và các tổ chức tôn giáo thì thách thức chính quyền Việt Minh. Những kẻ đồ mắt mĩa mai Hồ Chí Minh cho đến mãi về sau vẫn gọi Hồ Chí Minh là người cơ hội chủ nghĩa, là bạc nhược.

Trong tình huống xấu nhất, nếu việc giao thiệp với Pháp bất thành thì Pháp cũng sẽ chọn cho mình con đường lui tránh đồ võ. Mong muốn Việt Nam sẽ trở thành đột phá khẩu gây ảnh hưởng đến các thuộc địa khác của Pháp ở châu Phi; các thuộc địa khác của Pháp như Maroc, Madagaxca, Xênegan, Angiêri,... sẽ được giải phóng. Đó là nhân cách, là nhân tính Hồ Chí Minh. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* là biểu hiện am tường của Hồ Chí Minh về những vấn đề thuộc địa không chỉ ở đất nước mình mà còn trên phạm vi thế giới.

Trong những cuộc phỏng vấn với các nhà báo phương Tây, Hồ Chí Minh đã chào mừng người Pháp quay trở lại Đông Dương nếu họ đến như những người bạn chứ không phải những kẻ chinh phục.

Ngày 12/9/1945, lực lượng quân đội Anh của tướng Gracey đến Tân Sơn Nhất cùng với một số đơn vị quân Pháp. Gracey tuyên bố sự thống trị thực dân của một quốc gia phương Tây đối với châu Á không những là việc không thể tránh khỏi mà còn là một việc chính đáng.

Một số tù binh Pháp được quân Pháp đi theo Gracey giải cứu ủa ra đường, đập phá và tấn công những người Việt Nam... Gracy ra lệnh cho quân Nhật tước vũ khí của các đơn vị Việt Nam để cứu vãn tình hình vô chính phủ ở Sài Gòn.

Trước tình hình thực tế cấp bách, đại diện Đồng minh đã chủ động mở lại những cuộc thương thuyết với Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ. Đại diện Pháp đã đưa ra một số yêu sách, chỉ chấp nhận nói chuyện về độc lập sau khi chế độ cai trị thực dân được khôi phục lại, trong khi Việt Nam giữ lập trường rằng điều kiện tiên quyết chỉ có thể là Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do và độc lập. Theo ghi nhận, cuộc đối thoại đôi bên như cuộc đối thoại của hai người cầm mặc dù có sự trợ giúp đặc lực của OSS là trung gian hòa giải. Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ hiểu rằng các cuộc đàm phán là vô nghĩa và ngay sau đó đã kêu gọi tổng bãi công. Ngay lập tức, Gracey ban bố thiết quân luật, thả tất cả quân Pháp (chủ yếu là lính lê dương), trang bị vũ khí và đề nghị Pháp lập lại trật tự. Hàng chục nghìn người Pháp hân hoan biết rằng Sài Gòn lại nằm dưới quyền cai trị của họ. Người Pháp tràn ra phố đánh đập bất cứ người Việt Nam nào bất kể trẻ già, trai gái mà chúng gặp trên đường... Nhân cơ hội đó, hàng trăm phần tử vũ trang, chủ yếu là Cao Đài và Bình Xuyên tràn vào khu phố người Pháp hôm 1 "Giết bọn Âu trắng".

Tại Hà Nội, ngày 26/9, qua Đài phát thanh, Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước ủng hộ miền Nam:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong bốn năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa. Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”. Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà. Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta. Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng. Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: “Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới, trước

hết là làm cho dân Pháp biết rằng: Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước. Nước Nam độc lập muôn năm. Đồng bào Nam Bộ muôn năm”...

Hồ Chí Minh, trong chiến tranh cũng hành động như Mao Trạch Đông, nhưng lại vẫn giữ được đạo lý làm người. Nói một cách khác, cũng giống như Gandhi, Hồ Chí Minh đã thức tỉnh nhân dân và giữ được những giá trị đạo đức nhân văn.

Đầu tháng 10, quân Pháp do Leclerc chỉ huy đã tiến vào Nam Bộ. Vài ngày sau, Gracey đã ký hiệp định giao lại toàn quyền cai trị Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở về trước cho Pháp. Trước sức mạnh của quân Pháp, các đơn vị Việt Minh đã bị đẩy bật ra xa ngoại ô Sài Gòn và buộc phải lần tránh trong những cánh rừng và đầm lầy...

Ngay lúc đó, trong cuộc gặp với các nhà báo Pháp, Hồ Chí Minh vẫn tỏ rõ mong muốn hoà giải với Pháp. Hồ Chí Minh luôn chủ trương để bảo vệ sự sống còn của quốc gia, về bản chất, thì cần đến sức mạnh chính trị và ngoại giao hơn là vũ lực.

Trong cuộc tiếp nhà báo Pháp, Hồ Chí Minh vẫn thành thực mong muốn hoà bình. Người muốn tránh một cuộc chiến tranh bằng đủ mọi cách.

Đầu năm 1946, Ngô Đình Diệm, người từng làm quan nhà Nguyễn thời vua Bảo Đại, được trả tự do theo lệnh ân xá. Ngày 23/8, Bảo Đại thoái vị. Sau đó, tháng 9/1945, ông được mời ra Hà Nội nhận chức “cố vấn tối cao” Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phe đối lập chỉ trích rằng Hồ Chí Minh đã rơi vào chủ nghĩa ôn hoà thoả hiệp và đó là sự dối chác để kiếm tìm sự ái mộ phù phiếm trong quần chúng. Hồ Chí Minh kiên trì thuyết phục họ rằng việc thỏa hiệp này chỉ là sự tìm kiếm kết quả tạm thời.

De Gaulle muốn tìm kiếm “vinh quang nước Pháp” ở Việt Nam nên đã bổ nhiệm Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu làm Tổng cao ủy Pháp tại Đông Dương, và cử Sainteny, con rể của Albert Sarraut - người đã từng giữ chức Toàn quyền Đông Dương, làm đại diện, thay mặt Pháp trong cuộc đàm phán Pháp - Việt. Ngày 15/10/1945, Sainteny lần đầu tiên gặp Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ của Sainteny là thuyết phục để Hồ Chí Minh đồng ý cho Pháp quay trở lại Bắc Bộ, đổi lấy việc Pháp sẽ thương lượng để đuổi quân chiếm đóng Tưởng đi. Mặc dù là người đàm phán cứng rắn và yêu nước Pháp, Sainteny rất kính trọng Hồ Chí Minh. Trong cuốn hồi ký của mình mang tên *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, xuất bản năm 1954 tại Pháp, Sainteny đã viết:

“Ngay lần gặp đầu tiên với Hồ Chí Minh, tôi đã có ấn tượng rằng, đằng sau vẻ ngoài giản dị của con người này

là một nhân cách vĩ đại. Dáng vẻ và khuôn mặt của Hồ Chí Minh toát lên đồng thời sự thông minh, khả năng nắm bắt nhạy bén và khôn ngoan. Kiến thức và sự hiểu biết toàn diện, quá trình tham gia vào rất nhiều hoạt động cách mạng cũng như phẩm chất giản dị không màng danh lợi bản thân đã làm cho nhân dân Việt Nam và thế giới dành sự kính trọng và yêu mến đặc biệt đối với Hồ Chí Minh. Dù Hồ Chí Minh nói hay làm gì thì tất cả đều nhắm hướng đến hòa bình. Không có gì phải nghi ngờ khi chúng ta nói rằng, ở thời kỳ này, Hồ Chí Minh giống như “một Mahatma Gandhi của Đông Dương” vậy”.

Sainteny muốn sáp nhập Việt Nam vào Liên hiệp Pháp, biến nó thành một thành viên của Liên bang Đông Dương. Một mặt thực lòng kính nể Hồ Chí Minh, mặt khác Sainteny lại không chịu nhượng bộ dù chỉ là một chút. Cho nên việc đối thoại vì “Việt Nam độc lập” ngay từ đầu đã là bất khả thi.

Hồ Chí Minh nêu vấn đề độc lập cho Việt Nam nhưng Sainteny một mực đòi đảm bảo quyền lực và chủ quyền của Pháp. Ông ta cho rằng, Việt Nam phải trở thành thành viên của Liên bang Đông Dương, được ngầm hiểu là muốn chia tách Việt Nam thành hai miền Nam Bắc, âm mưu đặt miền Nam dưới quyền thống trị của Pháp, còn việc thừa nhận “độc lập” rõ ràng là không thể. D'Argenlieu thì cho thấy sự vô liêm sỉ hơn nữa khi không muốn thừa nhận ngay cả sự tồn tại của Việt Nam.



Về phía Mỹ, dù có vẻ vẫn đang giữ trung lập ở Đông Dương, thực tế thì họ đang cho Pháp mượn tàu để chở quân sang. Một mặt Mỹ muốn tranh giành ảnh hưởng với Anh, Pháp ở đây, mặt khác họ sẵn sàng hy sinh những quyền lợi của mình ở Đông Nam Á, để liên kết với Anh, Pháp nhằm cô lập và bao vây Liên Xô...

Để có tiền mua vũ khí từ lực lượng chiếm đóng, Hồ Chí Minh đồng ý tổ chức “Tuần lễ vàng” kêu gọi nhân dân đóng góp.

Tháng 11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán...

Ngày 06/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đã diễn ra trong cả nước. Đây là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cử ra chính phủ chính thức. Quốc hội đã hội tụ các đại biểu của cả ba miền Bắc - Trung - Nam, có đại diện của tất cả thế hệ những người Việt Nam yêu nước, hội tụ đại biểu của tất cả các ngành, các giới, các giai cấp, tầng lớp xã hội...

Ngày 28/02/1946, Chính phủ Pháp và Chính phủ Tưởng Giới Thạch đã ký kết một hiệp định tại Trùng Khánh (Trung Quốc), theo đó quân Pháp sẽ được thay thế quân Trung Hoa ở miền Bắc Việt Nam (từ ngày 01 đến 31/3/1946), bù lại Pháp sẽ trả lại một số tô giới ở Trung Quốc. Hơn nữa, tháng 02/1946, trước tình hình Hồng quân

Trung Quốc đang chiếm được Mãn Châu thì quân Tưởng không thể không rút khỏi Việt Nam.

Sau khi Quốc hội được bầu, ngày 02/3/1946, Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được thành lập để thay thế Chính phủ Liên hiệp lâm thời với mục đích đảm bảo tính đoàn kết, hòa hợp dân tộc giữa các đảng phái trong nước.

Ngày 05/3, hạm đội Pháp của Leclerc tiến vào cảng Hải Phòng và vấp phải hỏa lực mạnh mẽ của quân Tưởng, khiến cả hai bên đều bị thiệt hại khá lớn... Chiến tranh đã đến rất gần...

Ngày 06/3/1946, Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt được ký kết giữa Jean Sainteny, đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp, và Hồ Chí Minh. Nội dung của Hiệp định bao gồm các điểm chính như: Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng; Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200.000 quân Trung Hoa Quốc dân Đảng để làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Pháp hứa sẽ rút hết quân trong thời hạn 5 năm, mỗi năm rút 3.000 quân; Pháp đồng ý thực hiện trung cầu dân ý tại Nam Kỳ về việc thống nhất với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Điều lo âu của nhà cách mạng Hồ Chí Minh là phải đối mặt với những chỉ trích mạnh mẽ của những người

đồng chí và phe đối lập. Hồ Chí Minh bị công kích từ mọi phía. Nhân dân thiếu tin tưởng; một số kẻ cực đoan dân tộc chủ nghĩa lên án Hồ Chí Minh là “kẻ phản nghịch trắng trợn”, “tên bán nước”, “phần tử Đảng Cộng sản bán Tổ quốc cho tên trộm Pháp” ... Trong Đảng Cộng sản, tiếng lên án Hồ Chí Minh cũng dâng cao.

16 giờ, tại cuộc mítting của đông đảo nhân dân Thủ đô trước Nhà hát thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày về Hiệp định sơ bộ ngày 06/3. Người nói:

“Nước ta đã độc lập thực sự từ Tháng Tám năm 1945. Nhưng tới nay, chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi về mặt chính trị... Đồng bào hãy nên bình tĩnh, đoàn kết, trọng kỷ luật”.

Cuối cùng, Người im lặng giây lát rồi tuyên bố:

“Tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước”.

Lời nói ấy có sức kêu gọi đến quần chúng và buổi mítting đã kết thúc bằng tiếng hô vang “Hồ Chí Minh muôn năm”. Lòng tin tuyệt đối của nhân dân gửi gắm vào người lãnh đạo chính là sức mạnh tạo nên năng lực lãnh đạo có thể chế áp những kẻ phản đối về chính trị.

Nếu không phải Hồ Chí Minh thì liệu chính trị gia nào có thể có được lòng tin ấy?

Pháp chỉ thừa nhận Việt Nam trong việc thực thi quyền lực ở mức tự trị, còn theo pháp luật thì Pháp vẫn thống trị. Ở một mức độ nào đấy, điều này cũng nhận được sự ủng hộ từ những người trong Đảng Cộng sản Pháp và những người theo chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ với Đảng Cộng sản Pháp bị đứt đoạn trong Chiến tranh thế giới thứ hai cũng đã được khôi phục. Những đảng viên Đảng Cộng sản Pháp tuy có đồng cảm với Việt Nam nhưng vì việc Đảng Cộng sản Đông Dương giải thể vào tháng 11 trước đó nên những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp vẫn còn nghi ngờ đối với Hồ Chí Minh và thể hiện thái độ không rõ ràng về vấn đề Việt Nam.

Tâm trạng của Hồ Chí Minh khi ký Hiệp định này đau khổ biết bao! Nhưng với Hiệp định này, Việt Minh có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh giành độc lập. Giả sử bè lũ bất lương Leclerc và Lư Hán cùng bắt tay với nhau thì có lẽ Việt Minh sẽ hoàn toàn bất lợi.

Ngày 09/3/1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Hoà để tiến”: “Tổ quốc gặp những bước khó khăn. Nhưng con thuyền cách mạng đang lượn những mỏm đá ghềnh để lướt tới. Chúng ta “hòa” với nước Pháp để giành thời gian, bảo toàn thực lực, giữ vững lập trường càng mau tiến tới độc lập hoàn toàn”.

Ngay lập tức, theo chân quân đội Pháp là bọn thực dân. Bọn chúng vừa căm thù vừa sợ cộng sản. D'Argenlieu còn công khai huyênh hoang: “Nước Pháp vĩ đại quyết không tha thứ cho hành động mà Việt Nam đã tạo ra tình trạng vô chính phủ bằng cuộc cách mạng cộng sản”.

Võ Nguyên Giáp đón Leclerc ở cảng Hải Phòng. Võ Nguyên Giáp nói: “Với tư cách một người Việt Nam kháng chiến, tôi xin bày tỏ sự kính trọng về dũng khí của ông đi đầu trong phong trào chống lại bọn Nazi”. Leclerc thoáng cau mày.

Hồ Chí Minh dồn tâm huyết cho mặt trận ngoại giao hơn là đấu tranh vũ trang. Cuối tháng 3, cuộc họp trù bị để mở lại cuộc đàm phán hòa bình với các đại diện của Pháp trên chiến hạm Pháp tại vịnh Hạ Long đã diễn ra. Trên đường trở về Hà Nội, Hồ Chí Minh nói với người cộng sự của D'Argenlieu: “Nếu đô đốc muốn đem tàu đó ra để làm lung lay tôi, thì ông đã lầm to, những tàu đó không thể nào đi ngược dòng sông của chúng tôi”.

Tại cuộc hội nghị trù bị tổ chức ở Đà Lạt, những vấn đề độc lập của Việt Nam và những quy định quyền hạn của Liên bang Đông Dương đang soạn thảo khi ấy đã kết thúc mà không đạt được thỏa thuận nào. Việt Nam nêu ra chủ trương Pháp và Việt Nam cùng thực hiện chủ quyền bình đẳng và sẽ hợp tác với nhau, thì Pháp đã chế giễu rằng Việt Nam là thuộc quốc của Liên bang Đông Dương nên phải trở thành một bộ phận của kim tự tháp các quốc gia lấy Pháp

làm đỉnh và Pháp với vai trò là quốc gia đứng đầu Liên bang sẽ xây dựng bộ khung của kim tự tháp. Bản thân cuộc đối thoại tự nó đã là một kỳ tích.

Hội nghị bàn về địa vị của Nam Kỳ cũng thất bại, nhưng Hồ Chí Minh không từ bỏ niềm tin và đề nghị sẽ mở hội nghị lần sau ở Pháp và đã nhận được sự đồng thuận. Nếu tiến hành hội nghị ở Pháp thì sẽ tránh được sự can thiệp của phe cứng rắn Việt Nam và Trung Quốc cùng kẻ thực dân ngoan cố D'Argenlieu. Hơn nữa, việc này còn giúp Việt Nam lôi cuốn được dư luận của tầng lớp trí thức Pháp một cách tích cực. Từ ngày 31/5 đến ngày 20/10/1946, theo lời mời của Chính phủ Pháp, Hồ Chí Minh đã đến thăm nước Pháp và đã để lại ấn tượng về “phong cách thu phục lòng người” của Người. Bởi vậy, tại Hội nghị Fontainebleau diễn ra từ ngày 06/7 đến ngày 10/9, Đoàn Đại biểu Việt Nam đã nêu cao lập trường độc lập dân tộc và nhận được sự quan tâm của dư luận.

Ngày 30/5, Đoàn đại biểu Việt Nam tham dự hội nghị hòa bình đã chào tạm biệt người dân để lên đường đến Pháp. Hồ Chí Minh đã phát biểu trước 5 vạn người dân tập trung tại khuôn viên của một trường đại học ở Hà Nội: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân”. Người căn dặn đồng bào ra sức giúp cho cuộc đàm phán có kết quả bằng cách: “Ra sức gìn giữ trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ. Đối với các kiều dân hữu bang, phải tử tế ôn hòa”.

Trước lúc Hồ Chí Minh sang Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Người đã dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho, mong Cụ “đĩ bất biến ứng vạn biến””.

Trong thời gian đàm phán, Hồ Chí Minh chịu nhiều sự chỉ trích cực đoan như “con tin của Pháp”, “tên bán nước”... Lúc này chính là lúc mà Hồ Chí Minh lấy câu “đĩ bất biến ứng vạn biến” để áp dụng cho bản thân. Năng lực lãnh đạo của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ phán đoán tình huống một cách mau lẹ và nhận định đúng thời cuộc.

Tất cả đoàn đại biểu chính thức của Việt Nam đều mang complê trang trọng, duy chỉ có Hồ Chí Minh là vận bộ quần áo kaki đại cán đơn sơ như thường thấy. Trên đường sang Pháp, Hồ Chí Minh đã nghe tin D’Argenlieu đã hèn hạ “nặn” ra cái “Chính phủ lâm thời Cộng hòa Nam Kỳ tự trị”, hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Trong thời gian chờ Pháp lập chính phủ mới, Hồ Chí Minh được mời đến Biarritz, thủ phủ của Pyrénées Atlantique ở miền Nam nước Pháp, gần biên giới Pháp - Tây Ban Nha. Ở đó, Người đi thăm các di tích lịch sử, xem múa bò, câu cá và nói chuyện với dân chài địa phương...

Vừa khi một thuyền trưởng tàu cá đề cập đến phong trào ly khai xứ Basque đang diễn ra sôi nổi ở vùng này,

Hồ Chí Minh cho rằng người Basque nên thận trọng trước khi mạo hiểm hành động...

Ngày 22/6, Hồ Chí Minh mới có thể đến Paris. Ở sân bay Le Bourget tại Paris, một biển người chào đón Hồ Chí Minh. Vị trưởng lễ tân sân bay khi đó nhớ lại: Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp xuống sân bay Le Bourget là điều rất mạo hiểm. Từ trong sân bay đi ra có 16 chiếc mô tô hộ tống, khi đi qua khu vực thành phố thực lòng mà nói là hết sức lo ngại. Lúc đó hoàn toàn không thể tiên liệu được điều gì sẽ phát sinh. Hồ Chí Minh là một vĩ nhân sánh ngang với Gandhi của Ấn Độ. Việc đến thăm Paris thời điểm này là vô cùng mạo hiểm không chỉ với riêng bản thân Người mà với cả vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Tôi không biết liệu có phải Hồ Chí Minh đã nhận định đây là cơ hội tuyệt vời để đạt mục đích nào đó hay không. Dẫu sao những người vui mừng nhất được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở sân bay là bà con Việt kiều đang sinh sống ở Pháp... Nhưng họ không biết một sự thật là Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn đang đau đầu về nền hòa bình của nước nhà đang bị đe dọa bởi cuộc chiến tranh mà các thế lực thực dân phản động Pháp đang ráo riết triển khai, trong khi Đảng Cộng sản Pháp lại tuyên truyền rằng Việt Nam đã hoàn toàn độc lập, tự do và đang hưởng hòa bình. Thật vậy, khi Hồ Chí Minh đến thăm Pháp, hòa bình cho Việt Nam vẫn chỉ là hy vọng ở một tương lai xa.



Những ngày ở Paris, Hồ Chí Minh đã có quãng thời gian thư giãn khi thăm lại các nơi đã lưu giữ những kỷ ức thời trẻ của mình. Nhà báo Mỹ nổi tiếng đã mô tả: Hồ Chí Minh đã đạt được thành công lớn. Người thu hút tất cả mọi người, đặc biệt là cánh báo chí... Người được ví với Khổng Tử, Thích Ca, Thánh John... Dù đến nhà hát, đến nơi tiếp đón đặc biệt, đi chơi, hay đi đến nơi họp báo, Hồ Chí Minh cũng mặc trang phục khiêm tốn, khuy cài kín cổ... Sự nhuệ mẫn, phép lịch sự đậm chất phương Đông, sự nhạy bén, phẩm giá cao quý được thể hiện trong các mối quan hệ xã hội,... cái đầu cúi đầu, trái tim trĩu mến và trên hết là hình ảnh chân thành và giản dị... đã chiếm được trái tim mọi người. Hồ Chí Minh nói: Moskva là anh hùng, Paris là niềm vui sống. Thật là một thành phố xinh đẹp, một quang cảnh lộng lẫy!

Trước sự cảm thán của Hồ Chí Minh về một Paris - trái tim của “kẻ thù”, gọi đó là “thành phố xinh đẹp”, “là niềm vui sống” thì tôi mới cảm nhận được đó là cái nội tâm của con người Hồ Chí Minh, không phải là thói đạo đức giả thường thấy của các chính trị gia.

Nhà thơ vĩ đại xứ Lebanon là Kahlil Gibran (1883-1931) đã từng nói: “Nếu chúng ta tiếp thu tinh thần phương Tây thì sẽ trở thành bạn, còn nếu bị hút vào đấy thì sẽ trở thành thù. Mở lòng ra thì thành bạn, nhưng khuất phục thì thành thù. Áp dụng những cái cần thiết thì thành bạn nhưng nếu ta để bị thuần hóa thì sẽ thành kẻ thù”.

Đối với Nhật Bản, Hàn Quốc chúng ta luôn thể hiện ra bên ngoài khác với ở bên trong. Tổng thống Park Chung-hee cho rằng, bài hát “Cô gái hái trà” của Lee Mi-ja mang đậm màu sắc Nhật Bản nên đã đưa vào danh sách các bài hát bị cấm. Thế nhưng bản thân ông ta lúc cao hứng lên thì cũng vui miệng hát.

Trong hồi ký hay trong trí nhớ của những người đã từng trải qua thời kỳ đế quốc Nhật Bản thì những người Nhật nói chung là những người thân thiện và lịch thiệp. Tổng thống Park cũng rất biết giữ lễ nghĩa với người thầy Nhật Bản.

Với Hồ Chí Minh, tinh thần Pháp là cái có thể tiếp nhận, có thể trở thành bạn và có thể biến thành thù mình cần. Hồ Chí Minh không có chút mặc cảm hay tự ti trước nước Pháp. Thế nhưng tại sao đối với người Hàn Quốc chúng ta nếu nói rằng “người Nhật lịch thiệp, Tokyo là thành phố hấp dẫn” thì lại trở thành kẻ đáng chết? Tại sao chúng ta lại tin rằng tinh thần Nhật Bản là cái đã đàn áp, bắt chúng ta phải khuất phục? Có phải vì lòng tự ti sâu sắc rằng ta không thể khắc phục được những tàn dư của đế quốc Nhật?

Khi mọi người biết được sự thật rằng Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc - thành viên của Quốc tế Cộng sản, thì đã có rất nhiều lượt yêu cầu muốn được phỏng vấn nhà cách mạng nổi tiếng này. Hồ Chí Minh sẵn lòng cho họ thấy hình ảnh giản dị của mình.

Sainteny mở tiệc tại nhà và mời Albert Sarraut - người từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, đến tham dự. Khi nhìn thấy Hồ Chí Minh, Sarraut kêu lên:

- Chà! Là ông à! Ông già láu cá! Phải đến bây giờ tôi mới có thể tóm được ông. Phần lớn cuộc đời tôi chỉ để chạy theo ông đấy.

Sarraut ôm chặt Hồ Chí Minh, ca ngợi là bạn tốt và chỉ hỏi một câu: Trường Albert Sarraut ở Hà Nội vẫn còn chứ?

Hồ Chí Minh muốn gặp De Gaulle nhưng không thể được vì theo nguyên tắc của Pháp khi đã về hưu thì không được can thiệp vào các công việc của quốc gia.

Ngày 02/7, Hồ Chí Minh gặp Thủ tướng Bidault. Trong buổi tiệc chiêu đãi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bidault đọc lời hoan nghênh, đại ý: Chúng ta sẽ làm việc cùng nhau một cách thành thật, vì chúng ta đều tin theo chủ nghĩa nhân đạo, mà nhân đạo đó là cái nền tảng mà những nhà triết học Đông phương và Tây phương xây đắp mối quan hệ giữa những người tự do, để tìm sự tiến bộ, đó là lý tưởng của tất cả các xã hội dân chủ.

Chắc rằng chúng ta sẽ gặp nhiều sự khó khăn. Nhưng chúng ta sẽ đối phó với những sự khó khăn một cách thật thà với một lòng kiên quyết để chinh phục nó... Chúng ta sẽ tránh những cái gì không hợp với công lý và không hợp với ích lợi chung.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc đáp từ cảm ơn Chính phủ và nhân dân Pháp đã đón tiếp Người rất ân cần, nồng nhiệt. Khi nói đến hội nghị giữa hai nước sắp tới, Người tin tưởng hội nghị có thể sẽ gặp nhiều khó khăn, song “sự thành thực và lòng tin cậy của hai bên sẽ vượt qua mọi điều trở ngại”. Người nhắc lại một nguyên tắc đạo đức mà triết lý phương Đông và phương Tây đều tán dương: “Mình chớ làm cho người những điều không muốn người làm cho mình”.

Do Pháp bầu cử nên Hội nghị Fontainebleau phải đến tận ngày 06/7 mới khai mạc. Đảng Xã hội Pháp thất bại trong cuộc bầu cử, Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo là đảng giành chiến thắng và đây chính là bất lợi cho Việt Nam trong hội nghị này.

Hồ Chí Minh không tham dự Hội nghị mà đi viếng mộ liệt sĩ vô danh. Ngày 14/7, Pháp tổ chức duyệt binh kỷ niệm Cách mạng Pháp. Với Hồ Chí Minh, người đã từng phê phán lực lượng vũ trang của Pháp, thì đó quả là sự mỉa mai của lịch sử.

Đại biểu Pháp nói không thể thừa nhận độc lập của Việt Nam, còn Phạm Văn Đồng cho rằng việc tách riêng Nam Kỳ ra thành một quốc gia độc lập là điều tuyệt đối không thể được. De Gaulle mặc dù đã nghỉ hưu và không được tham dự vào các công việc của quốc gia, nhưng lại bất ngờ xuất hiện vào ngày 27/8 và đưa ra tuyên bố chấn động: “Liên hiệp

các quốc gia thuộc địa được khai hoá đến với thế giới văn minh sẽ làm cho nước Pháp trở thành một cường quốc. Nếu như không có các quốc gia thuộc địa như vậy, nước Pháp không thể nào trở thành cường quốc”. Tuyên bố trắng trợn này đã làm tan biến mọi khả năng đối thoại. Hội nghị chính thức tan vỡ.

Ba ngày sau, phái đoàn Việt Nam lên đường về nước. Để cứu vãn hòa bình, Hồ Chí Minh đã chủ động gặp Thủ tướng Pháp Bidault và trực tiếp đàm phán với Bộ trưởng thuộc địa Pháp Marius Moutet, trong ngày 14/9, hai bên cùng nỗ lực hoàn thiện văn bản chính thức cuối cùng.

Đại diện Chính phủ Pháp, Sainteny kể lại: “Hồ Chí Minh không về cùng với đoàn Việt Nam. Ông tỏ rõ thái độ muốn đi tới cùng. Cũng như Marius Moutet, ông muốn tránh sự đổ vỡ và đã cùng ký với Moutet bản Tạm ước nhằm cứu vãn tình hình. Tuy vậy, ông vẫn lo ngại điều tồi tệ nhất sẽ xảy ra. Ông thấy trước khả năng có thể bùng nổ xung đột vũ trang và đã nói với tôi bằng thái độ kiên quyết: Nếu cần phải chiến đấu, chúng tôi sẽ chiến đấu. Một người các ông có thể giết chết mười người chúng tôi. Mười người chúng tôi sẽ giết một người của ông. Nhưng cuối cùng, chính các ông sẽ là người nản lòng bỏ cuộc”.

1 giờ sáng ngày 15/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng thuộc địa Pháp Moutet đã ký một văn bản gồm 11 điều khoản mà về sau gọi là Tạm ước 14/9 với

cam kết hai bên sẽ tiếp tục đàm phán, cùng ấn định thể thức trung cầu dân ý và bảo đảm các quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ.

Hồ Chí Minh lấy lý do không quen đi máy bay để yêu cầu về nước bằng tàu thủy. Ông từ Paris đến Toulon để lên chiến hạm Dumont d'Urville về Việt Nam.

Ngày 22/9, trên chiến hạm Dumont d'Urville, Hồ Chí Minh viết thư trả lời bà Chossis (Hội Liên hiệp phụ nữ Pháp). Người bày tỏ sự cảm thông đối với những người mẹ, những người phụ nữ Pháp có con, có chồng, có anh em và những người thân, bạn bè hiện đang làm quân dịch ở Đông Dương và kêu gọi: “Hỡi các bà mẹ Pháp! Tôi kêu gọi tinh thần yêu nước cao quý và tình mẫu tử của các bà. Các bà hãy giúp chúng tôi ngăn chặn những sự hiểu lầm và mau chóng gây dựng mối tình hữu nghị và tinh thần hòa hợp giữa các con em chúng ta. Và các bà sẽ nhận được tấm lòng biết ơn của người con không chỉ của thanh niên Pháp mà cả của thanh niên Việt Nam”.

Ngày 18/10, chiến hạm Dumont d'Urville đưa Hồ Chí Minh vào vịnh Cam Ranh xinh đẹp.

Ngày 23/10, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về. Sau khi nêu rõ mục đích, ý nghĩa và kết quả của chuyến đi Pháp, Người đề ra những nhiệm vụ cấp bách trước mắt và kêu gọi toàn dân đồng tâm nhất trí với Chính phủ, ra sức tổ chức, ra sức công tác,

tăng cường đoàn kết, mở mang kinh tế, xây dựng nước nhà, thực hành đời sống mới,...

Ngày 20/11/1946, nhân dân Hải Phòng tổ chức biểu tình phản đối các nhân viên hải quan Pháp tại thành phố. Để giải quyết tình hình, Hồ Chí Minh đề nghị phía Pháp phương án nhân sự hỗn hợp Việt - Pháp trong các cơ quan hải quan nhưng phía Pháp kiên quyết từ chối. Ngày 22/11, tướng Jean Étienne Valluy, Tư lệnh Pháp tại Đông Dương, đánh điện ra lệnh cho Đại tá Dèbes, Tư lệnh quân đội Pháp tại Hải Phòng, bằng mọi giá phải giành quyền làm chủ Hải Phòng. Tối ngày 23/11, Dèbes huy động 3 chiến hạm nã pháo vào Hải Phòng. Sau đó, Paul Mus (cố vấn chính trị của tướng Leclerc) thông báo với đô đốc Battet rằng vụ pháo kích đã khiến rất nhiều người thiệt mạng, chủ yếu là dân thường. Đây chính là sự kiện làm bùng nổ Toàn quốc kháng chiến ở Việt Nam.

Ngày 18/12, Hồ Chí Minh gửi một bức điện cho Thủ tướng Pháp Léon Blum với mong muốn tìm lại được sự ổn định. Bức điện có đoạn: “Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Ngài, chúng tôi sẽ chứng kiến chính sách của Đảng Xã hội Pháp và cá nhân Ngài được thực thi ở Việt Nam, một chính sách tôn trọng những hiệp định hợp tác trung thực và hữu nghị...”. Người cũng nói rõ, bức điện ngày 15/12 là “nhằm chuẩn bị một bầu không khí thuận lợi cho những cuộc đàm phán quyết định như đã dự kiến về sau”, và “tin chắc rằng việc

cử một phái đoàn Quốc hội Pháp sang Việt Nam mang tinh thần hữu nghị của nhân dân Pháp tới nhân dân Việt Nam và để nắm bắt tình hình tại chỗ sẽ góp phần đáng kể vào việc tạo ra bầu không khí tin tưởng và hữu nghị đó...".

Ngày 17/12, thực dân Pháp cho xe phá các công sự tại Hà Nội. Ngày 18/12, Pháp gửi tối hậu thư đòi chiếm Sở Tài chính và nhà viên Giám đốc Sở Giao thông; đòi Việt Nam phá bỏ công sự và vật chướng ngại trên đường phố.

Chiều ngày 18/12, chúng lại gửi tối hậu thư đòi được quyền kiểm soát Thủ đô và đe dọa đến sáng 20/12, những điều đó không được chấp nhận thì quân Pháp sẽ chuyển sang hành động.

Sáng 19/12/1946, thực dân Pháp gửi tiếp cho Chính phủ của Hồ Chí Minh một tối hậu thư đòi tước vũ khí của tự vệ, đòi đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến và để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ trật tự trong Thủ đô Hà Nội.

Cho tới lúc này, Hồ Chí Minh vẫn thông qua Sainteny đề nghị phía Pháp cùng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "tìm một giải pháp cải thiện bầu không khí hiện tại". Thực dân Pháp khước từ đề nghị đó.

Trưa ngày 19/12, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương điện cho các chiến khu và tỉnh ủy, chỉ thị "Tất cả hãy sẵn sàng!".

Lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam phát tín hiệu bắt đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.



Đêm cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”:

“Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước”.

Hồ Chí Minh không thể biết chắc chắn cuộc kháng chiến vô cùng khó khăn của nhân dân Việt Nam kéo dài đến bao giờ, nhưng Người khẳng định: “Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm!”.

“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh như lời hịch tiến công, thôi thúc, giục giã

toàn dân Việt Nam đứng dậy cứu nước. Nước Pháp của những cuộc kháng chiến anh hùng chống lại phát xít Đức bỗng chốc phơi bày bộ mặt chủ nghĩa đế quốc dã thú; chính thức sập vào cái bẫy chiến tranh mà bằng sức mình không thể nào giải thoát.

## **6. Một mùa đông dài đợi mùa xuân sang**

Trong tác phẩm *Phục sinh* nổi tiếng của mình, đại văn hào Lev Tolstoy đã viết: “Dù cho mấy chục vạn con người chen chúc nhau trong một vùng chật hẹp, có tàn hủy đến mấy mảnh đất họ đang giày xéo dưới chân; dù cho họ có lấy đá lát kín đi để không một mầm non nào hồng trời lên được; dù cho họ vật kỳ hết từng ngọn cỏ mới nhú; dù cho họ phạt trụi cây cối đuổi hết chim muông, mặc, mùa xuân vẫn cứ là mùa xuân...”.

Đúng vậy! Mùa xuân Việt Nam nhất định sẽ tới!

Giữa lúc khí thế tổng khởi nghĩa kháng Nhật đang dâng trào, công việc bận bịu, Hồ Chí Minh bỗng bị ốm nặng, lúc tỉnh lúc mê. Tỉnh dậy sau cơn sốt, Hồ Chí Minh chỉ nói chuyện tình hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Trong hồi ức của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, khoảng trung tuần tháng 12/1946, khi biết tin quân Pháp đang được chuyển gáp về cảng Mácxây để xuống tàu

sang Đông Dương, sau một cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, khi mọi người đã ra về, Hồ Chí Minh có hỏi ông:

- Nếu địch mở rộng chiến tranh trên miền Bắc, Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Võ Nguyên Giáp thưa rằng:

- Có thể giữ được một tháng.

Người lại hỏi:

- Các thành phố khác thì sao?

- Các thành phố khác thì ít khó khăn hơn.

- Còn vùng nông thôn?

- Vùng nông thôn nhất định ta giữ được.

Người suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Vậy ta trở lại Tân Trào.

Sau khi các cơ quan Trung ương đã rời mặt trận Hà Nội, Bộ Chỉ huy Pháp mới mở cuộc hành binh lớn vào khu vực này. Nhưng họ không hay biết Hồ Chí Minh đang trở lại Tân Trào.

Năm 1950, quân và dân Việt Nam chuẩn bị tiến công quân Pháp, giải phóng biên giới Việt - Trung. Hồ Chí Minh quyết định đi thăm mặt trận. Dưới đây là câu chuyện kể về chuyến đi thăm này của Người:

“Để Bác đi đỡ mệt, chúng tôi làm một chiếc cáng. Gọi là “cáng” cho oai, chứ sự thật chỉ là một tấm vải thô, hai đầu cột chặt vào một đoạn tre, một người có thể nằm để hai người khiêng. Nhưng Người bảo thôi không dùng đến.

Người cùng chúng tôi đi bộ từ Phủ Chủ tịch ở Tuyên Quang đến mặt trận biên giới, rồi đi ngược đến tỉnh lỵ Cao Bằng, công việc xong lại trở về Tuyên Quang.

Xin thưa rằng, trong câu chuyện này nhiều danh từ chỉ có nghĩa thô sơ thôi. Như “Phủ Chủ tịch” chỉ là một túp nhà sàn, bốn bề không phen, không vách làm ở trong rừng, xây dựng một ngày là xong; ở vài tháng rồi lại dời đi nơi khác.

Đối với chúng tôi, cuộc đi này thật vất vả, nhưng cũng thật thú vị.

Đi theo Bác có: một tiểu đội bảo vệ, một thầy thuốc - bác sĩ Chân, đồng chí Thành và tôi, T. Lan. Muốn đi nhanh, Bác cho đội bảo vệ đi trước vài mươi phút, rồi Bác và ba anh em chúng tôi đi sau.

Để tránh máy bay địch, chúng tôi khi thì đi ban đêm, khi thì đi đường rừng. Sáng dậy đi thật sớm. Đến trưa, hễ gặp một ngọn suối trong, có cây cao bóng mát, có những tảng đá to, thì Bác bảo dừng lại. Giờ cơm nắm ra ăn với “thịt Việt Minh” (một cân thịt vằm với một cân muối và một cân ớt). Ăn xong, mỗi người nằm nghỉ lưng trên một tảng đá, tha hồ mà “vui thú lâm tuyền”. Nghỉ một tiếng đồng hồ, rồi lại tiếp tục đi.

Phần thì để giữ bí mật, phần thì không muốn làm phiền đồng bào, mỗi tối, chúng tôi thường đóng quân ở một ngôi đình, ngôi chùa, hoặc một cái lán bỏ hoang. Mấy đóng lá cây,

phủ thêm mấy tấm vải bạt, ở giữa đốt bếp lửa, thế là thành “hành doanh” của đội “phụ tử binh”<sup>1</sup> chúng tôi.

Tôi còn nhớ một lần đi đêm, trời đã khuya, thì may gặp một cái quán làm bằng vải tấm tranh cột trên bốn cái cọc tre. Ban ngày, đồng bào miền núi thường đưa chuối, sắn, mía, khoai, v.v. treo vào đó. Khách qua đường ai muốn ăn thì cứ ăn, ăn hết bao nhiêu, khách tự tính giá cho phải chăng và tự bỏ tiền vào một cái ống nứa để sắn ở đó. Tối đến, chủ quán ra thu dọn số hàng còn lại và lấy tiền về, không bao giờ thâm vào vốn. Trước quán có một cái “ghế dài” làm bằng một đoạn cây to và cong queo, gác trên hai chữ X bằng nứa để cho khách ngồi. Bác đặt ba lô xuống, ghé lưng vào ghế, hai chân hai tay giữ lấy ghế cho khỏi ngã... Một lát sau, Người đã ngủ ngon!

Có đêm, đang đi giữa đường thì nghe máy bay địch ném bom phía trước và phía sau, như chúng muốn chặn đường mình. Nhưng kinh nghiệm cho biết rằng chúng chỉ ném lung tung để phá đường giao thông và dọa các đội vận tải của ta.

Hôm nào trời nắng ráo, thì vừa đi vừa “ngoạn thủy, du sơn” cũng thích. Nhưng hôm nào trời mưa to thì cũng khổ thật. Các toán vất “lợi dụng thời cơ” mà tấn công chúng tôi; thêm vào đó là đường trơn, gió rét. Tình cảnh ấy khiến tôi nhớ lại câu đối mà cha tôi thường đọc:

---

1. Nghĩa là tướng sĩ một lòng.

*“Đi đường đất thịt trơn như mỡ  
Ngồi gốc cây da rét tận xương”.*

Có những đoạn đường đất đỏ, bùn lút mắt cá, đi một bước, trượt hai bước. Bác bảo rút dép cao su ra, xắn quần quá đầu gối, tay thì chống gậy mà đi. Trong mấy anh em chúng tôi, bác sĩ Chân đi kém nhất, mà lại có nhiệm vụ phải đi theo kịp Bác. Nhiều khi đồng chí ấy muốn nghỉ chân, nhưng không dám nói. Một buổi sáng, mưa như đổ trên trời bị vỡ, sau khi đi được vài tiếng đồng hồ thì thấy mấy mái nhà nhấp nhô dưới rừng cây cổ thụ. Nỗi lòng không nín được nữa, bác sĩ ta bèn thốt ra một tiếng, chỉ một tiếng thôi: “Nhà!”.

Người cười và bảo: “Đúng rồi! Đó là lán của các anh em vận tải đấy...”. Chúng tôi hiểu ý Người, nhìn nhau cười thầm.

Đến đường số 4, đồng chí Tổng Tư lệnh đưa một chiếc xe díp ra đón. Chúng tôi đã mừng và khê bảo nhau: “Bây giờ khỏi cuộc bộ rồi!”. Không ngờ Người bảo đồng chí cán bộ “đưa xe về cho bộ đội dùng chở tiếp tế. Bác đi bộ quen rồi, không cần đi xe”.

Trên đường đi, Bác thường ghé thăm một cách bất thành hình đồng bào các bản làng và các đơn vị bộ đội. Anh em chiến sĩ và cán bộ thấy Bác đến một cách đột ngột, đầu thì ngơ ngác, rồi thì mừng quýnh lên, reo hò, nháy nhót, quây quần lấy Bác, có khi quên cả trật tự. Sau khi xem tận nơi bếp nấu, chỗ ở, công tác vệ sinh, Bác thân mật hỏi thăm sức khỏe mọi người, dặn dò,

phê bình, khuyến khích mấy lời như cha nói với đàn con rồi lại tiếp tục đi.

Chúng tôi được biết rằng sau những cuộc đến thăm “du kích” của Bác, kết quả là về tinh thần thì bộ đội thêm phấn khởi hăng hái; về vật chất thì anh em càng thêm ngăn nắp và càng chú ý công tác vệ sinh.

Trong chiến dịch này, bộ đội ta tỏ ra rất anh dũng, điều đó ai cũng biết. Ở đây tôi chỉ muốn nói thêm rằng nhân dân ta cũng anh dũng vô cùng. Đồng bào các dân tộc đi dân công không quản dãi nắng dầm mưa, không quản trèo đèo lội suối, không quản máy bay địch uy hiếp suốt ngày, họ luôn luôn vui vẻ, làm tròn nhiệm vụ. Một hôm, trời vừa hửng sáng, Bác ghé thăm một xóm ở gần đường. Ngoài đồng ruộng thấy mấy trăm chị em dân công, Kinh có, Tày có, Nùng có, Mán có... Người thì vừa nhóm bếp nấu cơm, vừa chuyện trò vui vẻ. Người thì chụm năm chụm ba, đang ngồi dựa lưng vào nhau mà ngủ. Bác hỏi mấy chị đang nhóm lửa: “Các cô cả đêm ngồi ngủ ngoài trời như vậy sao?”.

Các chị trả lời: “Vâng ạ, nhà đồng bào chật, chỉ đủ chỗ để chứa lương thực của bộ đội cho khỏi ướt. Các cháu ngủ ngoài đồng thế này càng vui...”.

Bác ôn tồn khen ngợi chị em, rồi bảo chúng tôi: “Bộ đội ta dũng cảm như vậy, nhân dân ta dũng cảm như vậy, ta nhất định thắng, địch nhất định thua”.

Lời nói của Bác đã thành sự thật. Trận ấy ta thắng to, tiêu diệt được nhiều địch, giải phóng được biên giới, bắt được ba tên quan năm.

Ta tạm giữ ba tên quan năm này trong những hang núi, Bác hoá trang làm một cán bộ mới bị thương, lấy vải băng che tóc, che râu, rồi đến hỏi chuyện chúng. Tên quan năm thầy thuốc tỏ vẻ hối hận và nói: “Thôi thôi! Tôi chán ngấy chiến tranh lắm rồi. Chính phủ Pháp đã tuyên truyền láo toét. Chúng nói Việt Minh chỉ là một nhóm phiến loạn, không có quần chúng ủng hộ... Bây giờ tôi thấy rõ rồi. Nếu được tha về, tôi sẽ nói hết sự thật cho nhân dân Pháp biết...”.

Tên quan năm Lopado kéo quân từ phía Lạng Sơn lên hòng cứu toán quân địch từ Cao Bằng chạy xuống. Nhưng đến nửa đường thì đoàn quân của y bị đánh tan và y bị ta tóm cổ. Anh chàng này, nói phô, kín đáo. Nhìn ra những đội dân công của ta, hàng nghìn người kìn kịt gánh lương thực và đạn dược, liên tiếp nhau trên đường như những con rồng dài uốn khúc, y nói với một giọng buồn bã: “Tôi nhận đó là lực lượng đã làm cho các ông thắng lợi”. Bác nói: “Ông nói đúng. Đó chính là lực lượng đã làm cho các ông thất bại”.

Tên quan năm Sác tông, chỉ huy quân Pháp ở Cao Bằng, vừa bỏ tỉnh lỵ kéo cả tiểu đoàn định chạy về xuôi, đến nửa đường cũng bị ta đánh tan và bắt được cả. Y là một tên phát xít hạng nặng. Vừa gặp Người, nó than phiền ngay: “Chà! ông nghĩ, mấy hôm liền, râu không



được cạo, giày không được đánh bóng...". Nó nói tiếp: "Nếu còn có Thống chế Pétan cầm quyền ở Pháp, thì chắc không xảy ra cuộc chiến tranh này. Nếu có chiến tranh thì quân đội Pháp cũng không đến nỗi thất bại...".

Bác không ngắt lời nó, mời nó hút thuốc và ôn tồn khơi cho nó nói. Cuối cùng nó cũng phải nhận rằng chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, thực dân Pháp đã thua, quân đội ta thắng. Rồi nó nói thêm: "Như thái độ của ông, thì tôi có thể nói chuyện. Còn các cán bộ trẻ tuổi của ông muốn thuyết phục tôi, thì thuyết phục sao được...".

Sau khi đã xem xét các vùng Đông Khê và Thất Khê, Bác lên thăm thị xã Cao Bằng mới được giải phóng, dặn dò cán bộ những công việc cần phải làm, rồi lại trở về Tuyên Quang.

Trong những ngày đi đường, Bác dạy chúng tôi học những đoạn *Kim Vân Kiều* và *Chinh Phụ Ngâm*, hoặc kể chuyện đời xưa, chuyện tiểu lâm. Vừa đi vừa ngâm nga nói cười như vậy làm cho mọi người khuây khoả, đi đường xa nhưng quên mệt mỏi. Cũng có khi Bác kể chuyện cho chúng tôi nghe."<sup>1</sup>...

---

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 7-12.

## ***Chương VIII***

# **ĐIỆN BIÊN PHỦ**

### **1. Chiến tranh nhân dân**

David tí hon chỉ với một cục đá đã đánh bại gã khổng lồ Goliath. Phải chăng là thần thoại hay là kỳ tích.

Chúng tôi thăm quan nhà Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam không đầy 2 giờ đồng hồ vì phải còn đi Điện Biên - nơi tạo nên kỳ tích và thần thoại phiên bản hiện đại. Điện Biên là một tỉnh miền núi ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Nhìn trên tấm bản đồ, tỉnh Điện Biên cách Hà Nội khoảng 300 km theo đường chim bay, nhưng nếu đi đường bộ phải đi chừng 500 km. Tôi rất hồi hộp: liệu mảnh đất xa xôi này đã để lại bài học lịch sử gì?

Ở Việt Nam, nếu quãng đường không quá xa thì chủ yếu đi bằng máy bay cánh quạt loại nhỏ. Vừa ra khỏi địa phận Hà Nội, tôi cúi nhìn qua cửa sổ chỉ thấy toàn núi là núi, vô số đường lằn giữa các thung lũng hẹp nối tiếp nhau, chỉ thấy một màu xanh thẫm của núi rừng. Xen giữa đó là con sông chảy ngoằn ngoèo như một con rắn. Qua núi là sông, vượt sông lại là núi.

Theo lời kêu gọi của Đảng, cả dân tộc Việt Nam hùng hực khí thế ra trận, từ vùng tự do đến vùng địch hậu, từ hậu phương tới tiền tuyến, miền núi và miền xuôi, dù là già hay trẻ, gái hay trai.

Những ai đã từng sống dưới thời thực dân ắt thấu hiểu sự bóc lột của “nước Pháp văn minh” quái ác như thế nào. Nền thống trị của những kẻ kế thừa Cách mạng Pháp (1789) từng đề cao khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” là hết sức dã man, tàn bạo: đầu độc các thuộc địa của nó bằng rượu, thuốc phiện, mại dâm và gieo rắc nghèo đói, lụn bại và chết chóc cho người dân bản xứ. Thời kỳ đó, chúng lập nên hàng nghìn, hàng trăm ty rượu và thuốc phiện cho một nghìn làng trong khi chỉ có mười trường học cũng cho bấy nhiêu làng.

Giấc mơ về cuộc sống được bảo trợ của “nước Pháp văn minh” tất cả chỉ là một màu đen tăm tối.

Với sự “hà hơi” tiếp sức của Mỹ, Pháp đã biến cứ điểm Điện Biên Phủ thành bàn đạp cho cuộc thập tự chinh về hệ tư tưởng chống cộng quy mô thế giới, nhưng nhân dân Việt Nam không cần biết tư tưởng chống cộng ấy là gì. Bởi nền độc lập và tự do của dân tộc còn quan trọng hơn cả cái hệ tư tưởng ấy, nó là tình cảm, được cảm nhận bằng trái tim hơn là lý trí. Hơn thế, lòng tự tôn dân tộc của người Việt Nam là thứ tình cảm vô cùng sâu sắc. Những người con đất Việt, con cháu của Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo,... không bao giờ thờ ơ trước bi kịch của dân tộc.

Máy bay của chúng tôi bay không đầy một tiếng thì Điện Biên Phủ - vùng đất hình bầu dục núi non hiểm trở vây quanh bốn phía, đã hiện ra. Cánh đồng xanh trải ra trên lòng chảo thanh nhã với làng mạc đỏ đây. Quy mô bằng một xã, phường của Hàn Quốc.

Năm 1954, lịch sử thế giới đã ghi lại cuộc chiến tranh quyết liệt giữa thực dân Pháp và Việt Nam tại khu vực này bằng thắng lợi vĩ đại, lẫy lừng của một nước nhược tiểu. Việc quân đội Pháp được Mỹ “hà hơi”, tiếp sức phải khuất phục trước quân đội Việt Nam - quân đội của một nước châu Á, là sự kiện đầu tiên trong lịch sử hàng trăm năm của đế quốc phương Tây.

Có ý kiến cho rằng, sức mạnh văn minh khoa học phương Tây luôn ở thế áp đảo so với sức mạnh tinh thần phương Đông. Tuy nhiên, chiến thắng chấn động của Việt Nam trước thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ đã đánh dấu chấm hết cho chủ nghĩa thực dân.

Cuộc chiến tranh Việt Nam không phải là cuộc chiến tranh giành lãnh thổ mà là cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc do nhân dân Việt Nam tiến hành. Quân đội nhân dân Việt Nam là tập hợp đông đảo những người công nhân, nông dân, trí thức dũng cảm vốn xuất thân “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng viết: “Chiến lược chiến tranh của chúng tôi không phải chỉ liên quan đến những công việc

thuần túy quân sự, chiến tranh phải là một chiến lược tổng thể kết hợp nhiều yếu tố khác nhau. Mục đích chính trị là căn bản. Quân đội không phải chỉ có nhiệm vụ chiến đấu, mà phải tuyên truyền, giáo dục dân chúng. Như vậy, mọi người đều là lính. Tất cả mỗi làng, mỗi quận (huyện) là một pháo đài và cả nước chúng tôi là một chiến trường rộng lớn. Chúng tôi tập trung lực lượng ở vùng này hay vùng khác tùy thuộc vào điều kiện chính trị chiếm ưu thế từng thời kỳ trong từng giai đoạn. Điều này là một nguyên tắc chiến lược rất quan trọng để tiến hành chiến tranh toàn dân..."<sup>1</sup>.

Trong cuốn tiểu thuyết *Áo trắng* của nhà văn Nguyễn Văn Bổng đã tái hiện một cách sinh động phong trào yêu nước, phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm của giới trí thức đô thị miền Nam Việt Nam trong những năm 1959-1961, có đoạn: "Dù ai cũng nghĩ là năng lực của con người sẽ bị bóp chết và ta không thể làm gì hơn, thì việc phát huy cái sức mạnh không tưởng để chiến thắng ý nghĩ ấy thôi cũng đã là một kỳ tích".

Nếu nói "trong chiến thắng trận Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam đã phải vắt kiệt tinh thần, máu đổ thành sông, xương chất thành núi" thì cũng không có gì là quá. Chiến thắng kỳ tích này đối với phương Tây được xem là

---

1. Theo Cecil B. Currey: *Victory at any cost: the genius of Vietnam's Gen. Vo Nguyen Giap*, Washington DC, Brassey's, 1997.

một cú sốc, nhưng đối với thế giới thứ ba, nó tạo nên một cảm xúc mãnh liệt.

## **2. Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ**

Muốn được nhìn lại lịch sử sinh động như một cuốn tiểu thuyết không hề hư cấu, ngay khi vừa rời sân bay, chúng tôi liền tìm đến Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ. Đó là tòa nhà được thiết kế dạng hình nón cụt, phân trang trí xung quanh công trình được tạo hình như một tấm lưới nguy trang của chiếc mũ bộ đội Cụ Hồ.

Khác với bảo tàng ở Hà Nội, Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ nằm giữa trùng điệp núi non, khách nước ngoài đến thăm rất thưa thớt và yên tĩnh. Chúng tôi vừa vào trong nhà trưng bày bảo tàng thì đèn bật sáng và một chiếc quạt lớn được bật lên. Tại đây, người ta trưng bày khá nhiều tư liệu ảnh, phối cảnh không gian bằng các mô hình người, vật, đồ vật, cây cối. Anh Việt - phiên dịch của đoàn chúng tôi, dịch lại lời của hướng dẫn viên bảo tàng:

“Quý vị đang ở tại nhà Bảo tàng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Nhà bảo tàng được xây dựng trên khuôn viên khu đất của Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ cũ (xây dựng năm 1984 nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ). Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam nhìn nhận trận Điện Biên Phủ là trận quyết chiến chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Chủ tịch Hồ Chí Minh và

Đảng Lao động Việt Nam tin tưởng trao cho toàn quyền chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Bức ảnh này ghi lại cuộc gặp mặt chúc mừng sau chiến thắng chiến dịch Điện Biên Phủ. Còn đây là bức ảnh trao huân chương cho chiến sĩ đã bắt tướng De Castries. Đây là lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi ra mặt trận ngay trước khi chiến dịch chính thức bắt đầu.

Trước năm 1946, chúng tôi chiến đấu bằng những thứ vũ khí này. Sau năm 1946, quân đội chúng tôi cũng chế được bom và súng như thế này... Đây là hình ảnh các tướng lĩnh Mỹ, Pháp, Anh đi thị sát 49 pháo đài kiên cố. Tướng De Castries trực tiếp dẫn các tướng lĩnh Mỹ thị sát Điện Biên Phủ. Ông ta đã cố xây dựng Điện Biên Phủ thành một pháo đài “bất khả xâm phạm”, một “pháo đài mạnh nhất chưa từng có ở Đông Dương”. De Castries còn cho máy bay rải truyền đơn khiêu khích, thách thức quân đội Việt Nam tấn công. Người Pháp muốn đặt một cái bẫy hiểm ác để nhử quân đội Việt Nam vào nhưng chính họ lại đưa mình vào bẫy.

Tháng 5/1953, Navarre được lệnh chuyển vị trí từ NATO sang vị trí Tổng Tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và được phái tới Việt Nam. Khi Navarre lần đầu nắm quyền chỉ huy, ông ta đi lại rất nhiều để đánh giá thực tế về tình hình quân sự ở Đông Dương, lập ra một kế hoạch mang tên chính ông ta - “Kế hoạch Navarre”.

Năm 1953 cũng là năm Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu tiến hành thực hiện chương trình cải cách ruộng đất nhằm phân chia lại ruộng đất nông thôn, xóa bỏ văn hóa phong kiến, tiêu diệt các thành phần “phản quốc”, “phản động”.

Kế hoạch tiến công Điện Biên Phủ ban đầu dự kiến là 3 ngày 4 đêm, theo phương án “đánh nhanh thắng nhanh”. Sau khi nắm được tình hình thực tế chiến trường, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi cách đánh, chuyển phương châm chỉ đạo tác chiến từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”.

Chúng tôi phải kéo pháo bằng sức người vào trận địa. Trên đường kéo pháo trở ra điểm tập kết, dây tời kéo pháo bị đứt, khẩu pháo dần tuột xuống dốc, chiến sĩ Tô Vĩnh Diện đã lấy thân mình chèn bánh pháo tránh để khẩu pháo lăn xuống vực. Còn đây là chiếc xe đạp thồ có thể di chuyển trên mọi con đường dù là hẹp nhất và có thể vận chuyển được từ 100 - 300kg hàng hóa nhờ gia cố thêm một số bộ phận để dễ dàng vận chuyển. Đây là hình ảnh các chiến sĩ đang đào các chiến hào đến tận chân pháo đài địch.

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra trong 56 ngày đêm, chia ra làm ba đợt tiến công: Đợt thứ nhất, Quân đội nhân dân Việt Nam tiêu diệt phân khu Bắc của tập đoàn cứ điểm; đợt thứ hai đánh phân khu Trung tâm và đặc biệt là dãy điểm cao quan trọng phía đông; đợt thứ ba là đánh



dứt điểm dây đồi phía đông và tổng tiến công tiêu diệt các vị trí còn lại.

Đợt thứ nhất bắt đầu bằng trận đánh lúc 17 giờ 05 phút chiều 13/3/1954. Đến 23 giờ 30 phút đêm, quân đội Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt trung tâm đề kháng Him Lam. Anh hùng Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai. Trong trận đồi Độc lập, một chỉ huy pháo binh cứ điểm Pháp, sau hai đêm không thực hiện được lời hứa bịt miệng các họng pháo của Việt Minh, đã tự sát trong hầm của mình bằng một trái lựu đạn.

Đợt thứ hai diễn ra trong 30 ngày, từ ngày 30/3 đến ngày 30/4. Bộ đội chúng tôi vây lấn đào hào cắt ngang cả sân bay. Phần lớn số dù hàng tiếp tế cho lính Pháp “roi lạc” sang trận địa Việt Minh. Tình cảnh của quân Pháp ngày càng bi đát và đi đến cùng cực. Đây là bệnh viện dã chiến trong hầm. Đây là những loại hàng hóa mà Trung Quốc đã chi viện cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,...

Đây là áo của những người đào hầm. Chiếc xe cút kít này của một người đàn ông ở Thanh Hóa. Do nhà nghèo không có phương tiện vận chuyển lương thực, ông đã tự mình đóng chiếc xe. Đóng đến phần bánh thì thiếu gỗ, ông đã dõ bàn thò để ghép lại thành bánh. Đây là Mệnh lệnh Tổng công kích Điện Biên Phủ. Khối bộc phá gần 1.000 kg phát nổ lúc 20 giờ 30 phút ngày 06/5/1954 trên đồi A1 là hiệu lệnh Tổng công kích của Bộ chỉ huy chiến dịch cho

các đơn vị trên chiến trường Điện Biên Phủ. 5 giờ 30 phút chiều, toàn bộ quân địch tại khu trung tâm đã đầu hàng. Đã bắt sống được tướng De Castries. Đây là chiếc bồng tằm thu trong hầm tướng De Castries ngày 07/5/1954”.

Năm 1947, Mỹ viện trợ cho Pháp 3 tỉ đôla theo Kế hoạch Marshall và Pháp đã dùng một phần viện trợ đó vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Sự tàn nhẫn và hung bạo của các cường quốc đế quốc “mặc cả” trên vận mệnh của các nước nhược tiểu như thế phân chia một loại chiến lợi phẩm thật dã man biết chừng nào!

Tháng 10/1949, khi quân đội của Mao Trạch Đông hoàn thành thống nhất đại lục Trung Quốc, Mỹ đã viện trợ một khối lượng vật chất đáng kể cho Pháp hòng giành thắng lợi trong chiến tranh Việt Nam. Viện trợ của Mỹ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong ngân sách của Pháp ở Đông Dương. Từ năm 1950 đến năm 1954, tổng số viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương đã vượt quá 3,5 tỉ đôla.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam, tháng 02/1951, nói về cuộc trường kỳ kháng chiến của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phân tích về tương quan rõ rệt giữa lực lượng ta và địch. Lúc đó, có người nhút nhát cho rằng: cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là “châu chấu đấu voi”. Nhưng Người đã cả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng: “Nay tuy châu chấu đấu voi. Nhưng mai voi sẽ bị

lời ruột ra”. “Sự thật đã chứng tỏ rằng “voi” thực dân đã bắt đầu lời ruột...”.

Những kẻ làm chính trị của Pháp đã “bịt chặt tai” trước những lời này của Hồ Chí Minh, nhưng sau đó không quá ba năm, hình tượng ví dụ đó đã trở thành hiện thực hết sức rõ ràng. Đây là kỳ tích sáng tạo, biến cái không thể thành cái có thể và trong lịch sử nhân loại chưa có trường hợp nào tương tự.

Với những người đi xem bảo tàng, cuộc chiến của “châu chấu đấu voi” có thể là huyền thoại, là kỳ tích nhưng cái giá phải trả để đạt được điều đó thì không phải hoàn toàn dễ dàng mà là máu và nước mắt.

Trong suốt quá trình lãnh đạo kháng chiến, Hồ Chí Minh luôn chủ trương giải quyết cuộc chiến tranh bằng thương lượng hòa bình trong điều kiện có thể. Trả lời một nhà báo Thụy Điển ngày 26/11/1953, Người nêu rõ: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Chính phủ Pháp gây ra, nhân dân Việt Nam phải chiến đấu chống xâm lược để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hòa bình. Nếu thực dân Pháp cứ tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Về khả năng đàm phán, Người khẳng định: “Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

sẵn sàng tiếp ý muốn đó”; “... Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”.

Đến cuối năm 1953, Chiến tranh Đông Dương đã kéo dài 8 năm, quân Pháp lâm vào thế bị động trên chiến trường và hầu như không còn đủ sức chịu đựng gánh nặng của cuộc chiến tranh này. Được sự thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp bổ nhiệm Tổng Chỉ huy Henri Navarre sang Đông Dương tìm kiếm một chiến thắng quân sự quyết định để làm cơ sở cho một cuộc thảo luận hòa bình trên thế mạnh.

Kế hoạch Navarre được chia thành hai bước:

Bước thứ nhất, trong Thu - Đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, giành lấy nguồn lực và vật lực; xóa bỏ các vùng tự do, đồng thời đẩy mạnh mở rộng nguy quân, tập trung binh lực, xây dựng một đội quân cơ động chiến lược mạnh.

Bước thứ hai, từ Thu - Đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố gắng giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc Việt Nam phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho Pháp nhằm kết thúc chiến tranh.

Để thực hiện kế hoạch Navarre, thực dân Pháp tăng thêm ở Đông Dương 12 tiểu đoàn bộ binh đưa từ Pháp và

Bắc Phi sang, đồng thời xin tăng thêm viện trợ quân sự từ Mỹ, phát triển quân số nguy quân, đưa lực lượng này lên đến hơn 300 nghìn quân vào đầu năm 1954. Từ Thu - Đông 1953, Navarre tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ gần 50 tiểu đoàn quân cơ động, chiếm khoảng 1/2 tổng số tiểu đoàn trên toàn Đông Dương, tiến hành những cuộc càn quét nhằm bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi biên giới phía Bắc, mở các cuộc tiến công các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa,... để phá vỡ kế hoạch tiến công của Việt Nam.

Thủ tướng Pháp Joseph Laniel khi đó đã từng nhận xét: Kế hoạch của Navarre chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mỹ cùng tán thành. Nó cho phép hy vọng đủ mọi điều.

Cuối tháng 9/1953, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam họp bàn về kế hoạch quân sự trong Đông - Xuân 1953-1954.

Quán triệt nhiệm vụ tiêu diệt địch là chính, Việt Nam đưa ra phương hướng chiến lược trong Đông - Xuân 1953-1954 là: Tập trung lực lượng mở rộng những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp, giải phóng đất đai, đồng thời buộc Pháp phải bị động phân tán lực lượng đối phó với quân đội Việt Nam trên những địa bàn xung yếu, từ đó tạo ra những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực Pháp.

Ngày 10/12/1953, một bộ phận quân chủ lực Việt Nam tiến công thị xã Lai Châu, loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội địch, tỉnh Lai Châu được giải phóng.

Thắng lợi trong Đông - Xuân 1953-1954 là tiền đề quan trọng về vật chất và tinh thần cho quân và dân Việt Nam mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào, có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á nên quân Pháp cố nắm giữ.

Navarre tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Tổng số binh lực Pháp ở đây lúc cao nhất lên tới 16.200 quân, được bố trí thành ba phân khu: phân khu phía Bắc gồm một sở căn cứ; phân khu Trung tâm là nơi đặt sở chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu phía Nam cũng có trận địa pháo và sân bay. Cả ba phân khu có tổng cộng gần 50 cứ điểm.

Sau khi kiểm tra, thị sát, các tướng lĩnh Pháp, Mỹ đều cho rằng Điện Biên Phủ là “một pháo đài bất khả xâm phạm”.

Đầu tháng 12/1953, kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng Tư lệnh được thông qua, quân đội Việt Nam quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng tập trung quân Pháp, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo lợi thế để giải phóng Bắc Lào.

Trên các chiến trường toàn Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân Pháp, tạo điều kiện cho Chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

Tại mặt trận Điện Biên Phủ, bộ đội Việt Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 16.000 tên địch, trong đó có 1 thiếu tướng; hạ hàng chục máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí và các phương tiện chiến tranh.

Thắng lợi của Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Navarre, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của Việt Nam trên mặt trận ngoại giao.

### **3. Cao điểm A1<sup>1</sup>**

Trong trận Điện Biên Phủ, cao điểm A1 là nơi diễn ra trận chiến tấn công - phòng thủ quyết liệt nhất. Đó là một quả đồi cao chừng 30m, là hiện trường mà nhân dân châu Á đối mặt với nền thống trị của thực dân phương Tây trong 300 năm, giành thắng lợi quân sự rực rỡ nhất, nhưng quy mô lại rất nhỏ và thanh nhả ngoài dự kiến. Xung quanh đồi có hàng rào bao bọc, có đường để xe tăng lên xuống. Bên dưới có ba lớp rào thép gai đến nay vẫn còn. Trên đỉnh đồi có hàng chữ “A1” làm bằng bê tông cắm xuống đất. Hiện ở đây vẫn còn một chiếc xe tăng và

---

1. Việt Nam quen gọi là “Đồi A1” (N.D).

công sự phòng ngự của quân Pháp. Công sự được nối liền với hầm trong lòng đất.

Cô hướng dẫn viên nhà bảo tàng bước lên nơi có công sự và hầm ở trên đồi vừa thuyết minh rất chi tiết:

Đây là con đường đi lên cao điểm A1. Để chi viện cho cao điểm bên trong có một đường hầm nối với Sở Chỉ huy của tướng De Castries. Bên dưới cao điểm là 5 lớp hàng rào nay chỉ phục nguyên lại ba lớp, xung quanh là mìn.

Đây là boongke sĩ quan chỉ huy Pháp. Ngày 02/4, quân Pháp dùng hai xe tăng tiến công. Chúng tôi dùng súng nhỏ và đốt cháy các thùng nhiên liệu để ngăn chặn. Còn đây là bia tưởng niệm chiến sĩ đã chiến đấu với xe tăng. Họ là những chiến sĩ vô danh. Đến nay, vẫn chưa biết họ tên, quê quán.

Điện Biên Phủ là một thung lũng nhỏ, chỉ dài khoảng 20 km, rộng khoảng 6 - 8 km, xung quanh là những ngọn núi hiểm trở bao bọc. Chúng tôi ở trên núi. Quân Pháp đặt ở đây 2 sân bay, chở quân và vật tư chiến tranh bằng máy bay. Người Pháp nghĩ quân đội Việt Nam không có ô tô, không có máy bay thì không thể vào được. Thế mà quân đội Việt Nam đã vượt núi tiến vào và bằng đường hào đã cắt đứt trận địa của Pháp.

Từ ngày 26/4 đến 06/5, quân đội Việt Nam đã đào đường hầm từ quả đồi kia tới đây, với chiều dài 92m và mang đến gần một nghìn cân bộc phá, cho nổ tung trận địa



của Pháp, làm cho kẻ địch bất ngờ và hỗn loạn. Chỉ huy sở và 400 người khác bị bắt làm tù binh.

Đây là nơi chăm sóc thương binh của chúng tôi cách Sở Chỉ huy đồi A1 500m. Đây là cao điểm rất quan trọng, chốt chặn đường vào lòng chảo. Phải chiếm được cao điểm này mới vào được Sở Chỉ huy.

Đầu tháng 5/1954, cảnh buồn thảm bao trùm lên quân Pháp. Máu từ các xác chết nhuộm đỏ nước sông nên không tìm được ngay cả nước uống. Dù người bị thương chỉ sát trùng qua loa cũng phải xếp một hàng dài. Lúc này, quân đội Việt Nam đã tiến sát Sở Chỉ huy quân Pháp. Quân Pháp không còn sức lực để di chuyển, hơn nữa, đã mất tinh thần. Việc chiếm cao điểm A1 của quân đội Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

Leo chậm chậm lên cao điểm, ta có thể hiểu vì sao trận chiến đấu quyết liệt chưa từng có trong lịch sử nhân loại lại diễn ra ở đây. Dù quả đồi hơi thấp nhưng đứng trên cao điểm thì thấy toàn cảnh Điện Biên Phủ đập vào mắt. Từ cái lòng chảo này nhìn ra thì không còn nơi vào cao hơn.

Có 5 tuyến phòng ngự ở đồi phía Đông khu vực Mường Thanh, trong đó A1 là cứ điểm phòng ngự quan trọng nhất.

Nói khu vực Mường Thanh tức là nói đến lòng chảo Điện Biên Phủ. Cách 100m kể từ đỉnh cao điểm A1 có một vũng nước lớn giống cái miệng núi lửa nhỏ trên đường lên đảo Jeju với đường kính 30m, sâu chừng 7 - 8m.

Vì ngày 08/5/1954 sẽ khai mạc hội đàm về vấn đề Việt Nam ở Genève nên trước ngày 07/5 phải nắm cơ hội chiến thắng chắc chắn, nên thời gian đào hầm ngầm xuyên dưới Sở chỉ huy rất cấp bách. Cao điểm A1 bị đánh chiếm sau khi quân đội Việt Nam cho nổ gần một ngàn cân bộc phá. Chiều 07/5 lòng chảo hoàn toàn bị chiếm lĩnh. Trận kịch chiến 56 ngày đêm đã kết thúc.

#### **4. Tượng đài kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ**

Rời cao điểm A1, lên xe, chúng tôi đi về một ngọn đồi ở ngoại ô thành phố Điện Biên. Có một tượng đài ở trên đồi, xây bằng đá, nền lát cẩm thạch.

Có rất nhiều tượng đài ở khắp Việt Nam, nhưng trong những tượng đài tôi đã được chiêm ngưỡng, thì tượng đài này là hoành tráng nhất. Người hướng dẫn viên bắt đầu thuyết minh:

“Đây là bức tượng kỷ niệm chiến thắng. Năm 2004 là kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, còn tượng đài này dựng năm 2003. Tác giả là Nguyễn Hải, người được nhận giải triển lãm mỹ thuật toàn quốc. Đây là bức tượng đồng lớn nhất Việt Nam, nặng 220 tấn, cao 12,6m, bề ngang 3,6m. Trong bức tượng đồng hình ảnh gây ấn tượng sâu sắc nhất là em nhỏ ngồi trên vai người chiến sĩ. Đứa trẻ phải chăng là tượng trưng của tương lai. Tôi chợt nghĩ về ý nghĩa tạo hình đứa trẻ của dân tộc thiểu số, chủ nhân tương lai đất nước.

Có 54 dân tộc đang sống ở Việt Nam, với ngôn ngữ và văn hóa đa dạng. Các nhà nhân loại học văn hóa cho rằng, nhân chủng (giống người) của bán đảo Đông Dương bao gồm Việt Nam và văn hóa “Môzaik” là đa dạng nhất thế giới. Vì các dân tộc thiểu số đa phần sống ở vùng núi nên gọi là bộ tộc núi cao, bộ tộc lưng chừng núi và đồng bào cao nguyên (tiếng Anh là Highlander). Có dân tộc chỉ khoảng 100 người, đại bộ phận sống ở cao nguyên, tuy có chênh lệch về trình độ nhưng đại thể vẫn giữ được văn hóa truyền thống và không bị đồng hóa với dân tộc khác.

Vùng núi phía Tây Việt Nam (dãy Trường Sơn) trải dài từ Bắc xuống Nam là nơi xung yếu về quân sự - con đường tiếp tế nối liền Bắc - Nam. Các dân tộc thiểu số chiếm không quá 15% dân số, nhưng trong thời chiến giữ vai trò rất quan trọng.

Chính sách dân tộc của Chính phủ Việt Nam được định hình từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với ý niệm quốc gia là một khối thống nhất, bao gồm các dân tộc thiểu số. Nguyên tắc lớn nhất là tất cả các dân tộc đoàn kết nhất trí thực hiện quyền bình đẳng.

Chính phủ giúp xây dựng, phát triển văn hóa của các dân tộc, lấy tính chỉnh thể văn hóa làm nền tảng và tôn trọng văn hóa các dân tộc thiểu số. Đất đai vùng rừng núi và tài nguyên thiên nhiên là tài sản quốc gia. Chính phủ cố gắng nâng cao mức sống của người dân ở đó.

Ở Hà Nội, Nhà nước thành lập trường các dân tộc thiểu số trung ương, được trang bị tốt, đào tạo các giáo viên và cán bộ đảng phục vụ cho người dân tộc thiểu số và xây dựng cả những trường đặc biệt, dạy chữ quốc ngữ và các phương ngữ (ngôn ngữ địa phương) theo vần Anphabet hoàn chỉnh. Những nhân tài xuất sắc được gửi sang Liên Xô đào tạo.

Chính sách dân tộc thiểu số đã mang lại thành công lớn cho Hồ Chí Minh. Pháp và Mỹ lo sợ khối đoàn kết của quốc dân Việt Nam nên âm mưu chia rẽ làm tan rã sự đoàn kết của các dân tộc thiểu số - một trong những kế sách thâm độc của chủ nghĩa đế quốc phương Tây nhằm làm tan rã khối cộng đồng bản địa lâu đời.

Người Việt Nam trong sinh hoạt hằng ngày có thể thiếu sự hòa hợp với nhau, nhưng dù việc công hay việc tư, nếu chính danh thì họ sẽ hết lòng ủng hộ. Nếu là việc riêng thì lấy gia đình, người thân làm trung tâm, nếu là việc chung thì toàn dân sẽ bỏ cái riêng, cái ích kỷ, đoàn kết chặt chẽ, thể hiện sự hy sinh vì cộng đồng. Đặc trưng đa văn hóa, đa dân tộc được gắn kết với nhau như sợi dây xích vô hình, nhưng khi đứng trước đại nghĩa quốc gia nó kết tập lại thành một khối vô địch.

Trong trận chiến Điện Biên Phủ, tinh thần hy sinh mà dân tộc Thái ở đây đã phát huy là một minh chứng điển hình. Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam mà với tư cách là biểu trưng

của một sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử thế giới - công kênh lên cao em nhỏ người Thái - là sự độc đáo của người Việt Nam.

Chính sách dân tộc của Việt Nam - bằng tinh thần yêu hòa bình hơn sức mạnh quân sự, hình thành nên mối liên hệ vững chắc - xét ở điểm ấy - là tấm gương cho toàn thế giới.

Trên nền móng thống nhất ấy với câu nói chân thật của Hồ Chí Minh, cái gì cũng có thể “dân bất tín vô lập” (không có lòng tin của nhân dân không thể dựng nên đất nước). Lời vàng này là niềm tin của Hồ Chí Minh, là triết lý chính trị, là hạt nhân của sức mạnh lãnh đạo. Rất ít nhà lãnh đạo biết rõ hơn Hồ Chí Minh một sự thật “quyền lực là từ nhân dân mà ra”. Hồ Chí Minh trước khi lĩnh hội được chủ nghĩa cộng sản có lẽ đã nhận thức rõ điều này thông qua tư tưởng Nho giáo.

Người lãnh đạo chân chính là người không bỏ qua khát vọng của nhân dân, tôn trọng và thực hiện nó. Hồ Chí Minh là cái bình giữ nhiệt, giữ nóng khát vọng của nhân dân. Là người lãnh đạo chân thật. Khẩu hiệu của Người là nói phải dễ hiểu để người nông dân có thể hiểu được. Sức mạnh lãnh đạo là độc đáo sáng tạo, tinh tế, giản dị. Hồ Chí Minh có tất cả những đức tính tốt mà người lãnh đạo phải có hơn bất cứ nhà lãnh đạo nào. Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra kỳ tích, biến lời nguyện rửa thành câu chúc phúc. Sức mạnh lãnh đạo

của Người có tầm ảnh hưởng mà những nhân vật vĩ đại của thế kỷ XX như Gandhi, Mao Trạch Đông cũng khó mà theo kịp.

## **5. Phất cờ thắng lợi**

Ở Việt Nam, những ghi chép về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ kéo dài 30 năm thật nhiều vô kể. Những bức ảnh chứa đựng sự rùng rợn của chiến tranh, những nỗi niềm buồn thương và cảm động không thể biểu hiện bằng lời, hình ảnh con người xấu xa như cầm thú, tình yêu của con người, những cảm nhận sục sôi, cảnh sinh hoạt thời chiến gian khổ, cho đến niềm vui tất thắng... đều có ở khắp nơi.

Trong số những hình ảnh ấy, nếu bảo tôi hãy chọn một bức ảnh tượng trưng cho chiến thắng thì tôi sẽ chọn hai tấm ảnh tư liệu. Một là hình ảnh chiếc xe tăng cắm lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam húc đổ chiếc cổng sắt của Dinh Độc Lập lúc 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975 và hai là hình ảnh hai chiến sĩ cầm súng trên hầm chỉ huy ở Điện Biên Phủ lúc 5 giờ 30 phút chiều ngày 07/5/1954, đứng giữa là một chiến sĩ đang phất cao lá cờ đỏ sao vàng.

Lá cờ hình chữ nhật, nửa đỏ, nửa xanh dương và có ngôi sao vàng ở giữa là lá cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (nhiều người thường quý mến gọi là cờ Giải phóng). Khi chiếc xe tăng cắm lá cờ

Mặt trận Dân tộc giải phóng húc đổ cổng sắt của Dinh Độc Lập tiến vào trong sân, một chiến sĩ trẻ rút lá cờ trên xe tăng chạy lên ban công Dinh Độc Lập, phất cao lá cờ ấy. Đó là giây phút mang ý nghĩa sâu sắc đánh dấu kết thúc 30 năm liên tục chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành thắng lợi cuối cùng của dân tộc Việt Nam.

Cờ lá cờ đỏ sao vàng là hiệu kỳ của Mặt trận Việt Minh ở Bắc Kỳ từ trước tháng 8/1945 (cờ Việt Minh). Tháng 8/1945, Quốc dân Đại hội Tân Trào đã quyết nghị lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ của nước Việt Nam độc lập. Sau khi giành được chính quyền, thì cờ Việt Minh được sử dụng là biểu tượng của một nước Việt Nam mới. Ngày 02/9/1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập tại Quảng trường Ba Đình. Sau khi Việt Nam thống nhất, năm 1976, lá cờ đỏ sao vàng được sử dụng làm quốc kỳ của chính thể Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến tận ngày nay.

Nếu bảo tôi phải chọn một trong hai tấm ảnh mà tôi thấy là có ý nghĩa hơn, thì tôi sẽ chọn tấm ảnh lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên hầm De Castries. Bởi chiến thắng Điện Biên Phủ cho thấy tinh thần kiên cường của dân tộc Việt Nam, là biểu tượng cho hồi kết của chủ nghĩa thực dân áp bức, là sự chiêm ngời cho phong trào giải phóng của các nước thuộc thế giới thứ ba.

Rời tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng tôi đi thăm di tích hầm chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Nơi đó chính là địa điểm mang tính biểu tượng của chiến trường năm xưa. Đống đất hoang tàn và những vết tích của cuộc chiến xung quanh boongke đã không còn. Người ta rào hàng rào lưới thép xung quanh và có văn phòng quản lý ở bên trong. Bên cạnh boongke, có một cây lớn phủ bóng xuống. Bên trong boongke vẫn còn phòng làm việc, phòng họp và phòng ngủ của tướng De Castries.

Nhân viên ban quản lý di tích dẫn chúng tôi vào trong boongke và thuyết minh ngắn:

“Hầm được xây dựng cực kỳ kiên cố với mái được làm bằng sắt, xung quanh là ván gỗ và bọc lót bằng bao cát cũng như hàng loạt dây thép gai bên ngoài. Bao bọc xung quanh là tầng tầng lớp lớp rào chắn phòng thủ với nhiều mạng lưới dây thép gai chằng chịt cùng với bốn chiếc xe tăng. Tổng chiều dài của hầm De Castries vào khoảng 20m, rộng tới 8m và có tới bốn không gian phục vụ cho nơi làm việc cũng như nơi ở. Trước kia còn có một hào khá rộng, được lợp mái che nối liền từ lô cốt nằm trên đồi A1 với căn hầm di tích này. Quân đội Pháp đã xây dựng đường hào bằng ván gỗ và các bao cát.

Khoang thứ nhất là văn phòng của Trung tá Charles Piroth, người phụ trách pháo binh của Pháp tại Điện Biên Phủ. Sau hai đêm không thực hiện được lời hứa “bịt miệng” các hòng pháo của Việt Minh, Piroth đã tự sát bằng một quả lựu đạn trong một đường hầm vào ngày 15/3/1954. Khoang hầm thứ hai là văn phòng người phụ trách lực lượng



không quân Pháp tại Điện Biên Phủ. Khoang hầm thứ ba là văn phòng của thư ký của tướng De Castries. Khi quân đội Việt Nam tấn công Điện Biên Phủ vào ngày 13/3/1954, De Castries đã yêu cầu cô quay trở lại Hà Nội bằng đường hàng không. Khoang thứ tư là trung tâm thông tin và truyền thanh của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ.

Tướng Christian de Castries sinh năm 1902, xuất thân từ một gia đình danh giá ở Pháp theo binh nghiệp từ lâu. Ông đặc biệt thích môn thể thao đua ngựa. Năm 1952, ông trở lại Việt Nam với hàm đại tá và được thăng hàm thiếu tướng tại mặt trận vào ngày 16/4/1954.

Quà tặng nhân dịp được thăng hàm của tướng Castries được thả dù xuống nhưng thứ đó lại rơi ở phía Việt Nam. Khoảng 5 giờ 30 phút chiều ngày 07/5/1954, một nhóm chiến sĩ của Việt Nam đã vào đây bắt sống tướng De Castries. Chiến sĩ Tạ Quốc Luật là người phát cao lá cờ “Quyết chiến Quyết thắng” trên nóc hầm”.

Dưới đây là lời kể về tình cảnh tướng sĩ Pháp trong trận chiến cuối cùng ở Điện Biên Phủ từ cuốn *Cuộc chiến mười ngàn ngày: Việt Nam 1945-1975*. Trung tá Bigeard mô tả: “Có người lính khó nhọc nhòm dậy từ giường bệnh, có người mất một bên mắt, người mất cánh tay. Chúng tôi nói với người lính mất một bên mắt: “Chột này! Bây giờ chúng ta phải rút thôi”!. Nhưng tất cả “còn phải tiếp tục chiến đấu nên hãy cho chúng tôi uống nước”. Thật là một sức mạnh tinh thần ghê gớm. Tất cả chúng tôi đã kiệt sức. Chúng tôi

biết rằng mình không thể chịu đựng thêm được nữa. Đạn dược không còn. Các binh sĩ không còn sức cầm súng của mình mà đi lại nữa. Bởi vậy, ngày 07/5 khi Việt Minh tấn công, trận chiến thật sự đã kết thúc. Một vài người chủ trương tập trung lại để mở đường máu thoát ra nhưng nhiều người cho rằng việc đó chẳng có ý nghĩa gì. “Nói gì đến đột phá, 100m đi còn chẳng nổi”. Tướng De Castries gửi thông tin về Hà Nội: “Trận chiến đã kết thúc”.

Còn đây là lời kể của sĩ quan phụ tá không vận Pierre Langlais:

“Những binh sĩ còn sống sót cũng không thể đứng được nữa. Tôi đã báo cáo tình hình khi đó với tướng De Castries. Ngài ấy nói với Hà Nội ngay lập tức cuộc chiến cần phải được kết thúc. Tướng Navarre nói qua điện thoại: “Hãy ngừng chiến đấu! Nhưng đừng giương cờ trắng!”. Bộ Tư lệnh Việt Minh đã đồng ý việc đầu hàng có điều kiện này. Lúc đó là 1 giờ chiều ngày 07/5.

Hơn 5 giờ chiều. Từ xung quanh đã bắt đầu nghe thấy tiếng hét vang của bộ đội Việt Nam. Tôi nghe thấy tiếng vật gì đó dậm mạnh trên nóc boongke. Tôi ngồi trên ghế đầu chẳng nghĩ gì. Cầu thang dẫn tới cửa ra ở ngay trước mặt tôi. Giữa thời khắc ấy tôi nhìn lên trời. Một quả lựu đạn lăn từ trên cầu thang xuống và có lẽ sẽ nổ ở trong boongke. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Chúng tôi cắm lưỡi lê vào súng và nhìn thấy những người lính Việt Minh khí thế bừng bừng - Họ hét lớn: “Ra ngoài!”.

5 giờ 30 phút chiều 07/5/1954, cuối cùng, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên nóc hầm chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cuộc kháng chiến gian khổ 9 năm kể từ 1946, cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc kéo dài gần một thế kỷ đã kết thúc trong chiến thắng. Thắng lợi này đã đi vào lịch sử thế giới với ý nghĩa vô cùng lớn lao.

Ngày 08/5, một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi “Thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ”. Người nhắc nhở quân và dân Việt Nam: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình...”.

Hồ Chí Minh đã thấy trước Mỹ là kẻ địch lớn nhất. Dân tộc Việt Nam đã đánh thắng thực dân Pháp, nhưng muốn đánh thắng Mỹ cần phải cố gắng, hy sinh nhiều hơn nữa.

Như lời dặn cuối cùng của Đức Phật Thích Ca với các đệ tử, trước khi từ giã cõi đời để nhập Niết bàn, Ngài nói: “Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, chịu biến hoại, hãy tu học (để đạt giải thoát) !”. Hồ Chí Minh kêu gọi hướng tới mục tiêu cuối cùng, không ngừng tiến lên. Thật đáng ngưỡng mộ con người Hồ Chí Minh, không những không tự đắc với thắng lợi trước mắt, mà còn luôn chủ động đối phó với những tai ương sắp xảy ra.

Nếu đánh giá chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng lấy lòng, thì trên hết, là nhờ vào sự hy sinh cao cả của nhân dân Việt Nam. Vì độc lập dân tộc, họ luôn sẵn sàng hy sinh tính mạng cao quý. Nói cách khác nhân dân Việt Nam đã chiến đấu với ý thức rõ ràng: “Tự do hay là chết”.

Tôi vừa chụp một bức ảnh ở nơi lá cờ đỏ sao vàng tung bay, không biết nói gì hơn ngoài lời muốn nói cảm ơn nhân dân Việt Nam đã giữ gìn lòng tự tôn của người châu Á.

## **6. Nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ**

Cuối cùng chúng tôi đi thăm nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ ở ngay dưới chân đồi A1. Lối vào có hàng rào và cổng giống như vào lâu đài thành quách xưa. Bước vào cổng, hai bên lối đi, chính giữa là những ngôi mộ hình chữ nhật bằng xi măng đứng thẳng hàng tắp tắp. Ở nhiều làng xã Việt Nam có những nghĩa trang cho các liệt sĩ hy sinh ở chiến trường, nhưng trong số những nghĩa trang ấy, nơi này có vẻ trật tự ngăn nắp nhất.

Trên tấm bia bằng cẩm thạch có ghi dòng chữ “Đòi đòi nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ”.

Bên trong nghĩa trang là những ngôi mộ, các bia kỷ niệm, vật tạo hình và vườn hoa cây cảnh xung quanh trang nghiêm và giản dị. Phần trên các ngôi mộ là tấm bia có hình ngôi sao vàng trên nền đỏ tròn tượng trưng cho đất nước Việt Nam và một lư hương. Phía trước lư hương là một cái bình hoa nhỏ. Trên bia mộ không có tên tuổi,

quê quán của người trong mộ, trừ bốn ngôi mộ ở chính giữa nghĩa trang. Đây là mộ của các chiến sĩ vô danh.

Anh linh của gần 200 con người yên nghỉ tại nghĩa trang là con số rất nhỏ trong con số hàng vạn chiến sĩ đã hy sinh tại mặt trận này. Khi đó, Chính phủ Việt Nam chưa có chế độ nghĩa vụ quân sự, tuy vậy tất cả thanh niên đều tự nguyện nhập ngũ. Những linh hồn chết là ai, từ nơi nào đến không có cách gì để biết. Vì cái gì mà họ đến nơi này với khuôn mặt hốc hác và những bàn tay gầy guộc? Vì sao họ lại phải vùi thân thể đã kiệt sức tại nơi đây? Hay họ nghĩ chẳng thà hy sinh còn hơn cuộc đời đắng cay không biết hồi kết? Còn bao nhiêu linh hồn không được yên nghỉ ở đây đang ở nơi nào? Vì sao họ bỏ lại sinh mạng cao quý như vậy? Phải chăng vì kẻ thù đã cướp đất, chà đạp lên cha mẹ vợ con của họ? Nếu không, thì chỉ có thể lý giải rằng cái chết vì đại nghĩa vĩ đại hơn cả cuộc sống.

Dù có hô hào rằng hãy “yêu nhau”, “tù bi với nhau” nhưng lịch sử hiện thực của loài người lại vận động theo cái logic của chiến tranh là “cá lớn nuốt cá bé”. Dù là dân tộc nào, để duy trì cuộc sống xanh tươi, tất yếu phải có độc lập, tự do, thế nhưng với những nước nhược tiểu thì khó hơn. Cũng như cái cây dù giống có tốt, khỏe chịu sâu bệnh nhưng chẳng tồn tại được bởi cái riu của con người! Càng là dân tộc sống trên mảnh đất phì nhiêu thì thường hay bị “cái riu” của kẻ mạnh

tham lam “đốn chặt”. “Rừng cây sum suê” của Việt Nam bị hoang tàn bởi cái “rìu tay” của phong kiến láng giềng Trung Quốc và cái “cưa máy” của đế quốc phương Tây mang đến từ bên kia bán cầu đốn chặt. Trước vũ khí khoa học hiện đại khác xa với trước đây, nỗi sợ hãi về cái chết phủ bóng xuống rừng xanh và làm cằn cỗi những ruộng đồng phì nhiêu.

Sức mạnh phi phạm của chủ nghĩa tư bản phương Tây tạo nên nhờ cuộc cách mạng công nghiệp tuy đã cướp đi sắc hồng trên khuôn mặt của nhân dân Việt Nam, nhưng với họ - đã từng đối đầu với thế lực phương Bắc hơn nghìn năm qua, thì cái chết hoàn toàn không phải là cái gì lạ lẫm, cũng chẳng phải là nỗi sợ hãi bất ngờ ập đến.

Ở Việt Nam, người ta xử sự với tai họa bằng trí tuệ giống như xử sự với nạn ngập lụt hằng năm là “hãy sống chung với lũ”. Muốn ngăn chặn tai họa thì không có cách nào khác ngoài sống cùng với nó. Trải qua chiến tranh thảm khốc của thế kỷ XX thì lại xuất hiện khẩu hiệu cải biên “Hãy sống chung với chiến tranh”. Và như vậy, nhân dân Việt Nam không quan tâm đến sự gian khổ, khó khăn liên tục diễn ra, họ đón nhận cái chết như một phần của cuộc sống. Sự lạc quan ấy tuy không vượt qua được cái chết nhưng có thể khắc chế được nỗi sợ hãi. Không ai ở đất nước này muốn chết, nhưng họ cũng không sợ và lần tránh nỗi sợ hãi. Để thoát ra khỏi ách thống trị của các thế lực ngoại xâm, vì độc lập, tự do của dân tộc thì dù có chết

cũng chẳng ai chùn bước, run sợ và họ cũng không từ bỏ niềm tin.

Những linh hồn yên nghỉ nơi đây không phải là những người chết uống. Họ hiểu quá rõ không thể tránh được chiến tranh, cũng không thể tránh được sự hy sinh kéo theo nó. Câu nói nổi tiếng “Điều làm cho đất nước của José Ortega Y Gasset<sup>1</sup> vĩ đại, không phải là một ít vĩ nhân của quốc gia ấy mà là vị thế của bao con người bình thường”, cần phải dâng tặng cho những linh hồn yên nghỉ ở đây.

## **7. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam**

Điện Biên là một thành phố nhỏ nên không có con phố nào để ngắm ban đêm. Anh Việt đã đi ngủ sớm, đoàn bốn người chúng tôi tha thẩn quanh khách sạn rồi tìm đến một quán bia nhỏ. Tôi không nói được tiếng Việt, tất cả chỉ được mấy câu “xin chào”, “cảm ơn” còn khi chạm cốc là “uống hết nào”, “một trăm phần trăm”.

Chúng tôi bước vào quán, bên trong trông như một cái nhà bạt có một bà già, một phụ nữ có lẽ là con dâu với một cháu bé nhìn chúng tôi có vẻ hiếu kỳ. Tôi chỉ tay vào bia và nhìn quanh rồi gọi món nhắm có canh cá và một

---

1. José Ortega Y Gasset (1883-1935) - triết gia Tây Ban Nha, Hwang Bô Young dịch. Tựa truyện tiêu biểu của ông là “Mưu phản của quần chúng”, “Nhà phê bình lịch sử”, xuất bản năm 2005.

loại thức nhắm giống con sò. Ngà ngà say, tôi đề nghị bà già hát, rồi chúng tôi cầm đũa gõ và hát “Bồng chát!”. Bà nghe có vẻ lạ kỳ rồi cũng hát bài hát Việt Nam.

Có lẽ chúng tôi đã ngồi uống khoảng ba tiếng đồng hồ và cảm thấy thích thú. Trở về nơi ở, muốn giải quyết chứng bệnh “thiếu 2% độ cồn” là thói mất nết xưa nay, chúng tôi lôi hết bia trong tủ lạnh ra uống tiếp và tranh luận xem bao giờ thì say đến mất tự chủ, đến phiền toái. Cậu đàn em Park Jang-geun ngêu ngao trong men say rằng “không thể hiểu một sự thật là Việt Nam đã không có bất hòa nào với dân tộc thiểu số mà lại còn triển khai được cuộc đấu tranh giành độc lập mạnh hơn bởi có sự hợp tác của họ”.

Việt Nam đa dạng về dân tộc và văn hóa nên rất dễ dẫn đến sự bất hòa như ở các quốc gia đa dân tộc khác. Nhưng quan sát một cách kỹ lưỡng lịch sử Việt Nam thì chỉ thấy sự đoàn kết. Dù mang tính thần thoại nhưng vẫn tin vào truyền thuyết nguồn gốc dân tộc là từ một cái bọc lớn sinh ra 100 người con trai, đã hình thành ý thức cộng đồng toàn dân tộc. Trên cái nền ấy, trong tiến trình lịch sử, dù chủng tộc và văn hóa khác nhau nhưng khi đất nước gặp nguy cơ thì vẫn đoàn kết, thể hiện rất rõ trong công cuộc đấu tranh giữ nước”.

Trong xã hội con người, nhóm thiểu số dễ bị xa lánh. Trong một đất nước, chủng tộc khác về diện mạo và văn hóa phải chăng hơi khó để dung hòa với dòng chảy chính



của xã hội? Mối bất hòa giữa các dân tộc sinh ra khi hợp nhất các dân tộc thiểu số xung quanh hình thành nên nhà nước là điều đương nhiên. Nhưng ở Việt Nam lại khác.

Nếu so với việc bán đảo Triều Tiên duy trì được lãnh thổ lâu dài sau thời Vương quốc Shilla thống nhất thì việc thống nhất lãnh thổ của Việt Nam diễn ra trong một thời gian không dài. Mặc dù sự bất hòa giữa các dân tộc là khó tránh khỏi, nhưng trong chiến tranh Việt Nam, các dân tộc thiểu số đã đoàn kết với nhau, góp phần to lớn vào chiến thắng. Với những người không hiểu biết đây là một việc thần kỳ.

Dân tộc là gì? Nghĩ một cách giản đơn là “một cộng đồng sinh hoạt sống trong cùng một quốc gia”, hay là “tổng thể những người sống trong một nước có một chính phủ cai trị”. Nhưng các học giả thì cho rằng, không thể dễ dàng định nghĩa dân tộc một cách đơn giản như thế. Chúng ta chỉ cảm nhận thấy ý nghĩa của chữ “dân tộc” trong lịch sử cận đại như suốt nhẹ ngoài da nhưng đại đa số các nước khái niệm “dân tộc” là rất phức tạp. Thậm chí, Stalin là người đã định nghĩa dân tộc một cách dễ dàng ngoài dự đoán: “Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử có chung ngôn ngữ, lãnh thổ, đời sống kinh tế, cùng chung một tố chất tâm lý, biểu hiện trong cùng một văn hóa”.

Việc thống nhất các tộc người diện mạo rất khác nhau cùng chung sống là một sự đồng cư dị biệt. Chủ nghĩa

dân tộc về bản chất là vấn đề đồng nguyên về chính trị. Việt Nam đã bị Trung Quốc xâm lược và thống trị trong hơn một ngàn năm. Để sinh tồn, ngay từ rất sớm ở Việt Nam đã hình thành ý thức dân tộc “chúng ta là một”. Đến thời cận đại, do sự thống trị và xâm lược của đế quốc phương Tây ý thức dân tộc mang tính bản năng tiềm ẩn đã trỗi dậy.

Hồ Chí Minh luôn luôn kêu gọi các dân tộc thiểu số hãy cùng tham gia vào phong trào đấu tranh giành độc lập của Việt Nam. Nhưng các dân tộc thiểu số, do khác nhau về ngôn ngữ, nên việc giáo dục họ tư tưởng mới của cuộc đấu tranh chống phong kiến giải phóng dân tộc - một hình thái mới - là không hề dễ dàng. Ý thức của dân chúng và ý niệm (ý thức hệ) của tầng lớp tinh hoa (Elite) khó có thể là một. Hồ Chí Minh không phải từ bên trên làm ra “phép thần” để cai trị hay ép buộc thừa nhận sự thỏa đáng (của việc đoàn kết) mà Người quan sát nội tình của các dân tộc để mưu cầu sự hòa hợp. Hồ Chí Minh và Việt Minh ăn mặc như người dân tộc thiểu số, ban ngày sinh hoạt với dân bản, giúp những công việc vặt, như làm ruộng, sửa nhà... Sau khi hiểu kỹ ngôn ngữ của họ thì mới nói rõ giá trị của độc lập, tự do thông qua những bài báo đơn giản, những bài hát dễ thuộc, dễ nhớ cho những người mù chữ... Vì vậy, sự cởi mở tấm lòng của đồng bào dân tộc thiểu số vì vậy cũng dần dần tăng lên. Qua nhiều năm, đa số các dân tộc thiểu số

khu vực phía Bắc đã trở thành Việt Minh. Như ta hòa tan các chất khác nhau: cà phê, đường... vào nước nóng thì sẽ cho ra hương vị mới, Hồ Chí Minh đã dung hòa các dân tộc thiểu số để phát huy sức mạnh lãnh đạo chân chính.

## **8. Bộ Tư lệnh mặt trận Điện Biên Phủ**

Ngày 18/9, chúng tôi ăn sáng qua loa rồi đi thăm Mường Phăng, nơi có Bộ Tư lệnh mặt trận Điện Biên Phủ. Chúng tôi lên xe ra khỏi nội thành và đi về phía Đông. Đường chim bay trên bản đồ khoảng 10km nhưng với đường quanh co phải đến 35km. Điện Biên Phủ cao 500m so với mặt biển, còn bản Mường Phăng là trên 1.000m. Trên đường đi có rừng núi và hồ đẹp, những chỗ đất bằng ven rừng và chân núi đại bộ phận là ruộng của dân. Đa số dân cư là người Tày, những ngôi nhà thưa thớt tạo nên một bản làng nhỏ, hầu hết là nhà sàn - kiểu nhà truyền thống ở vùng núi.

Rừng Việt Nam ở đây không phải như hình ảnh lạnh lẽo như ta vẫn thấy trong các phim về chiến tranh Việt Nam với những ao hồ ẩm thấp, những cây cối thần bí với những dây leo âm u rồi rậm chằng chịt mà rất sum suê, rậm rạp, lại sáng sủa ngoài sự tưởng tượng. Cứ chốc chốc giữa những khúc đường cong lại có những làng bản nhỏ, ở đầu làng có những hàng quán ven đường chứ chưa hẳn là chợ. Người ta đặt một tấm gỗ dán lên chiếc bàn gỗ chường

1,65m<sup>2</sup> bày một tảng thịt lên trên, không cần tủ lạnh, chỉ với một cái cân là thành hàng thịt và bày lên một ít rau xanh ở cái bàn gỗ khác. Đậu phụ bán ở đây cũng giống hệt ở Hàn Quốc. Chẳng cái bát lên chỗ đất hẹp vài mét vuông, các thương nhân ngồi lên ghế gỗ, chỉ có vậy là đã tiện nghi lắm rồi. Một chị phụ nữ và mấy bà cụ ngồi đợi khách.

Đi khoảng một tiếng rưỡi thì tới một nhà lưu niệm mặt trận ở một bản nhỏ. Một cô gái người Thái hướng dẫn cho chúng tôi. Cô hướng dẫn viên tóc búi cao, áo chèn (blouse), mặc váy đen đến bắp chân. Nhìn chung, đi vào vùng dân tộc thiểu số thì cách ăn mặc của đàn ông không có đặc trưng gì đặc biệt, nhưng phụ nữ thì rất đa dạng. Phụ nữ ở nơi đây thường mặc váy màu đen và nửa thân trên là áo chèn và áo khoác thì màu sắc và có nhiều đốm, sọc.

Theo hướng dẫn của cô gái Thái, chúng tôi theo con đường mòn chầm chậm đi lên núi. Thỉnh thoảng có một ngôi nhà nhỏ trông như chiếc lều, đó là trạm gác bảo vệ. Có lẽ để bảo đảm an toàn cho Bộ Tư lệnh nên có nhiều trạm gác dọc con đường mòn dài này.

Chúng tôi gặp bốn cô gái ở lối vào Bộ Tư lệnh. Hai đầu chiếc đòn gánh dài treo các bó củi chặt đều, gánh trên vai, đi chân đất từ trên núi xuống. Chúng tôi muốn xin chụp một bức ảnh thì các cô nờ nụ cười bẽn lẽn và cúi đầu.

Ở lối vào con đường dẫn lên núi có một bia đá lớn chắc chắn. Người hướng dẫn bảo đó là bia kỷ niệm mới dựng

nhân 55 ngày chiến thắng Điện Biên Phủ. Chữ ghi rất to ngày tháng “31/01/1954 - 15/5/1954”. Những người địa phương ở đây gọi khu rừng nguyên thủy này là “Rừng Đại tướng”. Tướng thì hẳn nhiên là Tướng Giáp rồi. Rừng rất rậm rạp nên quân Pháp trinh sát từ trên không là không thể. Những ngôi nhà, như phòng thông tin tình báo, Bộ Tư lệnh mặt trận, phòng tình hình mặt trận, phòng họp tác chiến... và phòng làm việc của Tướng Giáp ở sát nhau. Mái của tất cả các nhà đều lợp lá cây, tới nay vẫn còn được gìn giữ cẩn thận. Những nhà quan trọng thì đào hầm nối liền với những nhà khác. Ở đây có một khoảnh đất trống, người ta bảo, một ngày sau chiến thắng (08/5), sĩ quan và binh sĩ đã mở tiệc ăn mừng ở đây.

Có một đường hầm (Tunnel) từ Bộ Tư lệnh lên núi. Thông qua đường hầm này, Tướng Giáp có thể lên núi quan sát cánh đồng Mường Thanh bằng ống nhòm và chỉ huy chiến đấu.

Ngày 06/12/1953, sau khi vạch kế hoạch cho trận chiến Điện Biên Phủ, Tướng Giáp đặt Bộ Tư lệnh ở Thảm Púa, đến ngày 31/01/1954 lại dời Bộ Tư lệnh về Mường Phăng. Đây là chỗ đặt Bộ Tư lệnh cho đến tận ngày 15/5.

Khi Tướng Giáp ra mặt trận, Hồ Chí Minh nói: “Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”. Không những ở chiến thắng trận

Điện Biên Phủ mà toàn bộ quá trình chiến đấu đã chứng minh một sự thật Tướng Giáp là học trò xuất sắc<sup>1</sup> của Hồ Chí Minh. Hôm Tướng Giáp ra mặt trận là ngày ngay trước khi dự kiến khởi đầu trận đánh. Ngày quyết định chiến đấu (“ngày G”) là 26/01 nhưng sau khi trực tiếp thị sát mặt trận, ông đã phán đoán chiến thuật “đánh nhanh, thắng nhanh” là một sai lầm nghiêm trọng. Đêm 25/01, Tướng Giáp đã thức trắng đêm để suy nghĩ. Nhưng ngày mở màn tấn công đã quyết định. Các chiến sĩ quyết tâm chiến đấu rất cao, đang cháy bỏng như thùng thuốc súng chỉ một tia lửa nhỏ bắn vào là có thể nổ tung. Trong trường hợp hoãn chiến dịch thì khí thế của chiến sĩ đã đạt đến lúc cao trào nhất có thể sẽ sa sút, hơn nữa mùa mưa đã đến gần.

Đoàn cổ vấn Trung Quốc từ xa đến để giúp đỡ cho Việt Minh áp dụng chiến thuật “biển người” đã từng có hiệu quả trong chiến tranh Triều Tiên khuyến khích kết thúc nhanh. Có vẻ tấn công bất ngờ trước khi kẻ địch gia cường pháo đài là chiến thuật hợp lý.

---

1. “Là người thầy mà không thể trở thành người bạn thì không phải là người thầy chân chính. Là bạn mà không trở thành người thầy thì cũng không phải là bạn”. Lời của Lý Trác Ngô - trí thức phản kháng tiêu biểu của nhà Minh nổi tiếng với tác phẩm “Đốt sạch”, tôi nghĩ rất đúng vào mối quan hệ của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp.

Nhưng... trước khi mở màn tấn công 6 tiếng đồng hồ, Tướng Giáp đã ra lệnh hoãn vô thời hạn cuộc tấn công. Đó là phán đoán phải sửa lại chiến thuật vì thắng lợi cuối cùng, sau khi đã quan sát một cách kỹ lưỡng.

Ở đời, dù bị chê là nhất gan cũng cần có dũng khí. Tướng Giáp vẫn giữ vững niềm tin và đợi thời cơ. Nhận chỉ viện của Trung Quốc lại không nghe lời khuyên của họ thật là việc khó. Thế nhưng ông vẫn quyết tâm thay đổi kế hoạch. Vì Tướng Giáp thay đổi chiến thuật “đánh nhanh, thắng nhanh” thành “đánh chắc, thắng chắc” nên không khỏi bị phản ứng. Nhưng là Tư lệnh tối cao được Hồ Chí Minh giao cho toàn quyền nên vừa khi Tướng Giáp nói ông có quyền thay đổi kế hoạch vì thắng lợi cuối cùng, thì mọi lý lẽ đều yên ả dần và tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh đó.

Một sư đoàn trưởng tham dự kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” sau này nhận định: Nếu lúc ấy Tướng Giáp không thay đổi chiến thuật thì Việt Nam không thể nào đánh lui nổi quân Pháp.

Từ lúc này, Tướng Giáp bổ sung gạo, muối, vũ khí. Chiến đấu để thắng chứ không phải để chết nên thay đổi “đoàn kỳ chiến” thành “trường kỳ chiến”, bổ sung thêm binh lực, tay không kéo pháo dã chiến lên đỉnh núi.

Gần đây, Tướng Giáp mới nói rõ rằng việc thay đổi chiến thuật Điện Biên Phủ là thời khắc khó khăn nhất

trong cuộc đời chỉ huy của ông. Trong khi thực hiện chiến lược “chỉ khi chắc chắn thắng lợi mới tấn công”, kẻ địch lớn nhất là tự mãn và phán đoán sai. Coi thường tình hình khách quan, hấp tấp vội vã thì không thể thắng được trong chiến tranh. Lòng tự mãn không kiềm chế được, tham vọng quá mức, không thể có thắng lợi.

Tướng Giáp nêu rõ danh phận, quay lưng với danh dự của bản thân, triệt để giữ nghiêm đường lối không hy sinh nhân dân của Hồ Chí Minh. Tướng Giáp - con người chiến thắng - luôn khiêm tốn: “Tôi chỉ là một sĩ quan chỉ huy triệt để thực hiện đường lối và phương châm của Bác Hồ”.

## **9. Chiến thắng đầy ý nghĩa**

Nhìn bức tranh khổ lớn mô tả trận Điện Biên Phủ, tôi có cảm tưởng chiến thắng này như là một chiến thắng có ý nghĩa nhất trong lịch sử mà nhân dân Việt Nam giành được. Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra trong 56 ngày đêm được xem như là tinh hoa của tinh thần chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, là một sự báo trước đầy kịch tính về thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ - để quốc hùng mạnh nhất trong lịch sử nhân loại.

Năm 938, Ngô Quyền với tài thao lược kiệt xuất đã đánh tan xâm lược Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng. Năm 1228, Trần Hưng Đạo đã áp dụng thành công chiến thuật của Ngô Quyền, đánh bại hoàn toàn thủy quân nhà Nguyên.



Năm 1427, Lê Lợi đánh lui 10 vạn quân Minh. Năm 1789, Quang Trung tiêu diệt hàng vạn quân xâm lược nhà Thanh trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa. Những người lính trong trận Điện Biên Phủ đã kế thừa nguyên vẹn tinh thần chiến đấu anh dũng của tổ tiên ông cha, làm tròn bốn phận với dân tộc, là tấm gương trong cuộc đấu tranh chống thực dân cho các nước thuộc địa thế kỷ XX. Hậu duệ của những Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,... chính là Quân đội nhân dân Việt Nam, là các chiến sĩ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vì độc lập, tự do, hàng triệu người con ưu tú của dân tộc đã hiến dâng tuổi thanh xuân, sẵn sàng xả thân cho Tổ quốc.

Đại văn hào Nga Dostoevsky trong kiệt tác *Anh em nhà Karamazov* đã thể hiện rõ quan điểm mang tính nghi ngờ về sự hy sinh của con người.

Về vấn đề “Cá nhân có phải hy sinh vì tập thể hay không? Cá nhân hy sinh thì tập thể sẽ tốt đẹp lên chăng?” mà Dostoevsky nêu ra được nhà văn Lee Byung-joo lý giải: “Cái chủ trương cá nhân phải hy sinh vì tập thể chỉ là suy nghĩ của những người ích kỷ không muốn mình hy sinh dù trong hoàn cảnh nào. Không biết tư tưởng ấy có làm thay đổi cái suy nghĩ tự nguyện hy sinh vì tập thể hay không nhưng điều đó phản ánh trạng thái tự mình say sưa bản thân mình. Trong nội tâm ấy chỉ có một thứ luân lý độc ác mà thôi”.

Từ bỏ sinh mạng của mình là phương pháp đấu tranh cực đoan nhất. Dostoevsky cho rằng, việc hy sinh tính mạng của bản thân vì tập thể chỉ là sự tự mê muội do một chế độ tàn nhẫn và độc ác cưỡng ép. Chủ nghĩa phát xít cánh hữu thế kỷ XX hay chủ nghĩa toàn trị cánh tả đã khống chế suy nghĩ và hành động của cá nhân một cách có tổ chức.

Bọn quân phiệt Nhật đã xéo gót giày rầm rập lên châu Á. Chúng dựng lên khẩu hiệu “Toàn thế giới là một nhà ở dưới Thiên Hoàng”, cưỡng ép người ta theo kiểu “Hãy chết cho xứng đáng”, “Hãy chết cho đại nghĩa”, “Bổn phận của người dân ở dưới Thiên Hoàng là rất lớn lao”,... khiến linh hồn của dân chúng Nhật Bản bị trói buộc. Ở Hàn Quốc, việc nhiều trí thức như Choi Nam-sun hay Lee Kwang-su kêu gọi người dân làm theo Nhật quả là một phần lịch sử thuộc địa đáng xấu hổ.

Chúng ta hay gán cho những vận động viên thể thao, những ngôi sao trong giới văn nghệ sĩ các danh hiệu nào là “Ông vua quần vợt”, “Ông hoàng dân ca”... Còn ở Nhật Bản, người ta không tùy tiện dùng chữ “Thiên hoàng” giống như cách chúng ta sử dụng các danh hiệu vua hay hoàng đế. Người ta chỉ gán danh hiệu “Thiên hoàng của giới khoa học” cho Giáo sư luật học trường Đại học Tokyo Maruyama Masa (1914-1996). Ông là người có uy tín và học vấn cao, là người sống có lương tâm trong thời đại xã hội có nhiều biến đổi, đồng thời phê phán mạnh mẽ

những điều phi lý trong xã hội Nhật Bản. Maruyama cho rằng, lý do người dân Nhật Bản đánh mất ý thức tự do chủ thể là do cơ chế của chế độ quân phiệt và phát xít, trong đó có tình trạng tâm lý hành động không phê phán.

Thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương, lính Nhật trước khi bị bắt sống thường hô to: “Thiên Hoàng muôn năm!” rồi tự sát tập thể hay hành động theo kiểu đặc công Kamikaze lao vào tàu chiến đánh bom cảm tử. Dù không phải là Dostoevsky thì cũng thấy được đó là hành động đáng coi thường. Nhưng rõ ràng là thiên tài Dostoevsky có nghi ngờ sự hy sinh cực đoan thì cũng không thể nào tưởng tượng ra được sự hy sinh đặc biệt của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do của dân tộc.

Liệu có phải nhân dân Việt Nam chiến đấu mà không hề sợ cái chết? Họ có giống như lính Nhật không hề biết mình bị bọn quân phiệt áp đặt, bị cuốn vào ý thức tập thể rất mơ hồ lao ra chiến trường một cách mù quáng hay giống như các tín đồ tà giáo tự sát không chút ý thức theo mệnh lệnh của giáo chủ? Có phải nhân dân Việt Nam bị “mắc lừa” sự tuyên truyền của Hồ Chí Minh mà từ bỏ sinh mạng của mình trong mê muội?

Maruyama đã nói về mình như thế này: “Tôi tự nhận mình là người vẫn giữ quan điểm tầm thường rằng nhân loại đã tiến bộ. Hegel thì lại coi cốt lõi của xã hội không phải là ngợi ca nhà nước bằng cách thực hiện đạo đức tối cao mà phải là “câu chuyện về sự tiến bộ hướng đến ý thức tự do””.

Sau phong trào Minh Trị Duy Tân, Nhật Bản coi “quốc phú, binh cường” là ý thức hệ nhà nước cao nhất, cưỡng ép dân chúng im lặng phục tùng, hoàn toàn coi thường tự do và tôn nghiêm cá nhân. Đế quốc Nhật nhấn tâm đàn áp ngay cả dân chúng Nhật như thế thì cần chi giải thích là chúng đã đối xử với các dân tộc châu Á khác như thế nào. Điều ấy cũng tương tự như việc các Pharaon Ai Cập bắt người dân xây Kim Tự Tháp khổng lồ hay Tần Thủy Hoàng cho xây dựng Vạn Lý Trường Thành đã đối xử với nhân dân của mình như nô lệ. Bạo lực nhà nước do phát xít Đức hay Nhật gây ra đã cho thấy một cách sinh động rằng trong xã hội văn minh vật chất hiện đại “sự tiến bộ của nhân tính” chẳng qua là quan niệm sáo rỗng mà thôi.

Chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc chính là chiến tranh xâm lược, chắc chắn sản sinh ra lòng căm thù. Trong tác phẩm nổi tiếng *Candide - Chàng ngây thơ* của Voltaire đã biểu hiện rất đúng thuộc tính của chiến tranh xâm lược thông qua đoạn đối thoại của chàng ngây thơ và nhà thông thái:

Chàng ngây thơ hỏi nhà thông thái:

“- Ông có tin là con người cứ tàn sát lẫn nhau mãi mãi như ngày nay không? Ông có tin họ còn mãi mãi là những kẻ ăn cắp, gian xảo, dối trá, bội bạc, ăn cướp, nhu nhược, lừa lọc, hèn hạ, tham lam, say sưa, biến lộn, đa sát, phi báng, trác táng, cuồng tín, giả đạo đức và ngu dại?”.

Nhà thông thái hỏi lại:

“- Ông có tin rằng điều hâu luôn luôn ăn thịt chim bồ câu khi chúng bắt gặp?

- Chắc hẳn là thế.

- Loài điều hâu giữ mãi cá tính, thì tại sao ông mong loài người thay đổi cá tính được”.

Cũng giống như điều hâu cứ nhìn thấy bồ câu là muốn tóm lấy ăn thịt, Việt Nam luôn là “miếng mồi ngon” của các đế quốc xâm lược.

...

Chiến tranh xâm lược của Pháp không danh phận, không có chính nghĩa và kết cục là, như lời của nhà triết học hiện sinh Jean Paul Sartre đã nói: cuộc chiến tranh bẩn thỉu đã cuốn theo đòla của nước Mỹ và máu của người Pháp”.

## **10. Một phong trào phản chiến làm thức tỉnh sự man rợ**

Boris Vian (1920-1959) là một học giả nổi tiếng người Pháp. Ông đồng thời cũng là một nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ, dịch giả, nhà phê bình, diễn viên, nhà phát minh và kỹ sư.

Vào đầu năm 1954, nước Pháp lún sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương mà Nhà nước lúc đó, vẫn chối bỏ không muốn định nghĩa là chiến tranh. Theo Paris thời đó, quân đội Pháp có trách nhiệm “bình định” các thuộc địa, cho dù ở

Việt Nam, Madagascar hay Maroc. Hơn nữa, tin tức bất lợi cho quân đội viễn chinh, vào năm 1954, dồn dập thổi bùng tư tưởng phản chiến trong thế hệ đã trưởng thành trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Ngày 15/02/1954, Boris Vian đăng ký bài ca *Le Déserteur* (Người đào ngũ) tại cơ quan bảo vệ tác quyền SACEM. Tình cờ, bài ca này ra mắt công chúng Paris trong một buổi trình diễn của nam ca sĩ Mouloudji vào ngày 07/5/1954, ngày đạo quân viễn chinh Pháp thảm bại tại Điện Biên Phủ. Rất mau chóng, *Le Déserteur* được phong trào phản chiến tại Pháp và cả ở nhiều nước Tây phương chọn làm ca khúc biểu tượng và được đông đảo các nghệ sĩ trình bày cho đến ngày nay.

Sau một thời gian bị kiểm duyệt, nó đã được giảng dạy trong các trường lớp tại Pháp. Nhưng nửa thế kỷ trôi qua, sức công phá của nó vẫn rất đáng sợ. Lâu lâu, lại xuất hiện một vài sự cố như vào năm 1999, một hiệu trưởng trường tiểu học bị đình chỉ công tác chỉ vì đã để học sinh trình diễn bài ca này.

Ca khúc này được viết dưới dạng một bức thư ngỏ gửi đến Tổng thống.

*“Kính thưa Ngài Tổng thống*

*Tôi gửi thư đến Ngài*

*Và nếu có thời gian*

*Xin Ngài ghé mắt tới.*

*Giấy nhập ngũ vừa đến*

Buộc tôi phải ra trận  
Chiều thứ tư tuần này.  
Nhưng xin thưa Tổng thống  
Tôi không muốn tòng quân  
Tôi sinh ra trên đời  
Không giết người vô tội  
Nếu Ngài có giận dữ  
Tôi dứt khoát xin thưa  
Tôi chọn đường đào ngũ.  
Kể từ lúc lọt lòng  
Tôi thấy cha tôi chết  
Các anh tôi ra trận  
Và đàn con than khóc  
Mẹ tôi quá đau khổ  
Yên nghỉ trong nấm mồ  
Chẳng hề sợ đàn giòi.  
Khi tôi là tù binh,  
Vợ tôi cũng chẳng còn  
Linh hồn tôi cũng mất  
Cùng với bao kỷ niệm  
Sớm mai tôi cài cửa.  
Từ giữa những tháng ngày  
Tôi lên đường khất thực  
Thà ngửa tay mưu sinh  
Khấp nẻo đường nước Pháp

*Bretagne đến Provence*  
Để nói với mọi người:  
“Các bạn hãy bắt tuân  
Các bạn đừng cầm súng  
Các bạn không chiến đấu  
Các bạn đừng ra đi.”  
Và nếu cần đổ máu  
Hãy hiến máu của Ngài.  
Bởi Ngài là Tổng thống  
Hô hào cho chiến tranh  
Nếu Ngài đòi truy bắt  
Hãy báo với hiến binh  
Rằng tôi không có súng  
Họ có thể bóp cò”.

Nhân vật trong bài hát *Người đào ngũ* là người lính đã tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai. Anh ta đã nhận ra tính chất giả tạo của chiến tranh. Bởi chiến tranh chỉ là cuộc chiến quyền lực của những kẻ thống trị nên việc người dân hiến thân mình cho cuộc chiến ấy thật là vô nghĩa.

Những người chống lại (chính sách) Duy Tân của Park Chung-hee hay chế độ độc tài Jeon Du-hwan biết rất rõ rằng hát bài hát của Kim Min-ki (ca sĩ Hàn Quốc, nhà soạn nhạc, và nhà viết kịch) hay ngay cả ngâm thơ



của Shin Dong-yeop cũng bị đàn áp thẳng tay như thế nào. Chống chiến tranh bằng lời thơ, câu hát có khi phải có lòng dũng cảm hơn cả ngoài chiến trận. Lòng dũng cảm mà Boris Vian thể hiện trở thành tấm gương cho những văn nghệ sĩ Mỹ khi cuộc chiến tranh Việt Nam đang ở thời kỳ khốc liệt cuối những năm 1960. Phong trào phản chiến do những ngôi sao ca nhạc nổi tiếng như Bob Dylan, Joan Chandos Baez, Pete Seeger, cũng như ngôi sao Hollywood Jane Fonda và Paul Newman<sup>1</sup> kêu gọi trong cuộc Tuần hành về Washington, đã tạo nên tiếng vang lớn. Rất nhiều thanh niên Mỹ trốn lính, thậm chí có nhiều quân nhân tại ngũ đã đào ngũ.

Hồ Chí Minh cũng cho thấy Người có sự quan tâm lớn đến văn hóa. Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa nghệ thuật cũng phải trợ giúp cho kháng chiến, có thể trở thành vũ khí tinh thần trong sự nghiệp cách mạng bởi nó đem lại một luồng sinh khí cho phong trào cách mạng. Năm 1951, Hồ Chí Minh gửi một bức thư cho các họa sĩ nhân dịp Triển lãm hội họa toàn quốc:

---

1. Paul Newman ngoài màn bạc còn có một cuộc sống rất ấn tượng. Ông là một diễn viên cực lực phản đối chiến tranh Việt Nam, tích cực ủng hộ nhân quyền. Ông cũng là nhân vật nằm trong “danh sách đen” (Black List) của Richard Nixon. Chính vì điều này, Newman nói một cách tự hào rằng đây là thành tích đáng tự hào của ông.

“Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh”.

Bertolt Brecht - nhà thơ, nhà soạn kịch, và đạo diễn sân khấu người Đức lập luận rằng, văn hóa phải góp phần cải tạo thế giới tốt đẹp hơn. Mục đích của cải tạo chính là biến thế giới thành nơi mà hạnh phúc của người này cũng tùy thuộc vào hạnh phúc của người khác. Đó là thế giới mà hạnh phúc của bạn cũng là hạnh phúc của ta, nỗi đau của bạn cũng là nỗi đau của ta. Đó cũng không phải là cái thế giới mà niềm sung sướng của bạn là nỗi bất hạnh của ta và ngược lại. Đó phải là thế giới mà “hạnh phúc của mọi người đều phụ thuộc lẫn nhau”. Chiến tranh đế quốc “là hạnh phúc của kẻ xâm lược, là nỗi bất hạnh của kẻ bị xâm lược”.

Chiến tranh là tội ác hơn bất cứ tội ác nào chống lại loài người, nó khiến cho loài người bất hạnh, đau khổ. Những nghệ sĩ có lương tâm và nhạy cảm như Boris Vian được xem như lá cờ đầu trong phong trào phản chiến và lên án tội ác chiến tranh. Nhưng mặt khác, phải chăng lý do mà con người chúng ta - tạo vật ưu tú nhất của Đấng tạo hóa - khó trở nên lương thiện là vì còn có nhiều trí thức

không thành thực tự nhìn nhận những lỗi lầm đã quá rõ ràng của con người???

Andre Maurois (1885-1967) là một nhà văn, nhà phê bình và nhà sử học nổi tiếng người Pháp. Cuốn sách *Lịch sử nước Pháp* của Maurois đã được Kim Dae-jung (cố Tổng thống Hàn Quốc) - một người rất ham đọc sách, giới thiệu cho con trai mình qua những lá thư trong thời gian ông thụ án tử hình trong tù đầu những năm 1980. Kết luận của cuốn sách như sau: “Nếu mỗi cá nhân được tự do định đoạt cuộc đời mình, thì dân tộc và quốc gia cũng áp dụng quyền tự do ấy. Nước Pháp cũng sẽ tự lựa chọn sự tồn tại của mình”. Trong khối lượng sách đồ sộ của ông chỉ có đúng mấy dòng về Điện Biên Phủ: “Điện Biên Phủ thất thủ. Mười hai nghìn quân đã trở thành tù binh. Hà Nội và những vùng phụ cận Sài Gòn cảm nhận được nguy cơ đang tới gần. Đã có nhiều hành động anh hùng chưa được biết đến nhưng chiến tranh cuối cùng đã kết thúc bằng sự thất bại của nước Pháp”.

Một Maurois trí thức, trân trọng nền tự do của Tổ quốc mình - nước Pháp, nhưng lại đánh giá hành động giày xéo nền tự do của Việt Nam, là hành động anh hùng!

François Gere là một nhà sử học người Pháp, đồng thời cũng là một chuyên gia về các vấn đề quốc phòng. Trong lời mở đầu cuốn sách *Chiến tranh - cái ách vĩnh viễn của loài người* của mình, ông đã bắt đầu như thế này: “Chương 5 cảnh thứ 5 trong *Vở bi kịch về Macbeth* của

Shakespeare có đoạn thoại: “Cuộc đời là một câu chuyện được kể bởi một thằng ngốc, đầy huyền ảo và rối loạn cảm xúc, nhưng vô nghĩa”.

Quả thực ai có thể biểu hiện được chiến tranh như thế này?

“Nếu như chiến tranh ập đến bất ngờ làm bao nhiêu người phần nộ và hoảng sợ thì ngược lại, nó cũng mang lại niềm hoan hỉ và phấn khởi, và bây giờ người ta vẫn gây ra cuộc chiến tranh ấy”...

Nhà sử học với cuốn sách dày cộp của mình, mô tả chiến tranh Việt Nam đúng kiểu “cuối ngựa xem hoa”, cắt gọt sự thật, cố giấu nhẹm cuộc chiến tranh do Tổ quốc mình gây ra.

André Maurois hay François Gere ở Pháp được đối đãi như những nhà trí thức. Một người thì cho rằng những người Pháp viễn chinh xâm lược là những người hùng, còn người kia thì lại nghĩ việc “khai sáng” (xâm lược) của nước Pháp là việc hoàn toàn không có gì nghiêm trọng. Sự trợ trớn muốn làm đẹp cho Leon Blum bằng sự lảng mạn không những là diện mạo chung của trí thức Pháp, mà còn là của đa số các phần tử tự cho mình là những nhà trí thức phương Tây.

Mặc dù vậy, nhờ sự cố gắng của những nhà sáng tạo nghệ thuật và những trí thức chân chính tích cực đi sâu vào hiện thực như Sartre hay Boris Vian mà dân chúng Pháp đã nhận ra rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là

“cuộc chiến tranh bẩn thỉu”, “con cái họ nuôi lớn không phải để đi lính”.

Gandhi với chủ nghĩa đấu tranh bất bạo động, đã làm cho người Anh nhận thức rõ sự tự tôn của các dân tộc châu Á. Frantz Fanon và Mandela cũng nhắc nhở bọn thực dân phương Tây rằng nhân dân châu Phi cũng có lòng tự trọng của mình và có quyền được sống tự do. Còn Hồ Chí Minh trải qua cuộc chiến tranh Việt Nam lâu dài và gian khổ đã cho cả nhân loại thấy được một hình ảnh dân tộc tiêu biểu không khuất phục trước bất kỳ thế lực hung hãn nào. Tôi nghĩ rằng, nhân loại tuy có chậm nhưng đã thoát ra khỏi quá khứ vô cảm, vô tri và đi đến giai đoạn thực hiện lý tưởng của cộng đồng. Sự kiện Obama trở thành Tổng thống Mỹ da màu đầu tiên, nơi nạn phân biệt chủng tộc nặng nề, phải chăng là sự kiện chứng minh rằng xã hội loài người đã thoát ra khỏi định kiến phân biệt chủng tộc, đang đạt được sự tiến bộ của nhân loại?

Ý nghĩa lịch sử lớn lao của chiến tranh Việt Nam là ở chỗ, sự gian khổ của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến đã làm dấy lên sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhân dân trên toàn thế giới và thúc giục tầng lớp trí thức thức tỉnh. Năm 1964, người ta gọi cuộc chiến tranh Việt Nam mà Mỹ can thiệp là “chiến tranh McNamara”. Sau một thời gian ngắn làm Chủ tịch của Ford, McNamara đã chấp nhận bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng. Ngay sau khi

được bổ nhiệm, ông đã lên kế hoạch và tiến hành cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Sau khi rời Lầu Năm Góc, ông đã giữ chức Chủ tịch Ngân hàng Thế giới trong 13 năm. Người ta gọi ông là “cái máy tính sống” vì đầu óc vô cùng sáng suốt. Trong hồi ký của mình, McNamara viết rằng chiến tranh Việt Nam đã kết thúc như một cuộc chiến không phương hướng, không mục tiêu, phê phán mạnh mẽ nước Mỹ cũng như chính bản thân mình.

Trong lịch sử chiến tranh của loài người không hề có ví dụ nào về kẻ gây hại tự nhận sai lầm của mình. Chiến tranh Việt Nam khác với các cuộc chiến tranh khác chính ở điểm này. Nước Mỹ sau chiến tranh Việt Nam đã một thời do dự về việc can thiệp quân sự vào thế giới thứ ba. Ngay trước cuộc chiến tranh Iraq, Mỹ rất tránh việc can thiệp quân sự bằng bộ binh. Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh nhục nhã nhất trong lịch sử nước Mỹ và cũng bởi vết thương “gót chân Asin” không thể được chữa lành mà việc tranh cãi về sự phản tỉnh cho đến nay vẫn còn chưa dứt.

Chiến tranh Việt Nam là bài học lớn nhất về sự phản tỉnh của kẻ gây ra cuộc chiến. Học giả Do-ol<sup>1</sup> từng nói:

---

1. Do-ol Kim Young Oak: triết gia người Hàn Quốc. Trong cuốn sách *Cây gổ* (năm 2000) ông đã viết: “Chẳng có ai lại nghĩ rằng tình hình lúc chính quyền Nam Việt Nam đối đầu với Việt Cộng để bảo vệ cho cái “chủ nghĩa dân tộc tự do” dưới thời bảo hộ của Mỹ lại đúng đắn hơn là một Việt Nam đã được thống nhất bởi chính quyền cộng sản miền Bắc Việt Nam (chỉ có kẻ điên mới nghĩ như vậy)”.

“Việc phương Đông thay đổi không chỉ đơn giản là mang ý nghĩa “uốn nắn” lại một phương Đông đã bị bóp méo, mà còn, nói cho đúng, là “tu sửa lại kiếp trước”, chỉnh sửa lại cuộc sống trước đây của người phương Tây đã bóp méo phương Đông, để phương Tây nhận thức lại cho đúng vị trí hôm nay của mình. Việc phương Tây nhìn nhận sai lầm lịch sử của mình dù đến đâu đi chăng nữa cũng chỉ là vấn đề tự phê phán trong việc xác lập lại chân lý phổ biến của lịch sử.

Tôi không nghĩ việc nhìn nhận lại những chân lý phổ biến của lịch sử phương Đông của tôi, xét về khía cạnh sửa lại cho đúng quá khứ và hiện tại của người phương Tây, là một vọng tưởng của cá nhân, một ảo tưởng của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hay một thứ chủ nghĩa đế quốc mới của phương Đông. Điều này chỉ có nghĩa là chúng ta bỏ qua cho nhau và thoát ra khỏi quá khứ. Chưa khi nào nhờ sự phát triển của khoa học mà nhân loại đạt đến ý thức toàn cầu (global consciousness) như hiện nay, chưa khi nào người ta có thể thắng thắn một chút với nhau, vì thế mà điều này còn có ý nghĩa là sự đánh giá đúng tiến hóa của văn minh nhân loại. Chân lý phổ biến của lịch sử mà tôi nói đến, xét cho cùng chỉ là chân trời được mở ra của “sự tự do nhận thức” mang tên “dân chủ” và nó chỉ là vấn đề của sự lựa chọn tự do mà thôi”.

Lịch sử luôn bước đi một cách uyển chuyển, có lúc lặp lại một sự thật lùi, nhưng cuối cùng tôi tin rằng nó sẽ vẫn

tiến triển một cách tốt đẹp. Nếu nghĩ đến câu nói bất hủ của Kant: "... bầu trời đầy sao trên đầu tôi và quy luật đạo đức ở trong tôi" thì có nghĩa những luân lý, đạo đức như là cuộc sống và sự chân thật, chính nghĩa và tự do không bao giờ chết mà luôn sáng lấp lánh trên đầu chúng ta. Điều này phải trở thành hy vọng của mỗi cá nhân và toàn nhân loại.

Lý Hạ được coi là một trong bốn nhà thơ vĩ đại của nhà Đường cùng với Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy. Ở cuối bài thơ *Mùa thu đến* của ông có câu: "Máu kết ngàn năm, sẽ thành ngọc biếc".

Máu của các liệt sĩ đang nằm yên nghỉ ở Điện Biên Phủ dù qua nghìn năm vẫn toả sáng như ngọc bích trong lòng đất.



## VĨ THANH

“Nếu bạn ngã hai lần ở cùng một gò đá thì bạn là kẻ quá ngu ngốc”.

Pháp đã rút khỏi Việt Nam khi kết thúc trận chiến Điện Biên Phủ nhưng Mỹ lại sa vào chỗ đó, tại chính nơi Pháp đã gục ngã, để trở thành kẻ thương tích đầy mình.

Giáo sư nha khoa nổi tiếng Grossman của Đại học Pennsylvania đã mở đầu cuốn tự truyện của mình: “Việc điều trị đúng đắn bắt nguồn từ việc chẩn đoán chính xác”<sup>1</sup>.

Mỹ đã coi thường chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam, đơn thuần cho rằng đó chỉ là thắng lợi của một nước nhược tiểu, coi thường cái gò đá sâu thẳm mang tên “Tự do và độc lập dân tộc” của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Truyền thống lịch sử của người Việt không ai được xem thường và không thể bị xem thường.

---

1. “Correct treatment is based upon correct diagnosis”. Với tư cách là một bác sĩ nha khoa, tôi không những xem câu nói này là phương châm nghề nghiệp mà còn coi là lời vàng trong triết lý cuộc đời. Câu nói này cũng mang ý nghĩa tương tự nhận định của triết gia Kant: “Kết luận sai lầm là kết quả của tiền đề sai lầm”.

Đối với nhân dân Việt Nam, lịch sử dân tộc là điều không thể quên và không được phép quên. Mỹ đã phải “chuốc bệnh” bởi sự “chẩn đoán sai lầm”.

Chiến tranh Việt Nam mà Mỹ can dự từ năm 1955 đến năm 1975 nói một cách ngắn gọn là sự lặp lại cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất mà tôi đã trình bày. Chỉ có điều Mỹ đã mở rộng và tái tạo tham vọng đế quốc suy đồi còn khủng khiếp hơn cả Pháp. Nhưng điều đó chỉ càng làm khơi dậy quyết tâm sắt đá của nhân dân Việt Nam.

Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được chính thức thành lập tại huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên) trong vùng căn cứ của mình ở tỉnh Tây Ninh, với thành phần chủ chốt là lực lượng Việt Minh hoạt động bí mật ở miền Nam. Phía Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ thường gọi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là Việt Cộng (viết tắt của “Việt Nam Cộng sản”) hay VC.

Từ khi ra đời, Mặt trận được tổ chức để thu hút tất cả các nhà hoạt động chống Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, bao gồm cả những người theo và không theo chủ nghĩa cộng sản, với mục tiêu kết nối tất cả những người đối nghịch với “Mỹ - Diệm”. Về mặt pháp lý, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là một phong trào giải phóng, liên minh của các đảng phái, tổ chức chính trị - xã hội tại miền Nam và có lập trường, chủ quyền kiểm soát riêng. Phía Mặt trận và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam bác bỏ sự hợp pháp của chính quyền Sài Gòn.

Mặt trận đã ra “Tuyên ngôn” và “Chương trình hành động 10 điểm” với mục tiêu đại diện cho quyền lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh nhằm đánh Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tiến tới sự thống nhất của Việt Nam. Mặt trận cũng quyết định lấy lá cờ nửa đỏ, nửa xanh có ngôi sao vàng năm cánh và ca khúc “Giải phóng miền Nam” làm cờ và bài ca chính thức của Mặt trận...

Tháng 8/1964, sự kiện Vịnh Bắc Bộ được Mỹ dựng lên để có một cái cớ ném bom miền Bắc Việt Nam. Ngay sau đó, Mỹ bắt đầu các cuộc ném bom miền Bắc.

Cho tới nay, chiến tranh Việt Nam vẫn giữ kỷ lục là cuộc chiến có số lượng bom được ném nhiều nhất trong lịch sử thế giới. Tổng số bom mà máy bay Mỹ ném xuống Việt Nam gấp gần 3 lần tổng số bom mà tất cả các nước đã sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Riêng số bom Mỹ ném xuống Hà Nội trong 12 ngày đêm năm 1972 đã tương đương sức công phá của 2 quả bom nguyên tử mà Mỹ ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Đó là chưa kể tới hàng triệu tấn đạn dược được Mỹ sử dụng trên mặt đất (gồm lựu đạn, mìn, thuốc nổ, đạn súng pháo các loại) và hàng chục triệu lít chất độc hóa học được Mỹ rải xuống. Cuộc chiến tranh Việt Nam được coi là cuộc tàn sát tập thể quy mô lớn (genocide), phá hoại môi trường (ecocide) và phá hủy sinh thái (biocide).

Trong chiến tranh Việt Nam, không quân Mỹ đã dùng máy bay ném bom B52 làm nòng cốt, thực hiện 120.000 lần

ném bom. Vụ thảm sát Mỹ Lai vô cùng tàn ác, nhưng trong suốt cuộc chiến tranh đã diễn ra nhiều cuộc tàn sát như thế mà không bị phơi bày. Mỹ đã gieo rắc khắp Việt Nam 750.000 kl (kilôlít) chất độc da cam để hủy diệt những cánh rừng. Di chứng của chất độc da cam nặng nề đến mức nó gây ảnh hưởng đến thế hệ thứ hai, thứ ba. Mỹ không thể tránh được sự lên án về những gì nước này đã gây ra trong chiến tranh Việt Nam.

Dù vũ khí Mỹ có ghê gớm, tàn khốc đến đâu, nhân dân Việt Nam quyết không lùi một bước. Việt Nam là một, không thể chia cắt. Nước Việt Nam luôn là một dưới cái tên Hồ Chí Minh.

Để viết về mục tiêu và lòng tin chung của mọi người dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ thì phải tốn khá nhiều công sức, giấy bút, bởi ở đó chứa sự cảm động và những bài học rất đáng suy ngẫm. Giá như tôi có thể hoàn thành được việc này trong đời thì...

Nếu chúng ta chỉ suy nghĩ một cách phiến diện về đất nước và con người Việt Nam thì thật sai lầm. Ngay cả những con người trông lam lũ và khắc khổ, họ vẫn là những người vượt qua và chiến thắng cuộc chiến tranh khốc liệt vì “độc lập và tự do của dân tộc” hay nói cách khác, vì “lòng tự trọng của con người”. Chính họ đã góp phần công sức lớn lao trong việc giành thống nhất đất nước.

Thống nhất đất nước, vượt qua nỗi đau thể xác và tinh thần của người Việt Nam chính là một bài học

mẫu mực, thiết thực cho chúng ta. Nhưng chúng ta lại tỏ ra không biết và thờ ơ với bài học đó thì quả là vô cùng đáng tiếc.

“Đoàn điều trị Việt Nam vì hòa bình, hòa giải” được lập ra năm 2000, năm 2002 đổi tên thành “Liên đoàn y tế hòa bình Việt Nam”, các bác sĩ của hội “Xã hội Hàn y thanh niên” cũng tham gia, cho đến nay, hằng năm vẫn tiếp tục công tác điều trị tại các địa phương miền Trung Việt Nam. Là thành viên của Đoàn điều trị, hằng năm tôi vẫn sang Việt Nam, đi thăm những địa danh lịch sử. Mỗi lần như thế, tôi lại ghi lại những bài học cảm động và những gian nan, chông gai của quá trình thống nhất và sắp xếp các tư liệu theo trình tự ngắn gọn.

Ngọn núi mang tên “Hồ Chí Minh và nhân dân của Người” nhìn thì bình dị nhưng càng lại gần, tôi càng cảm nhận thấy sự uy nghi và hùng tráng của nó, chứa đựng trong mình cả những cánh rừng thăm, những khe sâu và cả những khối đá khổng lồ.

Như một thiếu nữ mới yêu đắm mình trong cánh đồng hoa, tôi bị hấp dẫn bởi tâm hồn thanh cao và phẩm giá của “Hồ Chí Minh và nhân dân của Người”. Bởi vậy, tôi muốn viết thêm câu cuối cùng:

“Chúng ta nên thấy xấu hổ trước hiện thực: chỉ bán đảo Triều Tiên là nơi duy nhất bị chia cắt trên Trái đất bé nhỏ này”.

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222  
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**Phạm Văn Đồng**

\* HỌC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - CHÚNG TA HỌC GÌ

**Đại tướng Võ Nguyên Giáp**

\* THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY NHƯNG TƯ TƯỞNG  
HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

**GS. Trần Văn Giàu**

\* HỒ CHÍ MINH - VĨ ĐẠI MỘT CON NGƯỜI



**Giá: 88.000đ**